BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH

HÌNH THÀNH KỸ NĂNG DẠY HỌC CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Chuyờn ngành: Lí luận và phương pháp dạy học lịch sử
Mó số: 62.14.01.11

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS. TS. Trịnh Đình Tùng**
2. PGS. TS. Nguyễn Thị Thế Bình

HÀ NỘI – 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong luận án là trung thực, đảm bảo độ chuẩn xác cao nhất. Các tài liệu tham khảo, trích dẫn có xuất xứ rõ ràng.

Tác giả

Nguyễn Thị Phương Thanh

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất đến PGS.TS Trịnh Đình Tùng, PGS.TS Nguyễn Thị Thế Bình đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo và giúp đỡ để tôi có thể hoàn thành công trình nghiên cứu này.

Tôi xin cảm ơn Ban Giám hiệu - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Ban Chủ nhiệm khoa Lịch sử, Phòng Sau Đại học, quý Thầy, Cô trong Bộ môn Lí luận và Phương pháp dạy học lịch sử, Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã tạo mọi điều kiện thuận lợi, động viên, giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và hoàn thành luận án.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến gia đình, người thân, bạn bè, đồng nghiệp đã luôn động viên, ủng hộ và giúp đỡ để tôi có niềm tin, động lực hoàn thành tốt luận án này.

Hà Nội, tháng 6 năm 2017

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Phương Thanh

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

STT	TỪ	VIẾT TẮT
1	Bài học vi mô	BHVM
2	Công nghệ thông tin	CNTT
3	Chuẩn nghề nghiệp	CNN
4	Chương trình đào tạo	CTĐT
5	Dạy học Lịch sử	DHLS
6	Đào tạo giáo viên	ĐTGV
7	Đồ dùng trực quan	ĐDTQ
8	Đại học sư phạm Hà Nội	ĐHSPHN
9	Đại học sư phạm	ĐHSP
10	Giáo viên	GV
11	Giáo dục phổ thông	GDPT
12	Giáo dục và Đào tạo	GD & ĐT
13	Học sinh	HS
14	Kĩ năng dạy học	KNDH
15	Kĩ năng	KN
16	Lịch sử	LS
17	Nghiệp vụ sư phạm	NVSP
18	Sách giáo khoa	SGK
19	Sinh viên	SV
20	Quá trình dạy học	QTDH
21	Thực tập sư phạm	TTSP
22	Trung học phổ thông	THPT
23	Phương pháp dạy học	PPDH
24	Phổ thông	PT

MỤC LỤC

Trang

MỞ ĐẦU 1
1. Tính cấp thiết của đề tài 1
2. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu 2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu. 3
4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....4
5. Giả thuyết khoa học 4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài 5
7. Những đóng góp của đề tài. 5
8. Cấu trúc của Luận án.....5
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI 6
1.1. Các công trình nghiên cứu về giáo dục học, tâm lí học. 6
1.1.1. Nghiên cứu của các tác giả nước ngoài......6
1.1.2. Nghiên cứu của các tác giả trong nước. 12
1.2. Các công trình nghiên cứu về giáo dục lịch sử 17
1.2.1. Nghiên cứu của các tác giả nước ngoài......17
1.2.2. Nghiên cứu của các tác giả trong nước 19
1.3. Chương trình ĐTGV, rèn luyện năng lực sư phạm cho SV ở một số quốc gia trên thế giới.....24
1.4. Nhận xét chung về các công trình khoa học đã công bố và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu. 30
CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC HÌNH THÀNH KĨ NĂNG DẠY HỌC CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 33
2.1. Cơ sở lí luận. 33
2.1.1. Các khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài......33
2.1.2. Đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên: 41
2.1.3. Định hướng đổi mới đào tạo giáo viên ở Việt Nam 42
2.1.4. Vai trò, ý nghĩa của việc hình thành KNDH cho SV ngành sư phạm Lịch sử.....48

2.2. Cơ sở thực tiễn 52
2.2.1. Mục đích điều tra, khảo sát 52
2.2.2. Đối tượng điều tra 52
2.2.3. Nội dung điều tra 52
2.2.4. Phương pháp điều tra 52
2.2.5. Kết quả điều tra thu được 53
2.2.6. Phân tích nguyên nhân của thực trạng 64
2.2.7. Một số vấn đề đặt ra cần giải quyết 67
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2 68
CHƯƠNG 3. HỆ THỐNG KĨ NĂNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG DẠY HỌC CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM LỊCH SỬ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 69
3.1. Hệ thống kĩ năng dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông 69
3.1.1. Phân loại kĩ năng dạy học môn Lịch sử 69
3.1.2. Hệ thống kĩ năng dạy học môn Lịch sử. 71
3.2. Những tiêu chí để đánh giá hệ thống kĩ năng dạy học của SV ngành sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSPHN. 85
3.2.1. Các yêu cầu khi xây dựng bộ tiêu chí đánh giá KNDH của SV sư phạm Lịch sử. 85
3.2.2. Hệ thống tiêu chí đánh giá kĩ năng dạy học của sinh viên sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSPHN. 86
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3 102
CHƯƠNG 4. MỘT SỐ BIỆN PHÁP HÌNH THÀNH KĨ NĂNG DẠY HỌC CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM LỊCH SỬ -TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM HÀ NỘI. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM 103
4.1. Quy trình hình thành kĩ năng dạy học cho SV ngành sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội. 103
4.1.1. Cơ sở tâm lí học để xác định quy trình hình thành kĩ năng dạy học. 103
4.1.2. Những nguyên tắc cần đảm bảo khi hình thành KNDH cho SV ngành sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSPHN 105

4.1.3. Quy trình hình thành kĩ năng dạy học cho SV ngành sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội 107
4.2. Một số biện pháp hình thành kĩ năng dạy học cho SV sư phạm Lịch sử 109
4.2.1. Sử dụng phương pháp dạy học vi mô để hình thành kĩ năng dạy học cho sinh viên sư phạm Lịch sử 109
4.2.2. Hình thành khuynh hướng nghề nghiệp, phong cách sư phạm cho sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên 115
4.2.3. Tích cực hướng dẫn sinh viên thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 118
4.2.4. Xây dựng đội ngũ giáo viên chuyên thực hành mẫu các kĩ năng NVSP ở trường phổ thông 127
4.2.5. Tăng cường hướng dẫn SV tự rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm trong quá trình đào tạo. 128
4.3. Thực nghiệm sư phạm 136
4.3.1. Mục đích và nhiệm vụ thực nghiệm 136
4.3.2. Yêu cầu thực nghiệm 137
4.3.3. Đối tượng thực nghiệm 137
4.3.4. Phương pháp đánh giá kết quả thực nghiệm 137
4.3.5. Nội dung thực nghiệm 140
4.3.6. Tổ chức thực nghiệm 140
4.3.7. Kết quả thực nghiệm 140
TIỂU KẾT CHƯƠNG 4 147
KẾT LUẬN 148
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN 151
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 152
PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG

I. Sơ đồ, biểu đồ

Sơ đồ 1: Các nhân tố tác động đến việc hình thành kĩ năng *34*
Sơ đồ 2. Quy trình rèn luyện kĩ năng trong giai đoạn 2 và 3 ..... *108*
Biểu đồ thể hiện sự khác biệt về giá trị trung bình của bài giảng lần 1 và bài giảng lần 2 ở các giai đoạn rèn luyện KN *147*

II. Bảng

Bảng 1. Kết quả điều tra mức độ nắm vững kĩ năng lập kế hoạch bài học lịch sử của sinh viên sư phạm Lịch sử 59
Bảng 2. Kết quả điều tra ý kiến của SV về những yếu tố cần thay đổi trong quá trình rèn luyện KNDH ở khoa Lịch sử, Trường ĐHSPHN 61
Bảng 3: Kết quả thực nghiệm kĩ năng sử dụng ngôn ngữ nói 141
Bảng 4. Một số giá trị thống kê mô tả của Bài giảng lần 1 và Bài giảng lần 2 của đợt rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói 141
Bảng 5 . Các giá trị kiểm chứng sự khác biệt của điểm trung bình giữa bài giảng lần 1 và lần 2 của đợt rèn luyện kĩ năng sử dụng ngôn ngữ nói 141
Bảng 6. Các giá trị kiểm chứng hệ số tương quan **r** *của bài giảng lần 1 và lần 2* 142
Bảng 7. Kết quả thực nghiệm kĩ năng sử dụng đồ dùng trực quan trong DHLS 143
Bảng 8. Một số giá trị thống kê mô tả của Bài giảng lần 1 và Bài giảng lần 2 của đợt rèn luyện kỹ năng sử dụng đồ dùng trực quan trong DHLS 143
Bảng 9. Các giá trị kiểm chứng sự khác biệt của điểm trung bình giữa bài giảng lần 1 và lần 2 của đợt rèn luyện kĩ năng sử dụng đồ dùng trực quan 144
Bảng 10. Các giá trị kiểm chứng hệ số tương quan **r** *của bài giảng lần 1 và lần 2* 144
Bảng 11. Kết quả thực nghiệm rèn luyện kĩ năng tổng hợp của sinh viên 145
Bảng 12. Một số giá trị thống kê mô tả của bài giảng lần 1 và lần 2 của thực nghiệm rèn luyện kỹ năng dạy học (tổng hợp các KN đơn lẻ) 145
Bảng 13. Các giá trị kiểm chứng sự khác biệt của điểm trung bình giữa bài giảng lần 1 và lần 2 của đợt rèn luyện kĩ năng dạy học tổng hợp 146

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

1.1. Triết lý về giáo dục cho thế kỉ XXI đã có những biến đổi sâu sắc theo hướng đặt HS vào vị trí trung tâm của nhà trường và chú trọng hình thành năng lực. Điều đó dẫn đến những thay đổi căn bản và toàn diện vai trò của người GV: không chỉ là người cung cấp thông tin, truyền đạt kiến thức, GV phải trở thành những chuyên gia về giáo dục, là người nhạc trưởng tổ chức, hướng dẫn, tạo hứng thú học tập cho HS. Bên cạnh đó, lao động sư phạm của GV là một hoạt động đặc thù, vừa đòi hỏi tính khoa học, vừa đòi hỏi tính sáng tạo, nghệ thuật...Để đáp ứng được những thay đổi đó, công tác ĐTGV nói chung và đào tạo NVSP nói riêng phải có những đổi mới mạnh mẽ theo hướng hình thành năng lực nghề nghiệp cho GV tương lai, để giúp họ trở thành *Nhà Giáo dục, Nhà Văn hóa, Nhà nghiên cứu* và *Người học.* Vì vậy, đổi mới ĐTGV đang nhận được sự quan tâm của rất nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Đào tạo theo năng lực, theo chuẩn đầu ra đang trở thành xu thế chung trong các chương trình cải cách ĐTGV của các nước có nền giáo dục tiên tiến.

1.2. Ở Việt Nam, công tác ĐTGV, đào tạo NVSP của các trường sư phạm nói chung và Trường ĐHSP Hà Nội nói riêng mặc dù đã có nhiều cải tiến, nhưng chủ yếu vẫn theo phương thức cũ, còn nhiều bất cập và chậm đổi mới. Vì vậy, ngày 13 tháng 12 năm 2011, Bộ trưởng Bộ GD & ĐT đã phê duyệt "*Chương trình phát triển ngành sư phạm và các trường sư phạm từ năm 2011 đến năm 2020*" theo Quyết định số 6290/QĐ-BGDĐT. Mục tiêu chung của chương trình là: *Phát triển ngành sư phạm Việt Nam tiên tiến, hiện đại, đủ năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển đội ngũ GV, cán bộ quản lý giáo dục của hệ thống giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và trung cấp chuyên nghiệp giai đoạn 2011 – 2020.* Câu hỏi đặt ra là: Những năng lực sư phạm nào cần có ở người GV và SV ngành Sư phạm Lịch sử nói riêng để họ đủ khả năng đáp ứng những yêu cầu mới của giáo dục phổ thông? Làm thế nào để hình thành những KN nghề nghiệp đó cho SV sư phạm?

1.3.Trong nhiều năm qua, Khoa Lịch sử của Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở ĐTGV môn Lịch sử có truyền thống và kinh nghiệm ở Việt Nam hiện nay đã và đang tạo nên sự đột phá trong việc đào tạo ra những người thầy có phẩm chất đạo đức tốt, thực sự tâm huyết với nghề, không chỉ giỏi về chuyên môn mà còn vững vàng về NVSP. Việc hình thành KNDH cho những GV tương lai luôn đóng vai trò

quan trọng trong quá trình phát triển năng lực nghề và được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt bốn năm học ở trường ĐHSPHN.

Môn Lịch sử ở nhà trường phổ thông là môn học chiếm vị trí chủ đạo trong việc giáo dục truyền thống, bồi dưỡng phẩm chất, nhân cách cho thế hệ trẻ, là công cụ giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, giữ gìn những giá trị mà cha ông ta đã tạo ra. Điều đó tác động lâu dài và rộng lớn đối với sự phát triển của đất nước, sự tồn vong của dân tộc. Nhưng trong thực tiễn ở trường phổ thông hiện nay, môn LS lại bị xem nhẹ, đặt vào vị trí "môn phụ". Phần lớn HS không yêu thích môn học này. Phải chăng, kĩ năng dạy học của một số GV còn yếu nên không thể tạo ra được những bài giảng thực sự sinh động, hấp dẫn, khơi dậy sự hứng thú và niềm đam mê tình hiểu lịch sử cho HS?

1.4. Có thể khẳng định, nghiệp vụ sư phạm có vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình lao động nghề nghiệp của người GV. Tuy nhiên, trong thực tế, đội ngũ GV Lịch sử hiện nay còn bộc lộ nhiều hạn chế về năng lực NVSP, đặc biệt là kĩ năng dạy học. Điều này phần nào do chương trình ĐTGV ở trường ĐHSP HN còn nhiều bất cập, chậm đổi mới. Cách thức đào tạo chủ yếu nặng về lí thuyết, theo lối mòn đã có và khép kín trong nhà trường sư phạm hơn là chú trọng đến thực tiễn, gắn liền với các tình huống sinh động, đa dạng hàng ngày của trường phổ thông.

Để đáp ứng những yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao của xã hội hiện đại và thực tiễn nhà trường đối với người GV Lịch sử sau năm 2015, chúng tôi lựa chọn đề tài nghiên cứu *Hình thành kĩ năng dạy học cho sinh viên nghành sư phạm lịch sử - trường ĐHSPHN* nhằm giúp SV khoa Lịch sử nhanh chóng tiếp cận với thực tế nghề nghiệp, hình thành và phát triển một số KNDH cơ bản, quan trọng nhất góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ GV Lịch sử ở trường ĐHSPHN nói riêng và các trường ĐHSP trong cả nước nói chung.

2. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là: mục tiêu, nội dung chương trình và phương thức rèn luyện kĩ năng dạy học cho SV ngành sư phạm Lịch sử trong quá trình đào tạo tại Trường ĐHSP Hà Nội .

2.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu lí luận giáo dục về vai trò của GV, vấn đề đào tạo GV, chương trình ĐTGV của khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN. Từ đó, đề xuất các biện pháp cụ thể để hình thành kĩ năng dạy học cho SV ngành sư phạm Lịch sử.

- Về địa bàn nghiên cứu:

+ Đề tài nghiên cứu vấn đề hình thành KNDH cho SV ngành sư phạm Lịch sử theo chương trình đào tạo của trường ĐHSP Hà Nội trong cả bốn năm học ở đại học, chủ yếu là năm học thứ ba và thứ tư.

+ Đề tài giới hạn phạm vi khảo sát thực trạng vấn đề rèn luyện KNDH là: Giảng viên, sinh viên khoa Lịch sử, trường ĐHSPHN và một số trường có truyền thống đào tạo giáo viên ở Việt Nam (ĐH Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, ĐHSP - ĐH Thái Nguyên, ĐH Vinh, ĐH Tây Bắc, ĐH Hùng Vương, ĐH Quy Nhơn), GV trẻ (đào tạo ở khoa Lịch sử) ra trường giảng dạy được 5 năm, GV một số trường THPT có SV của khoa Lịch sử (ĐHSP Hà Nội) về TTSP, làm việc sau khi ra trường.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và đánh giá đúng thực tiễn ĐTGV ở khoa Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội cũng như thực trạng dạy và học lịch sử ở trường phổ thông hiện nay, luận án xác định những KNDH cần hình thành cho GV môn Lịch sử, xây dựng các tiêu chí đánh giá mức độ hình thành từng KNDH và đề xuất các biện pháp sư phạm cụ thể nhằm hình thành KNDH cho SV khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, luận án cần giải quyết các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Tổng quan các công trình nghiên cứu lý luận về KNDH của người GV nói chung và KNDH của GV môn Lịch sử nói riêng.

- Khảo sát, điều tra, đánh giá thực trạng việc rèn luyện KNDH bộ môn Lịch sử của SV ngành SP Lịch sử - Trường ĐHSPHN.

- Phân tích và đánh giá những ưu điểm, hạn chế của chương trình ĐTGV, hình thành kĩ năng nghề nghiệp cho SV khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN hiện nay.

- Xác định những yêu cầu, nguyên tắc cơ bản cũng như đề xuất các biện pháp sư phạm có hiệu quả nhằm hình thành KNDH bộ môn cho SV khoa Lịch sử, qua đó góp phần nâng cao chất lượng ĐTGV của các trường ĐHSP nói riêng, chất lượng DHLS ở trường THPT nói chung.

- Thực nghiệm sư phạm nhằm khẳng định tính khả thi của đề tài.

4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở phương pháp luận

Cơ sở phương pháp luận của luận án dựa trên những quan điểm của chủ nghĩa Mác Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối của Đảng và nhà nước ta về giáo dục, giáo dục lịch sử.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu lí thuyết:

+ Đọc, tổng hợp, phân loại, phân tích các văn kiện, quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước, của ngành giáo dục...về vấn đề ĐTGV nói chung và đào tạo NVSP cho SV sư phạm nói riêng.

+ Hệ thống hóa, phân tích các quan điểm, công trình nghiên cứu có liên quan ở trong và ngoài nước về các lĩnh vực tâm lí, giáo dục lịch sử...làm cơ sở cho việc xây dựng khung lí thuyết của đề tài, định hướng cho nghiên cứu thực tiễn.

- Phương pháp nghiên cứu thực tiễn:

+ Tổng kết kinh nghiệm ĐTGV, đào tạo NVSP của các trường sư phạm trong và ngoài nước. Tìm hiểu một số chương trình ĐTGV ở các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới.

+ Phương pháp điều tra cơ bản: phiếu hỏi đối với giảng viên, GV, SV; phỏng vấn nhóm, phỏng vấn sâu; phương pháp quan sát, dự giờ, tham gia các hoạt động cần thiết của trường PT, trường Thực hành sư phạm hoặc Trường ĐHSPHN...

- Phương pháp khác: phương pháp xin ý kiến chuyên gia, thực nghiệm sư phạm từng phần và toàn phần. Sử dụng toán học thống kê để tính toán kết quả thực nghiệm nhằm kiểm nghiệm tính khả thi của đề tài, đưa ra những kết luận khoa học.

5. Giả thuyết khoa học

Công tác ĐTGV hiện nay tại khoa Lịch Sử, Trường ĐHSPHN tuy đã có những kết quả ở mức độ nhất định, song SV tốt nghiệp ra trường thường gặp nhiều khó khăn trong dạy học, chưa đáp ứng được thực tiễn đổi mới giáo dục phổ thông. Do đó, nếu vận dụng các biện pháp hình thành và rèn luyện KNDH theo đúng yêu cầu mà luận án đề xuất sẽ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và ĐTGV Lịch sử ở Trường ĐHSPHN nói riêng, các cơ sở ĐTGV trong cả nước nói chung.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

6.1. Ý nghĩa khoa học

Luận án góp phần làm phong phú thêm hệ thống lý luận về các vấn đề ĐTGV nói chung, ĐTGV Lịch sử nói riêng, xác định hệ thống kĩ năng dạy học riêng biệt của người GV dạy Lịch sử ở trường phổ thông.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ được ứng dụng trực tiếp vào quá trình đào tạo SV ngành sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSPHN. Sản phẩm của đề tài có thể trở thành tài liệu tham khảo, bồi dưỡng NVSP cho SV và Giảng viên môn PPDH Lịch sử các trường ĐHSP nói chung, qua đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn hiện nay.

7. Những đóng góp của đề tài. Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần:

- Đánh giá được thực trạng vấn đề rèn luyện KNDH của SV khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN hiện nay thông qua kết quả khảo sát, điều tra thực tiễn.
- Xác định được hệ thống KNDH cơ bản, cốt lõi cần hình thành cho SV Sư phạm Lịch sử và đưa ra bộ tiêu chí đánh giá từng KNDH cụ thể.
- Đề xuất hệ thống biện pháp sư phạm có hiệu quả nhằm hình thành KNDH cho SV khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN.
- Chứng minh được tính hiệu quả của việc hình thành KNDH cho SV sư phạm Lịch sử thông qua thực nghiệm sư phạm.
- Đưa ra những kiến nghị cho việc đổi mới chương trình và nâng cao chất lượng ĐTGV Lịch sử của Trường ĐHSP Hà Nội.

8. Cấu trúc của Luận án

Ngoài Mở đầu, Kết luận, Phụ lục và Tài liệu tham khảo, Luận án gồm 4 chương:

Chương 1. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Chương 2. Cơ sở lí luận và thực tiễn của việc hình thành kĩ năng dạy học cho sinh viên khoa Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội.

Chương 3. Hệ thống kĩ năng và tiêu chí đánh giá kĩ năng dạy học cần hình thành cho sinh viên ngành sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội.

Chương 4. Một số biện pháp hình thành kĩ năng dạy học cho sinh viên sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội. Thực nghiệm sư phạm.

CHƯƠNG 1
TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

Việc nghiên cứu quá trình dạy học, quy trình ĐTGV, nghiệp vụ sư phạm của người thầy nói chung, rèn luyện KNDH nói riêng không phải là vấn đề mới. Đã có nhiều công trình chuyên khảo trong nước và trên thế giới đã đề cập đến vấn đề này ở nhiều khía cạnh khác nhau.

1.1. Các công trình nghiên cứu về giáo dục học, tâm lí học

1.1.1. Nghiên cứu của các tác giả nước ngoài

J.A.Cômenxki – nhà sư phạm Tiệp Khắc cũ ở thế kỉ XVII đã đưa ra những biện pháp dạy học định hướng HS phải tìm tòi, suy nghĩ để nắm được bản chất của sự vật, hiện tượng, đó là: độc lập quan sát, trao đổi đàm thoại, vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống...Đây là những gợi mở để tác giả luận án đề xuất chương trình đào tạo nghiệp vụ ở trường ĐHSP nhằm hình thành những KNDH cần thiết cho SV.

T. A. Ilina trong cuốn ***Giáo dục học*** (NXB Giáo dục, 1973) trên cơ sở phân tích những nguyên lý chung của giáo dục học, cơ sở của công tác giáo dục, trong phần "lí luận dạy học" đã đề cập sâu đến bản chất, nguyên tắc của QTDH, các phương pháp, những hình thức tổ chức dạy học của GV, nhằm thúc đẩy HS nỗ lực ý chí, kích thích hứng thú và khát vọng vươn tới một mục đích nào đó. Đây là những gợi ý giúp hình thành năng lực nghề cho SV sư phạm trong quá trình đào tạo.

I.F.Kharlamov trong cuốn ***Phát huy tính tích cực học tập của HS như thế nào*** (NXB Giáo dục, 1978) đã khẳng định: Hoạt động tự học, việc tham gia lĩnh hội, khám phá kiến thức một cách chủ động của HS giữ vai trò to lớn trong việc nâng cao tính tích cực hoạt động trí tuệ của các em khi thông hiểu và tiếp thu tri thức mới. Tác giả cũng nhấn mạnh đến vai trò của người thầy trong việc lôi cuốn HS vào các hoạt động nhận thức tích cực, kích thích sự ham hiểu biết, chú ý đến năng lực và khả năng của học sinh sao cho mỗi em huy động hết mức trí lực của mình.

I.A.Lecne trong tác phẩm ***Dạy học nêu vấn đề*** (Người dịch Phan Tất Đắc NXB Giáo dục, 1977) khi đưa ra quan điểm của mình về tổ chức giờ học nêu vấn đề trong dạy học cũng cho rằng đây là một hình thức dạy học có hiệu quả nhằm phát huy vai trò, chức năng, thể hiện mối quan hệ, tác động qua lại giữa GV và HS.

David A. Jacobsen, Paul Eggen, Donal Kauchak trong cuốn ***Methods for Teaching*** - *Phương pháp dạy học* (Prentice Half-Gale 2002) đã đưa ra những phương pháp và kĩ thuật dạy học phù hợp với từng phong cách học khác nhau của HS nhằm khuyến khích vai trò chủ động của các em. Theo các tác giả, nếu GV biết đa dạng hóa cách dạy sẽ đạt hiệu quả hơn những người luôn chỉ làm theo một cách nhất định. HS có những phong cách học khác nhau nên GV cần hướng dẫn để các em biết được nên học như thế nào là tốt nhất, phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu của bản thân.

Chris Tyriacou trong cuốn ***Essential Teaching skills*** - *Những kĩ năng dạy học cơ bản* (Nelson Thornes Ltd, Delta Place 27 Bath Road CHELTENHAM GL53 7TH United Kingdom) đã phác thảo các kỹ năng giảng dạy có liên quan trong dạy học hiệu quả. Cuốn sách được thiết kế để đáp ứng nhu cầu của HS, GV mới ra trường, GV giàu kinh nghiệm có nhu cầu khám phá, phát triển KNDH của riêng mình. Trong đó, tác giả đề cập đến KN lập kế hoạch và chuẩn bị bài giảng, cách thức trình bày bài giảng của GV (hoạt động nói, mối liên hệ giữa phong cách giảng dạy của thầy và phong cách học tập của trò, cách kết hợp giữa khả năng trình bày bài giảng của GV với nhu cầu nhận thức của HS), KN quản lý lớp học, KN tạo không khí lớp học tích cực, KN đánh giá các hoạt động trong lớp học (đánh giá sự tiến bộ của HS), KN xử lý hành vi sai trái của HS (điều tra và tư vấn, sử dụng lời khiển trách, hình phạt), KN tự đánh giá của GV... Những KN này là cơ sở để chúng tôi xác định hệ thống KNDH của GV môn lịch sử sao cho phù hợp với đặc trưng của bộ môn.

Hai tác giả **Jean – Marc Denommé** và **Madeleine Roy** trong tác phẩm ***Tiến tới một phương pháp sư phạm tương tác*** (NXB Thanh niên, HN 2005) đề cập tới một trường phái sư phạm học tương tác cùng nền tảng lý luận của nó. Các tác giả cho rằng: Hoạt động dạy học là sự tương tác lẫn nhau giữa ba yếu tố *Người dạy (thầy) – Người học (trò) và môi trường*. Trong đó *Thầy giáo* được ví như người dẫn lộ của đoàn leo núi. *Trò* – người thợ chính của quá trình kiến tạo nên trí tuệ, phẩm chất của mình để đạt đến mục tiêu. *Môi trường* được tổ chức cho thầy và trò tạo nên điều kiện thuận lợi cho công tác hoạt động nhằm đạt đến mục tiêu. Tuy đã nêu được bản chất của phương pháp sư phạm tương tác là *sự giúp đỡ, hướng dẫn của thầy đối với các hoạt động của trò trong quá trình dạy học*, nhưng các tác giả chưa đưa ra các KN cụ

thể của người thầy để sự giúp đỡ không làm giảm hứng thú, giảm sự nỗ lực, độc lập tìm tòi nghiên cứu của HS nhằm dẫn đến thành công trong học tập.

Các tác giả của **Hiệp hội Giám định và Phát triển chương trình giáo dục Hoa Kì** – ASCD như **James H. Stronge** (cuốn ***Những phẩm chất của người giáo viên hiệu quả,*** NXB GD 2011), **Giselle O. Martin – Kniep** (cuốn ***Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi***, NXB GD 2011**), Robert J. Marazano** (cuốn ***Nghệ thuật và khoa học dạy học,*** NXB GD 2011**)**...đều nhấn mạnh rằng hoạt động sư phạm hiệu quả phải bao gồm ba lĩnh vực có liên quan với nhau: (1) Các PPDH mà GV sử dụng – (2) Các thủ thuật quản lý lớp học mà GV sử dụng – (3) Chương trình học do GV thiết kế. Các tác giả đều đi sâu phân tích những yếu tố này và đưa ra một số biện pháp cụ thể của người GV nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong dạy học. Đây là những gợi ý cho tác giả luận án xác định hệ thống các KNDH cụ thể của người GV môn LS.

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu lí thuyết, **Robert J.Marzano - Debrra J.Pickering - Jane E.Pollock** trong ***Các phương pháp dạy học hiệu quả*** (Người dịch Nguyễn Hồng Vân, NXB GDVN, 2011) đã giới thiệu các PPDH đem lại hiệu quả như "Nhận ra sự giống và khác nhau", "Tóm tắt ghi ý chính", "Phương pháp khích lệ học tập và ghi nhận những cố gắng", "Bài tập về nhà và thực hành".. . Những phương pháp này phát huy cao độ khả năng học tập của HS, nâng cao chất lượng giảng dạy của GV đứng lớp. Mỗi PPDH đã chỉ ra cho GV những cách làm cụ thể để đạt hiệu quả cao nhất. Từ đó, chúng tôi áp dụng vào môn LS để đề xuất và thực nghiệm sư phạm các biện pháp hình thành KNDH cho SV.

Tác giả **Robert J.Marzano - Jana S.Marzano - Debrra J.Pickering** với công trình ***Quản lí lớp học hiệu quả*** (Người dịch Phạm Trần Long, NXB GDVN, 2011) cho rằng GV đứng lớp có ba vai trò thể hiện toàn diện năng lực dạy học là: lựa chọn biện pháp giảng dạy, thiết kế chương trình giảng dạy và áp dụng các biện pháp quản lí lớp học, trong đó quản lí lớp học là nền tảng. **James H.Stronge** trong ***Những phẩm chất của người giáo viên hiệu quả*** (Người dịch Lê Văn Canh, NXB GDVN, 2011) nhấn mạnh rằng: người GV hiệu quả phải thực hiện tốt khâu quản lí và tổ chức lớp học, soạn bài và tổ chức giảng dạy, thực hiện giảng dạy, theo dõi sự tiến bộ và tiềm năng của HS. Tác giả cũng đưa ra bảng tiêu chí đánh giá KN của một GV hiệu quả. Đây là nguồn tư liệu quý báu để chúng tôi xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá mức độ hình thành KNDH của SV khoa LS trong QTĐT.

Trong công trình ***Nghệ thuật và khoa học dạy học*** (Người dịch GS.TS Nguyễn Hữu Châu, NXB GDVN, 2011), nhà giáo dục học nổi tiếng người Mĩ **Robert J.Marzano** khẳng định nghề dạy học vừa là khoa học vừa là nghệ thuật. Mỗi GV phải tự xây dựng PPDH cụ thể cho HS của mình tại thời điểm thích hợp, không có một phương pháp nào có thể áp dụng cho mọi đối tượng, và GV phải luôn đổi mới PPDH sao cho phù hợp với khả năng nhận thức của HS. Trong nghiên cứu của mình, tác giả cũng chỉ cho GV những cách làm cụ thể để thực hiện mục tiêu đó.

Giselle O.Martin - Kniep trong ***Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi*** (Người dịch Lê Văn Canh, NXB GDVN, 2011) đã trình bày những thủ thuật dạy học cụ thể để GV vận dụng vào từng lớp học, với từng đối tượng nhận thức khác nhau. Điều đó đòi hỏi ở người GV sự sáng tạo không ngừng để có thể nuôi dưỡng được hoạt động học tập đích thực cho HS.

Thomas Armstrong trong ***Đa trí tuệ trong lớp học*** **(**Người dịch Lê Quang Long, NXB GDVN, 2011) đã chỉ rõ tiềm năng của con người trong tám loại "trí tuệ": trí tuệ ngôn ngữ, trí tuệ lôgic - toán học, trí tuệ không gian, trí tuệ hình thể động năng, trí tuệ âm nhạc, trí tuệ giao tiếp, trí tuệ nội tâm, trí tuệ tự nhiên học. Từ đó, định hướng cho GV phải coi trọng, phát huy sự đa dạng trí tuệ của HS, khơi gợi tiềm năng sáng tạo của các em. Để làm được điều đó, đòi hỏi người GV phải có năng lực dạy học và giáo dục thực sự.

Như vậy, qua các nghiên cứu tiêu biểu của các nhà giáo dục học và tâm lí học thế giới, chúng tôi nhận thấy rằng: Người GV là nhân tố cơ bản, đóng vai trò then chốt quyết định đến thành công của quá trình giảng dạy, vì họ là người trực tiếp tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của HS. Do đó, việc hình thành KNDH cho SV sư phạm – những GV tương lai là vô cùng quan trọng và cần thiết.

Tác giả **Philippe Perrenoud** – nhà tâm lí học, giáo dục học Thụy Sỹ trong cuốn ***Dix nouvelles compétences pour enseigner*** - *Mười năng lực mới trong dạy học (NXB Paris, ESF, 1999)* đã tập trung nghiên cứu các năng lực của người GV theo hai đối tượng: GV đào tạo lần đầu và GV tái đào tạo. Từ hệ thống lý luận dạy học, ông đưa ra 10 nhóm năng lực sư phạm cho người GV trong giai đoạn mới, bao gồm: (1) Tổ chức và đưa HS vào các tình huống học tập; (2) Nắm được sự tiến bộ trong học tập của HS; (3) Hiểu và có biện pháp giúp đỡ các HS yếu có sự tiến bộ trong học tập; (4) Thu hút HS vào việc học; (5) Làm việc nhóm (GV – GV, GV – HS, HS – HS); (6) Tham gia quản lý trường học; (7) Liên hệ chặt chẽ với cha mẹ

HS, kết hợp mô hình giáo dục gia đình và nhà trường; (8) Sử dụng công nghệ trong dạy học; (9) Đối mặt và khắc phục các tình huống nghề nghiệp; (10) Quản lý quỹ thời gian, đào tạo và tự đào tạo.

Bộ Giáo dục vùng Québec - Canada đã ban hành chương trình ***La formation à l'enseignement professionnel. Les prientations. Les compétences professionnelles*** - *Đào tạo giảng dạy nghề nghiệp. Định hướng. Năng lực nghề nghiệp* (NXB Éducation Québec, 2001) tới các cơ sở ĐTGV, khẳng định bối cảnh thế giới và khoa học công nghệ ảnh hưởng lớn đến giáo dục và đào tạo của Canada, từ đó đưa ra những định hướng chung cho nền giáo dục, trong đó nhấn mạnh: *cải cách giáo dục với nhiều yếu tố đã góp phần thay đổi vai trò của người GV theo hướng thúc đẩy và hoàn thiện các KN cần thiết phục vụ dạy học* [122; 30].

Tài liệu đã tổng hợp nhiều quan niệm về năng lực, năng lực sư phạm từ các nhà giáo dục học đi trước, khẳng định những đặc điểm của năng lực sư phạm và trình bày hệ thống 12 nhóm năng lực sư phạm cần hình thành cho GV, trong đó có GV lịch sử: (1) Có sự hiểu biết, kế thừa những kiến thức khoa học và văn hóa trong việc thực hiện chức năng nghề dạy học. (2) Sử dụng ngôn ngữ nói và viết (tiếng Pháp, tiếng Anh) trong sáng, rõ ràng trong mọi hoàn cảnh, đặc biệt là trong môi trường giáo dục. (3) Hiểu rõ bối cảnh dạy – học, nội dung dạy học, chức năng của nhà trường, quan niệm phát triển các KN trong chương trình đào tạo. (4) Hướng dẫn, thực hiện dạy và học. (5) Đánh giá sự tiến bộ trong học tập cũng như mức độ các KN mà HS hình thành trong quá trình học tập. (6) Biết lập kế hoạch, tổ chức, giám sát các nhóm - lớp trong học tập và các tổ chức xã hội của HS. (7) Thích ứng với những nhu cầu và tính cách khác nhau của các đối tượng HS trong học tập hoặc thích ứng với các em tàn tật. (8) Sử dụng CNTT và truyền thông vào hoạt động dạy - học, quản lý giảng dạy và phát triển nghề nghiệp. (9) Hợp tác với các nhóm, trường học, gia đình, các đối tác xã hội, HS để đạt được mục đích giáo dục. (10) Làm việc song song với các nhóm nghiên cứu PPDH để phát triển và đánh giá các năng lực trong chương trình đào tạo.(11) Tham gia vào quá trình phát triển nghề nghiệp của cá nhân, tập thể HS. (12) Có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm với nghề [122; 65]. Như vậy, chương trình ĐTGV của Canada hướng tới đào tạo các năng lực chuyên môn, năng lực nghiệp vụ sư phạm (diễn đạt ngôn ngữ, tìm hiểu môi trường và đối tượng dạy học, lập kế hoạch dạy học, sử dụng CNTT và phương tiện dạy học..), năng lực hợp tác. Đây cũng là những năng lực cơ bản của người GV Lịch sử mà tác giả luận án đề cập và tập trung nghiên cứu trong đề tài của mình.

Các tác giả ***Louise Bélair, Dany Laveault, Christine Lebel*** trong công trình ***Les compétences professionnelles en enseignement et leur évaluation*** - *Năng lực nghề nghiệp trong giảng dạy và đánh giá năng lực* (Nxb Báo chí đại học Ottawa, Québec, 2007) tập trung đánh giá năng lực của người GV trong hoạt động dạy học với hai vấn đề lớn: Cơ sở lý luận về đào tạo và đánh giá; Lĩnh vực đánh giá năng lực: thách thức và thể hiện, với ba nội dung : 1) Phạm vi đánh giá năng lực ; 2) Bối cảnh đánh giá năng lực; 3) Cách thức đánh giá và giá trị của nó. Các tác giả dẫn theo hai nhà nghiên cứu Fenstermacher và Richardson 3 nhóm năng lực hành vi chuyên nghiệp cần có ở người GV: (*1) Nhóm hành vi logic: biểu hiện, giải thích, sửa chữa, hiểu biết. (2) Nhóm hành vi tâm lí: động lực, khuyến khích, thưởng - phạt, lập kế hoạch, đánh giá. (3) Nhóm hành vi đạo đức: trung thực, nỗ lực, độ lượng, tình thương, tôn trọng, công bằng* [117; 28]. Về năng lực sư phạm, các tác giả chia 12 năng lực nói trên thành 4 nhóm với các nội dung : "*Các năng lực cơ bản, Các năng lực dạy học, Các năng lực xã hội và nhà trường, Các năng lực đồng nhất chuyên nghiệp*" [122; 83].

Vùng nói tiếng Pháp tại Vương quốc Bỉ đưa ra ***Décret définissant la formation initiale des instituteurs et des régents*** - *Nghị định quy định về đào tạo ban đầu cho GV và người phụ trách giáo dục* ngày 19/01/2001 và ***Décret définissant la formation initiale des agrégés de l'enseignement secondaire supérieur*** - *Nghị định quy định về đào tạo ban đầu cho giảng viên chính bậc đại học* [123; 3] ngày 22/02/2001 khẳng định 13 năng lực cần đào tạo cho GV trong hệ thống các trường sư phạm: (1) Huy động nguồn lực kiến thức để giải quyết các tình huống học tập phát sinh trong và ngoài lớp; (2) Tổ chức và duy trì mối quan hệ với đồng nghiệp, cha mẹ HS trên nguyên tắc đối tác hiệu quả. (3) Nhận thức được vai trò bản thân trong các cơ sở giáo dục và thực hiện tốt các quy định của pháp luật. (4) Làm chủ kiến thức chuyên ngành và liên ngành để tiến hành các hoạt động sư phạm. (5) Làm chủ PPDH bộ môn. (6) Là tấm gương khơi dậy niềm đam mê tìm hiểu, học tập của HS. (7) Phát triển KN giao tiếp liên quan đến yêu cầu nghề nghiệp. (8) Đạo đức nghề nghiệp và cuộc sống. (9) Làm việc nhóm trong môi trường giáo dục. (10) Hiểu biết về các thiết bị dạy học, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh. (11) Luôn tự chủ với kiến thức khoa học đã học và sẽ học. (12) Lập kế hoạch, quản lý và đánh giá các tình huống học tập, giảng dạy. (13) Có quan niệm và tổ chức thực hành, đào tạo liên tục cho bản thân.

1.1.2. Nghiên cứu của các tác giả trong nước

Những tài liệu giáo dục học, lí luận dạy học của các tác giả Thái Duy Tuyên, Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt, Lưu Xuân Mới, Nguyễn Cảnh Toàn, Trần Bá Hoành, Nguyễn Hữu Châu, Nguyễn Mạnh Cường...đề cập nhiều đến QTDH, hoạt động dạy - học của thầy và trò. Quan điểm thống nhất cho rằng dạy học bao gồm hai hoạt động gắn bó mật thiết với nhau, tồn tại cho nhau, vì nhau: (1) *hoạt động dạy của thầy* có chức năng truyền đạt thông tin dạy và điều khiển hoạt động học của HS; (2) *hoạt động học của trò* có hai chức năng thống nhất với nhau là lĩnh hội (tiếp thu thông tin dạy của thầy) và tự điều khiển quá trình chiếm lĩnh tri thức khoa học của mình (tự giác, tích cực, tự lực). *Hoạt động dạy* có vai trò quyết định đến kết quả và chất lượng của *hoạt động học*. Vì vậy, KNDH của người thầy có ý nghĩa vô cùng quan trọng, góp phần không nhỏ tạo nên sự thành công của mỗi bài giảng trên lớp.

Hai tác giả **Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt** trong giáo trình ***Giáo dục học*** (NXB Giáo dục 1987) đã đi sâu phân tích một loạt những vấn đề của lý luận dạy học như *quá trình, các nguyên tắc, nội dung, các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học*. Đề cập đến nhân tố và quy luật của quá trình dạy học, tác giả cho rằng *quy luật thống nhất biện chứng giữa dạy và học là quy luật cơ bản*, nó phản ánh mối liên hệ tất yếu, chủ yếu, bền vững giữa hai nhân tố trung tâm, đặc trưng cho tính hai mặt của QTDH: hoạt động dạy của thầy, hoạt động học của trò. Trong đó, thầy đóng vai trò chủ đạo với tư cách là chủ thể tác động sư phạm đứng trước hai đối tượng điều khiển: HS và hoạt động nhận thức của họ. Đặc biệt, đề cập đến các hình thức tổ chức dạy học và các loại bài học, các tác giả cho rằng GV cần vận dụng linh hoạt các nguyên tắc, các phương pháp, phương tiện dạy học nhằm phát huy cao độ tính tự giác, tích cực, độc lập nhận thức của HS dưới sự chỉ đạo của mình.

Cũng bàn về những nội dung cơ bản của lý luận dạy học, tác giả **Phạm Viết Vượng** trong giáo trình ***Giáo dục học*** (NXB ĐHSP, HN 2008) cho rằng *động lực của QTDH là giải quyết mâu thuẫn nội tại giữa một bên là nhu cầu nhận thức và bên kia là trình độ nhận thức của HS ở một thời điểm nhất định, GV là người tạo dựng các mâu thuẫn và bằng nghệ thuật sư phạm tổ chức cho người học giải quyết các mâu thuẫn đó bằng sự nỗ lực của bản thân*. Như vậy, việc giảng dạy chỉ có hiệu quả khi GV giữ được vai trò chủ đạo trong tổ chức, điều khiển, hướng dẫn HS học tập - đó là định hướng mục tiêu và đảm bảo chất lượng dạy học.

Cùng quan điểm này, **Hồ Ngọc Đại** trong ***Tiếp cận hiện đại hoạt động dạy học*** (NXB ĐHQGHN 1997) trên cơ sở phân tích, nghiên cứu lý thuyết hệ thống, lý thuyết môn học và lý thuyết thông tin đã khẳng định: trong dạy học hiện đại theo tiếp cận hệ thống vai trò chủ đạo của GV luôn luôn có ý nghĩa đặc biệt đối với việc đảm bảo chất lượng của HS trong học tập. Đồng thời tác giả cũng nêu lên những *lý thuyết trong dạy học và khái quát lịch sử của các kiểu dạy học, tiếp cận giá trị trong dạy học.*

Nghiên cứu sâu hơn về QTDH, **Nguyễn Hữu Châu** trong ***Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*** (NXB Giáo dục 2006) khẳng định: thành tố quan trọng nhất đảm bảo cho việc dạy học có hiệu quả là người GV. Không có kĩ thuật, phương pháp, thiết bị và đồ dùng dạy học nào có thể đảm bảo sự thành công cho việc dạy học – nhưng người GV có thể làm được điều ấy. Họ bao giờ cũng là động lực quan trọng bậc nhất của QTDH. Ông cho rằng: có hai yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của người GV đó là *con người* và *tính nghề nghiệp*. *Nhân cách của người thầy* là sự đồng cảm, tấm lòng nhân hậu, sự công bằng, nhiệt tình, sáng tạo, tính nhẫn nại, bao dung, hài hước...Một GV thực sự tâm huyết, yêu nghề sẽ cảm thấy dạy học là một phần thưởng và rất hạnh phúc khi học trò của mình thành công trong trường đời. HS sẽ không bao giờ quên những người thầy đã từng giúp đỡ họ trong những năm ngồi trên ghế nhà trường, thậm chí còn coi thầy cô là một tấm gương và hình mẫu để phấn đấu, noi theo. Yếu tố thứ hai là *đặc thù nghề nghiệp* của người GV, họ cần phải có các tố chất sau: nắm vững kiến thức bộ môn mình dạy, hiểu được những nguyên tắc cơ bản về sự phát triển và trưởng thành của trẻ, có phương pháp, kĩ thuật dạy học hiệu quả, có thái độ tích cực đối với nghề nghiệp, dũng cảm đấu tranh để đạt tới các chuẩn mực...Bên cạnh đó, tác giả còn phân tích những ưu điểm, hạn chế của PPDH truyền thống và đưa ra một số quan điểm, cách tiếp cận mới trong dạy học nhằm phát huy tối đa vai trò định hướng, tổ chức, điều khiển QTDH của người GV.

Tác giả **Trần Bá Hoành** trong ***Vấn đề GV – những nghiên cứu lí luận và thực tiễn*** (NXB ĐHSP, 2006), đưa ra quan điểm *một hướng đổi mới ĐTGV hiện nay là phải dạy HS phương pháp học*, khẳng định chức năng cơ bản của người dạy là dạy cách học, chức năng cốt lõi của người học là học cách học. Một GV giỏi phải biết kết hợp nhuần nhuyễn hai hoạt động đó trong QTDH.

Ngoài những nghiên cứu nói trên, có một số cuốn sách đề cập đến vấn đề rèn luyện KN, như cuốn ***Hoạt động – Giao tiếp – Nhân cách*** (2007) của **Hoàng Anh** (chủ biên). Phần đầu cuốn sách phân tích các yếu tố liên quan đến các lĩnh vực tâm lí học hoạt động như: cấu trúc của các hoạt động, phân loại hoạt động...trong đó có KN, kĩ xảo, thói quen được nhóm tác giả đề cập đến như những mức độ khác nhau của lĩnh hội hoạt động. Do đó, những nội dung liên quan đến KN như: quá trình hình thành KN, các điều kiện để hình thành KN hay mối quan hệ giữa KN, kĩ xảo và thói quen được phân tích rất chi tiết.

Nội dung rèn luyện KN cho SV sư phạm có thể kể đến nghiên cứu của **Phạm Viết Vượng** trong ***Hình thành kĩ năng giảng dạy và giáo dục cho sinh viên ĐHSP thông qua thâm nhập thực tế các trường phổ thông*** (NXB ĐHSP, 2001). Tác giả đã đưa ra các khái niệm về kĩ năng và KN sư phạm, phân loại KN sư phạm, xây dựng quy trình rèn luyện KN cho SV trường ĐHSPHN trong môi trường thực tế tại các trường THPT qua các đợt TTSP.

Nghiên cứu sâu hơn về vấn đề rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm cho SV sư phạm, có thể kể đến Hội thảo khoa học ***Nâng cao chất lượng nghiệp vụ sư phạm cho SV các Trường ĐHSP*** của Trường ĐHSPHN (tháng 1/2010). Từ thực trạng đào tạo NVSP cho SV trong nhiều năm ở các Trường, các Khoa Sư phạm, các tác giả đã đánh giá kết quả đạt được, tìm ra những kinh nghiệm, biện pháp cụ thể để khắc phục thực trạng đào tạo tay nghề cho SV sư phạm hiện nay. Rất nhiều bài viết trực tiếp đề cập đến vấn đề rèn luyện KN nghề nghiệp cho SV sư phạm LS như *Rèn luyện năng lực sư phạm môn Lịch sử cho SV các trường Đại học Sư phạm* (GS.TS Nguyễn Thị Côi); *Một số kinh nghiệm tổ chức rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm cho SV khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN* (PGS.TS Trịnh Đình Tùng, Ths Nguyễn Mạnh Hưởng), *Để nâng cao kĩ năng dạy học cho SV khoa Lịch sử, Trường ĐHSPHN* (TS Nguyễn Thị Thế Bình). Các tác giả đã khái quát những năng lực sư phạm cần hình thành cho SV khoa Lịch sử, một số biện pháp để tổ chức rèn luyện kĩ năng NVSP cho SV đạt hiệu quả cao nhất.

Vấn đề xây dựng Chuẩn đầu ra của GV phổ thông trình độ ĐH cũng được đề cập đến trong nhiều công trình nghiên cứu**.** Cuốn ***Phát triển chương trình giáo dục trình độ đại học*** – Bộ GD-ĐT, dự án phát triển giáo viên THPT và TCCN (do Lê Đức Ngọc, Trần Thị Hoài biên tập – TP Vinh tháng 4/2012) bao gồm các kiến thức cơ bản về phát triển chương trình, các tiêu chuẩn đánh giá thẩm định một chương

trình để ban hành sử dụng nhằm nâng cao chất lượng phát triển chương trình trong các trường ĐH, CĐ nói chung và các trường sư phạm nói riêng. Công trình đã đưa ra căn cứ, các bước để xây dựng chuẩn đầu ra, cung cấp cho người đọc tài liệu tham khảo về các KN cốt lõi để biên soạn, chỉnh sửa và hoàn thiện chương trình cho ngành giáo dục theo bậc học xác định – VD: đưa ra những phác thảo hệ mục tiêu (chuẩn đầu ra) của cử nhân sư phạm THPT – trong đó có các KN nghề nghiệp tiên tiến của ngành: KN lập kế hoạch dạy học, KN biên soạn giáo án, KN giảng dạy, KN kiểm tra đánh giá, KN phát triển nghề nghiệp.

Cuốn ***Chuẩn đầu ra Trình độ đại học khối ngành sư phạm đào tạo giáo viên THPT*** **(Bộ GD-ĐT, ngân hàng phát triển châu Á – Dự án phát triển GV THPT và TCCN – Vụ giáo dục Đại học)** công bố chuẩn đầu ra trình độ ĐH khối ngành Sư phạm đào tạo giáo viên THPT được xây dựng theo tiếp cận năng lực nghề nghiệp. Mô hình năng lực nghề nghiệp được thiết kế trên cơ sở kết hợp mô hình nhân cách với mô hình hoạt động nghề nghiệp trong tương lai của SV sư phạm. Chuẩn đầu ra được thiết kế theo cấu trúc: Các tiêu chuẩn, mỗi tiêu chuẩn là một nhóm năng lực gồm các tiêu chí, mỗi tiêu chí là một năng lực được cụ thể hóa bằng các yêu cầu về kiến thức và KN sao cho có thể đánh giá mô tả được bằng các minh chứng về hiệu quả trong thực tế tác nghiệp. Khung chuẩn đầu ra gồm 8 tiêu chuẩn với 38 tiêu chí là khung định hướng để xây dựng chương trình cho các ngành ĐTGV THPT – góp phần hoàn chỉnh đào tạo tiến tới chuẩn hóa chất lượng GV.

Bàn về vấn đề ĐTGV, các tác giả **Đinh Quang Báo**, **Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Kim Dung, Hà Thị Lan Hương, Vũ Thị Sơn** trong cuốn ***Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông*** (NXB ĐHSPHN 2015) đã khẳng định sự cần thiết của việc phải đổi mới ĐTGV ở các trường ĐHSP trong giai đoạn hiện nay, tổng kết kinh nghiệm của một số quốc gia tiên tiến về chương trình ĐTGV, đặt ra những vấn đề đổi mới chương trình GDPT theo định hướng phát triển năng lực. Các tác giả cũng nêu một số giải pháp và điều kiện đảm bảo thực hiện các giải pháp đổi mới chương trình ĐTGV trình độ ĐH theo học chế tín chỉ như: tường minh hóa mô hình ĐTGV, xác định nội dung và mục tiêu đào tạo, tổ chức liên kết trách nhiệm giữa cơ sở ĐTGV và trường PT trong đào tạo, tổ chức thực hành NVSP thường xuyên và TTSP.

Tìm hiểu sâu hơn về giải pháp đổi mới đào tạo NVSP cho SV đại học sư phạm đáp ứng yêu cầu GDPT thời kì mới, các tác giả **Nguyễn Thị Kim Dung,**

Đinh Quang Báo, Nguyễn Thanh Bình, Dương Thị Thúy Hà, Nguyễn Hoàng Đan Huy, Đào Thị Oanh, Mỵ Giang Sơn trong ***Đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề cho sinh viên trong các trường ĐHSP*** (NXB ĐH Sư phạm, HN 2015) đã đề cập đến những thay đổi căn bản của nhà trường phổ thông hiện đại trong thế kỉ XXI; những yêu cầu của đổi mới GDPT Việt Nam sau 2015; thực trạng đào tạo NVSP trong các cơ sở ĐTGV bậc THPT. Từ đó, các tác giả xác định hệ thống các năng lực sư phạm cần có đối với người GV trong nhà trường PT hiện đại; đồng thời mô tả chi tiết nội dung chương trình và phương thức đào tạo NVSP theo định hướng hình thành năng lực nghề cho SV.

Trong **Tạp chí khoa học** (Trường ĐHSPHN, Volume 61, Number 8A, 2016) kỉ niệm 65 năm thành lập Trường ĐHSPHN, rất nhiều tác giả đã đề cập đến vấn đề đổi mới ĐTGV theo định hướng phát triển năng lực nhằm đáp ứng đổi mới GDPT sau năm 2015, trong đó nhấn mạnh đến các giải pháp: xây dựng chuẩn đầu ra, ĐTGV dạy được hai môn ở trường PT, phát triển CTĐT dựa trên năng lực...Cụ thể là các bài viết *Nhiệm vụ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội trong việc thực hiện đề án đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông sau năm 2015* (**Đinh Quang Báo**), *Đổi mới chương trình ĐTGV đáp ứng đổi mới GDPT sau năm 2015* (**Nguyễn Trọng Khanh**), *Đổi mới chương trình ĐTGV theo định hướng phát triển năng lực* (**Đặng Văn Đức**), *Xây dựng chuẩn đầu ra – Giải pháp quan trọng nâng cao chất lượng ĐTGV ở các trường sư phạm* (**Nguyễn Thị Kim Dung**)...

Bên cạnh đó, chúng tôi còn tiếp cận nhiều tài liệu về lí luận dạy học có đề cập đến các PPDH, kĩ thuật dạy học hiện đại như: dạy học nhóm, dạy học dự án, dạy học kiến tạo, dạy học hợp tác, kĩ thuật động não, kĩ thuật bể cá, kĩ thuật khăn trải bàn, sơ đồ tư duy...Đó là kết quả nghiên cứu của các tác giả **Bernd Meier** và **Nguyễn Văn Cường** – cuốn ***Lí luận dạy học hiện đại – cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*** (NXB ĐHSP 2015), **Đặng Thành Hưng** trong cuốn ***Dạy học hiện đại - lí luận, biện pháp, kĩ thuật*** (NXB ĐHQGHN, 2002), **Đỗ Ngọc Đạt** với cuốn ***Tiếp cận hiện đại hoạt động dạy học*** (NXB ĐHQGHN 1997)...Những phương pháp và kĩ thuật dạy học nói trên đã và đang áp dụng thành công ở nhiều môn học, trong đó có môn Lịch sử. Đây là cơ sở để tác giả luận án đề xuất những biện pháp hình thành KNDH cho SV, trong đó có giải pháp đổi mới PPDH của giảng viên tại các cơ sở ĐTGV.

Gần đây nhất là Hội thảo khoa học Quốc tế ***Phát triển đội ngũ GV đáp ứng***

yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông của Viên nghiên cứu sư phạm – Trường ĐHSPHN diễn ra vào tháng 11/2016. Các tham luận trong hội thảo đã nêu và trao đổi nhiều vấn đề đổi mới chương trình và phương thức ĐTGV theo định hướng phát triển năng lực trong các trường/khoa sư phạm; vấn đề rèn luyện NVSP để phát triển năng lực dạy học và nghiên cứu khoa học cho SV; từ đổi mới PPDH ở trường phổ thông và những vấn đề đặt ra cho ĐTGV đến công tác bồi dưỡng GV, đáp ứng yêu cầu của GDPT; nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về ĐTGV, chính sách phát triển GV của một số nước tiên tiến trên thế giới để vận dụng đào tạo và bồi dưỡng GV Việt Nam trong xu thế toàn cầu hoá và hội nhập. GS. TS Nguyễn Thị Côi trong tham luận *Đổi mới ĐTGV đáp ứng yêu cầu của chương trình và SGK mới* đã đi sâu nghiên cứu vấn đề định hướng cơ bản của việc đổi mới chương trình, SGK sắp tới, những yêu cầu đối với GV trong việc đổi mới chương trình, PPHD; nhiệm vụ của trường sư phạm và các cơ quan quản lí trong việc đào tạo đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu đặt ra. Báo cáo của PGS. TS Trương Thị Bích đã khẳng định sự gắn kết giữa trường sư phạm với trường phổ thông trong đào tạo và bồi dưỡng GV...

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã bao quát nhiều vấn đề về QTDH, năng lực dạy học của GV, mối quan hệ giữa hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS, thực tiễn công tác ĐTGV hiện nay, vai trò của trường sư phạm trong ĐTGV. Tuy nhiên, một số vấn đề còn bỏ ngỏ, chưa được nghiên cứu một cách sâu sắc và toàn diện như: đổi mới PPDH ở trường sư phạm như thế nào để hình thành kĩ năng dạy học cho SV, biện pháp hướng dẫn giảng viên xây dựng và tổ chức hoạt động rèn luyện NVSP phù hợp với đặc trưng môn học ở trường phổ thông; biện pháp hình thành KNDH cho SV... Đây là những vấn đề tác giả luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu, từ đó đề xuất các biện pháp có hiệu quả trong công tác ĐTGV Lịch sử tại trường ĐHSPHN

1.2. Các công trình nghiên cứu về giáo dục lịch sử

1.2.1. Nghiên cứu của các tác giả nước ngoài

Nhà nghiên cứu **Henri Moniot** trong ***Didactique de l'histoire*** - *Phương pháp dạy học lịch sử* (Nathan, 1993) tập trung làm sáng tỏ các vấn đề trong PPDH bộ môn Lịch sử như: bộ môn LS trong nhà trường, chức năng của DHLS, các PPDH lịch sử trong nhà trường phổ thông, SGK lịch sử, giáo dục LS với vấn đề giáo dục công dân, GV với vấn đề dạy học và dạy cách học...Giáo trình đề cập tới các năng lực sư phạm của người GV trong việc lựa chọn, thiết kế nội dung dạy học; sử dụng

và kết hợp các PPDH trong giờ học LS; rèn luyện ngôn ngữ nói – viết trong dạy học bộ môn...Tác giả khẳng định DHLS *không chỉ là trình bày và truyền tải kiến thức* mà còn giúp HS *quan sát, đánh giá, bình luận, xem xét* các vấn đề lịch sử thông qua phương pháp sư phạm của GV [125; 141].

Cuốn ***Enseigner l'histoire à l'école*** – *Dạy học lịch sử trong nhà trường* (Hachette, 2006) của tác giả **Alain Dalongeville** là tài liệu hướng dẫn GV trong DHLS trên khía cạnh phát huy các nhóm năng lực sư phạm ở các nội dung: Cần làm những gì trong dạy học LS? Kiến thức bộ môn LS trong giảng dạy? Làm sao để đưa HS vào các tình huống học tập? Lịch sử góp phần đào tạo công dân như thế nào? Tác giả nhấn mạnh vai trò của người GV lịch sử trong việc lựa chọn, xây dựng và thực hiện bài học bằng những kiến thức và KN được rèn luyện trước đây.

Trong bộ sách 8 tập mang tên ***"Apprendre l'histoire?"*** - *Làm thế nào để học lịch sử ?* (Université catholique de Louvain, Collection Belge 1998-2005) các nhà sư phạm Trường Đại học Thiên chúa giáo Louvain-Bỉ đã đưa ra những nghiên cứu có giá trị về nhiều mặt như: Daens – từ màn ảnh tới trường học (tập 1), dạy học thời Charlemagne (tập 2), LS từ góc nhìn tới hình ảnh (tập 5, 6), Từ khái niệm quá khứ để hiểu hiện tại (tập 7), SGK lịch sử phổ thông: quá khứ, hiện tại, tương lai (tập 8). Đặc biệt, các tác giả đã dành 2 tập sách viết về năng lực và năng lực sư phạm trong giờ học LS, đó là: Phát triển các năng lực trong giờ học LS (tập 3), Giá trị các năng lực trong giờ học LS (tập 4). Xuất phát từ yêu cầu chuẩn năng lực trong DHLS của Bộ quản lý vùng nói tiếng Pháp tại Vương quốc Bỉ, những năng lực này được hình thành và rèn luyện trong môi trường sư phạm: từ lý thuyết đến thực hành PT, bao gồm 4 nội dung : *1) Năng lực xây dựng vấn đề nghiên cứu trong dạy học; 2) Năng lực bình luận, phê phán LS; 3) Năng lực tổng hợp; 4) Năng lực trình bày* [118; 11]. Cụ thể, trong DHLS, các tác giả Jean-Louis Jadoulle, Mathieu Bouhon, Catherine Dambroise đã xây dựng hệ thống lý thuyết nhằm hướng dẫn GV, SV sư phạm rèn luyện các KN như : *xây dựng các tình huống tích hợp đặc thù và mạng lưới đánh giá; thực hiện dạy học trong giờ học LS; tổ chức các phương pháp đánh giá quá trình DHLS; hoàn thiện năng lực vào cuối năm học* [119; 3].

Như vậy, nghiên cứu của các tác giả nước ngoài đều nhấn mạnh đến vai trò quan trọng của việc DHLS theo định hướng phát triển năng lực HS, đồng thời đề cập đến các năng lực sư phạm cụ thể của người GV dạy môn Lịch sử để thu hút sự chú ý của HS vào bài giảng, tạo hứng thú học tập cho người học. Trên cơ sở những

tài liệu đã tiếp cận được, tác giả luận án xác định hệ thống các KNDH cơ bản của người GV lịch sử và đề xuất những biện pháp cụ thể để hình thành KN đó trong quá trình ĐTGV ở trường ĐHSPHN.

1.2.2. Nghiên cứu của các tác giả trong nước

Trong các giáo trình, tài liệu tham khảo về PPDH lịch sử như giáo trình ***Phương pháp dạy học lịch sử*** tập 1 (1976), tập 2 (1980), sau này là giáo trình tái bản có bổ sung, sửa chữa trong các năm 1992, 2009; cuốn ***Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông*** (**Nguyễn Thị Côi,** NXB ĐHSP, HN 2006) đã đề cập đến QTDH lịch sử, coi đó là một quá trình thống nhất của hai khâu có tác động, ảnh hưởng đến nhau – giảng dạy của GV và học tập của HS. Đây là quá trình nhận thức sự kiện, quy luật của quá trình lịch sử, rút ra bài học kinh nghiệm lịch sử đối với hiện tại, tuy có những đặc điểm riêng những nó cũng tuân theo những quy luật của sự nhận thức. Các tác giả cũng nêu rõ mối quan hệ mật thiết giữa phương pháp giảng dạy của GV và phương pháp học tập của HS góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn LS.

Giáo trình ***Phương pháp dạy học lịch sử*** (NXB ĐHSP, HN 2009, tập 2) của tập thể các tác giả **Phan Ngọc Liên (cb), Nguyễn Thị Côi, Trịnh Đình Tùng** đã dành một phần để nói về **Người giáo viên lịch sử**. Các tác giả khẳng định: Cũng như tất cả các người thầy giáo, người GV lịch sử ở trường PT có nhiệm vụ quan trọng góp phần đào tạo thế hệ trẻ thông qua việc dạy học bộ môn. Để hoàn thành trách nhiệm trọng đại, cao quý song vô cùng khó khăn, GV lịch sử ngoài việc đảm bảo những yêu cầu của người GV nói chung, cần rèn luyện những phẩm chất của một GV lịch sử nói riêng. Những phẩm chất này do chức năng, nhiệm vụ, đặc trưng và nội dung của bộ môn quy định: "*Lao động sư phạm của GV lịch sử vừa truyền thụ kiến thức khoa học, vừa tiến hành giáo dục trí tuệ và tình cảm, phát triển kĩ năng tư duy và thực hành cho HS"* [70; 265]. Từ quan niệm chung về nhiệm vụ của người GV trong dạy học, các tác giả đi sâu vào ba yêu cầu đối với người GV Lịch sử: (1) Tư tưởng, phẩm chất, đạo đức; (2) Chuyên môn khoa học; (3) Rèn luyện NVSP. Để đáp ứng được 3 yêu cầu đó, đòi hỏi mỗi SV khoa Lịch sử phải tìm hiểu, có ý thức rèn luyện về mặt khoa học, tư tưởng, nghiệp vụ ngay từ khi còn ngồi ở ghế nhà trường sư phạm, đặc biệt trong các đợt kiến tập và TTSP.

Trong ***Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử ở trường THCS*** (NXB ĐHSP, HN 2005) tác giả **Trịnh Đình Tùng** đưa ra hai nhóm phương pháp được sử

dụng trong DHLS: (1) Nhóm phương pháp thông tin tái hiện lịch sử (tập trung vào vai trò của người dạy: cung cấp, truyền thụ kiến thức), (2) Nhóm phương pháp phát triển năng lực nhận thức, tìm tòi, nghiên cứu (tập trung vào vai trò của người học: tự học và khám phá kiến thức dưới sự hướng dẫn, tổ chức của thầy). Các PPDH bộ môn nói trên là gợi ý cho tác giả luận án xác định hệ thống các KNDH của người GV môn Lịch sử và đề xuất những biện pháp hình thành KN đó.

Trong cuốn ***Phát huy tính tích cực của HS trong dạy học lịch sử ở trường THCS***, tác giả **Phan Ngọc Liên** và **Trịnh Đình Tùng** (NXB Giáo dục, 1999) cho rằng việc dạy học được tiến hành trong một quá trình thống nhất gồm hai khâu có tác dụng tương hỗ nhau: giảng dạy và học tập. Các tác giả cũng đề cập đầy đủ cơ sở lý luận, thực tiễn của việc phát huy tính tích cực học tập của HS, đồng thời đề ra những biện pháp sư phạm cần thiết nhằm phát triển khả năng tư duy độc lập của HS. Đây chính là mục tiêu mà người GV cần hướng tới trong DHLS, từ đó đặt ra yêu cầu cấp thiết hiện nay là phải đổi mới chương trình và phương thức ĐTGV ở các trường ĐHSP nói chung, để SV sư phạm khi ra trường có thể thực hiện được mục tiêu giáo dục trên.

Đề cập đến vấn đề KNDH của SV khoa Lịch sử các trường ĐHSP, cuốn ***Nhập môn sử học*** (NXB ĐHSP Hà Nội năm 2006) của **Phan Ngọc Liên (chủ biên), Trịnh Đình Tùng, Đặng Văn Hồ, Trần Quốc Tuấn** đã khẳng định mục tiêu đào tạo của khoa Lịch sử - Trường ĐHSP là ĐTGV có đầy đủ phẩm chất, năng lực của một GV nói chung, những nét riêng của một GV Lịch sử ở trường phổ thông, và những năng lực cơ bản cần hình thành cho SV khoa Sử - ĐH Sư phạm là: năng lực tự học, năng lực dạy học, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Năng lực dạy học là dấu hiệu đặc trưng, cơ bản của người thầy giáo trong nhà trường. Năng lực ấy bao gồm nhiều mặt, nhiều khía cạnh, đa dạng và phong phú thể hiện ở những yêu cầu sau: (1) Nắm vững kiến thức lịch sử thế giới, lịch sử dân tộc và kiến thức cần thiết của các bộ môn có liên quan, đây là cơ sở để rèn luyện "tay nghề"; (2) Nắm vững quy luật của dạy học và giáo dục nói chung; (3) Có những KN tối thiểu cần thiết cho việc dạy học bộ môn Lịch sử như: chuẩn bị bài lên lớp; Vận dụng các PPDH để điều khiển lớp học theo hướng tổ chức hoạt động học tập tích cực của HS; Diễn đạt nội dung bài giảng bằng ngôn ngữ chính xác, giàu hình ảnh, có sức truyền cảm; Làm hồ sơ tư liệu giảng dạy; Biết hướng dẫn và tiến hành công tác ngoại khóa, thực hành bộ môn...

Các tác giả đều khẳng định rằng: Năng lực dạy học là một yêu cầu của dạy học có tính bao quát, kết hợp nhiều khâu, nhiều hoạt động, được tiến hành từ khi

SV bước chân vào trường sư phạm, trong đó, bộ môn Lí luận và PPDH có nhiệm vụ đặc biệt tạo cơ sở để hình thành năng lực dạy học cho SV, do đó cần chú trọng các hoạt động rèn luyện NVSP trong QTĐT.

Để nghiên cứu cụ thể hơn về những năng lực dạy học cần rèn luyện cho SV khoa Lịch sử tại trường ĐH Sư phạm, chúng tôi tìm hiểu cuốn ***Rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử*** **(**NXB ĐHSP, HN, 2009) của các tác giả **Nguyễn Thị Côi (Chủ biên), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Mạnh Hưởng, Đoàn Văn Hưng, Nguyễn Thị Thế Bình**. Xuất phát từ mục đích của việc đào tạo và rèn luyện nghiệp vụ cho SV sư phạm, yêu cầu của bộ môn LS với việc rèn luyện nghiệp vụ; trên cơ sở khái quát thực tiễn ĐTGV và thực tiễn DHLS hiện nay - các tác giả đi đến khẳng định tầm quan trọng, sự cần thiết phải rèn luyện kĩ năng NVSP cho SV ngành Lịch sử ở các trường Sư phạm. Cụ thể là các KN: diễn đạt, sử dụng bảng đen, xây dựng và sử dụng các loại đồ dùng trực quan trong dạy học; sử dụng SGK và xây dựng hồ sơ tư liệu, KN tổ chức hoạt động ngoại khóa, KN khai thác và sử dụng thông tin trên mạng Internet...Sau mỗi bài viết, các tác giả đưa ra những câu hỏi và bài tập thực hành cụ thể, đề xuất nhiều hoạt động thiết thực giúp SV khoa LS bước đầu hình thành và tiếp tục thực hiện rèn luyện "tay nghề" trong suốt cuộc đời GV của mình. Có thể nói đây là công trình đầy đủ và hoàn thiện nhất đề cập đến các kĩ năng NVSP bộ môn cần rèn luyện cho SV ngành sư phạm LS.

Xuất phát từ những nguyên tắc về lí luận dạy học bộ môn Lịch sử, từ quan niệm đúng đắn về "tính chất nghề nghiệp" của hoạt động dạy học, tác giả **Kiều Thế Hưng** đã đi sâu nghiên cứu "thao tác sư phạm" của người GV dạy Sử. Cuốn ***Hệ thống thao tác sư phạm trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông trung học*** (NXB ĐH Quốc gia Hà Nội 1999) trở thành cẩm nang rèn nghề của nhiều thế hệ SV khoa Lịch sử. Không chỉ liệt kê, phân loại các loại hình thao tác trong DHLS, tác giả còn thiết kế quy trình xây dựng hệ thống những thao tác đó và vận dụng nó vào các hình thức tổ chức dạy học bộ môn (giờ nội khóa, hoạt động ngoại khóa) với những bài tập thực hành rất cụ thể. Nếu kiên trì rèn luyện các loại hình thao tác như tác giả đã trình bày, GV sẽ có được PPDH được cụ thể, sinh động và hấp dẫn, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng dạy học bộ môn hiện nay.

Tác giả **Nguyễn Thị Thế Bình** trong cuốn ***Phát triển kĩ năng tự học Lịch sử cho HS*** (NXB ĐH Sư phạm, HN 2014) khẳng định: Hiện nay, bộ môn LS đã và đang tiến

hành đổi mới PPDH theo hướng phát huy nội lực của HS nhằm bồi dưỡng cho các em KN tự học để có khả năng tự học sau khi ra trường. Thực tế, lượng kiến thức của môn LS ngày càng nhiều, trong khi thời gian dành cho học tập trên lớp rất hạn chế. Vì vậy, muốn học tốt HS phải có KN tự học. Câu hỏi đặt ra là: Biện pháp nào để rèn luyện và phát triển KN tự học cho HS? Điều đó đòi hỏi người GV giảng dạy LS ở trường PT nhất thiết phải có năng lực tự học, nghiên cứu khoa học và năng lực sư phạm tốt để có thể hoàn thành mục tiêu đó trong dạy học. Công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Thế Bình đã đề cập một cách hệ thống, toàn diện nhiều vấn đề có liên quan đến DHLS nói chung, tự học LS của HS nói riêng, lí giải một loạt vấn đề mà nhiều GV lịch sử quan tâm như: những KN tự học LS nào cần hình thành và phát triển cho HS? Làm thế nào để phát triển những KN ấy? Đó thực sự là những gợi mở quý báu để chúng tôi đề xuất hệ thống các KNDH cần hình thành cho người GV Lịch sử nhằm phát triển năng lực của HS.

Tại Hội nghị Khoa học quốc gia về ***Dạy học Lịch sử ở trường phổ thông Việt Nam***, (Kỉ yếu Hội thảo khoa học tại Đà Nẵng năm 2012), rất nhiều tác giả đã nêu lên thực trạng dạy và học môn LS ở trường PT hiện nay, phân tích ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng đó. Hội thảo đi sâu bàn về các giải pháp để góp phần nâng cao chất lượng DHLS, trong đó, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của người GV trực tiếp đứng lớp và công tác ĐTGV LS hiện nay tại các trường sư phạm trong cả nước.

Nghị quyết 29, Hội nghị BCH Trung ương VIII, khóa XI về ***Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH đất nước*** đã nhấn mạnh "*Đối với giáo dục đại học, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của từng người học*" [46; 31]. Theo tinh thần đó, các trường sư phạm phải có sự đổi mới mạnh mẽ trong công tác ĐTGV thì mới đáp ứng được yêu cầu đổi mới của nền GDPT Việt Nam sau năm 2015. Định hướng này đã trở thành chủ đề cho các hội thảo từ cấp trường tới cấp quốc gia của nhiều trường ĐH, viện nghiên cứu, cơ sở ĐTGV trong cả nước. Có thể kể đến các Hội thảo tổ chức trong khoảng 5 năm gần đây (từ năm 2011 đến năm 2016): *Hội thảo khoa học quốc gia về dạy học Lịch sử ở trường phổ thông Việt Nam* (Tổ chức tại Đà Nẵng tháng 8/2012); Hội thảo *Đào tạo nghiệp vụ sư phạm ở trường ĐHSPHN* (Tháng 1/2014); Hội thảo Khoa học toàn quốc *Bồi dưỡng năng lực cho giảng viên các trường sư phạm* (Tổ chức tại Đà Nẵng tháng 9/2015); Hội thảo *Nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ giảng viên các cơ sở đào tạo giáo viên* (Cục Nhà giáo tháng 11/2014); Hội thảo *Trường sư phạm trong phát triển*

năng lực nghề nghiệp cho GV phổ thông đáp ứng chương trình giáo dục mới (ĐHSPHN tháng 5/2016), Và mới đây nhất là Hội thảo Khoa học quốc gia *Đổi mới phương pháp giảng dạy trong các trường sư phạm theo hướng phát triển năng lực người học* (ĐH Sư phạm TP Hồ Chí Minh tháng 6/2016).

Tham khảo kỷ yếu khoa học của các Hội thảo nói trên, chúng tôi nhận thấy các tác giả đều tập trung bàn về các vấn đề then chốt trong công tác ĐTGV phổ thông: Thực tiễn và định hướng đổi mới PPDH tại các trường sư phạm, mô hình ĐTGV, nội dung chương trình, phương thức đào tạo; nội dung các năng lực cần hình thành cho những GV tương lai nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục VN sau năm 2015, các biện pháp nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên tại các trường sư phạm...

Vấn đề hình thành KNDH, rèn luyện NVSP cho SV ngành sư phạm LS nói riêng cũng được nhiều tác giả quan tâm đề cập đến. Cụ thể là các bài viết: *Nâng cao chất lượng ĐTGV môn Lịch sử: vấn đề đặt ra và giải pháp* (Trần Thị Vinh, Hội thảo tại Đà Nẵng 8/2012), *Đào tạo đội ngũ GV vấn đề trung tâm của cuộc cách mạng trong dạy học Lịch sử hiện nay* (Kiều Thế Hưng, Hội thảo tại Đà Nẵng 8/2012), *Mô hình ĐTGV của nước Cộng hòa Pháp và khả năng vận dụng vào Việt Nam* (Nguyễn Văn Ninh, Hội thảo tại Đà Nẵng 8/2012). *Một vài giải pháp trong đào tạo, bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho GV* (Nghiêm Đình Vỳ, Hội thảo ĐHSP HN 5/2016), *Vấn đề KNDH trong phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV ở trường ĐHSPHN* (Kiều Thế Hưng, Hội thảo ĐHSPHN 5/2016), *Đặc trưng cơ bản của rèn luyện kĩ năng NVSP trong ĐTGV Lịch sử cho các trường phổ thông* (Nguyễn Mạnh Hưởng, Hội thảo ĐHSPHN 5/2016), *Phát triển năng lực dạy học cho SV ngành sư phạm Lịch sử trước yêu cầu đổi mới* (Nguyễn Thị Thế Bình, Hội thảo ĐHSPHN 5/2016), *Để nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ giảng viên các trường, khoa sư phạm* (Nguyễn Mạnh Hưởng, Hội thảo ĐHSP TP HCM 6/2016)...

Bên cạnh đó, chúng tôi còn tiếp cận những bài viết đề cập đến vấn đề *năng lực sư phạm, giải pháp hình thành KNDH cho SV sư phạm, chương trình ĐTGV tại các trường sư phạm* được đăng tải trên các tạp chí về giáo dục: *Mối quan hệ giữa chuẩn nghề nghiệp GV, chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của ĐHSP* (Đinh Quang Báo, TCGD, số đặc biệt tháng 6/2010); *Thực tập sư phạm trong vấn đề chất lượng ĐTGV hiện nay* (Kiều Thế Hưng, TCGD, số đặc biệt tháng 6/2010); *Đổi mới chương trình ĐTGV công nghệ theo năng lực thực hiện* (Trịnh Xuân Thu, TCGD, Số 254 - kì 2 - 1/2011); *Giải pháp nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho giáo sinh*

(Nguyễn Văn Khôi, TCGD, Số 253 - kì 1 - 1/2011); *Thực trạng ĐTGV - nhìn từ khả năng đáp ứng yêu cầu thực tiễn giáo dục phổ thông của SV năm cuối và GV trẻ* (Nguyễn Thị Kim Dung, TCGD&XH, Số 8 (68), tháng 1-/2011); *Đổi mới đào tạo NVSP trong các trường sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề nghiệp* (Nguyễn Thị Kim Dung, TCGD, số 308, kì 2 tháng 4/2013); *Mối quan hệ giữa năng lực NVSP của giảng viên và năng lực NVSP của SV trong đào tạo GV* (Hoàng Thị Kim Huyền, TCGD, Số đặc biệt tháng 11/2014)...

Một số luận án tiến sĩ cũng đã đi sâu nghiên cứu vấn đề này, tuy ở mức độ, khía cạnh và bộ môn khác nhau: **Trần Anh Tuấn** (1996), *Xây dựng quy trình tập luyện hình thành các kỹ năng giảng dạy cơ bản trong các hình thức thực hành thực tập sư phạm*; **Phan Thanh Long** (2004): *Các biện pháp rèn luyện kỹ năng dạy học cho sinh viên cao đẳng sư phạm*; **Trần Thị Thanh Thủy** (2013) *Rèn luyện KNDH cho SV sư phạm Địa lí bằng phương pháp dạy học vi mô*...

1.3. Chương trình ĐTGV, rèn luyện năng lực sư phạm cho SV ở một số quốc gia trên thế giới

Trên thế giới, giáo dục được xem là vấn đề cốt lõi cho sự phát triển của một quốc gia. Xuất phát từ những thay đổi mang tính chất toàn cầu đang diễn ra làm thay đổi môi trường giáo dục, vấn đề ĐTGV được quan tâm một cách đặc biệt. Theo UNESCO, chương trình ĐTGV trong các trường đại học thường gồm 5 thành phần: Giáo dục học đại cương, các môn học chuyên sâu, tìm hiểu cơ sở giáo dục, tìm hiểu chuyên ngành, thực hành và TTSP [20, 13]. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến kiến thức về người học, kiến thức liên quan đến nội dung, chương trình môn học sẽ dạy ở trường PT, kiến thức về phương pháp sư phạm trong bối cảnh cụ thể.

Như vậy, chương trình ĐTGV ở các nước trên thế giới có xu hướng đề cao vai trò của thực tiễn, trên cả hai lĩnh vực là nội dung và phương pháp đào tạo. Để có thêm cơ sở lí luận và thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp hình thành KNDH, chúng tôi đã nghiên cứu kinh nghiệm của các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới về một số vấn đề sau:

**** Mô hình ĐTGV và chương trình thực hành, thực tập sư phạm***

- Australia

Tất cả các chương trình ĐTGV gồm bốn môn học: chuyên ngành giảng dạy, phương pháp giảng dạy, các môn sư phạm, thực hành giảng dạy. Chương trình học gồm tối thiểu 80 ngày thực hành tại cơ sở thực hành giảng dạy và một số nội dung thực hành được bố trí đan xen vào mỗi năm học. Từ năm thứ nhất đến năm thứ ba,

thực hành cơ sở được gắn với bốn học phần về kinh nghiệm nghề nghiệp, gồm một chương trình đi thực tế đến các cơ sở giáo dục khác nhau. Các hoạt động dựa vào trường học, đặc biệt là thực hành giảng dạy có thời lượng tối thiểu là 9 tuần. Một số học phần thực hành sư phạm được thực hiện trong suốt cả học kì, mỗi tuần 1-2 ngày ở trường phổ thông, số khác thực hiện thành 2-3 đợt, mỗi đợt 5 ngày liên tục (1 tuần), mốt số học phần khác nữa đòi hỏi SV đến trường PT hoạt động như một GV thực thụ, dưới sự giám sát của GV phổ thông trong suốt cả học kì.

- Đức

ĐTGV ở Đức được tiến hành trong các trường ĐH đa ngành, theo cấp học, theo loại hình trường. GV THCS và THPT được đào tạo cho hai môn học chuyên ngành, trong đó phân biệt môn thứ nhất và môn thứ hai với tỷ trọng thời gian đào tạo khác nhau. ĐTGV tích hợp giữa khoa học giáo dục và khoa học chuyên ngành. Từ năm thứ nhất, bên cạnh các môn học chuyên ngành, SV được học về khoa học giáo dục và thực tiễn trường học. CTĐT kéo dài trong thời gian 5 năm, trải qua 2 giai đoạn: (1) Đào tạo trong các trường ĐH. (2) Sau kì thi tốt nghiệp và kì thi quốc gia thứ nhất, GV được tham gia và giai đoạn ĐTGV tập sự của các bang. Từ năm 2000 trở đi, mô hình ĐTGV ở Đức thực hiện theo hai bậc nối tiếp: cử nhân và thạc sĩ. GV có trình độ thạc sĩ mới được đăng kí vào giai đoạn GV tập sự. Người tốt nghiệp bậc cử nhân có thể tìm việc làm theo hướng khoa học chuyên ngành mà họ đã được học. Nét đặc thù của mô hình này là ngay trong bậc cử nhân, chương trình đã có nội dung về khoa học giáo dục và thực tiễn PT.

Về nội dung thực hành sư phạm: Trong giai đoạn đào tạo cử nhân, SV có 3 tuần thực tập định hướng, 3 tuần thực tập trong lĩnh vực thực hành sư phạm, ngoài ra là thực tập hằng ngày về lí luận dạy học chuyên ngành. Trong giai đoạn đào tạo thạc sĩ, họ có 1 tuần thực tập chuẩn đoán tâm lý, 4 tháng thực tập nhà trường. Như vậy, để trở thành GV tập sự ở Đức, SV phải trải qua 5 năm đào tạo với ít nhất 6 tháng thực tập các nội dung về khoa học giáo dục và chuyên ngành giảng dạy.

- Mĩ

Mĩ không có hệ thống trên phạm vi quốc gia về ĐTGV, mỗi tiểu bang khác nhau sử dụng linh hoạt CTĐT họ cho là phù hợp. Hầu hết các trường ĐTGV chỉ tiếp nhận SV đã có bằng cử nhân về một môn khoa học hoặc đã trải qua CTĐT kiến thức cơ bản về chuyên môn, được cấp bằng. Sau khi nhập học, SV sẽ học các môn chuyên ngành về giáo dục học, PPDH do các chuyên gia về sư phạm và giáo dục

học giảng dạy trong thời gian từ 1 đến 2 năm. Sau khi tốt nghiệp, học viên được nhận chứng chỉ GV và giấy phép hành nghề dạy học do Bộ giáo dục các bang cấp.

Một thời gian dài, ở hầu hết các trường ĐTGV, khóa học phương pháp sư phạm thường được giảng dạy bởi những chuyên gia giáo dục, không phải bởi chuyên gia trong ngành khoa học cơ bản. Vì vậy, các môn học thường được thiết kế chung cho cả ngành khoa học xã hội hoặc khoa học tự nhiên. Có nghĩa là SV được đào tạo theo một chương trình chung về giáo dục học và phương pháp giảng dạy. Từ năm 1960 đến nay, một số trường ĐTGV đưa vào chương trình những chuyên đề về PPDH do các chuyên gia trong lĩnh vực khoa học cơ bản giảng dạy. Các chuyên gia về LS, nhà sử học, GV dạy giỏi môn Lịch sử ở trường PT trực tiếp giảng dạy các khóa học cho những GV lịch sử tương lai. Ví dụ như: trường ĐTGV ở các bang Massachusetts, Illinois, Colarado, California, Connecticut...[10; 682].

Chương trình ĐTGV ở Mĩ chú trọng dạy SV kĩ năng tiếp cận thông tin, phân tích và xử lý vấn đề nhiều hơn việc trang bị kiến thức LS có sẵn. Các đợt thực tế, TTSP diễn ra thường xuyên trong suốt khóa học, gắn việc học lí thuyết ở trường ĐH với công tác thực hành ở trường PT. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập không chỉ tập trung vào bài thi cuối kì, mà diễn ra trong suốt quá trình học tập, được phân bổ như sau: Có mặt đầy đủ và tham gia thảo luận trên lớp 20%, các bài tập chuyên luận 20%, báo cáo thực tế về các trường trung học địa phương 10%, giáo án và bài giảng ở các trường trung học địa phương 25%, bài thi cuối kì 25% (tổng cộng 100%). Chương trình ĐTGV của Stanford (STEP) được coi là chương trình tốt nhất ở Mĩ vì sự gắn kết với nhà trường phổ thông. Thời lượng SV thực tập ở trường khá lớn: 4 ngày/1 tuần, 4 giờ/1 ngày dưới sự hướng dẫn của một GV giỏi của trường PT và một giảng viên ĐH.

- Pháp:

Pháp là quốc gia rất chú trọng đến công tác tuyển chọn và ĐTGV theo cách thức riêng của mình. Đội ngũ GV phổ thông của Pháp được đào tạo trong các IUFM (Học viện đào tạo GV). Để vào được IUFM, thí sinh cần có bằng cử nhân và nộp hồ sơ xét tuyển (có thể là chỉ xét hồ sơ, kiểm tra hoặc phỏng vấn). Năm thứ nhất học khoa học chuyên ngành, sau đó học viên phải trải qua kì thi tuyển cấp quốc gia, gồm thi viết và thi vấn đáp để được vào học năm thứ hai. Nếu đỗ, học viên sẽ trở thành công chức tập sự của nhà nước trong 1 năm và thực hiện các kì thực tập khác nhau tại trường phổ thông cùng với các giờ lí thuyết tại IUFM. Việc đào tạo nghề được gắn kết với các phân tích mang tính lí thuyết về lí luận dạy học, sư phạm,

chuyên ngành, tri thức luận...Cuối năm thứ hai, sẽ có các đợt xét tuyển tại IUFM do thanh tra tiến hành. Kết quả đợt xét tuyển cộng với kết quả học tập năm thứ hai và luận văn tốt nghiệp là cơ sở để xét GV tập sự thành biên chế nhà nước.

Về thực tập sư phạm: Ngay từ năm thứ nhất, SV đã có các kì thực tập quan sát tại trường phổ thông. Từ năm thứ hai, SV phải dạy 8 giờ/tuần và chỉ trở thành GV chính thức khi kết quả đánh giá thực tập đạt yêu cầu. Trong chương trình ĐTGV của Pháp, bộ môn sư phạm lịch sử - địa lý được đào tạo song song, luôn nhấn mạnh đến vấn đề rèn luyện năng lực sư phạm cho SV. Nội dung rèn luyện xuyên suốt trong hai năm học là thông qua các hoạt động: quan sát giờ dạy mẫu qua video, dự giảng tại trường phổ thông, thiết kế nội dung bài học và các hoạt động ngoài giờ, tư vấn và thiết kế đồ dùng dạy học, diễn đạt nói, sử dụng CNTT và truyền thông trong dạy học, trách nhiệm đưa đón và đảm bảo an toàn cho HS tham gia các hoạt động trong - ngoài lớp (thăm quan bảo tàng, di tích, lâu đài, các hoạt động thể thao ngoài trời...)...

Bên cạnh việc củng cố kiến thức chuyên ngành, rèn luyện PPDH, kĩ năng NVSP là môn học bắt buộc trong CTĐT. Đó là: Nâng cao năng lực thực hành và ngữ cảnh nghề nghiệp, CNTT và PPDH lịch sử - địa lý (tại trường sư phạm Pau et des pays de l'adour), rèn luyện CNTT truyền thông, rèn luyện KN diễn đạt nói...Nội dung các môn học này được đánh giá là thiết thực, góp phần rèn luyện KN để trở thành người GV giỏi về chuyên môn, có đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao. Đối với SV sư phạm LS, bên cạnh kiến thức và KN cơ bản về CNTT, họ tự rèn luyện thêm những nội dung đặc trưng bộ môn như: cắt, ghép, lồng tiếng phim tư liệu, làm phụ đề cho phim, phục dựng chỉnh sửa phim, ảnh...Có thể nói vấn đề học và tự học luôn được đề cao trong giảng đường sư phạm.

- Nhật Bản:

ĐTGV tại Nhật Bản có ba đặc điểm cơ bản: tiến hành trong các cơ sở giáo dục ĐH, là hệ thống mở, dựa trên hệ thống chứng chỉ. Đáp ứng các yêu cầu mới của thời đại đầu thế kỉ XXI, Nhật Bản đã công bố các văn kiện trình bày về những thay đổi trong đào tạo và bồi dưỡng GV, nêu lên yêu cầu về phẩm chất và năng lực cho GV, các biện pháp nhằm đảm bảo phẩm chất và năng lực tối thiểu trong quá trình ĐTGV [63]. Để trở thành GV tại Nhật Bản, SV phải hoàn thành 125 tín chỉ cho toàn bộ khóa học, đó là: các môn giáo dục đại cương (26 TC), giáo dục chuyên ngành (54 TC), môn học giáo dục tự chọn (phần lớn thuộc về khoa học giáo dục: 40 TC), TTSP (5

TC). Cụ thể, học phần giáo dục chuyên ngành bao gồm những nội dung liên quan đến chuyên môn, chương trình dạy học phổ thông và nghề dạy học.

Những nội dung liên quan đến nghề dạy học bao gồm 6 học phần: (1) Ý nghĩa của nghề dạy học (Tầm quan trọng của nghề dạy học, vai trò của GV, nội dung nhiệm vụ của người GV). (2) Các lý thuyết cơ bản về giáo dục (Lịch sử giáo dục, triết lý giáo dục, sự phát triển thể chất tinh thần và quá trình học tập của trẻ, các vấn đề xã hội, tổ chức và quản lí giáo dục). (3) Chương trình và phương pháp giảng dạy (phương pháp tổ chức hoạt động dạy học, phương pháp giáo dục, kĩ thuật dạy học). (4) Hướng dẫn HS tham vấn và tư vấn nghề (Các lí thuyết và phương pháp tham vấn giáo dục, lí luận và phương pháp định hướng nghề). (5) Luyện tập thực hành chung (SV lựa chọn và phân tích, nghiên cứu một số vấn đề phổ biến đối với con người hoặc những vấn đề xã hội Nhật Bản đang phải đối mặt). (6) Thực tập sư phạm ở trường PT.

**** Về năng lực sư phạm cần có đối với SV tốt nghiệp sư phạm trình độ ĐH***

- ***Australia:*** Chuẩn đầu ra đối với SV tốt nghiệp của Viện nghiên cứu giảng dạy Victoria – Australia thể hiện trên ba nội dung: (1) *Kiến thức chuyên môn:* GV biết HS học như thế nào, cách dạy HS như thế nào cho có hiệu quả; GV biết nội dung bộ môn mình dạy; GV hiểu HS của mình. (2) *Thực tiễn chuyên môn:* GV lập kế hoạch và đánh giá quá trình học tập có hiệu quả; GV tạo ra, duy trì môi trường học tập an toàn và thách thức; GV sử dụng thực tiễn giảng dạy và các nguồn lực để lôi cuốn HS vào quá trình học tập tích cực. (3) *Cam kết ràng buộc chuyên môn:* GV phản hồi, đánh giá và nâng cao kiến thức, thực tiễn chuyên môn của mình; GV là những thành viên tích cực trong nghề nghiệp của mình.

- ***Đức:*** Chuẩn đầu ra đối với SV tốt nghiệp sư phạm trình độ đại học của Đức bao gồm 4 lĩnh vực với 11 năng lực:

- *Năng lực dạy học:* GV phải là các chuyên gia về dạy và học: (1) GV biết lập kế hoạch dạy học phù hợp với chuyên môn và tiến hành kế hoạch đó một cách khách quan, cụ thể. (2) GV hỗ trợ việc học của HS qua việc tổ chức các tình huống học, động viên HS và tạo cho các em năng lực thiết lập các mối liên hệ và sử dụng cái đã học. (3) GV khuyến khích khả năng tự quyết định việc học và làm việc của HS.

- *Năng lực giáo dục*: (1) GV biết các điều kiện sống văn hóa – xã hội của HS và tác động đến sự phát triển cá nhân của họ trong khuôn khổ nhà trường. (2) Truyền đạt các giá trị, chuẩn mực cũng như hỗ trợ việc đánh giá và hành động tự

quyết của HS. (3) Tìm ra các cách tiếp cận và xử lí giải pháp cho những khó khăn, xung đột trong nhà trường và trong giờ học.

- *Năng lực đánh giá:* GV thực thi nhiệm vụ đánh giá của mình công bằng và có trách nhiệm: (1) Chuẩn đoán các tiền đề học và quá trình học của HS, trên cơ sở đó, hỗ trợ khuyến khích, tư vấn HS và cha mẹ HS. (2) Nắm bắt các thành tích học tập của HS trên cơ sở các thước đo đánh giá minh bạch.

- *Năng lực đổi mới:* GV liên tục phát triển các năng lực của mình: (1) Ý thức được các yêu cầu đặc biệt của nghề giáo, hiểu nghề nghiệp mình đảm nhiệm. (2) Hiểu nghề của mình bao gồm cả nhiệm vụ học thường xuyên. (3) Tham gia vào việc lập kế hoạch và triển khai các dự án của nhà trường.

- ***Singapore:*** Theo chuẩn định hướng cho ĐTGV thế kỉ XXI của Singapore, năng lực được trình bày theo cách tiếp cận các yếu tố cấu thành bao gồm: *giá trị, kĩ năng* và *kiến thức*. Trong đó, *giá trị* là yếu tố cốt lõi, định hướng cho việc tích lũy kiến thức và KN nghề nghiệp của GV.

- *Các giá trị:* (1) Những giá trị hướng vào người học: Thiện chí, thiện cảm, tin rằng tất cả mọi HS đều có thể học được, cam kết nuôi dưỡng tiềm năng của từng HS, coi trọng sự đa dạng. (2) Những giá trị mang bản sắc của người GV: Hướng tới đạt chuẩn cao, đào sâu suy nghĩ, ham học hỏi, quyết tâm cải thiện, kiên trì, kiên nhẫn. Khả năng thích ứng và duy trì, đạo đức, tính chuyên nghiệp. (3) Những giá trị phục vụ nghề nghiệp và cộng đồng: Học hợp tác và thực hành, xây dựng quan hệ giữa đối tượng truyền thụ và tiếp thu, trách nhiệm xã hội và cam kết.

- *Kĩ năng:* KN phản hồi và bày tỏ suy nghĩ; KN sư phạm; KN quản lí con người; KN tự quản lí, KN giao tiếp; KN hướng dẫn, thúc đẩy, KN công nghệ thông tin; Trí tuệ, cảm xúc và xã hội; KN quản lý và điều hành; KN thích ứng và đổi mới.

- *Kiến thức*: về bản thân, về HS, về cộng đồng, về môn học, về sư phạm học, về nền tảng giáo dục và các chính sách giáo dục, về chương trình, về đa văn hóa, về nhận thức toàn cầu, nhận thức môi trường.

- ***Pháp:*** Bộ giáo dục quốc gia chịu trách nhiệm về đào tạo GDPT, đặc biệt là đào tạo và chuẩn hóa đội ngũ GV tương lai tại các trường sư phạm đã đưa ra thông cáo về ***14 nhóm năng lực chung cho GV, chuyên viên giáo dục và 5 nhóm năng lực đặc thù của người GV*** [120]. Ở đây chúng tôi nhấn mạnh tới 5 nhóm năng lực đặc thù của người GV, bao gồm: (1) Hiểu biết sâu sắc kiến thức bộ môn và PPDH bộ môn. (2) Nắm chắc và sử dụng thành thạo tiếng Pháp trong công việc và nghiên cứu. (3) Xây

dựng, thực hiện nội dung giảng dạy và đưa HS vào các tình huống học tập trong sự đa dạng các đối tượng HS. (4) Tổ chức và đảm bảo khuyến khích các nhóm học tập, các tổ chức xã hội của HS. (5) Đánh giá sự tiến bộ và ghi nhận những thành tích của HS. Nhóm năng lực sư phạm nêu trên được đưa vào chương trình giảng dạy tại tất cả các trường sư phạm thông qua các môn học về PPDH bộ môn, nội dung rèn luyện năng lực sư phạm cho SV, kiến tập và TTSP, các hoạt động tình nguyện và ngoại khóa...

- ***Nhật Bản:*** Hội đồng Giáo dục Trung ương Nhật Bản xác định: Để giải quyết được các vấn đề của nhà trường hiện tại, triển khai giáo dục dựa theo hình mẫu nhân lực trong xã hội tương lai, cần có những GV nhận được sự tin tưởng, tôn trọng từ xã hội, GV có năng lực tổ chức hoạt động để hình thành ở người học năng lực tư duy, phán đoán và biểu hiện, những GV biết phối hợp với cộng đồng, hợp tác với đồng nghiệp để giải quyết các vấn đề phức tạp. Nhật Bản xác lập mô hình *người GV tiếp tục học tập* trong ĐTGV. Những năng lực yêu cầu đối với GV là: ý thức trách nhiệm đối với nghề dạy học, kiến thức về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục ở trình độ cao, năng lực khám phá, năng lực tiếp tục học tập một cách tự chủ trong suốt cuộc đời dạy học, năng lực lãnh đạo triển khai hoạt động học tập mới, năng lực hành động thực tiễn trong việc dạy học, giáo dục HS và quản lí lớp học, năng lực chung trong quan hệ với mọi người. Nhằm phát triển năng lực nghề trong QTĐT, Hội đồng đề xuất bổ sung vào chương trình một học phần có tên gọi *Xemina về thực tiễn nghề dạy học* [48; 81]. Đó là việc học tập mang tính hợp tác, học tập theo hình thức nghiên cứu vấn đề và học tập vận dụng các kiến thức, KN để hình thành cho người học các năng lực tư duy, phán đoán, biểu hiện…

Như vậy, Trình độ của đội ngũ GV là một trong những nhân tố đóng vai trò quyết định chất lượng của hệ thống giáo dục quốc gia cũng như sự thành bại của các cuộc cải cách giáo dục. Thực tế cho thấy, những quốc gia có nền giáo dục phát triển cao đều quan tâm đến việc đào tạo và nâng cao chất lượng GV từ rất sớm.

1.4. Nhận xét chung về các công trình khoa học đã công bố và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu.

Qua một số tài liệu đã tiếp cận, chúng tôi nhận thấy các tác giả đã giải quyết được những vấn đề sau:

- Khẳng định vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác đào tạo, rèn luyện NVSP cho SV các trường sư phạm, trong đó giảng viên là nhân tố quan trọng, then chốt của quá trình hình thành KNDH, phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV.

- Vấn đề lí luận về năng lực sư phạm, KNDH đã được nghiên cứu khá sâu sắc và toàn diện: bản chất của khái niệm, vai trò, các thành tố cấu thành, phân loại các KNDH cơ bản và đưa ra tiêu chí đánh giá các KN đó.

- Trên cơ sở nêu lên thực trạng công tác đào tạo NVSP hiện nay ở các trường sư phạm, nhiều tác giả đã đề xuất những biện pháp sư phạm (cả trước mắt và lâu dài) để nâng cao chất lượng, hiệu quả rèn luyện KNDH của các cơ sở ĐTGV nói chung, Trường ĐHSP Hà Nội nói riêng. Các biện pháp hầu hết tập trung vào đổi mới chương trình, nội dung, phương thức đào tạo, phương pháp giảng dạy của giảng viên, nâng cao cơ sở vật chất của nhà trường...

Từ việc nghiên cứu chương trình ĐTGV, rèn luyện năng lực sư phạm cho SV ở một số quốc gia tiên tiến trên thế giới, chúng tôi nhận thấy:

Thứ nhất: Hầu hết các nước trên thế giới, GV được đào tạo trong các trường ĐH đa ngành, chỉ có một số ít quốc gia có cả hai mô hình đơn ngành và đa ngành. Lựa chọn mô hình nào là do điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia, mỗi địa phương, mỗi giai đoạn phát triển.

Thứ hai: Để trở thành GV, SV bắt buộc phải tham gia một chương trình ĐTGV chính quy hoặc đào tạo NVSP. Chương trình giáo dục sẽ trang bị cho người GV tương lai hệ thống các năng lực sư phạm cần thiết để có thể tham gia vào công tác dạy học và giáo dục.

Thứ ba: Nội dung chương trình ĐTGV trình độ ĐH ở mỗi nước có thể khác nhau về cấp độ, nhưng đều tập trung vào 4 nội dung chính: Các khóa học chung (đại cương), các khóa học chuyên ngành (môn cơ bản), các khóa học giáo dục và thực tập giảng dạy. Các quốc gia có xu hướng đề cao những nội dung liên quan đến nghề dạy học với khoảng 1/3 thời lượng chương trình. Nội dung hướng đến hình thành năng lực sư phạm được sắp xếp trong các học phần liên quan đến chuyên ngành và khoa học giáo dục, học phần tự chọn với tỉ lệ rất cao.

Thứ tư: CTĐT tập trung vào các vấn đề về giáo dục học và PPDH bộ môn. Quá trình đào tạo đề cao sự tương tác giữa giảng viên và SV, chú trọng đến các PPDH tích cực, thông qua thảo luận, chia sẻ suy nghĩ giúp SV hiểu sâu hơn những điều đang học và ngược lại. Quy trình kiểm tra đánh giá mang tính toàn diện, thể hiện mối liên hệ mật thiết giữa lí luận và thực tiễn, giữa cơ sở ĐTGV với trường phổ thông thực hành.

Thứ năm: TTSP là một phần quan trọng nằm trong CTĐT, gắn bó với mô hình đào tạo. Các trường ĐTGV đều dành thời lượng đáng kể cho việc TTSP. Tham gia hướng dẫn TTSP thường là giảng viên ĐH và GV phổ thông. Hàng năm trường ĐTGV mời GV phổ thông đến trường họp trước kì thực tập để thống nhất mục đích chung. Trong quá trình TTSP, giảng viên đại học xuống trường dự 2-3 tiết và cho điểm. Cả hai GV sẽ cùng bàn bạc xem SV có điểm mạnh, yếu như thế nào để thống nhất trong đánh giá. Các trường ĐTGV đều có phòng thực hành, tại đó giáo sinh quan sát hoặc giảng dạy với các đối tượng HS ảo (online).

Nói tóm lại, mỗi quốc gia đều có những đặc trưng riêng về lịch sử, văn hóa, con người. Nền giáo dục mỗi nước phải được xây dựng trên bản sắc văn hóa dân tộc, điều kiện xã hội cụ thể của nước mình trên cơ sở kế thừa tinh hoa văn hóa, kiến thức của nhân loại. Không thể áp dụng nguyên bản chương trình giáo dục ở những nước phát triển trên thế giới vào Việt Nam. Tuy nhiên, việc tổng kết kinh nghiệm về ĐTGV và rèn luyện năng lực sư phạm cho SV ở các quốc gia nói trên là những định hướng cho chúng tôi đề xuất các biện pháp hình thành KNDH cho SV ở trường ĐHSP Hà Nội.

Những kết quả nghiên cứu nói trên là nguồn tài liệu tham khảo quý giá, cần thiết phục vụ cho tác giả trong quá trình hoàn thành luận án. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đi sâu giải quyết vấn đề KNDH của GV môn Lịch sử một cách hệ thống, đặc biệt là KNDH ở trên lớp và những biện pháp hình thành KN cho SV sư phạm LS - trường ĐHSPHN. Vì vậy, chúng tôi khẳng định đây là hướng nghiên cứu mới, có giá trị cả về lí luận và thực tiễn. Luận án sẽ tiếp tục giải quyết các vấn đề sau một cách toàn diện:

- Vì sao phải hình thành KNDH cho SV ngành sư phạm Lịch sử?
- Thực tiễn việc rèn luyện KNDH cho SV trường ĐHSP HN nói chung và SV khoa Lịch sử nói riêng hiện nay như thế nào, có những ưu điểm và hạn chế gì?
- Xác định nội dung, phân loại các KNDH cơ bản của GV bộ môn LS, sử dụng những tiêu chí nào để đánh giá mức độ hình thành kĩ năng đó?
- Sử dụng những biện pháp sư phạm nào để hình thành KNDH cho SV ngành sư phạm LS tại trường ĐHSPHN?

Trả lời được các câu hỏi nói trên là cơ sở lí luận và thực tiễn định hướng cho tác giả luận án tìm ra những giải pháp mang tính đột phá trong công tác đào tạo *"tay nghề"* cho SV sư phạm, tạo nền tảng vững chắc cho các em tiếp tục hoàn thiện kĩ năng nghề nghiệp của bản thân trong suốt quá trình đào tạo và tự đào tạo để trở thành một GV dạy giỏi môn lịch sử, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập.

CHƯƠNG 2
CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC HÌNH THÀNH KĨ NĂNG DẠY HỌC CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

2.1. Cơ sở lí luận

2.1.1. Các khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài

**** Khái niệm "Kĩ năng":***

Trong tâm lí học, có nhiều cách hiểu về "kĩ năng". Một số tác giả (V. S. Kudin, A. S. G. Côvaliôv) coi KN là kĩ thuật của thao tác, hành động hay hoạt động. Có nghĩa là muốn thực hiện một hành động nào đó con người phải có tri thức về nó, bao gồm sự nắm vững về mục đích, cách thức, phương tiện và điều kiện của hành động. Mức độ thành thạo của KN phụ thuộc vào mức độ nắm vững tri thức về hành động và sử dụng chúng vào hoạt động thực tiễn nhiều hay ít. Khi biết được kĩ thuật của hành động, hành động đúng các yêu cầu kĩ thuật thì KN sẽ đạt kết quả. Để có kĩ thuật hành động đúng phải thông qua quá trình học tập, rèn luyện KN. Nếu để người học tự làm lấy thì KN sẽ hình thành nhanh chóng và ổn định hơn.

Quan điểm khác (của các tác giả N.Đ.Lêvitôv, K.K.Platonov, Trịnh Đông Thư, Trần Quốc Thành)... coi KN không đơn thuần là kĩ thuật của thao tác mà là biểu hiện của năng lực, là năng lực vận dụng tri thức về hành động theo đúng quy trình để đạt kết quả mong muốn, không những trong điều kiện quen thuộc mà còn trong những điều kiện mới; KN vừa có tính ổn định, vừa mềm dẻo, nhờ có sự mềm dẻo mà con người có tính sáng tạo trong hoạt động thực tiễn.

Hai quan điểm trên không mâu thuẫn, mà bổ sung để làm rõ vấn đề. Nếu quan điểm thứ nhất chú trọng vào cách thức hành động thì quan điểm thứ hai chú trọng đến kết quả của hành động. Từ đó, có thể thấy KN gồm các đặc điểm sau [1; 99]: *Thứ nhất:* KN được hiểu là kĩ thuật của thao tác hay hành động nhất định. KN bao giờ cũng gắn với một hoạt động hay hành động và phải đạt đến mức độ đúng đắn và thuần thục nhất định. *Thứ hai:* Cơ chế hình thành KN là cơ chế hình thành hành động. Mỗi hành động bao giờ cũng có mục đích và thứ tự thực hiện các thao tác để đạt được mục đích. *Thứ ba:* KN là mức độ cao của tính đúng đắn, thành thạo và sáng tạo của việc triển khai hành động trong thực tiễn.

Như vậy, KN có yếu tố "mục đích" và "sáng tạo". Mỗi KN được thực hiện đều mang dấu ấn nhân cách và trình độ của mỗi cá nhân. Từ đó, nhà tâm lí học

người Nga A.V. Barabansicov cho rằng: "*KN là khả năng sử dụng tri thức và các kĩ xảo của mình một cách có mục đích và sáng tạo trong quá trình của hoạt động thực tiễn. Khả năng này là khả năng tự tạo của con người*" [1; 100].

Một số nhà giáo dục phân chia KN thành KN bậc 1 và KN bậc 2. KN bậc 1 là khả năng thực hiện hành động phù hợp với mục đích và điều kiện cụ thể. KN bậc 2 là khả năng thực hiện hành động một cách thành thạo, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu trong những điều kiện khác nhau. Từ đó, có thể coi KN bậc 1 là KN ban đầu, còn KN bậc 2 là KN hoàn thiện. Để hình thành KN hoàn thiện phải nhắc đến những yếu tố tác động là kiến thức liên quan đến KN cần hình thành, KN ban đầu, kĩ xảo, kinh nghiệm thực tiễn, khả năng sáng tạo của bản thân mỗi chủ thể. Mối quan hệ này được thể hiện qua sơ đồ sau:

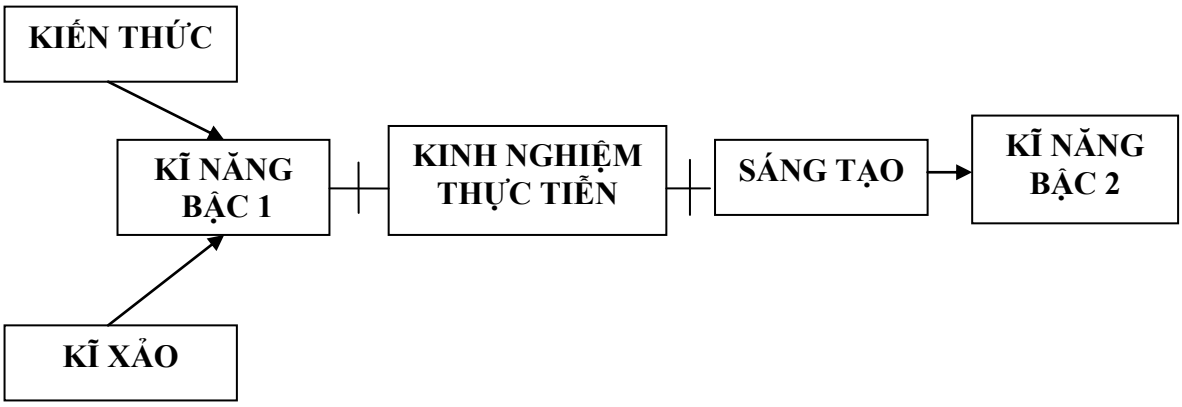

Sơ đồ 1: Các nhân tố tác động đến việc hình thành kĩ năng

Quan điểm của chúng tôi cho rằng *Kĩ năng là sự thực hiện có kết quả một công việc nào đó (lao động chân tay hay nhận thức) phù hợp với mục tiêu trong điều kiện cụ thể, nhờ tuân thủ một chuỗi các thao tác hành vi được sắp xếp theo một cấu trúc trong trật tự nhất định.* Người có KN là người có nhận thức đúng, hiểu rõ công việc mình phải làm, từ đó có hành động đúng, phù hợp với quy luật vận động của đối tượng để đạt được kết quả cao. Hầu hết KN mà con người có được đều xuất phát từ hoạt động thực tiễn, là quá trình vận dụng những tri thức và kinh nghiệm vào hoạt động thực tiễn để đạt được mục đích đề ra. Do đó, khi xem xét KN cần lưu ý: KN là mặt kĩ thuật của hành động, gắn với hành động cụ thể; Tiêu chuẩn quan trọng để xác định sự hình thành và phát triển của KN là tính đúng đắn, sự thành thạo, mềm dẻo, linh hoạt. Một hành động nếu còn vụng về, mắc lỗi, các thao tác diễn ra theo khuôn mẫu cứng nhắc thì chưa thể gọi là KN.

**** Mối quan hệ giữa "kĩ năng" và "năng lực"***

"Năng lực" là phẩm chất tâm sinh lí và trình độ chuyên môn, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có tạo cho con người khả năng thực hiện một loại hoạt động nào đó với chất lượng cao. Năng lực chung là năng lực cơ bản, thiết yếu mà bất kì người nào cũng cần để sống và làm việc (năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ và giao tiếp...). Năng lực riêng của môn học là năng lực được hình thành bởi ưu thế của môn học, liên quan chặt chẽ tới đặc điểm của môn học [46; 193].

Giữa "kĩ năng" và "năng lực" có mối quan hệ khăng khít với nhau. Năng lực là tổ hợp kiến thức về lĩnh vực hoạt động + KN tiến hành hoạt động + điều kiện tâm lí để tổ chức thực hiện KN đó trong một cơ cấu thống nhất và theo một phương hướng rõ ràng. Kĩ năng chỉ là một yếu tố cơ bản hết sức quan trọng của năng lực, hiện thực hoá năng lực, còn năng lực là nền tảng không thể thiếu của KN. Mặt khác, nếu chỉ có kiến thức hoặc kĩ năng, hoặc thái độ - một yếu tố riêng lẻ thì cũng không tạo thành năng lực, phải có sự kết hợp, tổ chức các thành tố đó. Người có KN tốt chưa hẳn đã là người có năng lực tốt, nhưng thông qua bồi dưỡng, rèn luyện KN với phương pháp đúng đắn và có hệ thống sẽ phát triển thành năng lực của bản thân.

Một người có năng lực trong lĩnh vực nào đồng nghĩa với việc họ có kiến thức, có cách nhìn, cách nghĩ và cách hành động liên quan đến lĩnh vực đó để đạt kết quả cao nhất. Muốn năng lực phát triển ở mức độ cao con người cần phải biết vận dụng sáng tạo tri thức, KN một cách linh hoạt trong hoạt động thực tiễn.

**** Khái niệm "Kĩ năng dạy học"***

Tác giả M.J. Lakshmi trong cuốn *Microteaching and Prospective Teachers* đã trích dẫn nhiều định nghĩa khác nhau về KNDH (teaching skill) [115; 63-65]: Học viện Đào tạo GV châu Á định nghĩa: "*KNDH là những hoạt động giảng dạy đặc biệt của GV có ảnh hưởng tới những thay đổi tích cực trong thái độ của HS*". Brown (1975): "*KNDH là một hệ thống thao tác liên quan đến các hoạt động dạy học của GV nhằm mục đích làm cho HS dễ dàng hơn trong quá trình học tập*". McIntyre và White: "*KNDH là một tập hợp các hoạt động của GV trong môi trường lớp học tương tác hướng tới việc thực hiện thành công các mục tiêu dạy học*". Như vậy, các tác giả đều nhấn mạnh đến bản chất của KNDH là hệ thống các hoạt động của GV trên lớp giúp HS dễ dàng đạt được mục tiêu môn học.

Trên cơ sở tham khảo các khái niệm về KN nói chung và KNDH nói riêng của các tác giả khác nhau, chúng tôi cho rằng *Kĩ năng dạy học là khả năng vận dụng tri thức và kĩ năng của GV một cách sáng tạo vào tổ chức hoạt động học tập của HS nhằm đạt được mục tiêu dạy học*. Kĩ năng dạy học của SV sư phạm là những kĩ năng được hình thành trong QTĐT ở trường ĐHSP, tiếp tục được rèn luyện và hoàn thiện trong thực tiễn sau khi SV ra trường. Đối với nghề dạy học, muốn có KN, kinh nghiệm người GV phải được rèn luyện bằng chính hoạt động dạy học và giáo dục. Giai đoạn học tập trong nhà trường là thời kì chuẩn bị những KNDH cần thiết làm vốn cho hoạt động dạy học sau này. Sự thành công trong dạy học là kết quả của quá trình rèn luyện nghề nghiệp, tích lũy kinh nghiệm trong điều kiện tương ứng để hình thành nên KN dạy học.

Qua nghiên cứu các quan điểm của các tác giả trong và ngoài nước về KNDH, trong phạm vi nghiên cứu cụ thể của đề tài luận án, chúng tôi cho rằng *Kĩ năng dạy học lịch sử là sự vận dụng những tri thức sư phạm đã có để thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học lịch sử trong những điều kiện cụ thể.* Cần phải nhấn mạnh rằng, KNDH lịch sử không đơn giản chỉ là biểu hiện của các thao tác hình thức như KN nói, KN viết, KN trình bảy bảng, KN vẽ hình minh họa, KN xử lí các tình huống sư phạm...Trong tính hệ thống của nó, KN tư duy LS, KN phân tích, so sánh để lí giải bản chất của sự kiện, hiện tượng lịch sử, để lập kế hoạch và xây dựng cấu trúc bài giảng lịch sử, để tìm hiểu mối liên hệ bản chất của kiến thức khoa học cơ bản, để xác định nội dung cơ bản của hệ thống kiến thức khoa học LS...mới là những nội dung quan trọng nhất, là máu thịt, là linh hồn của KNDH [48; 96].

**** Cơ chế hình thành kĩ năng:***

Việc hình thành kĩ năng nói chung, KNDH của GV nói riêng là một quá trình được thực hiện từng bước từ đơn giản đến phức tạp, không thể tiến hành một cách tùy tiện, mày mò theo kinh nghiệm chủ nghĩa mà phải được tiến hành một cách khoa học, tuân thủ theo quy trình nhất định. Muốn thành công, người học phải tham gia trực tiếp vào quá trình rèn luyện, phải có hiểu biết về KN, có khả năng vận dụng sáng tạo và linh hoạt những KN này vào hoàn cảnh cụ thể. K. K. Platônốp đưa ra 5 mức độ hình thành KN như sau:

- *Mức độ 1: Kĩ năng sơ đẳng:* con người ý thức được mục đích hành động và tìm kiếm cách thực hiện hành động dựa trên vốn hiểu biết, kinh nghiệm sống. Hành động được thực hiện bằng cách "thử" và "sai".

- *Mức độ 2: Biết cách làm nhưng không đầy đủ.* Có hiểu biết về phương thức thực hiện hành động, vận dụng các kĩ xảo đã có, nhưng không phải những kĩ xảo chuyên biệt dành cho hành động này.

- *Mức độ 3:* Có kĩ năng chung nhưng còn mang tính riêng lẻ.

- *Mức độ 4:* KN phát triển cao, sử dụng sáng tạo vốn hiểu biết và các kĩ xảo đã có, ý thức được mục đích hành động, động cơ lựa chọn cách thức đạt mục đích.

- *Mức độ 5:* Sử dụng sáng tạo các kĩ năng khác nhau.

Ở Việt Nam, tác giả Nguyễn Quang Uẩn đã đưa ra 3 giai đoạn hình thành kĩ năng như sau: *Giai đoạn 1*- Nhận thức đầy đủ về mục đích, cách thức, điều kiện hành động. *Giai đoạn 2:* Quan sát mẫu và làm thử theo mẫu. *Giai đoạn 3:* Luyện tập để tiến hành các hành động theo đúng yêu cầu nhằm đạt mục đích đặt ra

Trong cuốn *Rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử* (NXB ĐHSP năm 2009) các tác giả cũng phân chia việc hình thành kĩ năng theo ba giai đoạn:

- *Giai đoạn 1 - Nhận thức đầy đủ về mục đích, cách thức và điều kiện của hành động* - là giai đoạn rất quan trọng vì muốn hình thành một KN nào đó, người được rèn luyện cần biết mình phải làm gì, phải đạt được kết quả ra sao, biết được cách thức (biện pháp) để đạt được kết quả đó. Xác định đúng mục đích hoạt động sẽ giúp lập kế hoạch và tìm ra được biện pháp hoạt động phù hợp. Những cách thức này có thể do người học tự xây dựng hoặc được người dạy hướng dẫn. Tuy nhiên, việc hiểu biết kiến thức ở giai đoạn này chỉ là tiếp nhận lí thuyết, chưa hành động thực sự, vì vậy chưa thể nói là đã có KN. Nhưng nếu không có những tri thức này thì người ta phải lần mò, vừa khó hoàn thành công việc vừa mất nhiều thời gian.

- *Giai đoạn 2 – Quan sát mẫu và làm thử theo mẫu*: Sau khi đã hiểu mục đích, cách thức tiến hành, người học được quan sát mẫu và làm thử dưới sự giám sát của người dạy để củng cố vốn tri thức có sẵn của mình, thấy được khả năng vận dụng tri thức vào hoạt động, tìm ra những ưu điểm cần phát huy, nhược điểm cần sửa chữa của hoạt động. Việc làm thử dài hay ngắn, ít hay nhiều phụ thuộc vào năng lực của mỗi người. Các động tác của KN lúc này còn gượng gạo, có nhiều động tác thừa và chưa thuần thục, nhưng người học sẽ được hướng dẫn để kiểm tra, uốn nắn, chỉnh sửa kịp thời KN của mình.

- *Giai đoạn 3 – Tiến hành luyện tập*: Sau khi làm thử nhiều lần để nắm vững cách làm, người học phải tiến hành luyện tập, làm đi làm lại nhiều lần động tác cần học.. Lúc mới luyện tập, chỉ cần chú ý những động tác riêng lẻ, sau nhiều lần họ sẽ

biết kết hợp nhiều động tác riêng lẻ thành một hành động liên tục, không bị ngắt quãng, cũng có thể tự nhận thấy sai lầm của mình và tự sửa chữa. Ở giai đoạn này, các thao tác, các bước thực hiện hành động dần dần được hoàn thiện hơn, chính xác hơn, các tri thức và cách thức hành động được ôn luyện làm cho người học nắm chắc hành động hơn, có thể vận dụng các KN đó một cách sáng tạo để đạt được mục đích đề ra. KN thực sự ổn định khi trong điều kiện, hoàn cảnh khác con người vẫn hành động có kết quả. Việc luyện tập đạt kết quả cao hay thấp, nhanh hay chậm phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó sự nỗ lực của người học giữ vai trò quyết định.

Như vậy, cách thức tiến hành rèn luyện KN dù là đơn giản hay phức tạp cũng chia thành nhiều giai đoạn. KN đạt được ở giai đoạn sau bao giờ cũng cao hơn giai đoạn trước. Chúng có mối quan hệ biện chứng, logic với nhau, giai đoạn trước là tiền đề cho sự phát triển KN của giai đoạn sau. Chúng tôi hoàn toàn nhất trí và tuân thủ quy trình hình thành KN theo ba giai đoạn của các tác giả Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi...trong cuốn *Rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử*. Tuy nhiên không phải lúc nào tiến hành rèn luyện KNDH cũng phải thực hiện đầy đủ cả ba giai đoạn trên, điều này phụ thuộc vào điều kiện và hoàn cảnh của người được rèn luyện.

**** Các điều kiện để hình thành kĩ năng:***

Trên cơ sở các giai đoạn hình thành kĩ năng, các nhà giáo dục cũng nhấn mạnh để hình thành KN, cần có những điều kiện cụ thể sau:

- *Sinh viên:* Để quá trình hình thành KNDH đạt được kết quả cao, SV cần phải đảm bảo những điều kiện sau:

+ *Có kiến thức chuyên môn tốt:* nắm vững kiến thức LS, tâm lí học lứa tuổi, giáo dục học, kiến thức về Lí luận và PPDH bộ môn ở trường phổ thông. Kiến thức chuyên môn sẽ tạo ra tiền đề, nền tảng quan trọng cho các bước rèn luyện KNDH.

+ *Hiểu biết đầy đủ về KNDH:* SV cần hiểu một cách cặn kẽ về vai trò, mục đích, nội dung và yêu cầu rèn luyện KN, biết vận dụng những hiểu biết đó để có phương tiện, cách thức rèn luyện phù hợp trong từng tình huống cụ thể nhằm đạt kết quả cao nhất.

+ *Nội lực của SV* – đối tượng được hình thành và rèn luyện KNDH là vô cùng quan trọng. Hầu hết SV khi bước chân vào giảng đường ĐHSPHN đều đã ý thức được mục tiêu đào tạo của nhà trường, công việc mình sẽ làm sau khi ra trường: đó là trở thành GV. Nhận thức ban đầu về tính chất nghề nghiệp, mong

muốn trở thành GV giỏi trong lĩnh vực mình giảng dạy sẽ nuôi dưỡng tình yêu nghề của các em trong quá trình học tập tại trường. Đây là điều kiện tâm lí có ảnh hưởng không nhỏ đến việc hình thành và rèn luyện KN nghề nghiệp cho SV.

+ *SV phải tự giác trong rèn luyện*: KN được hình thành một cách tốt nhất khi SV mong muốn và có ý thức rèn luyện để hình thành KN cho bản thân. Muốn vậy, các em phải có *động cơ để hành động* – nghĩa là thấy được lợi ích của việc làm, muốn được tự khẳng định mình, muốn được động viên, khuyến khích, khen ngợi... để làm được việc này, GV cần chú ý đến đặc điểm tâm lí của người học, những điều kiện khách quan để việc hình thành KN đạt kết quả cao.

Muốn thành công phải có niềm đam mê, sự tâm huyết. Đây là nền tảng cơ bản, là điều kiện tiên quyết. Nếu SV yêu nghề, yêu trẻ, có khát khao trở thành một GV giỏi, họ sẽ cố gắng vượt qua mọi trở ngại, khó khăn về hoàn cảnh, điều kiện sức khỏe, vật chất, tinh thần để hoàn thiện KN nghề nghiệp của mình, không ngừng nỗ lực và sáng tạo để biến QTĐT thành quá trình tự đào tạo, học tập suốt đời.

- *Giảng viên – người hướng dẫn thực hành:*

+ Giảng viên là người hướng dẫn thực hành, trực tiếp tổ chức quá trình hình thành KNDH cho SV. Để quá trình này đạt kết quả cao nhất, giảng viên cần đảm bảo những yêu cầu sau: Có kiến thức sâu sắc về khoa học cơ bản (khoa học lịch sử) và PPDH nói chung, PPDH môn LS nói riêng. Tâm huyết với nghề, yêu nghề, sáng tạo trong việc biết cách hướng dẫn các SV trong nhóm thực hành tạo ra các tình huống mô phỏng lớp học thực tế thông thường với từng loại KNDH. Có khả năng làm mẫu (thị phạm) cho SV trong quá trình thực hành, luyện tập. Muốn vậy, GV phải cung cấp cho SV những kiến thức lý thuyết một cách cẩn thận, làm thử và phân tích tỉ mỉ từng hành động, gắn lý thuyết với thực hành là cách thức tốt nhất để hình thành KN.

Muốn làm tốt việc này, giảng viên phải hiểu biết sâu sắc về các KNDH, có kinh nghiệm giảng dạy môn LS ở bậc PT. Giảng viên cũng cần có thái độ kiên trì, thông cảm, khách quan khi đưa ra các nhận xét, phản hồi. Những hiểu biết về KN và kinh nghiệm giảng dạy ở PT sẽ giúp cho giảng viên tự tin đưa ra những nhận xét, góp ý chính xác, những lời khuyên phù hợp và ứng xử khéo léo trước các tình huống phát sinh trong quá trình luyện tập của SV.

+ *Giảng viên phải để SV được luyện tập có hệ thống, liên tục trong các điều kiện thuận lợi, dành nhiều thời gian để củng cố thường xuyên các KN đã hình*

thành: Các tình huống giảng viên đưa ra luyện tập phải đa dạng, giúp cho các KN được hình thành mang tính mềm dẻo. Việc luyện tập có thể diễn ra dưới sự giám sát, kiểm tra của giảng viên nhưng cũng có thể do SV tự kiểm tra. Vào giai đoạn đầu tiên của quá trình luyện tập, giảng viên phải thường xuyên kiểm tra để phát hiện kịp thời những sai sót của SV, sau đó hướng dẫn cho các em tự kiểm tra bằng cách so sánh động tác của bản thân với những phương thức hành động đã được hướng dẫn, hoặc hành động mẫu, từ đó nhớ hành động, củng cố tri thức liên quan đến hành động. Trong quá trình luyện tập, giảng viên không chỉ đưa ra lời khen chê, góp ý của mình mà phải hướng dẫn, động viên, khuyến khích các SV khác mạnh dạn đưa ra những nhận xét của họ sau mỗi giờ thực hành. Lời nhận xét, khen hay chê khi KN xuất hiện là cách thức hồi đáp rất tốt để củng cố và khắc sâu hơn KN. Đây là những yêu cầu của bất kì quá trình rèn luyện KN nào, trong đó có quá trình rèn luyện KNDH.

Thực tế đã khẳng định, phải nắm vững kiến thức mới chủ động trong giảng dạy, mới có thể dạy hay, từng bước nâng lên ở mức cao hơn là sáng tạo và nghệ thuật. Quá trình hình thành KN nghề nghiệp cho SV rất cần có sự động viên, khích lệ tinh thần của các giảng viên. Vì vậy, ở Trường ĐHSPHN, mỗi giảng viên phải là một "khuôn mẫu", một tấm gương về đạo đức, nhân cách, PPDH trong từng giờ học, để SV có thể học tập NVSP ngay trên giảng đường, trong từng bài giảng của thầy cô.

- *Các phương tiện dạy học cần thiết:*

Khi tổ chức thực hành, rèn luyện KNDH cho SV ngành sư phạm Lịch sử, cơ sở đào tạo phải được trang bị tối thiểu 01 phòng rèn luyện NVSP bộ môn có sức chứa khoảng 20 - 25 SV; 01 bảng viết phấn (Kích thước giống bảng được trang bị ở các trường phổ thông); trang thiết bị máy móc: 01 máy tính được nối mạng Internet, 01 máy projecter và 1 màn chiếu, 01 ti vi có kích thước 36 inch hoặc 42 inch, 01 máy quay phim kĩ thuật số, phương tiện phục vụ cho dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông theo yêu cầu của Bộ GD & ĐT (hệ thống tranh ảnh, Bản đồ giáo khoa treo tường cho cấp THCS và THPT, đĩa phim tư liệu LS), 01 tủ sắt đựng các phương tiện dạy học. Ngoài ra, nhà trường cần có hệ thống các phòng học được trang bị những phương tiện cần thiết như bảng viết, bàn, ghế để phục vụ cho quá trình tự rèn luyện của SV ngoài giờ học.

Trên đây là những yêu cầu về cơ sở vật chất kĩ thuật nhằm đảm bảo cho quá trình rèn luyện KNDH đạt hiệu quả tốt nhất. Những yêu cầu trên cho chúng tôi những định hướng cụ thể trong quá trình áp dụng một số biện pháp vào hình thành KNDH cho SV ngành sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSPHN.

2.1.2. Đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên:

- Đặc điểm quan trọng nhất của lao động sư phạm là luôn có sự tương tác giữa con người với con người, GV - GV, GV - HS, HS – HS, cộng đồng nhà trường – cộng đồng xã hội. Sản phẩm của nghề GV là nhân cách con người - một thực thể tâm lí sống động đang lớn lên và luôn phát triển theo thời gian, rất đa dạng, phức tạp. Đối tượng tác động của GV là con người, nên cũng có khả năng phản ánh, tự thu nhận thông tin và xử lí thông tin theo các cách khác nhau. Phẩm chất nhân cách của GV cũng là nguồn thông tin tác động tích cực đến sự hình thành nhân cách HS. Tóm lại, trong lao động sư phạm, đối tượng lao động là con người, công cụ chủ yếu là con người, sản phẩm cũng là con người.

- Tri thức khoa học của loài người luôn biến đổi về chất và lượng. Điều đó làm nảy sinh mâu thuẫn là kiến thức dạy trong nhà trường vừa không đủ, vừa nhanh chóng lạc hậu, có thể trong tương lai HS không dùng được nữa. Mâu thuẫn đó chỉ được giải quyết khi GV không chỉ là người truyền đạt tri thức, mà còn phải tổ chức, gợi mở, hướng dẫn các hoạt động học tập, giúp HS tự lực chiếm lĩnh kiến thức mới. Đồng thời, GV phải tự phát triển, tự bồi dưỡng, tự đào tạo để bổ sung, cập nhật tri thức. Để làm người thầy xuất sắc, GV phải là người học suốt đời.

- Kết quả lao động sư phạm của người GV cũng hết sức đặc biệt. Nếu các loại lao động khác khi kết thúc thu được sản phẩm ngay, thì hiệu quả lao động của người GV phát triển và bền vững trong nhân cách con người. Điều đó đòi hỏi GV phải tinh thông nghề nghiệp để vừa có thể tác động trực tiếp, hiệu quả, vừa dự báo, định hướng phát triển nhân cách HS trong tương lai.

- Muốn tạo được sự yêu thích, khát khao học hỏi cho HS, người GV ưu tú phải có kiến thức sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn mà họ giảng dạy, từ đó đề ra ý tưởng, gia công những kế hoạch sư phạm hấp dẫn và sinh động để HS biến kiến thức sách vở thành tri thức của mình. Đối tượng của nghề dạy học không chỉ là những con người sống động, hoạt bát, phát triển không ngừng về thể chất và tinh thần, mà quá trình lớn lên và trưởng thành của họ còn chịu ảnh hưởng từ nhiều phía như gia đình, nhà trường, môi trường XH bên ngoài...Điều đó đòi hỏi người

GV trong quá trình lao động của mình luôn luôn phải có sự điều chỉnh, sáng tạo và nghệ thuật cao.

Tính sáng tạo trong công việc của GV được biểu hiện trong QTDH, GV phải biết chuyển hóa toàn bộ những nội dung kiến thức, tư tưởng tình cảm được đúc kết trong SGK thành những kiến thức, năng lực và tư tưởng tình cảm của mình, đồng thời phải biết căn cứ vào đặc điểm của HS để sắp xếp và thực hiện lại quy trình đó từ đầu. Tính sáng tạo còn biểu hiện ở sự ứng xử có tính phân hóa với HS, vừa bồi dưỡng cho HS dựa trên mục tiêu thống nhất, vừa biết chú ý đến những điểm khác biệt để lựa chọn các PPDH khác nhau nhằm phát triển cá tính và ưu thế của từng em. Trong QTDH, GV phải căn cứ vào đối tượng, nội dung và điều kiện giáo dục; vận dụng những kiến thức, năng lực, kinh nghiệm của bản thân để đưa ra phương pháp giảng dạy đa dạng, tiến hành những sáng tạo nghệ thuật trên cơ sở nắm vững KNDH, từ đó hình thành nên phong cách sư phạm riêng của mình.

Tính nghệ thuật trong lao động sư phạm của người GV thể hiện ở khả năng thuyết phục và cảm hóa HS, phân tích và đưa ra cách xử lí các tình huống sư phạm khác nhau. Người GV chỉ giỏi chuyên môn thôi chưa đủ, quan trọng là biết cách chuyển tải kiến thức đó đến HS một cách hấp dẫn, sinh động, khơi dậy ở HS niềm đam mê, hứng thú học tập và hướng dẫn các em cách tự học hiệu quả...điều đó đòi hỏi ở họ tài nghệ sư phạm. Điều đó không phải tự nhiên mà có được, KN này phải trở thành một nội dung trọng tâm trong chương trình ĐTGV ở các trường ĐHSP.

2.1.3. Định hướng đổi mới đào tạo giáo viên ở Việt Nam

**** Vai trò của đội ngũ giáo viên:***

Đội ngũ nhà giáo là nòng cốt của sự nghiệp giáo dục, quyết định chất lượng giáo dục của nhà trường. GV không chỉ đóng vai trò là người truyền đạt tri thức mà còn là người tổ chức, hướng dẫn, gợi mở, cố vấn, trọng tài các hoạt động học tập, khám phá tri thức của HS. Đứng trước yêu cầu của cuộc cải cách toàn diện nền giáo dục, GV phải có năng lực đổi mới PPDH, chuyển từ PPDH tập trung vào hoạt động dạy của GV sang PPDH tập trung vào hoạt động học của HS; từ cách dạy thông báo, giải thích, minh họa sang cách dạy hoạt động tìm tòi khám phá. GV phải là một công dân gương mẫu, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm xã hội, có lòng yêu nghề và khả năng tương tác với HS. Bằng chính nhân cách của mình, GV tác động tích cực đến sự hình thành nhân cách của HS.

Để đáp ứng đòi hỏi của xã hội hiện đại và thực tiễn nhà trường đối với người GV, nhiều quốc gia trên thế giới đã tiến hành những cải cách quan trọng trong ĐTGV theo hướng mở rộng kiến thức về phát triển, các lí thuyết học tập, nhận thức các yếu tố tác động đến việc thúc đẩy và sự tham gia của HS vào quá trình học; phát triển những nội dung kiến thức NVSP và kinh nghiệm giảng dạy, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa trường SP với trường PT. Chương trình ĐTGV mới hiện nay xác định dạy học là nghề định hướng thực hành, vì thế phải diễn ra chủ yếu tại trường PT để người học được củng cố lí thuyết và thực hành giảng dạy có hiệu quả.

Từ mục tiêu và những định hướng đổi mới GDPT sau năm 2015, vị trí, vai trò của GV cũng có những thay đổi tương ứng. UNESCO cho rằng người GV thế kỉ XXI phải đảm nhiệm nhiều chức năng hơn, trách nhiệm lựa chọn nội dung giáo dục nặng nề hơn, chuyển từ vai trò cung cấp, truyền thụ tri thức sáng vai trò tổ chức, điều khiển, hướng dẫn HS chiếm lĩnh tri thức; coi trọng dạy học phân hóa cá nhân, biết sử dụng tối đa những nguồn tri thức đa dạng trong xã hội; biết sử dụng CNTT, phương tiện kĩ thuật dạy học; không ngừng tự học để nâng cao trình đô chuyên môn nghiệp vụ; yêu cầu hợp tác làm việc với đồng nghiệp chặt chẽ hơn, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng giao tiếp, ứng xử trong các quan hệ xã hội, với cha mẹ HS, HS và các tổ chức xã hội, yêu cầu GV tham gia hoạt động rộng rãi trong và ngoài nhà trường...

Sự thay đổi vai trò của người GV trong giáo dục hiện đại cũng đòi hỏi sự thay đổi mạnh mẽ về PPDH. Dạy học truyền thống quan niệm *Học là quá trình tiếp thu và lĩnh hội*, qua đó hình thành kiến thức, KN, tư tưởng, tình cảm cho HS; Bản chất của nó là truyền thụ tri thức và chứng minh chân lí của GV. Vì vậy PPDH cũng tập trung chủ yếu vào vai trò cung cấp, truyền đạt kiến thức của người thầy. Thầy chỉ cần am hiểu kiến thức LS dân tộc và LS thế giới, không quan trọng có vững vàng về NVSP hay không vẫn có thể lên lớp dạy cho HS.

Nếu GV dạy bằng phương pháp truyền thống - thông báo kiến thức có sẵn thì sẽ được đáp lại bằng một phương pháp học thụ động, bắt chước từ phía HS. Nội dung dạy học không thể chỉ là kiến thức, mà thông qua kiến thức phải hình thành ở HS năng lực thu nhận, xử lí, sử dụng thông tin để giải quyết các tình huống đa dạng trong nhận thức và hoạt động sống. Vì vậy, cần khắc phục những hạn chế của PPDH truyền thống bằng việc tổ chức QTDH mà ở đó nhiệm vụ của GV là tổ chức hoạt động tự học cho HS. Thông báo, cung cấp kiến thức có sẵn không còn là chức năng chính của người thầy, thay vào đó là tạo ra các tình huống hoạt động sao cho

khi thực hiện, người học có được sự chuyển biến cả về kiến thức và các thao tác tư duy vốn là công cụ để thu nhận kiến thức đó.

Hiện nay, phát triển toàn diện năng lực HS là mục tiêu cơ bản của QTDH. Năng lực của HS trong học tập lịch sử là khả năng giải quyết một cách hiệu quả các vấn đề đặt ra trong thực tiễn cuộc sống trên cơ sở những hiểu biết chính xác, vững chắc về lịch sử. Có nghĩa là, hoạt động dạy của GV phải hướng tới mục đích giúp HS nắm vững, hiểu sâu kiến thức lịch sử, biết vận dụng kiến thức trong tiếp thu kiến thức mới và đánh giá thực tiễn cuộc sống. Chương trình môn LS hiện nay ở trường PT được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực. Đây là định hướng cơ bản cho việc xác định mục tiêu, nội dung, PPDH và giáo dục. GV là người thiết kế, thực hiện, thi công QTDH, tổ chức HS khám phá tri thức mới, vừa là tấm gương, đối tượng để HS học tập. Vì vậy, GV phải giỏi về kiến thức chuyên môn, vững vàng về NVSP mới có thể phát triển toàn diện năng lực HS.

**** Đổi mới mục tiêu đào tạo giáo viên:***

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về *Đổi mới căn bản, toàn diện GD đào tạo Việt Nam* (NQ số 29-NQ/TW) xác định phải đổi mới chương trình GDPT theo hướng tiếp cận năng lực, mà trước tiên phải đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng GV, *phát triển hệ thống trường sư phạm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; ưu tiên đầu tư xây dựng một số trường sư phạm, trường sư phạm kĩ thuật trọng điểm; khắc phục tình trạng phân tán trong hệ thống các cơ sở nhà giáo...Đổi mới mạnh mẽ mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của nhà giáo theo yêu cầu nâng cao chất lượng, trách nhiệm, đạo đức và năng lực nghề nghiệp.*

Để thực hiện mục tiêu nói trên, Bộ GD& ĐT đã ban hành các bộ Chuẩn nghề nghiệp (CNN) cho GV Trung học năm 2009 yêu cầu về năng lực thực hiện hoạt động nghề nghiệp trong các lĩnh vực cơ bản đối với GV phổ thông ở một cấp học cụ thể. Mỗi yêu cầu đều xác định những kiến thức và KN cần thiết đảm bảo cho sự thành công của các hoạt động mà người GV phải thực hiện hằng ngày. Đối với GV THPT, CNN đưa ra 6 tiêu chuẩn: (1) Phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống; (2) Năng lực tìm hiểu đối tượng, môi trường giáo dục; (3) Năng lực dạy học gồm 8 tiêu chí: xây dựng kế hoạch dạy học, đảm bảo kiến thức môn học, đảm bảo chương trình môn học, vận dụng các PPDH, sử dụng phương tiện dạy học, xây dựng môi trường học tập, quản lý

hồ sơ dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS; (4) năng lực giáo dục; (5) năng lực hoạt động chính trị, xã hội; (6) Năng lực phát triển nghề nghiệp [7; 51].

Mục tiêu của Trường ĐHSPHN là đào tạo nghề dạy học. Vì vậy, SV tốt nghiệp phải đạt được các tiêu chí nghề nghiệp về phẩm chất nhân cách và các năng lực tương ứng CNN giáo viên. SV sư phạm phải nắm bắt được những yêu cầu của CNN, thích ứng với nghề nghiệp càng sớm càng tốt, để tránh tình trạng khi ra trường bị kêu là lạc hậu so với phổ thông. Cần lấy chuẩn như bản tham chiếu để xây dựng các năng lực sư phạm đối với SV tốt nghiệp nhằm giúp các em khi ra trường sớm thích ứng với GDPT.

Dựa theo CNN của Bộ GD & ĐT ban hành, nhóm tác giả thực hiện đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ (Mã số B2011-17-CT04) ***Giải pháp đổi mới đào tạo NVSP cho SV ĐHSP đáp ứng yêu cầu giáo dục phổ thông thời kì mới*** (chủ nhiệm đề tài: TS Nguyễn Kim Dung), đã xây dựng Khung chuẩn đầu ra đối với SV tốt nghiệp ĐHSP theo định hướng phát triển năng lực nghề như sau:

* *Các giá trị nghề nghiệp:* (1) Những giá trị hướng vào HS: Yêu HS, khoan dung, độ lượng; Tin rằng tất cả mọi HS đều có thể học được; Cam kết nuôi dưỡng tiềm năng của từng HS; Coi trọng sự đa dạng. (2) Những giá trị mang bản sắc của người GV: Ham học hỏi; Lạc quan; Kiên trì, kiên nhẫn; Sáng tạo; Sống lành mạnh; Cởi mở; Thân thiện; Thẳng thắn; Trung thực. (3) Những giá trị phục vụ nghề nghiệp: Yêu nghề, tự hào về nghề giáo; Trách nhiệm nghề nghiệp và xây dựng xã hội văn minh; Cam kết chất lượng.

* *Các năng lực nghề nghiệp:* (1) Nhóm năng lực khoa học chuyên ngành. (2) Nhóm năng lực sư phạm với 5 năng lực cụ thể: Năng lực dạy học, năng lực giáo dục, năng lực định hướng phát triển HS, năng lực phát triển cộng đồng nghề và xã hội, năng lực phát triển cá nhân. Về nguyên tắc, chuẩn năng lực sư phạm phải có quan hệ lôgic với CNN GV Trung học, với chuẩn đầu ra trình độ ĐH khối ngành sư phạm ĐTGV THPT. Sơ đồ quan hệ đó là: Chuẩn nghề nghiệp GV <-> Chuẩn đầu ra <-> Chuẩn năng lực sư phạm. Cụ thể, năng lực dạy học gồm 8 tiêu chí: (1) Năng lực phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa. (2) Năng lực vận dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học bộ môn. (3) Năng lực dạy học phân hóa. (4) Năng lực dạy học tích hợp. (4) Năng lực xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài học. (5) Năng lực tổ chức các hoạt động học tập của HS/Năng lực thực hiện kế hoạch bài học. (6) Năng lực tổ chức và quản lí lớp học trên giờ học. (7) Năng lực

đánh giá sự tiến bộ và kết quả học tập của HS.(8) Năng lực xây dựng, quản lí và khai thác hồ sơ dạy học. [7; 51]

Như vậy, mục tiêu ĐTGV sẽ được cụ thể hóa bằng hệ thống chuẩn đầu ra và được cấu thành bởi các năng lực, các tiêu chí, các chỉ báo mỗi tiêu chí. Sự chênh lệch năng lực SV tốt nghiệp ĐHSP so với yêu cầu CNN giáo viên chủ yếu do mức độ trải nghiệm nghề nghiệp trong thực tiễn nhà trường PT của SV còn thấp. Để giảm bớt sự chênh lệch đó, khi xác định các biện pháp hình thành KNDH cho SV khoa Lịch sử, chúng tôi đã tăng cường KN thực hành nghề nghiệp trong thực tiễn GDPT vốn đang là khâu yếu nhất hiện nay, coi đây là một bước đi đột phá trong đổi mới ĐTGV Lịch sử của Trường ĐHSPHN.

**** Đổi mới chương trình và nội dung đào tạo giáo viên:***

Vấn đề đổi mới CTĐT luôn được coi trọng trong công cuộc đổi mới giáo dục. Chương trình giảng dạy với cấu trúc hợp lí sẽ giúp SV được hưởng nội dung giáo dục khoa học, nền tảng kiến thức chuyên môn tốt, có kiến thức về khoa học giáo dục, tâm lí học, từ đó hình thành năng lực, phẩm chất của người GV trong tương lai. Chương trình ĐTGV tại các trường ĐHSP cần kết hợp đào tạo chuyên môn và đào tạo nghiệp vụ, kết hợp giữa đào tạo và tự đào tạo, đào tạo cách dạy và cách học. Trong bối cảnh xã hội phát triển nhanh chóng, những giá trị đạo đức và lối sống rất được quan tâm, người GV trong nhà trường phổ thông không chỉ làm nhiệm vụ trang bị cho HS học vấn, KN liên quan đến môn học, mà còn giúp định hướng và giáo dục nhân cách cho HS. Như vậy, quá trình ĐTGV không chỉ chú trọng vào mục tiêu ĐTGV dạy môn học, mà phải hướng tới đào tạo họ trở thành nhà giáo dục, có nghĩa là bên cạnh kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ, mỗi SV cần được rèn luyện về phẩm chất, đạo đức, lối sống để hình thành nhân cách của nhà giáo dục tương lai.

Chương trình ĐTGV cần kết hợp giữa kiến thức khoa học cơ bản, khoa học chuyên ngành và khoa học giáo dục. Bên cạnh việc cung cấp kiến thức khoa học, cần chú trọng vào việc hình thành các năng lực và KN cần thiết cho người GV. Hai nhiệm vụ đào tạo chuyên môn và đào tạo nghiệp vụ phải kết hợp hài hòa với nhau về thời lượng chương trình. Các trường sư phạm cần quan niệm ĐTGV là quá trình liên tục, phải có sự kết hợp giữa đào tạo và tự đào tạo. Đối tượng lao động của GV là con người với đầy đủ những đặc tính phức tạp, nội dung môn học trong nhà trường thường xuyên thay đổi. Vì vậy, nếu không có khả năng tự nâng cao trình độ

của bản thân, không được tạo điều kiện cho quá trình đào tạo lại thì họ khó có thể đảm đương các nhiệm vụ của một nhà giáo dục trong thế kỉ XXI.

**** Đổi mới phương pháp đào tạo giáo viên:***

Một trong những yếu tố tác động đến quá trình tự đào tạo và đào tạo thường xuyên là SV phải được dạy cách học. Đây không chỉ là một biện pháp nâng cao hiệu quả học tập, mà phải trở thành mục tiêu cần đạt được trong quá trình ĐTGV. Đổi mới phương pháp ĐTGV theo hướng phát huy tính tích cực của người học ở ĐH được thực hiện theo nguyên lí "*biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo*". Trường ĐHSPHN cần phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, khả năng tự học, tự nghiên cứu của SV. Về bản chất, tính tích cực trong học tập là tính tích cực trong nhận thức, khát vọng muốn tìm hiểu, khám phá và chiếm lĩnh tri thức. Muốn thế, người học phải có động cơ đúng, có hứng thú, tự giác trong học tập và rèn luyện. PPDH tích cực là phương pháp coi trọng sự tương tác giữa thầy và trò, giữa các thành viên trong lớp, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của SV, phát huy được khả năng tự học, tự nghiên cứu của SV, biểu hiện bằng 5 dấu hiệu sau [91; 17]: Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập của người học; Chú trọng rèn luyện phương pháp tự học; Tăng cường học tập cá thể, phối hợp với học tập hợp tác; Kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá của trò; Vai trò chỉ đạo của GV. Thực hiện dạy học tích cực phải sử dụng đa dạng các phương pháp, phương tiện dạy học trực quan, hiện đại, tăng cường hoạt động thực hành, thực tế cho SV.

Quá trình tự đào tạo của SV đòi hỏi các hoạt động đào tạo phải được đa dạng hóa, SV được hướng dẫn, rèn luyện phương pháp tự học, phương pháp nghiên cứu khoa học. Ngoài giờ học trên lớp về PPDH, các em được tạo điều kiện hoặc tự tạo ra điều kiện để rèn luyện KN. Năng lực này sẽ giúp SV sau khi ra trường vẫn có thể tự mình nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn cũng như kĩ năng NVSP.

**** Cải thiện điều kiện học tập của sinh viên ở các cơ sở ĐTGV***

Cơ sở vật chất là một yếu tố quan trọng đảm bảo chất lượng đào tạo, bao gồm phòng học, trang thiết bị phục vụ cho quá trình học tập như: Máy tính, máy chiếu, mạng Internet, phòng thực hành... và cả môi trường học tập. Cơ sở vật chất tốt tạo điều kiện cho SV phát huy, nâng cao, hoàn thiện năng lực vốn có của bản thân, tự tin, nỗ lực, giúp đỡ lẫn nhau để phấn đấu trở thành GV giỏi trong tương lai.

Nói tóm lại, những định hướng về đổi mới ĐTGV ở Việt Nam đã và đang đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới chương trình đào tạo của các trường ĐHSP trong cả nước.

Thực tế đó đòi hỏi khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN phải có những bước cải tiến trong quy trình rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp cho SV, để sau này ra trường các em có thể trở thành những GV Lịch sử giỏi, đáp ứng được yêu cầu của nền giáo dục nước nhà.

2.1.4.Vai trò, ý nghĩa của việc hình thành KNDH cho SV ngành sư phạm Lịch sử

*** Vai trò:** Cùng với sự phát triển của xã hội, những tiêu chuẩn, yêu cầu đối với việc học và kết quả học tập của HS ngày càng cao. Từ những năm 70 của thế kỉ XX, các nhà giáo dục đã không ngừng quan tâm đến chất lượng GV (trình độ chuyên môn, trình độ NVSP, phẩm chất nhân cách) có tác động đến kết quả học tập của HS như thế nào:...Khi xem xét mối tương quan giữa trình độ NVSP của GV và kết quả học tập của HS, những yếu tố có tác động đến kết quả học tập của HS gồm có [37; 9]: *Khả năng khoa học chung và trí thông minh của GV:* ít ảnh hưởng. *Kiến thức môn học của GV:* có ảnh hưởng đến kết quả học tập của HS, nhưng không mạnh và không ổn định, chỉ ở một số khía cạnh. *Kiến thức, kĩ năng về dạy và học của GV (NVSP):* ảnh hưởng tương đối mạnh và ổn định đến kết quả học tập của HS. *Tương tác GV và HS*: GV ảnh hưởng đến HS thông qua việc dạy học trong lớp. Điều này cho thấy KNDH của SV sư phạm có vai trò rất quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy môn Lịch sử ở trường phổ thông sau này.

Hiện nay, LS là một trong các môn học bị xem nhẹ ở trường PT. Minh chứng rõ nét nhất là trong kì thi THPT quốc gia những năm gần đây, môn LS là môn tự chọn. Do đó, thời gian của môn Sử bị cắt xén để dành thời gian cho các môn học khác. Trong nền giáo dục PT, tất cả các môn học đều có vị trí và chức năng riêng của nó, đều góp phần phát triển toàn diện HS. Vì vậy, không nên phân biệt môn chính, môn phụ hay đối xử không công bằng với các môn học. Trong giáo dục hiện đại, mục tiêu đào tạo con người trước hết là phát triển năng lực. Trong bồi dưỡng và phát triển năng lực HS, môn LS giữ vai trò quan trọng, không chỉ trang bị cho HS vốn kiến thức về LS dân tộc, LS nhân loại mà còn bồi dưỡng nhân cách, phát triển tư duy, hình thành văn hóa ứng xử cho các em. Nhận thức đúng tầm quan trọng và nâng cao vị thế của môn LS ở trường PT là hành động đúng đắn góp phần động viên, khích lệ GV hăng say đổi mới PPDH, SV tích cực rèn luyện KN sư phạm để mang đến những bài giảng hấp dẫn, sinh động cho HS.

Kiến thức không phải là tất cả và cũng không phải là mục tiêu cuối cùng, nhưng là cơ sở nền tảng của giáo dục. Mục tiêu của môn LS không dừng lại ở kiến thức mà làm thế nào để những kiến thức đó thấm sâu vào nhận thức của HS, biến

thành hiểu biết của chính các em một cách hứng thú. Mỗi sự kiện LS không còn là một mảng của quá khứ khô cứng với những niên đại, con số mà là một bộ phận của lịch sử sống động, qua bài giảng của thầy cô và sự giao lưu với bạn học, được các em tiếp nhận một cách hào hứng, chủ động. Do đó, PPDH của GV mỗi giờ lên lớp là rất quan trọng. Thầy dạy hay HS sẽ yêu thích môn học. Khi các em say mê môn học sẽ tạo ra những thay đổi tích cực trong nhận thức và đánh giá của xã hội, gia đình, nhà trường về vị trí và vai trò của môn LS ở trường PT.

Chức năng quan trọng của Trường ĐHSPHN nói chung, khoa LS nói riêng là đào tạo, rèn luyện cho SV trở thành GV có phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng chính trị vững vàng, có trình độ khoa học, giỏi về nghiệp vụ cho các trường phổ thông. Trong một ý nghĩa nhất định, Trường sư phạm là trường dạy nghề - nghề làm Thầy cho xã hội. Có tay nghề vững chắc, thành thạo người GV mới có thể thực hiện được nhiệm vụ dạy chữ, dạy người. Đối với SV, thực hiện các hoạt động rèn luyện KN nghề nghiệp thường xuyên vừa là mục đích, nội dung, vừa là phương tiện của quá trình học tập. Đây là đặc trưng và điểm khác biệt giữa trường ĐHSP với các trường ĐH khác. Tại trường ĐHSPHN, cung cấp kiến thức chuyên môn và rèn luyện nghiệp vụ là hai bộ phận chính trong nội dung và kế hoạch đào tạo. Theo đó, SV có điều kiện tích lũy kinh nghiệm, phát triển hệ thống các KN sư phạm, bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp, hình thành phẩm chất, năng lực của người GV. Vì vậy, nâng cao chất lượng các hoạt động thực hành nghiệp vụ để hình thành KNDH cho SV sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSPHN là góp phần đào tạo đội ngũ GV có chất lượng cao, đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn giáo dục nước nhà trong xu thế hội nhập.

*** Ý nghĩa của việc hình thành KNDH cho SV ngành sư phạm Lịch sử**

- *Về kiến thức:* Mục tiêu của khoa Lịch sử - Trường ĐH Sư phạm Hà Nội là đào tạo những GV dạy Sử giỏi về chuyên môn và vững vàng về KN sư phạm trong tương lai. Việc tổ chức các hoạt động rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp tạo điều kiện cho SV biến hệ thống tri thức khoa học cơ bản và khoa học nghiệp vụ thành những KNDH, kết hợp thường xuyên, kịp thời lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành trong quá trình đào tạo. Xuất phát từ những thay đổi của chương trình GDPT mới, người GV cần có kiến thức chuyên môn sâu rộng, NVSP vững vàng. Thực tế cho thấy, nhiều GV giỏi về chuyên môn nhưng không có phương pháp, NVSP tốt thì gặp nhiều khó khăn trong QTDH. Vì vậy, không phải ai am hiểu lịch sử sâu sắc

cũng đều có thể trở thành GV dạy Sử giỏi. Kiến thức khoa học lịch sử mà SV tích lũy được qua các học phần khoa học cơ bản giúp các em tự tin hơn, chủ động hơn trong quá trình rèn luyện NVSP. Tích cực rèn luyện KNDH bộ môn giúp SV có được nghệ thuật và phương pháp để truyền đạt một cách hiệu quả nhất phần kiến thức ấy vào khối óc và trái tim HS, hình thành cho HS những nhận thức LS sâu sắc và sinh động.

- *Về kĩ năng:* Việc DHLS ở trường phổ thông phải trải qua những khâu của quá trình lao động giáo dục. Khi dạy từng bài hay cả khóa trình của môn học, đòi hỏi GV phải nắm vững quy trình công nghệ của lao động giáo dục, tức là phải nắm được phương pháp và nghệ thuật sư phạm. Qua các hoạt động rèn luyện kĩ năng NVSP, SV sẽ được tập dượt những thao tác, kĩ năng cơ bản của nghề dạy học. Từ chưa có kĩ năng - bước đầu có kĩ năng đến hoàn thiện kĩ năng, phát triển kĩ năng có thể đảm nhiệm việc tổ chức DHLS ở trường phổ thông một cách chủ động, độc lập và sáng tạo. Hình thành KNDH cho SV trong quá trình đào tạo tại khoa Lịch sử là giai đoạn đầu, là bước đệm rất quan trọng cho quá trình hoạt động nghề nghiệp sau này của các em sau khi tốt nghiệp. Mọi công việc thực hành, rèn luyện trong giai đoạn này góp phần đặt cơ sở cho việc thực hành, luyện tập những kĩ năng tổng hợp ở giai đoạn sau, để khi ra trường SV có thể chủ động, tích cực tìm tòi đáp ứng yêu cầu đổi mới về PPDH, nâng cao chất lượng dạy học bộ môn.

- *Về thái độ, tư tưởng, tình cảm:* Năng lực sư phạm là một điều kiện để hiện thực hoá nhân cách sư phạm. Vì vậy, khi nói tới năng lực sư phạm SV không thể chỉ dừng lại ở kiến thức chuyên môn, thuần thục các kĩ năng NVSP bộ môn mà còn nói tới ý chí, trách nhiệm, phẩm chất đạo đức của người GV lịch sử tương lai. Yếu tố này được thể hiện ở các khía cạnh: thái độ tin yêu, tôn trọng học trò; ý chí vượt khó, tinh thần ham học hỏi, khả năng thuyết trình, hùng biện, gợi xúc cảm LS để giáo dục tư tưởng, tình cảm cho HS qua dạy học. Muốn có kĩ năng này, SV phải tích luỹ kiến thức và rèn luyện nghiêm túc phương pháp trình bày miệng.

Hình thành KNDH là một hoạt động cơ bản trong quá trình ĐTGV, có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành phẩm chất nhân cách và năng lực nghề nghiệp của SV. Để SV có được KNDH thuần thục là cả một quá trình rèn luyện kiên trì, thường xuyên, lâu dài và liên tục trong suốt 4 năm học ở khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN. Trên cơ sở SV đã nghiên cứu, nắm chắc hệ thống các PPDH Lịch sử, giảng viên sẽ hướng dẫn SV cách vận dụng khéo léo, hợp lí, nhuần

nhuyễn các phương pháp cụ thể, tổ chức giờ học có hiệu quả để giúp HS hiểu, nhận thức sâu sắc kiến thức lịch sử. Từ đó, SV ý thức được vai trò, vị trí, chức năng nhiệm vụ của người GV Lịch sử ở trường THPT. Vì vậy, hình thành cho SV KNDH môn LS là định hướng, dạy cho SV cách dạy học LS một cách khoa học nhất, sáng tạo nhất, để các em có thể chủ động, tích cực tìm tòi đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, nâng cao chất lượng dạy học bộ môn. Quá trình rèn luyện từ đơn giản đến phức tạp, từ kĩ năng đơn lẻ đến kĩ năng tổng hợp, từ việc quan sát mẫu của giảng viên đến làm thử, làm sai, làm lại, làm đúng không chỉ hình thành cho SV những KNDH đáp ứng yêu cầu đặc trưng của môn học, mà còn có tác dụng giáo dục cho các em lòng say mê lao động nghề nghiệp, lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Ví dụ: SV sư phạm Lịch sử muốn trở thành một GV có năng lực về chuyên môn cần phải nắm vững tri thức lịch sử theo quy định của chương trình, gồm Lịch sử thế giới, Lịch sử dân tộc và Lịch sử địa phương, trên ba mức độ: hiểu, biết, vận dụng. Trong vận dụng, SV không chỉ dừng lại ở việc vận dụng kiến thức cũ để hiểu kiến thức mới mà phải biết vận dụng kiến thức đã hiểu vào thực tiễn dạy học. Trong đó, đặc biệt phải rèn luyện khả năng phân tích, lý giải một vấn đề lịch sử để làm sáng tỏ những kiến thức đó cho HS.

Vì vậy, nắm vững chuyên môn lịch sử thôi chưa đủ. Việc rèn luyện KNDH cho SV thông qua các bài tập tình huống trong dạy học, thực hành sư phạm tại trường phổ thông, tiếp xúc với HS và thực tiễn dạy học qua các đợt kiến tập, thực tập sư phạm... giúp SV ý thức rõ hơn về công việc cụ thể của người GV, hình thành khuynh hướng nghề nghiệp tương lai cho các em. Từ đó, năng lực sư phạm của SV dần được hình thành và phát triển. Điều đó thể hiện ở việc nắm vững những kiến thức lí luận và PPDH bộ môn ở trường phổ thông. Những kiến thức này sẽ giúp SV chuyển tải được các thông tin lịch sử đến với người học đúng đối tượng, phù hợp với nội dung nhằm thực hiện mục tiêu của môn học. Quá trình tích luỹ kiến thức chuyên môn, rèn luyện không mệt mỏi để thành thục các KNDH dần hình thành cho SV ý chí vượt khó, sẵn sàng hành động và trách nhiệm đạo đức trong công việc của một người GV Lịch sử tương lai như: thái độ tin yêu học trò; nỗ lực học hỏi kinh nghiệm, tích luỹ vốn sống thực tế để làm giàu kinh nghiệm giảng dạy, giáo dục HS; không ngại khó khăn để đầu tư công sức, thời gian sưu tầm tư liệu, chuẩn bị bài giảng; kiên nhẫn lắng nghe ý kiến phản hồi từ HS...

2.2. Cơ sở thực tiễn

2.2.1. Mục đích điều tra, khảo sát

Chúng tôi tiến hành điều tra, khảo sát thực tiễn nhằm các mục đích sau: Phân tích thực trạng ĐTGV Lịch sử của Trường ĐHSPHN; Nhu cầu rèn luyện KNDH của SV sư phạm LS - Trường ĐHSPHN; Thăm dò những KNDH cần có đối với SV tốt nghiệp ĐHSP và các biện pháp hình thành các KN đó; Khảo sát tự đánh giá về KNDH của bản thân các GV trẻ và SV năm cuối (Khoa Lịch sử các trường ĐHSP); Khảo sát thái độ, tinh thần học tập môn LS của HS phổ thông hiện nay; PPDH của GV môn Lịch sử ở trường phổ thông; Phân tích nguyên nhân của thực trạng này.

2.2.2. Đối tượng điều tra

- Để xây dựng các luận điểm liên quan đến phần cơ sở thực tiễn của đề tài, chúng tôi sử dụng hình thức điều tra cơ bản với các đối tượng là Giảng viên khoa Lịch sử các trường đại học, GV dạy môn LS ở trường phổ thông, SV sư phạm LS. Hầu hết các đối tượng này đã và đang được đào tạo tại khoa LS, Trường ĐHSP HN. Cụ thể:

- Giảng viên khoa Lịch sử (Trường ĐHSP HN), giảng viên khoa Lịch sử, khoa Xã hội một số trường ĐHSP, khoa Sư phạm có truyền thống về ĐTGV ngành sư phạm Lịch sử: ĐH Thái Nguyên, ĐH Vinh, ĐHSP TP HCM, ĐH Hùng Vương, ĐH Quy Nhơn. Số lượng 40 giảng viên

- GV dạy môn LS tại các trường THPT, số lượng GV được điều tra là 70 người. Tại địa bàn Hà Nội: THPT Chuyên Sư phạm, THPT Nguyễn Tất Thành, THPT Yên Hòa, THPT Cầu Giấy, THPT Lê Quý Đôn, THPT Minh Khai, THPT Chương Mỹ A, THPT Chúc Động, THPT Đại Mỗ, THPT Xuân Đỉnh; THPT Chuyên Hùng Vương (Phú Thọ).

- SV đã và đang học tập tại khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN: K60, K61, K62, K63, K64.

2.2.3. Nội dung điều tra: Thực trạng chương trình ĐTGV, đặc biệt là rèn luyện NVSP hiện nay của khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN nói riêng, khoa LS - các Trường ĐHSP nói chung. Thực trạng dạy và học môn Lịch sử hiện nay ở các trường phổ thông. Thực trạng và nhu cầu rèn luyện KNDH của SV sư phạm LS hiện nay.

2.2.4. Phương pháp điều tra

Chúng tôi sử dụng dạng điều tra xã hội học trong quá trình thực hiện các nội dung nghiên cứu của luận án, với mục đích xây dựng một phần cơ sở thực tiễn của

nội dung nghiên cứu cũng như làm cơ sở cho thiết kế thực nghiệm sư phạm. Hình thức điều tra cơ bản là thông qua các bảng hỏi (phiếu khảo sát, thăm dò ý kiến), phiếu quan sát.

Quy trình xây dựng công cụ khảo sát:

+ Bước 1: Nghiên cứu cơ sở lí luận để xác định những đặc trưng của chương trình đào tạo, rèn luyện NVSP cho SV sư phạm Lich sử, những KNDH cần có ở một GV dạy LS tương lai, phương thức hình thành những KN đó .

+ Bước 2: Trên cơ sở mô hình lí thuyết, xây dựng khung nghiên cứu thực trạng bao gồm các tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo NVSP như mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo và kiểm tra đánh giá năng lực sư phạm; các tiêu chí đánh giá KNDH của SV năm cuối và GV trẻ.

+ Bước 3: Xây dựng, chỉnh sửa và hoàn thiện bộ công cụ.

+ Bước 4: Điều tra trên mẫu lớn.

2.2.5. Kết quả điều tra thu được

2.2.5.1. Thực trạng công tác rèn luyện NVSP cho SV khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN

**** Nội dung chương trình đào tạo***

Theo CTĐT hiện nay của trường ĐHSPHN, nội dung đào tạo NVSP bao gồm các học phần: Tâm lí học đại cương, Tâm lí học lứa tuổi và sư phạm, giáo dục học, PPDH bộ môn. CTĐT cử nhân sư phạm Lịch sử mới nhất (ban hành năm 2015) đang được thực hiện tại khoa Lịch sử – Trường ĐHSPHN). Tổng số tín chỉ SV phải tích lũy là 135, trong đó khối kiến thức chung là 20 tín chỉ (chiếm 14,8%), các môn đào tạo năng lực chuyên môn là 75 tín chỉ (55,5%), năng lực sư phạm là 34 tín chỉ (25,2%), khóa luận tốt nghiệp hoặc bài thi tương đương là 6 tín chỉ (4,5%).

Qua phỏng vấn của chúng tôi, các giảng viên bộ môn PPDH, SV năm thứ 3, thứ 4 của khoa Lịch sử - ĐHSPHN đều có ý kiến thống nhất là *tỉ lệ các môn học về NVSP trong chương trình ĐTGV hiện hành khá khiêm tốn so với nhu cầu thực tế*. Bộ môn PPDH đã cố gắng chắt lọc những kiến thức lí luận cơ bản, cốt lõi nhất để đưa vào dạy học, vì số tiết lên lớp bị giảm đi nhiều khi chuyển sang hình thức học tín chỉ, nhưng vẫn cảm thấy quá "chật chội" với 6 tín chỉ của tất cả các môn học về Lí luận và PPDH bộ môn. Mặc dù đây là môn học đảm nhận trọng trách chính trong việc rèn luyện và phát triển năng lực sư phạm, hình thành KNDH cho SV.

Theo đánh giá của một số giảng viên nội dung các môn NVSP chưa trang bị đủ cho SV những kiến thức cần thiết để họ thực hiện vai trò, nhiệm vụ của người GV sau này. Ví dụ: những kiến thức và KN về tìm hiểu người học và môi trường giáo dục; lập kế hoạch giáo dục, công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức và quản lí lớp học, KN dạy học phân hóa, dạy học tích hợp...Chương trình còn mang nặng tính hàn lâm, chưa chú trọng rèn luyện KN cho SV và chưa gắn kết chặt chẽ với thực tiễn GDPT. Nội dung kiến thức khoa học chuyên ngành và nội dung kiến thức khoa học nghiệp vụ chưa hòa quyện với nhau, chưa hướng vào chương trình môn LS ở trường PT. Các môn học nghiệp vụ chưa sát với thực tế và thực hành sư phạm do thời lượng dành cho môn học quá ít, chỉ đủ cung cấp cho SV cơ sở lí thuyết.

**** Hình thức tổ chức và phương pháp đào tạo NVSP***

Hiện nay, hoạt động thực hành NVSP được quy định: SV năm thứ nhất có 90 tiết rèn luyện những kĩ năng thiết yếu của một GV tại trung tâm nghiên cứu và phát triển NVSP của Trường ĐHSPHN dưới sự hướng dẫn của giảng viên các khoa và GV trường THCS & THPT Nguyễn Tất Thành, THPT Chuyên Sư phạm. Những năm học sau, SV được đưa xuống trường phổ thông để tiếp xúc với HS, thực hành công tác GV chủ nhiệm, dự giờ giảng mẫu về chuyên môn, thực hành giảng dạy.

Ở khoa Lịch sử, ngoài thời gian rèn luyện nghiệp vụ ở trên lớp khi học các học phần về PPDHLS, SV đến phòng NVSP bộ môn để tự rèn luyện các KNDH thường xuyên. CLB rèn luyện NVSP khoa Lịch sử là mô hình đầu tiên và duy nhất của Trường ĐHSPHN đã thu hút được đông đảo SV tích cực tham gia vào quá trình rèn KN nghề nghiệp. Đây là cơ hội để SV mạnh dạn, tự tin hơn, trau dồi khả năng diễn đạt, sử dụng ngôn ngữ nói, rèn luyện tư thế, tác phong chuẩn mực của người GV khi lên lớp. Những giờ tập giảng, dự tiết dạy mẫu của thầy cô tại trường THCS & THPT Nguyễn Tất Thành hay kiến tập, TTSP ở nhiều môi trường phổ thông khác giúp SV "thực hành " những "lí thuyết" về PPDH được học trên lớp, tìm ra những ưu nhược điểm của bản thân, từ đó nỗ lực rèn luyện để hoàn thiện bản thân cho tốt hơn, phấn đấu trở thành người GV dạy giỏi – truyền niềm cảm hứng, đam mê tìm hiểu Lịch sử đến HS. Những năm học gần đây, kết quả TTSP của 100% SV các khóa K60, K61, K62 của khoa Lịch sử đều xếp loại xuất sắc.

Qua hoạt động thực hành NVSP, SV được tập dượt những KN cơ bản của nghề dạy học. Đây là bước đệm rất quan trọng cho quá trình TTSP ở trường PT vào kì 2 của năm học thứ 3, thứ 4 với tổng thời gian thực tập là 10 tuần. Vì vậy, việc tổ

chức các hoạt động rèn luyện NVSP thường xuyên dưới sự hướng dẫn của giảng viên sẽ bồi dưỡng cho SV khoa Lịch sử những phẩm chất, năng lực cần thiết để các em có thể chủ động, độc lập trong học tập và rèn luyện, tự nâng cao năng lực nghề nghiệp của bản thân. Có được những điểm mạnh nói trên là do Ban chủ nhiệm khoa Lịch sử, Tổ bộ môn Lí luận và PPDH cũng như các thầy cô trong khoa đặc biệt quan tâm, chú trọng đến vấn đề đào tạo NVSP cho SV. Khoa Lịch sử đã chủ động điều chỉnh chương trình đào tạo, bổ sung và viết mới giáo trình theo hướng tiếp cận năng lực người học. Ban chủ nhiệm khoa khuyến khích giảng viên tích cực thực hiện đổi mới nội dung, hình thức, PPDH và kiểm tra đánh giá SV. Nhiều giảng viên đã sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại và ứng dụng CNTT hiệu quả, tạo nên nhiều giờ học hấp dẫn, gây hứng thú cho SV.

Trong QTĐT, SV đã được trang bị những kiến thức khoa học cơ bản vững chắc, đáp ứng được yêu cầu thực tế của giáo dục phổ thông hiện nay. Khoa Lịch sử có kế hoạch rèn luyện NVSP thường xuyên cho SV với nhiều hình thức rèn luyện đa dạng, phong phú, sáng tạo để thu hút được sự tham gia nhiệt tình, tích cực của đông đảo SV. Tuần lễ NVSP được khoa đặc biệt coi trọng và thực hiện rất nghiêm túc. Hoạt động của CLB Sinh viên rèn luyện NVSP được duy trì hiệu quả với vai trò cố vấn chủ yếu của giảng viên bộ môn Lí luận và PPDH, qua đó góp phần quan trọng vào việc rèn luyện và nâng cao KNDH cho SV nói riêng, chất lượng ĐTGV của khoa nói chung. Tuy nhiên, trong thực tế, những phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động thực hành nghiệp vụ cho SV vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục:

- *Thực hành trên lớp trong các giờ học về Lí luận và PPDH bộ môn:* Do thời lượng các môn học bị cắt giảm đi nhiều nên SV vẫn chủ yếu học nặng về lí thuyết mà không có đủ thời gian cho thực hành. Trong quá trình học các môn nghiệp vụ, mặc dù giảng viên đã cố gắng làm mẫu cho SV, yêu cầu SV quan sát mẫu, làm theo, tập giảng một đoạn ngắn trong giáo án đã được chuẩn bị sẵn; nhưng do lớp học quá đông (35-50 SV/ lớp), nên chỉ có một số ít SV được tham gia thực hành để giảng viên và các bạn trong lớp nhận xét, góp ý.

- *Dự giờ tại trường thực hành THCS & THPT Nguyễn Tất Thành:*

Khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN đã có một số hình thức tổ chức thu hút GV ở PT tham gia phối hợp rèn luyện NVSP cho SV. GV bộ môn LS tại trường THPT Nguyễn Tất Thành thường được mời đến để nói chuyện với SV về những chính sách, quy định, hoạt động đổi mới ở nhà trường, giảng mẫu một số bài trong chương

trình phổ thông, tham gia làm Ban giám khảo trong các cuộc thi về NVSP. Tuy nhiên cách thức này không được tiến hành thường xuyên, chủ yếu vào các tuần lễ rèn luyện NVSP hoặc vào thời gian chuẩn bị cho SV trước khi đi thực tập. SV K59, K60, K61, K62 khoa LS được gửi đến trường THPT Nguyễn Tất Thành để tìm hiểu nhà trường, dự giờ chào cờ, sinh hoạt, dự giờ chuyên môn. SV đã tập làm quen với môi trường phổ thông ngay từ năm thứ hai, quan sát các hoạt động và thực hành công việc của người GV dưới sự hướng dẫn của các GV giỏi. Tuy nhiên, hoạt động thực hành này đã tạm dừng lại ở năm học 2015-2016 do nhà trường không có kinh phí hỗ trợ cho GV hướng dẫn thực hành. Đây là điều vô cùng thiệt thòi đối với SV các khoá sau của Khoa Lịch sử.

- *Hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm ở trường phổ thông:*

Khoảng thời gian thực tập cho SV là sau Tết Nguyên Đán. Việc sắp xếp vào thời gian cố định hàng năm tạo cho SV thói quen chỉ tập trung vào một số bài dạy nhất định. Thực tế triển khai TTSP hiện nay ở các trường PT cho thấy nội dung thực tập thường chú trọng hoạt động giảng dạy, xem nhẹ công tác giáo dục. SV cũng không được dạy nhiều, không được va chạm với các tình huống giáo dục phức tạp, nếu có thì không được hướng dẫn cách giải quyết. Thời điểm thực tập là cuối năm thứ 3 và năm thứ 4 của khóa đào tạo, trong khi các học phần Tâm lí học và Giáo dục học được xếp vào các học kì đầu của năm thứ nhất hoặc năm thứ hai làm cho lí thuyết của các môn này bị tách rời với thực tiễn, thực hành tại trường PT.

Công tác hướng dẫn TTSP cho SV chủ yếu thực hiện theo kinh nghiệm của từng cá nhân GV ở trường PT, hầu như chưa có chương trình bồi dưỡng cho GV hướng dẫn về nội dung, phương pháp hướng dẫn và đánh giá SV để đảm bảo cho việc hướng dẫn TTSP có tính chuyên nghiệp. Hiện nay, ở hầu hết các cơ sở ĐTGV, TTSP được đánh giá từ sự kết hợp của điểm thực tập giảng dạy và điểm thực tập giáo dục. Trên thực tế, kết quả đánh giá TTSP của trường ĐHSPHN có trên 90% SV có điểm TTSP đạt loại giỏi, xuất sắc. Ví dụ, điểm tổng kết TTSP của SV K60, K61, K62 khoa Lịch Sử ĐHSPHN trong các năm học 2013 – 2014, 2014 – 2015, 2015 – 2016 là 100% xuất sắc. Nhiều SV được khen thưởng cấp Khoa, cấp Trường, đặc biệt có những em được điểm tối đa: 10 điểm cho cả thực tập giảng dạy và thực tập giáo dục. Tuy nhiên, chính SV và GV hướng dẫn TTSP cũng thừa nhận, con số này phản ánh không đúng thực tế năng lực sư phạm của SV. Vì kết quả giảng dạy và giáo dục mà SV thực hiện không được đánh giá bằng các minh chứng là sự

chuyển biến của HS. Ngoài ra, đánh giá của GV trường thực tập chưa có sự thống nhất. Khi đánh giá SV, GV hướng dẫn có nâng tay, chấm dễ hơn để động viên, khích lệ SV. Việc đánh giá SV chỉ do GV hướng dẫn ở trường PT sẽ không tránh khỏi sự đánh giá chủ quan của một người. Trong khi đó, những giảng viên của khoa, những người trực tiếp theo dõi, đào tạo SV trong suốt quá trình SV học tập, hiểu rõ SV thì không tham gia đánh giá kết quả thực tập.

- Một số trường TTSP cơ sở vật chất còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu của một trường thực hành – TTSP. Đội ngũ GV hướng dẫn còn thiếu, yếu, chưa đạt chuẩn. Một số thầy cô coi các đoàn SV xuống thực hành, TTSP như một gánh nặng, ít quan tâm giúp đỡ SV, chưa chia sẻ với trường đào tạo, chưa coi đó là một phần trách nhiệm của mình đối với thế hệ trẻ, ngành giáo dục. Mặc dù cơ sở vật chất, phương tiện của Trường ĐHSPHN tương đối đầy đủ, mỗi khoa có một phòng rèn luyện NVSP riêng nhưng đến nay đã thu hồi do không được sử dụng thường xuyên, không khai thác hết công suất. Hàng năm trường dành riêng một tuần nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 để tổ chức cho SV toàn trường rèn luyện NVSP. Tuy nhiên, nhiều khoa chưa thực hiện một cách nghiêm túc. Khoa Lịch sử đã làm tốt và có hiệu quả các hoạt động rèn luyện NVSP cho SV. Nhiều hoạt động trong tuần lễ NVSP được tổ chức dưới hình thức các cuộc thi nên hoạt động này còn tập trung vào một số em có năng lực riêng, vì vậy chưa đạt hiệu quả tích cực trên diện rộng

**** Thực trạng đánh giá tốt nghiệp cử nhân sư phạm hiện nay của Trường ĐHSPHN***

Hoạt động đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp cho SV ở trường ĐHSPHN được thực hiện theo quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận TN của Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Việc đánh giá tốt nghiệp cử nhân sư phạm dựa vào điểm tích lũy tín chỉ các học phần trong cả khóa học và được quy thành 5 mức: A,B,C,D,E. SV đủ điều kiện theo quy định của Trường được chọn làm khóa luận tốt nghiệp, số còn lại thi một số học phần với số tín chỉ tương đương. Thực tập tốt nghiệp của SV có số lượng 6 tín chỉ. Việc đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp của SV chủ yếu do GV tại các cơ sở thực tập đảm nhiệm, không có sự tham gia của giảng viên Trường. Không có đánh giá về giá trị nghề SV đạt được trong khóa học; không có tự đánh giá của SV trong suốt quá trình học tập tại Trường. Các

thành tích vượt trội của SV trong học tập và nghiên cứu khoa học được quy ra điểm số và được cộng vào điểm các học phần có liên quan gần.

Như vậy, tiêu chí xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, xét công nhận tốt nghiệp và đánh giá loại tốt nghiệp cho SV chủ yếu dựa trên kết quả học tập văn hóa chung được tích lũy qua các học phần của 4 năm học. Cách đánh giá này phù hợp với quy chế của Bộ và không có gì khác biệt đối với SV các ngành nghề khác. Việc đánh giá tốt nghiệp chủ yếu hướng đến kiến thức khoa học chuyên ngành, kiến thức và kĩ năng nghề nghiệp của SV, chưa đánh giá các giá trị nghề nghiệp SV cần đạt được trong khóa trình đào tạo. Bất cập này dẫn đến mâu thuẫn giữa yêu cầu đánh giá toàn diện, tiếp cận theo năng lực nghề nghiệp trong ĐTGV theo chương trình mới với thực tiễn đánh giá tốt nghiệp SV hệ cử nhân sư phạm hiện nay của Trường. Mâu thuẫn này cần được giải quyết bằng phương thức đánh giá mới.

2.2.5.2. Thực trạng rèn luyện kĩ năng dạy học của SV khoa Lịch sử

**** Về phía sinh viên***

Để tìm hiểu về thực trạng rèn luyện KNDH của SV khoa Lịch sử hiện nay, chúng tôi đưa ra câu hỏi: *Xếp thứ tự những kĩ năng mà em cảm thấy mình yếu nhất trong quá trình đi TTSP ở trường phổ thông*. Đối tượng điều tra là 150 SV K61, K62 của khoa Lịch sử và 30 GV trẻ (Từng là SV K55, 56, 57, 58, 59, 60 của khoa Lịch sử - hiện đang dạy môn LS tại các trường PT). Kết quả thu được như sau: KN sau đây được cho là yếu nhất của SV năm cuối và GV trẻ mới ra trường: (1) KN trình bày miệng; (2) KN lập kế hoạch dạy học; (3) KN vận dụng các phương pháp dạy học – giáo dục tích cực; (4) KN tổ chức và quản lí lớp học; (5) KN hướng dẫn HS tự học; (6) KN thiết kế bài giảng; (7) KN kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS; (8) Kĩ năng trình bày bảng; (9) KN sử dụng SGK và các phương tiện dạy học; (10) KN tìm hiểu đối tượng HS và môi trường giáo dục.

Đối với *kĩ năng lập kế hoạch dạy học*, chúng tôi đưa ra bài tập*: Em hãy lập kế hoạch dạy học bài 29: Cách mạng tư sản Hà Lan và cách mạng tư sản Anh?* (Chương trình lịch sử lớp 10). 150 SV của K61, K62 sau khi trải qua kì TTSP đã thực hiện bài tập trên trong thời gian 60 phút. Sau khi chấm điểm và xử lí số liệu, kết quả chúng tôi thu được như sau:

Bảng 1. Kết quả điều tra mức độ nắm vững kĩ năng lập kế hoạch bài học lịch sử của sinh viên sư phạm Lịch sử

Kĩ năng lập kế hoạch bài học LS		**Mức độ nắm vững (%)**			
		Thành thạo (9-10đ)	**Đạt yêu cầu (7-8đ)**	**Chưa đạt yêu cầu (5-6đ)**	**Cần rèn luyện thêm (0-4đ)**
1	Xác định mục tiêu bài học	8	27	22	43
2	Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập nhận thức theo định hướng phát triển năng lực HS	6	20,5	17,5	56
3	Xác định được kiến thức cơ bản, trọng tâm của bài học	13	34,4	30,2	22,4
4	Dự kiến các phương pháp, phương tiện dạy học phù hợp với nội dung kiến thức bài dạy, trình độ HS	10	12,6	40,4	37
5	Dự kiến các dạng hoạt động cần tổ chức cho HS thực hiện trong bài dạy	14,1	43,6	22,3	20
6	Dự kiến được các tình huống sư phạm nảy sinh và cách xử lí các tình huống đó	3,2	24,5	32,3	40

Như vậy, hầu hết SV chưa đạt yêu cầu và cần rèn luyện thêm *KN lập kế hoạch bài học LS*. Kết quả này có thể lí giải được, bởi đây là một KN khó, đòi hỏi có sự trải nghiệm. Mức độ nắm vững KN này phụ thuộc nhiều vào khả năng tìm tòi, sáng tạo của mỗi cá nhân. Chúng tôi xác định đây là một trong những KN cần chú trọng để rèn luyện cho SV trong QTĐT.

Đối với *Kĩ năng thông tin tái hiện hình ảnh lịch sử*, chúng tôi đưa ra bài tập thực hành sau: Cho bức tranh vẽ tình cảnh người nông dân Pháp trước cách mạng

(Bài 31: Cách mạng Tư sản Pháp – chương trình LS lớp 10), dựa vào bức tranh em hãy trả lời câu hỏi:

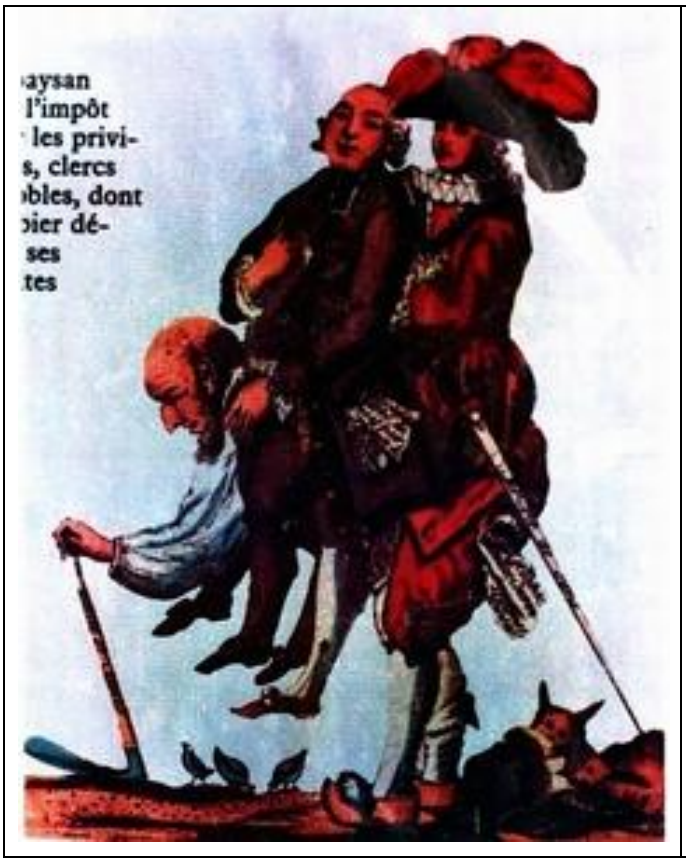	*1. Dựa vào SGK và tài liệu tham khảo, hãy viết 1 đoạn văn ngắn (30 dòng) để miêu tả nội dung của bức tranh?* *2. Em sử dụng bức tranh này trong dạy học lịch sử bài 31 – CMTS Pháp như thế nào?* *3. Xây dựng hệ thống câu hỏi để hướng dẫn HS khai thác nội dung bức tranh nói trên?*

Ba câu hỏi trên nhằm mục đích kiểm tra KN diễn đạt ngôn ngữ của SV, kĩ năng sử dụng đồ dùng trực quan, KN sử dụng các PPDH phát triển năng lực nhận thức lịch sử của HS; KN tổ chức hoạt động học tập cho HS; KN sử dụng SGK và các tài liệu tham khảo.

Khi được hỏi *Xếp thứ tự từ cao xuống thấp những việc làm thường xuyên của em nhằm rèn luyện kĩ năng NVSP trong quá trình học tập ở khoa LS?* chúng tôi thu được kết quả từ 150 SV (80 SV của K61, 70 SV của K62): (1) Tích luỹ kiến thức chuyên môn; (2) Tham gia sinh hoạt CLB rèn luyện NVSP; (3) Tự thực hành viết bảng, soạn giáo án, sưu tầm tư liệu dạy học ở nhà; (4) Quan sát các hành động mẫu, thao tác sư phạm của giảng viên (5) Xuống trường phổ thông thực hành sư phạm. Như vậy, theo ý kiến của SV, các em mới chỉ tập trung vào tích luỹ tri thức LS, còn xem nhẹ việc rèn luyện NVSP, chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc làm này.

Khi được hỏi *Nếu phải thay đổi quá trình rèn luyện KNDH, theo em Khoa Lịch sử và Trường ĐHSPHN cần thay đổi những yếu tố nào?* Đối tượng khảo sát là 130 SV của K62, K63 khoa Lịch sử. Chúng tôi đã thu được kết quả sau:

Bảng 2. Kết quả điều tra ý kiến của SV về những yếu tố cần thay đổi trong quá trình rèn luyện KNDH ở khoa Lịch sử, Trường ĐHSPHN

STT	Những yếu tố cần thay đổi	Số lượng SV đồng ý	Tỉ lệ (%)
1	Phương pháp rèn luyện	70	53,8
2	Số lượng SV trong nhóm rèn luyện ít (5-10 SV)	124	95,3
3	Phải có phòng rèn luyện NVSP	130	100
4	Phải có tài liệu hướng dẫn rèn luyện chi tiết	130	100
5	Tăng thời gian rèn luyện kĩ năng	115	88,5
6	Khung chương trình học của SV cần thay đổi	97	74,6
7	Phải xuống trường PT thực hành thường xuyên	130	100

Trong 80 SV của K61 khi được hỏi: *Em có đề xuất các biện pháp gì để nâng cao chất lượng rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp cho SV khoa LS hiện nay*, có hơn 90% SV đề xuất nên dành nhiều thời gian cho SV xuống thực hành ở trường phổ thông ngay từ năm thứ nhất, tổ chức các khóa bồi dưỡng cho SV kĩ năng mềm liên quan đến KNDH ở trường phổ thông như: KN chủ nhiệm lớp, KN giao tiếp ứng xử sư phạm..

Kết quả khảo sát, thăm dò ý kiến của GV hướng dẫn SV TTSP ở trường PT, cho thấy điểm mạnh nổi trội nhất của SV khoa LS là kiến thức chuyên môn vững, tư cách đạo đức, tác phong chững chạc. Qua số liệu điều tra, 100% SV không gặp khó khăn gì liên quan đến kiến thức chuyên môn. Chưa có trường hợp nào bị nhận xét là dạy sai kiến thức cơ bản. Những khó khăn nêu ra chỉ liên quan đến năng lực sư phạm: lựa chọn PPDH phù hợp, giáo dục, xử lí các tình huống, không nắm được đặc điểm tâm lí HS, trong công tác chủ nhiệm lớp. Hầu hết GV phổ thông nhận thấy SV sư phạm có tư cách đạo đức tốt, tác phong mẫu mực, nhiệt tình, chịu khó, cầu tiến, có lối sống lành mạnh, chịu khó học hỏi các thầy cô hướng dẫn, gần gũi HS, có tinh thần tự học, tự bồi dưỡng để hoàn thiện nhân cách nhà giáo và nâng cao năng lực chuyên môn.

**** Về phía giảng viên***

Chúng tôi đã điều tra, khảo sát ý kiến 40 giảng viên bộ môn PPDH tại khoa Lịch sử Trường ĐHSPHN, các cơ sở ĐTGV LS trong cả nước về nội dung, cách thức hình thành KNDH cho SV. Với câu hỏi "*Thầy/Cô thường sử dụng phương pháp nào để hình thành kĩ năng nghề nghiệp cho SV trong quá trình đào tạo",* 83% ý kiến thống nhất, tập trung vào các biện pháp: Kết hợp giảng dạy lí thuyết và thực hành trong các học phần về lí luận và PPDH, đưa SV xuống trường phổ thông thực hành; thường xuyên làm mẫu KN cho sinh viên trong QTDH..

Khi được hỏi "Thầy/cô có hiểu biết gì về PPDH vi mô? Thầy/cô có thường xuyên sử dụng PPDH vi mô để hình thành KNDH cho SV", 25% ý kiến cho biết có sử dụng phương pháp này nhưng không thường xuyên. Như vậy hầu hết giảng viên chưa từng biết đến hoặc chưa từng sử dụng phương pháp này trong rèn luyện KN nghề nghiệp cho SV. Với câu hỏi "*Những khó khăn mà thầy/cô gặp phải trong quá trình hình thành KNDH cho SV",* các lí do mà giảng viên đưa ra là: thời gian dành cho thực hành còn quá ít; cơ sở vật chất không đầy đủ; SV không có thái độ tích cực, chăm chỉ rèn luyện, năng lực hạn chế; GV không đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hành mẫu cho SV; chưa có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa đào tạo các môn khoa học cơ bản và các môn khoa học nghiệp vụ...

2.2.5.3. Thực tiễn giảng dạy môn Lịch sử ở trường phổ thông hiện nay

+ Về phía GV dạy môn Lịch sử ở trường phổ thông:

Trong nhiều năm qua, đội ngũ GV Lịch sử đã có những đóng góp to lớn vào việc trang bị tri thức LS cho nhiều thế hệ HS, giúp các em tự tin bước vào đời với những hiểu biết về quá khứ, truyền thống của dân tộc và nhân loại. Nhiều GV dạy giỏi đã góp phần giáo dục toàn diện HS, đóng góp vào sự nghiệp phát triển giáo dục nước nhà. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm nói trên, GV Lịch sử hiện nay vẫn còn một số hạn chế cần phải nhận diện và khắc phục về trình độ chuyên môn và năng lực sư phạm. Một số GV không kịp thời cập nhật kiến thức và PPDH để đáp ứng yêu cầu của chương trình, SGK. Công tác bồi dưỡng thường xuyên hiện nay còn hình thức và kém hiệu quả. Không ít GV quan niệm DHLS là cung cấp và lĩnh hội sự kiện, HS chỉ cần ghi nhớ, thuộc lòng các sự kiện là đủ, do đó, chỉ quan tâm đến việc cung cấp, truyền đạt kiến thức, không chú trọng đến việc phát huy tính sáng tạo, chủ động, tích cực, tự giác của HS trong học tập nhằm tự lực chiếm lĩnh kiến thức. Quan niệm khác lại xem nhẹ cách thức tổ chức dạy học của người thầy

mà chỉ chú trọng đến việc học tập của HS, cho rằng HS làm việc càng nhiều càng tốt…Điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dạy và học môn LS.

Trong các tiết học, PPDH của phần lớn GV hiện nay là trình bày miệng. Nhiều GV ít sử dụng đồ dùng trực quan, thậm chí có GV hoàn toàn không sử dụng. Một số GV chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới tư duy và phương pháp giáo dục, tỏ ra thiếu kĩ năng sư phạm, KN thực hành công tác xã hội, năng lực nghiên cứu giáo dục, năng lực phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu của cuộc sống hiện đại. Mặt khác, GV cũng gặp khó khăn khi thích ứng và đương đầu với các hoàn cảnh, tình huống sư phạm trong thực tế nghề nghiệp. Như vậy, có thể nói đội ngũ GV PT hiện nay bộc lộ nhiều hạn chế về năng lực tác nghiệp, đặc biệt là KNDH theo chuẩn nghề nghiệp được ban hành và theo yêu cầu mới của nhà trường PT. Điều này phần nào do cách thức đào tạo chủ yếu dựa vào sách vở, theo lối mòn đã có và khép kín trong nhà trường sư phạm hơn là dựa vào thực tiễn, các tình huống đa dạng, sinh động hằng ngày.

+ *Về phía HS phổ thông:*

Với câu hỏi "*Em có thích học môn Lịch sử hay không*" thì phần lớn câu trả lời của HS là "Không", "Bình thường". Khi được hỏi "*Tại sao em không thích học Lịch sử*" thì nguyên nhân số một là do phương pháp giảng dạy của GV không hấp dẫn; sau đó là các lí do: SGK nhiều sự kiện viết khô khan dàn trải, phải ghi nhớ nhiều mốc thời gian, học thuộc nhiều kiến thức, môn LS không phải là môn thi ĐH của em, không có ích lợi gì cho nghề nghiệp tương lai của em...Từ thực tiễn đó chúng tôi nhận thấy rằng: xu hướng dạy và học để đáp ứng thi cử dẫn đến lối học thu động, học vẹt của HS vẫn khá phổ biến. HS học đối phó, GV dạy qua loa cho đủ điểm. Điều này dẫn đến sự thiếu năng động, linh hoạt, không đáp ứng được các yêu cầu của thực tiễn ở đa số HS. Xu hướng chạy theo lợi ích cá nhân trước mắt đã lấn át những lợi ích chung, lâu dài mặc dù HS vẫn rất hứng thú với những câu chuyện, những thước phim tư liệu LS.

Khi được hỏi "*Em thích học LS theo phương pháp nào?",* phần đông ý kiến HS trả lời em thích thú với các phương pháp: Kể chuyện LS, cho xem nhiều phim tư liệu LS; đi ngoại khóa: tham quan, tìm hiểu các di tích LS, bảo tàng LS đóng kịch lịch sử; gặp gỡ nhân chứng LS, chơi trò chơi tìm hiểu về LS, GV tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận nhóm, tranh luận. Như vậy, một trong những nguyên nhân cơ bản tạo nên sự yếu kém về chất lượng của nền giáo dục Việt Nam nói chung và bộ môn LS nói riêng là nhiều GV còn yếu về KNDH, PPDH nặng về truyền thụ một

chiều, hạn chế tính tích cực, độc lập của người học. Điều đó khiến HS quay lưng lại với LS, chán học LS. Có thể nói, việc nâng cao chất lượng giáo dục LS đang là một vấn đề cấp bách hiện nay. Điều đó đòi hỏi sự nỗ lực về nhiều mặt của xã hội, trong đó nâng cao năng lực sư phạm nói chung, KNDH cho GV Lịch sử nói riêng giữ vai trò hết sức quan trọng.

2.2.6. Phân tích nguyên nhân của thực trạng

Thực tiễn những năm qua cho thấy, GDPT đã và đang tích cực đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy theo hướng hiện đại, tiếp cận với thế giới, đặc biệt là PPDH và giáo dục. Trong khi đó, công tác ĐTGV của các trường sư phạm nói chung, đào tạo KN nghề nghiệp nói riêng vẫn chủ yếu theo phương thức cũ, chậm đổi mới, sự tách rời, mất cân đối giữa khoa học cơ bản và khoa học giáo dục trong nội dung CTĐT; sự gắn kết đào tạo của trường sư phạm với các thực tiễn hoạt động giáo dục xã hội và GDPT thiếu chặt chẽ, đồng bộ; các năng lực sư phạm, nghiên cứu khoa học của GV được quy định trong CNN chưa được quan tâm đúng mức. Công tác rèn luyện KN nghề nghiệp cho SV chưa được đầu tư thỏa đáng.

**** Về chương trình đào tạo***

- Chương trình ĐTGV trường ĐHSPHN đang thực hiện là chương trình theo tiếp cận nội dung. Các môn NVSP được giảng dạy tách rời nhau, gần như không có mối liên hệ nào. Việc rèn luyện thường chỉ tập trung vào những năm cuối (TTSP ở năm thứ 3, thứ 4 của khóa học). Trong khi để có được KNDH thành thục, SV phải được rèn luyện ngay từ những năm học đầu tiên. Nội dung chương trình NVSP còn mang nặng tính hàn lâm, nặng về cung cấp kiến thức, chưa chú trọng rèn KN và gắn kết chặt chẽ với thực tiễn GDPT. Lý thuyết vẫn đóng vai trò chủ yếu còn việc gắn với thực tế trung học được coi là thứ yếu.

Năm 2009, Trường ĐHSPHN chuyển sang đào tạo theo tín chỉ khiến quá trình rèn luyện KN nghề nghiệp cho SV ít nhiều bị ảnh hưởng. Kiến thức bị cắt vụn, thiếu tính liên tục, tính hệ thống, SV gặp nhiều khó khăn trong việc gắn kết với nhau để tham gia các hoạt động học tập nói chung, rèn luyện NVSP nói riêng. Sự sắp xếp các môn học của đào tạo tín chỉ như hiện nay có sự chồng chéo với thời gian giảng viên tổ chức cho SV đi thực hành KN nghề nghiệp. Đa số SV chưa quen với hình thức đào tạo mới, nên nhiều em đăng kí học quá sức so với khả năng. Vì vậy, nhiều SV chưa đáp ứng được yêu cầu về việc tích lũy kiến thức chuyên ngành cơ bản, đây cũng là một cản trở đối với việc phát triển năng lực sư phạm.

**** Về đội ngũ giảng viên khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN***

Đây là yếu tố quan trọng nhất trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, quyết định chất lượng ĐTGV nói chung và chất lượng đào tạo NVSP cho SV nói riêng. Có thể nói, Khoa LS hiện này có đội ngũ giảng viên rất mạnh, được đào tạo bài bản trong và ngoài nước. Tổng số gần 40 giảng viên có trình độ, học hàm học vị cao: 4 giáo sư, 7 Phó Giáo sư, còn lại đều có trình độ Tiến sĩ, thạc sĩ. Đội ngũ GV bộ môn PPDH lịch sử hiện nay đứng đầu các cơ sở ĐTGV Lịch sử trong cả nước về số lượng và trình độ chuyên môn, trong đó có những GS, PGS đầu ngành về PPDH LS

Đứng trước những đòi hỏi của việc đổi mới GD Đại học và Giáo dục GDPT sau năm 2015, đội ngũ giảng viên khoa Lịch sử đang tích cực phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học và giảng dạy để hoàn thành tốt sứ mệnh đào tạo các thế hệ GV Lịch sử tương lai đáp ứng được nhu cầu của nền giáo dục hiện đại. Một số giảng viên chưa có nhiều kinh nghiệm và hiểu biết về thực tiễn GDPT đã cố gắng bổ sung những khiếm khuyết này để gắn nội dung giảng dạy ở ĐH với SGK phổ thông, tránh việc giảng dạy lý thuyết suông, xa rời với thực tế. Tuy nhiên, thời gian lên lớp hạn hẹp nên giảng viên không thể đi sâu vào các hoạt động thực hành, làm mẫu cho SV. Vì vậy, SV nhìn chung còn mơ hồ, lóng ngóng khi áp dụng kiến thức vào các hoạt động thiết kế bài giảng, tổ chức hoạt động dạy học. Một số giảng viên môn khoa học cơ bản còn thờ ơ với công việc bồi dưỡng NVSP cho SV, chưa coi đó là trách nhiệm của mình nên chưa có sự liên kết với giảng viên môn phương pháp.

Từ thực tiễn đó chúng tôi nhận thấy, giảng viên khoa học cơ bản cũng phải rèn luyện NVSP cho SV, giảng viên môn PPDH cũng phải nắm vững khoa học cơ bản. Sự phối hợp giữa giảng viên môn PPDH và giảng viên khoa học cơ bản trong quá trình hình thành KNDH cho SV là rất cần thiết. Khi SV học khoa học chuyên ngành, các em không chỉ học nội dung kiến thức mà học cả PPDH từ giảng viên, học cách giảng dạy nội dung đó như thế nào ở trường phổ thông. Do đó giảng viên các môn chuyên ngành cũng cần tiếp cận phổ thông để làm tốt nhiệm vụ ĐTGV.

**** Đặc điểm tâm lý, trình độ nhận thức, thái độ của SV khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN với việc rèn luyện KNDH***

- Đầu vào của Sinh viên khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN .

Một số năm gần đây, chất lượng đầu vào của ngành sư phạm, cũng như sư phạm Lịch sử không cao. Ngày càng ít HS giỏi đam mê hoặc có mong muốn theo học môn Lịch sử. Do nhu cầu kiếm việc làm, do sức ép về thu nhập, vị trí xã hội, cơ

hội thăng tiến sau khi tốt nghiệp đại học, nên hầu hết HS quyết tâm theo đuổi các môn KHTN, kinh tế, ngoại ngữ, CNTT...Chất lượng đầu vào giảm sút dẫn đến sự giảm sút về chất lượng ĐTGV. Khi được hỏi *Lí do khiến em chọn vào học Khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN.* Trong 145 SV khóa 64, 65 chỉ có 49 SV (chiếm 33,8%) đưa ra lí do vì em yêu thích nghề GV và môn Lịch sử. Số còn lại vì rất nhiều lí do khác như: cha mẹ định hướng, truyền thống gia đình làm GV, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chọn trường sư phạm, năng lực không đủ để thi vào các trường mà em yêu thích như khối trường an ninh cảnh sát.... Như vậy, nhiều SV khi vào học chưa được chuẩn bị về tâm lý và động cơ chọn nghề. Vì vậy, SV không yên tâm, chăm chỉ học tập, học một cách miễn cưỡng, đối phó nên hiệu quả không cao.

- *Đầu ra của SV Khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN:* Những năm gần đây cử nhân sư phạm ra trường rất khó tìm việc làm, nhiều SV phải chuyển ngành hoặc tiếp tục học lên cao, có em vài ba năm chạy nhiều nơi vẫn không tìm được việc làm, phải làm thuê tạm thời những công việc đơn giản. Một số trường sư phạm ở địa phương SV có điểm tốt nghiệp cao tạo ra sự cạnh tranh về tuyển dụng. Qua khảo sát đối với SV khoa Lịch sử - ĐHSPHN đã tốt nghiệp ra trường các khóa K59, K60, K61, số lượng SV tìm được việc làm đúng chuyên ngành đào tạo rất ít (chưa đến 50%). Điều này cũng ảnh hưởng đến nhu cầu – động cơ học tập của SV.

- *Điều kiện cơ sở vật chất* là một trong những nguyên nhân khiến cho quá trình rèn luyện NVSP kém hiệu quả: Những điều kiện cần thiết cho lớp học rèn luyện NVSP còn nghèo nàn, không đồng bộ, thiếu trang thiết bị hiện đại: bảng tương tác thông minh, gương, máy ghi hình, tài liệu phục vụ giảng dạy. Nhà trường đã thu hồi phòng rèn luyện NVSP của Khoa để sử dụng cho mục đích khác nên giảng viên và SV thiếu không gian để thực hiện các hoạt động thực hành nghề nghiệp.

- *Phương pháp học tập và ý thức rèn luyện của SV:*

Khi đăng kí vào học trường ĐHSPHN, SV phải ý thức được rằng họ cần học tập và rèn luyện để trở thành những người GV trong tương lai. Bởi vậy, bản thân SV phải nhận thức được đầy đủ ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác đào tạo NVSP trong quá trình học tập, do đó cần tự giác, chủ động học và tham gia các hoạt động về NVSP. Tuy nhiên, trong thực tế SV chưa thực sự quan tâm đến ý nghĩa của hoạt động này. Vì chưa có ý thức nghề nghiệp một cách nghiêm túc nên SV chưa thấy được ý nghĩa thực tiễn của những tri thức Tâm lí học, Giáo dục học, Lí luận dạy học bộ môn. Một bộ phận không nhỏ SV có tư tưởng chỉ cần học giỏi các môn khoa học cơ

bản là có thể dạy tốt, không cần kiến thức NVSP, và nếu có cần cũng chưa phải lúc để học. Vì vậy, việc định hướng cho SV hiểu về nghề dạy học và hiểu rõ các công việc mà bản thân phải rèn luyện để trở thành người GV dạy giỏi, có năng lực sau này là rất quan trọng và cấp thiết. Nhiều SV coi các môn rèn luyện NVSP là những môn phụ, chỉ mang chức năng bổ trợ nên học đối phó cầm chừng, không có sự gắn bó với môn học, không chủ động và tự giác rèn luyện. Nên mặc dù đã cố gắng hết mình để nâng cao chất lượng rèn luyện NVSP cho SV, nhưng thực tế cho thấy còn một số ít SV vẫn chưa đạt được kết quả như chúng tôi mong muốn

2.2.7. Một số vấn đề đặt ra cần giải quyết

Qua khảo sát và điều tra thực tiễn, chúng tôi nhận thấy: những vấn đề cốt lõi tạo nên sự đột phá trong việc nâng cao chất lượng ĐTGV nói chung và hình thành KNDH nói riêng cho SV khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN chưa được giải quyết:

- Cơ cấu nội dung CTĐT còn chưa hợp lí giữa kiến thức đại cương và kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức khoa học nghiệp vụ. Đội ngũ giảng viên các môn KH cơ bản ít quan tâm đến việc đào tạo nghiệp vụ cho SV. Nội dung chương trình đào tạo NVSP cho SV chưa cập nhật, nặng về lí thuyết, ít thực hành. Các nội dung liên quan đến ĐTGV trở thành *Nhà giáo dục, Nhà nghiên cứu, Người học, Nhà văn hóa* còn rất mờ nhạt. Sự gắn kết giữa các học phần NVSP với các học phần thuộc khoa học cơ bản chưa tốt: thể hiện ở sự tách rời giảng dạy KH cơ bản với KH nghiệp vụ ở cả nội dung chương trình cũng như ở giảng viên. Ngoài ra, mối liên hệ giữa KH cơ bản với môn học tương đương sẽ dạy ở PT cũng chưa chặt chẽ.

- Nhà trường chưa đầu tư đúng mức và thỏa đáng về kinh phí cho các hoạt động rèn luyện NVSP. Các hình thức thực hành chưa đa dạng, phong phú, chưa phát huy hết được khả năng của đội ngũ giảng viên bộ môn PPDH các khoa cũng như GV của trường THCS & THPT Nguyễn Tất Thành. Mối quan hệ giữa Trường ĐHSP và Trường PT thực hành còn lỏng lẻo. SV chưa được thực hành thường xuyên và liên tục trong suốt quá trình đào tạo tại môi trường PT.

Xuất phát từ thực trạng nói trên, chúng tôi đề xuất một số biện pháp thiết thực, khả thi, hy vọng có thể khắc phục những yếu kém, hạn chế, dần dần nâng cao chất lượng ĐTGV Lịch sử ở trường ĐHSPHN nói riêng, các trường ĐHSP trong cả nước nói chung.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Trên cơ sở phân tích lí luận, yêu cầu của thực tiễn đối với việc hình thành KNDH cho SV sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSPHN, chúng tôi nhận thấy:

- Giáo dục thế kỉ XXI đã có những thay đổi lớn theo hướng đặt trọng tâm vào người học và chú trọng hình thành năng lực. Để đáp ứng những thay đổi đó, công tác ĐTGV nói chung và rèn luyện kĩ năng NVSP nói riêng phải đổi mới mạnh mẽ theo hướng hình thành năng lực nghề nghiệp cho SV để giúp họ trở thành *Nhà giáo dục, Nhà văn hóa, Nhà nghiên cứu và Người học.* Để trở thành người GV dạy giỏi môn LS, bên cạnh kiến thức chuyên môn vững vàng, SV phải nắm chắc kiến thức và KN sư phạm có liên quan đến giảng dạy và giáo dục HS như: KN tìm hiểu người học và môi trường giáo dục, KNDH, KN giáo dục, KN giao tiếp...Trong đó, rèn luyện KNDH cho SV là một nhiệm vụ quan trọng của các cơ sở ĐTGV nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp cho SV, đáp ứng những yêu cầu của quá trình đổi mới giáo dục đại học và của thực tiễn xã hội.

- Các khái niệm có liên quan đến đề tài như kĩ năng, kĩ năng dạy học...đã được chúng tôi làm rõ. Việc hình thành KN nói chung và KNDH nói riêng cần phải dựa trên những cơ chế tâm lí học, được tiến hành theo các giai đoạn và phải đảm bảo những yêu cầu của quá trình rèn luyện để đạt hiệu quả cao.

- Nghiên cứu thực tiễn ĐTGV ở trường ĐHSPHN nói chung, khoa LS nói riêng cho thấy chưa có sự quan tâm đúng mức đến thực hành, TTSP tại trường phổ thông. Hầu hết SV năm cuối có kiến thức chuyên môn vững nhưng lại thiếu và yếu các KNDH cần thiết như KN lập kế hoạch dạy học, KN giao tiếp, xử lí các tình huống sư phạm, KN quản lí lớp học, KN tổ chức các hoạt động học tập cho HS...

Trên cơ sở đi sâu phân tích đặc điểm lao động sư phạm, vai trò của người GV trong thời đại hiện nay, CNN của Bộ GD & ĐT đối với GV THPT, chúng tôi đã xác định hệ thống các KNDH của SV sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSPHN và xây dựng bảng tiêu chí đánh giá mức độ hình thành các KN cụ thể. Vấn đề này được giải quyết ở chương ba của Luận án.

CHƯƠNG 3
HỆ THỐNG KĨ NĂNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG DẠY HỌC CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM LỊCH SỬ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

3.1. Hệ thống kĩ năng dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông

3.1.1. Phân loại kĩ năng dạy học môn Lịch sử

3.1.1.1. Một số cách phân loại kĩ năng dạy học của các nhà giáo dục

Có nhiều cách phân loại KNDH khác nhau. Trong cuốn *Microteaching and Prospective Teachers* của tác giả **M.J.Lakshmi** (2009, Tr 65-69) đã đưa ra một số cách phân loại KNDH sau:

- *Allen and Ryans* - hai nhà giáo dục ở trường ĐH Standford – Mĩ (1969) đưa ra 14 KNDH: Mở bài, kích thích sự thay đổi, thuyết trình, im lặng và hành động phi ngôn ngữ, kích thích sự tham gia của HS, sự công nhận, giao tiếp, đưa ra các câu hỏi, nhận xét câu hỏi, phân phát các câu hỏi, đưa ra câu hỏi khó, đưa ra các ví dụ minh họa, lập kế hoạch, tổng kết bài.

- *Passi và một số tác giả khác* (1976) đã đưa ra hệ thống gồm 19 KN: Xác định mục tiêu bài học, mở bài, sử dụng bảng viết, lựa chọn nội dung, xây dựng cấu trúc nội dung, im lặng và giao tiếp phi ngôn ngữ, công nhận sự tập trung của HS, khuyến khích sự tham gia của HS, khuyến khích sự thay đổi, lựa chọn các phương tiện dạy học có âm thanh và hình ảnh, dễ dàng trong việc đưa ra câu hỏi, khảo sát hiệu quả của các câu hỏi, đưa ra những câu hỏi thăm dò, giải thích, minh họa bằng các ví dụ, phân chia công việc, đưa ra các biện pháp sửa lỗi, đánh giá, tổng kết bài.

- *Joshi và những cộng sự của ông* (1985) đưa ra 14 KNDH: Mở bài, củng cố, khuyến khích sự thay đổi, sử dụng phương tiện dạy học, phản ứng, giải thích, tường thuật, minh họa bằng các ví dụ, sử dụng bảng viết, sử dụng các câu hỏi cơ bản, sử dụng câu hỏi đóng và mở, hỏi và đưa ra nhận xét, phân chia câu hỏi, tổng kết bài.

- *Ram Babu* (2007) đưa ra gồm 19 KN: Xác định mục tiêu bài học, dễ dàng đưa ra các câu hỏi, giới thiệu bài học, củng cố, chứng minh, kích thích sự thay đổi, minh họa bằng các ví dụ, sử dụng bảng viết, giải thích, lựa chọn và chuẩn bị phương tiện dạy học, đánh giá các câu hỏi, đóng bài, sử dụng các phương tiện dạy học, sử dụng bản đồ, lắng nghe, nói, đọc, viết, sử dụng phối hợp nhiều KN.

Có thể thấy, KNDH các nhà giáo dục đưa ra đều là những KN cho mọi GV, một số KN được phân chia thành những KN bộ phận (ví dụ: Hệ thống phân loại KN của Passi có ba KN liên quan đến câu hỏi). Theo chúng tôi, ngoài những kĩ năng chung đã đề cập ở trên, GV dạy môn học nào cần xác định KNDH đặc thù, chuyên biệt do đặc điểm của môn học đó quy định.

3.1.1.2. Phân loại kĩ năng dạy học của GV môn Lịch sử

Trong DHLS, người GV sử dụng nhiều KN khác nhau để đạt được mục tiêu bài học. Vì vậy, có nhiều cách phân loại KNDH, dựa trên những tiêu chí khác nhau:

**** Phân loại theo đặc thù của môn học:*** Chia thành hai nhóm KN, nhóm KNDH của GV và nhóm KN đặc thù của GV môn LS.

- *Nhóm KNDH người GV cần phải có:* (1) KN thiết kế bài giảng, lập kế hoạch dạy học: xác định mục tiêu bài học, lựa chọn nguồn kiến thức, phương pháp, phương tiện dạy học phù hợp với mục tiêu và nội dung bài học. (2) KN vận dụng cấu trúc bài học mềm dẻo, dạy học nêu vấn đề để phát triển tư duy HS. (3) KN kết hợp các dạng tổ chức hoạt động học tập trong giờ học như: hoạt động toàn lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân. (4) KN tổ chức, hướng dẫn, điều khiển hoạt động nhận thức của HS một cách tích cực và chủ động. (5) KN quan sát, giao tiếp sư phạm: ứng xử nhanh nhạy và giải quyết khéo léo các tình huống sư phạm nảy sinh trong giờ học. (6) KN kiểm tra, đánh giá hoạt động nhận thức của HS.

- Ngoài những KN nói trên, *GV lịch sử cần phải có KNDH bộ môn* như: (1) KN khôi phục bức tranh LS quá khứ một cách sinh động, giàu hình ảnh và xúc cảm. (2) KN lựa chọn sự kiện cơ bản để cung cấp cho HS. (3) KN tiếp cận và sử dụng các nguồn tư liệu gốc trong DHLS. (4) KN rút ra quy luật và bài học LS để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống. (5) KN phân tích, lý giải và đánh giá sự kiện, hiện tượng LS trên quan điểm sử học Mác-xít. (6) KN sử dụng các loại đồ dùng trực quan trong DHLS. (7) KN sử dụng các phần mềm ứng dụng trong DHLS (Power Point, Gimp, Violet, Movie Maker, Adobe Capivate, Producer 2003, Mind Manager 9.0). (8) KN dạy học tích hợp LS và các môn khoa học khác: địa lý, toán học, văn học, giáo dục công dân...(9) KN xây dựng và sử dụng Hồ sơ tư liệu trong DHLS. (10) KN tổ chức các hoạt động ngoại khóa.

**** Phân loại theo các hình thức tổ chức dạy học lịch sử:*** Hệ thống KNDH của GV Lịch sử được phân thành hai nhóm:

- *Kĩ năng dạy học bài nội khóa:* Bài nghiên cứu kiến thức mới trên lớp, bài học tại thực địa, bảo tàng: (1) KN xác định mục tiêu bài học, lựa chọn kiến thức cơ bản, xác định hệ thống PPDH, phương tiện dạy học. (2) KN thực hiện bài giảng*:* Kiểm tra bài cũ, dẫn dắt HS vào bài mới, tổ chức nghiên cứu kiến thức mới, ôn tập, củng cố kiến thức cho HS.

- *Kĩ năng dạy học bài ngoại khóa:* Kĩ năng thiết kế và tổ chức một hoạt động ngoại khóa lịch sử cho HS.

**** Phân loại theo tiến trình dạy học và nhiệm vụ của GV môn Lịch sử:*** Hệ thống KNDH của GV Lịch sử được phân thành hai nhóm:

- *Kĩ năng chuẩn bị bài học lịch sử:* KN tìm hiểu đối tượng nhận thức, môi trường giáo dục. KN lập kế hoạch dạy học (xác định mục tiêu bài học, thiết kế bài giảng).

- *Kĩ năng thực hiện bài học lịch sử*: (1) KN cung cấp và truyền thụ kiến thức lịch sử cho HS: KN sử dụng ngôn ngữ nói và viết, KN xây dựng và sử dụng các loại đồ dùng trực quan; KN sử dụng các loại thiết bị, phương tiện kĩ thuật hiện đại và ứng dụng CNTT trong dạy học, KN sử dụng SGK và các loại tài liệu tham khảo...(2) KN tổ chức, điều khiển, hướng dẫn hoạt động nhận thức cho HS: KN sử dụng đa dạng, linh hoạt các phương pháp và kĩ thuật dạy học hiện đại để phát triển năng lực nhận thức lịch sử cho HS; KN kiểm tra, đánh giá hoạt động nhận thức của HS, KN hướng dẫn HS tự học.

Việc lựa chọn cách phân loại KNDH phụ thuộc vào mục đích nghiên cứu. Bởi mỗi cách phân loại đều có những ưu điểm và nhược điểm, không có cách nào là ưu thế tuyệt đối thay thế cho tất cả. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, chúng tôi chọn cách phân loại hệ thống KNDH cần hình thành cho SV sư phạm LS theo nhiệm vụ của GV trong dạy học, vì nó được sử dụng phổ biến nhất, đề cập đến những vấn đề bản chất của hoạt động DHLS. Các phân loại này tạo thuận lợi cho việc triển khai rèn luyện từng KNDH, đồng thời giúp SV hiểu được nhiệm vụ cụ thể của GV khi thực hiện một bài giảng LS.

3.1.2. Hệ thống kĩ năng dạy học môn Lịch sử

3.1.2.1. Những căn cứ để xác định hệ thống kĩ năng dạy học môn Lịch sử

**** Thứ nhất là theo quan điểm tiếp cận hiện đại về vai trò của người GV trong dạy học***

Mục tiêu giáo dục của UNESCO là tích cực hóa hoạt động học tập, hướng người học đến các mục tiêu *học để biết, học để làm, học để cùng chung sống và học*

để làm người. Xu hướng phát triển hiện đại ấy dẫn đến sự thay đổi tính chất của quá trình giáo dục, những biến đổi sâu sắc về vai trò của GV. Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình trong nhà trường hiện đại, GV phải đảm nhiệm: hoạt động dạy học, giáo dục HS; hoạt động chủ nhiệm lớp, phụ trách các tổ chức, đoàn thể hoặc tổ nhóm chuyên môn, chỉ đạo hoặc tham gia tổ chức các hoạt động xã hội trong và ngoài nhà trường...Như vậy, không chỉ có kiến thức phong phú về chương trình và nội dung môn học mình giảng dạy, GV cần có năng lực sư phạm, năng lực quản lí, năng lực phê phán...

Vì vậy, trong QTĐT, cần hình thành cho SV sư phạm Lịch sử một hệ thống KNDH để họ có thể đảm nhiệm được tất cả các vai trò nói trên. Có KN giúp HS như sống lại với quá khứ, trở về với hình ảnh của lịch sử sống động, chân thực, khách quan; có KN giúp HS hiểu sâu sắc bản chất của sự kiện lịch sử, hướng dẫn HS phát triển tư duy, tự tìm tòi, nghiên cứu các vấn đề được đặt ra.

**** Thứ hai là phải căn cứ vào "Chuẩn nghề nghiệp GV THCS, THPT" của Bộ GD & ĐT ban hành năm 2009***

Chuẩn nghề nghiệp GV có giá trị như một "thước đo" năng lực hành nghề của GV. Quy định về *Chuẩn nghề nghiệp GV trung học* (GV Trung học cơ sở và GV Trung học phổ thông) được ban hành theo Thông tư số 30/2009/TT – BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài, chúng tôi đã tìm hiểu *Chuẩn nghề nghiệp GV THPT* để xác định hệ mục tiêu tối thiểu đối với sản phẩm ĐTGV của khoa LS, trường ĐHSPHN. Trên cơ sở đó, xây dựng hệ thống KNDH của GV môn LS

Theo Chuẩn nghề nghiệp GV các bậc học của Bộ GD& ĐT ban hành, những năng lực NVSP trong cấu trúc năng lực nghề nghiệp của GV gồm 5 tiêu chuẩn: (1) Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục. (2) Năng lực xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học (3) Năng lực xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục (4) Năng lực kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện đạo đức HS. (5) Năng lực phát triển nghề nghiệp. Đây là những năng lực cốt lõi, cần thiết của người GV giúp họ thực hiện các chức năng, vai trò, nhiệm vụ giáo dục, đáp ứng các yêu cầu của nhà trường PT hiện nay.

Chuẩn nghề nghiệp GV là hệ thống yêu cầu cơ bản về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và các năng lực nghề nghiệp mà GV phải đạt được để thực hiện tốt các nhiệm vụ dạy học và giáo dục, đáp ứng mục tiêu của GDPT. CNN GV được

xây dựng trên cơ sở mô hình năng lực của GV, trong đó đưa ra các tiêu chuẩn năng lực và các tiêu chí đánh giá cho mỗi tiêu chuẩn đó. CNN là cơ sở định hướng cho việc đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá và phát triển đội ngũ GV. Do đó, xây dựng mục tiêu, chương trình đào tạo, rèn luyện KNDH cho SV ĐHSP phải dựa vào các tiêu chuẩn của CNN GV.

**** Thứ ba là căn cứ vào mục tiêu đào tạo của khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN***

- *Mục tiêu chung:* Đào tạo cử nhân ngành sư phạm LS có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp và sức khỏe nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đào tạo và đổi mới giáo dục ở nước ta hiện nay.

- *Mục tiêu cụ thể:*

+ *Kiến thức:* Được trang bị một hệ thống kiến thức toàn diện và chuyên sâu về LS thế giới và LS dân tộc, có thể làm nòng cốt trong công tác giảng dạy LS, dạy liên môn tại các trường THCS, THPT.

+ *Kĩ năng:* có đủ những năng lực sư phạm để đảm bảo yêu cầu đổi mới về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, KT - ĐG kết quả giáo dục, dạy học môn LS ở trường THCS và THPT, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục. Có KN thích ứng tốt với mọi điều kiện dạy học, đồng thời có khả năng tự đổi mới, tự nghiên cứu cả khoa học giáo dục và khoa học LS để nâng cao trình độ, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của xã hội

+ *Phẩm chất đạo đức:* có những phẩm chất đạo đức cơ bản của người GV Việt Nam: thấm nhuần thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng HCM; yêu nước, yêu HS, yêu nghề, trung thực, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, tác phong mẫu mực của người GV.

**** Thứ tư là phải căn cứ vào nội dung chương trình giáo dục ĐH ngành sư phạm LS* và *Chuẩn đầu ra CTĐT cử nhân sư phạm Lịch sử do trường ĐHSPHN ban hành***

Để xác định hệ thống KNDH cho SV ngành sư phạm LS, chúng tôi nghiên cứu nội dung chương trình chi tiết giáo dục đại học ngành Sư phạm LS - Trình độ Đại học (từ chương trình ban hành năm 2012 đến chương trình mới nhất năm 2015). Chương trình chi tiết năm 2015 được xây dựng trên cơ sở CTĐT năng lực sư phạm cho SV trường ĐHSPHN ban hành theo Quyết định số 4063/QĐ-ĐHSPHN-ĐT, ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Hiệu trưởng trường ĐHSPHN.

Chương trình đào tạo SV ngành SP Lịch sử năm 2015 đã tiếp thu, kế thừa giá trị của CTĐT cử nhân ngành sư phạm LS ban hành năm 2012. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay, chương trình được xây dựng theo hướng ĐTGV chất lượng cao dạy môn LS, có khả năng dạy liên môn với những môn khoa học xã hội gần gũi.

Ngoài khối kiến thức chung theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT của trường ĐHSPHN, các khối kiến thức chung của nhóm ngành, chuyên ngành đảm bảo những nội dung cơ bản về LS nhân loại, LS dân tộc cần thiết cho một GV giảng dạy và nghiên cứu LS trong tương lai. Chương trình cũng chú trọng tăng số tín chỉ đào tạo năng lực sư phạm. So với chương trình cũ, chương trình mới năm 2015 có sự kết hợp hài hòa giữa các khối kiến thức liên quan đến chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, ngoại giao trong LS thế giới cũng như LS sử dân tộc

Bên cạnh khối kiến thức chung của nhóm ngành, chương trình còn thiết kế một số chuyên đề chuyên sâu, phân ngành hẹp giúp SV bước đầu định hướng lựa chọn chuyên ngành hẹp để học tập, nghiên cứu ở những bậc cao hơn. Khối kiến thức đào tạo năng lực sư phạm tăng về số lượng tín chỉ (34 tín chỉ) tập trung vào hình thành KN nghề nghiệp cho SV với những học phần cập nhật các phương pháp, kĩ thuật dạy học hiện đại, chú trọng thực hành. Đây là hướng đi tiếp cận với xu hướng giáo dục hiện đại của khu vực và thế giới, tăng tính tự học, tự nghiên cứu của SV, giảm bớt lí thuyết ở trên lớp của người thầy trong QTĐT.

Việc xây dựng và đi vào thực thi chương trình đào tạo mới ở khoa Lịch sử sẽ đáp ứng được chuẩn đầu ra cho người học trên các phương diện:

(1) Kiến thức: Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh; Nắm vững, cập nhật kiến thức cơ bản, hệ thống và chuyên sâu về LS dân tộc và LS thế giới; Hiểu rõ kiến thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về khoa học giáo dục nói chung và giáo dục LS nói riêng**.**

(2) Kĩ năng: Có KN vận dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học bộ môn, KNDH phân hóa, KN xây dựng kế hoạch dạy học, tổ chức các hoạt động học tập của HS; KN tổ chức và quản lí lớp học; KN đánh giá kết quả học tập của HS; KN phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa, KN xây dựng kế hoạch giáo dục; KN xử lí các tình huống giáo dục; KN tư vấn, tham vấn cho HS;

KN đánh giá kết quả giáo dục cho HS; KN xây dựng, quản lí và khai thác hồ sơ giáo dục, KN nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học giáo dục...

(3) Thái độ hành vi: Có lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, hoài bão, không ngừng phấn đấu học tập, rèn luyện, yêu nghề, có ý thức đạo đức nghề nghiệp.

(4) Năng lực: Có năng lực dạy học môn lịch sử, năng lực giáo dục, năng lực định hướng sự phát triển của HS; Có năng lực phát triển cộng đồng bao gồm khả năng chia sẻ kiến thức, thông tin, kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu LS, phát triển nhóm, tổ chuyên môn, năng lực công tác xã hội; Có năng lực phát triển cá nhân bao gồm năng lực học tập, giao tiếp, thích ứng với môi trường và nghiên cứu khoa học LS, khoa học giáo dục.

(5) Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp: Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành sư phạm LS có khả năng làm GV dạy môn LS và những nội dung liên quan đến khoa học xã hội tại các trường THCS, THPT, các trường chuyên và trường thực hành SP; Làm Giảng viên dạy môn LS tại các trường Cao đẳng, Đại học, trở thành cán bộ nghiên cứu LS tại các viện, trung tâm**.**

(6) Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp: Có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu sau đại học, khả năng tự học, tự nghiên cứu, làm tốt những lĩnh vực chuyên môn chưa có điều kiện học ở nhà trường**,** khả năng tiếp thu KHCN mới, nâng cao trình độ nhằm đáp ứng nhu cầu của cá nhân và XH

Chuẩn đầu ra của CTĐT cử nhân sư phạm lịch sử nói trên thể hiện cam kết, tuyên bố trách nhiệm về chất lượng giáo dục đào tạo của khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN đối với chính người học, xã hội và những cơ quan, tổ chức thụ hưởng, sử dụng sản phẩm đào tạo của nhà trường. Theo đó, Giảng viên và SV biết mình sẽ dạy và học như thế nào để đạt được Chuẩn đầu ra. Vì vậy, việc xác định hệ thống KNDH cần hình thành cho SV sư phạm Lịch sử càng rõ ràng, chi tiết đến từng hành vi, tiêu chí cụ thể, thì việc đưa ra các biện pháp nhằm mục tiêu đạt Chuẩn đầu ra càng trở nên thiết thực và khả thi.

**** Căn cứ vào mục tiêu chung của dạy học Lịch sử ở trường phổ thông:***

Chương trình GDPT ban hành tháng 5/2006 xác định mục tiêu của môn LS ở trường PT là giúp HS *có được kiến thức cơ bản, cần thiết về lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới; góp phần hình thành ở HS thế giới quan khoa học, giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, truyền thống dân tộc, cách mạng, bồi dưỡng các năng lực tư duy, hành động, thái độ ứng xử đúng đắn trong đời sống xã hội.* Việc học tập LS ở

trường PT giúp HS đạt hiệu quả cao trên ba mặt: kiến thức; kĩ năng; thái độ, tư tưởng, tình cảm.

- *Về kiến thức*: cung cấp cho HS những kiến thức cơ bản của khoa học LS, gồm: sự kiện LS cơ bản, thời gian, không gian diễn ra các sự kiện, nhân vật LS tiêu biểu, các khái niệm, thuật ngữ, những vấn đề về phương pháp nghiên cứu và học tập phù hợp với yêu cầu, trình độ của HS.

- *Về kĩ năng:*

Hình thành cho HS các KN học tập bộ môn: Xem xét sự kiện và nhân vật LS trong mối quan hệ về không gian, thời gian (đồng đại, lịch đại); Làm việc với SGK và các nguồn tài liệu có liên quan, nâng cao năng lực trình bày, làm và sử dụng đồ dùng trực quan, ứng dụng thành tựu CNTT vào học tập, tổ chức hoạt động ngoại khóa của môn học; Biết phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát, đánh giá sự kiện, hiện tượng, nhân vật LS; Bồi dưỡng năng lực phát hiện, đề xuất và giải quyết vấn đề trong học tập LS; Hình thành năng lực tự học, tự làm giàu tri thức thông qua các nguồn sử liệu khác nhau; Vận dụng kiến thức LS đã học vào cuộc sống.

- *Về thái độ, tư tưởng, tình cảm:*

Tri thức LS có tác dụng phát triển năng lực nhận thức, trí tuệ, giáo dục tư tưởng, tình cảm, nhân cách, phẩm chất đạo đức của HS. Trên cơ sở nội dung kiến thức lịch sử cụ thể của từng bài, từng khóa trình, HS được bồi dưỡng lòng yêu quê hương, đất nước gắn liền với chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào dân tộc, có thái độ trân trọng đối với các di sản LS dựng nước và giữ nước của dân tộc; Trân trọng nền văn hóa của các dân tộc trên thế giới, có niềm tin vào sự phát triển hợp quy luật của LS nhân loại và LS dân tộc; Có những phẩm chất cần thiết của người công dân: thái độ tích cực trong thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm đối với đất nước, yêu lao động, sống nhân ái, có kỉ luật, đoàn kết.

Để thực hiện mục tiêu trên, trong quá trình DHLS ở trường phổ thông, GV không chỉ là người cung cấp, truyền thụ kiến thức LS nhằm giúp HS *hình dung* được những hình ảnh chân thực của quá khứ, *biết* và *ghi nhớ* được các sự kiện, hiện tượng LS mà còn là người tổ chức, hướng dẫn hoạt động nhận thức tích cực, độc lập của HS, từ đó giúp các em *đi sâu vào bản chất* sự kiện, hiện tượng, *hiểu* được khái niệm, rút ra quy luật và bài học kinh nghiệm, *vận dụng* kiến thức đã học vào tiếp thu kiến thức mới và thực tiễn cuộc sống. Đây là căn cứ để chúng tôi xác định hệ thống KNDH của người GV Lịch sử nhằm đạt được mục tiêu của bộ môn ở trường PT.

**** Thứ năm là phải căn cứ vào đặc điểm của kiến thức Lịch sử trong chương trình THPT:***

Lịch sử là ngành khoa học xã hội nhân văn được phản ánh qua ngôn ngữ, kiến thức của bộ môn LS khác với kiến thức các bộ môn khác trong nhà trường ở chỗ vừa mang *tính khoa học, chính xác, vừa mang ý nghĩa tương đối* trong nhận thức của HS. Điều này đòi hỏi trong giảng dạy, tùy thuộc vào đối tượng nhận thức, yêu cầu của bài học mà GV xác định, lựa chọn kiến thức và mức độ của kiến thức để truyền đạt cho HS, tránh hai tình trạng: kiến thức quá sâu hoặc quá sơ sài.

Sự kiện, hiện tượng LS là những gì *đã xảy ra trong quá khứ, một lần duy nhất, không lặp lại* nên HS chỉ được nhận thức gián tiếp thông qua các tài liệu LS. Chương trình LS ở trường PT được cấu tạo theo tiến trình LS, từ xa đến gần, từ quá khứ đến hiện tại. Đây là điểm khác biệt của kiến thức LS so với kiến thức các môn khoa học khác, học từ kiến thức dễ, đơn giản đến kiến thức khó, phức tạp. Điều đó gây cho GV, HS không ít khó khăn trong QTDH bộ môn. Bởi quy luật nhận thức của HS từ gần đến xa, từ hiện tại đến quá khứ, từ đơn giản đến phức tạp, từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng. Thực tế đó đòi hỏi GV khi DHLS phải tái hiện cho HS thời gian quá khứ của sự kiện, đặc biệt là tính lôgic tất yếu của nó.

Lịch sử là *những gì đã xảy ra, không lặp lại về cả thời gian và không gian*. Kiến thức LS được học lại một lần trong cấp học, kiến thức đã học rồi không học lại nữa. Trong chương trình LS ở phổ thông, các bài học liên tiếp với nội dung kiến thức phong phú, đa dạng, không lặp lại hay liên quan tới nhau. Nếu không được củng cố thường xuyên, kiến thức dồn lại chồng chất gây khó khăn cho HS trong việc ghi nhớ. Vì vậy, trong QTDH, yêu cầu GV phải dành quỹ thời gian thỏa đáng để ôn tập, tổng kết, củng cố kiến thức cho HS.

LS là khoa học nghiên cứu tiến trình LS của nhân loại qua từng thời kì, từng giai đoạn, từ khi có con người xuất hiện cho đến ngày nay. LS của mỗi quốc gia, dân tộc, ở từng thời điểm, không gian khác nhau lại có diện mạo riêng. Điều đó quy định *đặc điểm vừa khái quát, vừa cụ thể của kiến thức LS*. Vì vậy trong DHLS, GV phải có cái nhìn toàn diện về một giai đoạn nhưng đòi hỏi khi trình bày các sự kiện, hiện tượng LS, càng cụ thể, sinh động bao nhiêu lại càng hấp dẫn HS bấy nhiêu.

Các sự kiện, hiện tượng, biến cố LS không xuất hiện ngẫu nhiên mà có quá trình hình thành, phát triển và kết thúc nhất định. Giữa *các sự kiện có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, tạo thành hệ thống hoàn chỉnh*, không kiến thức LS nào là hoàn

toàn đơn độc, không liên hệ với các kiến thức trước - sau hay đồng thời với nó. Vì vậy GV phải luôn chú ý đến mối liên hệ ngang – dọc, trước – sau của các sự kiện, hiện tượng LS trong dạy học để cung cấp cho HS kiến thức hệ thống và hoàn chỉnh.

Những đặc điểm nói trên của kiến thức LS định hướng cho GV cách lựa chọn và sử dụng PPDH sao cho phù hợp, đạt hiệu quả cao nhất trong dạy học. HS không được "trực quan sinh động" các sự kiện, hiện tượng bởi LS là những gì đã qua không lặp lại. Vì vậy, PPDH bộ môn đòi hỏi phải xuất phát từ sự kiện cụ thể để tạo biểu tượng, hình thành khái niệm, nêu quy luật và rút ra bài học LS.

Dạy học nói chung, DHLS nói riêng là quá trình thống nhất của việc dạy và học, có mối quan hệ mật thiết và tác động lẫn nhau, HS đóng vai trò là chủ thể của hoạt động học. Nhận thức LS phải thông qua các thao tác tư duy của người học chứ không phải là sự áp đặt chủ quan, công thức từ phía GV. Học tập lịch sử đòi hỏi HS không chỉ dừng ở việc nhớ sự kiện mà phải biết phân tích, đánh giá, nêu ra kết luận khái quát. Vì vậy GV phải là *người đặt vấn đề, tổ chức, hướng dẫn hoạt động nhận thức độc lập của HS* để giải quyết vấn đề đặt ra. Thực hiện chức năng đó, GV cần có KN *dạy học nêu vấn đề, trao đổi đàm thoại, sử dụng hệ thống câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm…*, giúp HS tự nhận thức được bản chất của các sự kiện LS, vận dụng tri thức đã học để giải thích những vấn đề LS trong cuộc sống.

3.1.2.2. Hệ thống kĩ năng dạy học cần hình thành cho SV sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội

Xuất phát từ những căn cứ nêu trên, chúng tôi xác định hệ thống KNDH của SV sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSPHN gồm 15 kĩ năng đơn lẻ, phân thành ba nhóm lớn: KN chuẩn bị bài học LS, KN thực hiện bài học LS, KN đánh giá kết quả học tập LS của HS. Dưới đây chúng tôi tập trung vào trình bày một số KNDH cơ bản, quan trọng nhất của GV môn Lịch sử.

(1) Kĩ năng chuẩn bị bài học Lịch sử

**** Kĩ năng tìm hiểu đối tượng HS và phát triển chương trình giáo dục trong nhà trường:***

Mỗi HS trong lớp là một cá thể độc lập, có trình độ nhận thức và đặc điểm tâm lý riêng. Mỗi nhà trường lại có điều kiện cơ sở vật chất riêng phục vụ QTDH môn LS. Để quá trình này đạt hiệu quả cao nhất, người GV phải đưa ra kế hoạch dạy học phù hợp với mọi đối tượng nhận thức, trong điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, văn hóa xã hội của nhà trường và địa phương. Điều đó đòi hỏi trong QTĐT, khoa Lịch sử phải

chú trọng hình thành cho SV KN tìm hiểu đối tượng nhận thức, môi trường giáo dục. Nếu được rèn luyện KN này, SV sẽ có phương pháp thu thập và xử lí thông tin thường xuyên về nhu cầu, đặc điểm nhận thức của HS; về điều kiện cơ sở vật chất giáo dục của nhà trường; tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa của địa phương; biết sử dụng thông tin đó phục vụ hiệu quả cho việc thiết kế bài học lịch sử trên lớp.

Kĩ năng tìm hiểu đối tượng nhận thức trong dạy học: là KN tìm hiểu khả năng, thái độ, nhu cầu học tập môn LS và tình hình đạo đức, hoàn cảnh gia đình của HS trong lớp học bằng cách thu thập thông tin về HS (nguyện vọng cá nhân, cách học ưa thích, mức độ kinh nghiệm), nghiên cứu hồ sơ kết quả học tập môn LS của HS những năm học trước.… Việc điều tra nhu cầu của HS còn được thực hiện trước khi bắt đầu tiết học thông qua tìm hiểu hứng thú của HS về chủ đề mới của bài; đánh giá kiến thức đã có của HS liên quan đến nội dung bài học. GV có thể sử dụng những thông tin có được để điều chỉnh bài dạy hoặc đưa ra hướng dẫn cần thiết cho một số HS có nhu cầu đặc biệt (HS khá giỏi muốn nghiên cứu sâu hơn ở 1 chủ đề của bài học; HS chậm hiểu…) làm cơ sở thiết kế chương trình học, xây dựng kế hoạch cho từng bài học cụ thể.

**** Kĩ năng tìm hiểu môi trường giáo dục:*** Là KN nắm được cơ sở vật chất, thiết bị dạy học môn LS của nhà trường; thâm nhập thực tế để tìm hiểu tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương nơi trường đóng; biết vận dụng các phương pháp điều tra để đánh giá mức độ ảnh hưởng của nhà trường, gia đình và địa phương đến việc học tập của HS; từ đó, xây dựng kế hoạch học tập phù hợp, có hiệu quả.

**** Kĩ năng xác định mục tiêu bài học:*** Là KN quan trọng, yếu tố tiên quyết ảnh hưởng đến chất lượng của giờ học LS. Xác định mục tiêu bài học phải đảm bảo những yêu cầu sau: phù hợp với mục tiêu chung, mục tiêu của môn học và của chương trình; phù hợp với chuẩn kiến thức và KN của môn học, nội dung bài học, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học, yêu cầu trong kiểm tra – đánh giá, trình độ của HS. Mục tiêu phải rõ ràng, thể hiện được mức độ hoàn thành công việc của HS và đầu ra của bài học. Mỗi mục tiêu nên chỉ phản ánh một đầu ra để tạo thuận lợi cho quá trình đánh giá.

Các mục tiêu được xác định dựa vào các thang bậc sau: (1) *Mục tiêu nhận thức*: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo. (2) *Mục tiêu*

KN: Bắt chước, thao tác, hành động chuẩn xác, hành động phối hợp, hành động tự nhiên. (3) *Mục tiêu cảm xúc*: Tiếp nhận, đáp ứng, tổ chức, biểu thị tính cách.

**** Kĩ năng thiết kế bài giảng:***

Chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông được thể hiện qua từng bài học trong SGK. Mỗi bài học là một bộ phận được quy định trong chương trình. Dựa vào mục tiêu của môn học, bài học và nội dung trong SGK, GV xây dựng kế hoạch bài dạy. Đây là bản thiết kế của GV để thực hiện bài học trên lớp, còn được gọi là giáo án, trong đó chỉ rõ các bước chủ yếu trong công việc của GV và HS ở trên lớp, đồng thời nêu một cách vắn tắt nội dung, phương pháp của công việc đó nhằm đạt được mục đích đã xác định theo yêu cầu của chương trình.

Như vậy giáo án bao gồm phần xác định mục tiêu, nội dung, PPDH, cách tổ chức hoạt động của GV và HS trong một thời lượng nhất định. Nó giống bản thiết kế tỉ mỉ, lôgic, đầy đủ về QTDH. Soạn giáo án là KN rất quan trọng, là yếu tố đầu tiên đảm bảo cho sự thành công của bài dạy. Kĩ năng được thể hiện qua các thao tác cụ thể sau: Xác định mục tiêu bài học, nội dung dạy học; Dự kiến các PPDH, hệ thống PTDH dự định sử dụng trong bài học; Xác định hình thức tổ chức dạy học trong giờ học; Thiết kế các hoạt động của GV và HS phù hợp với mục tiêu, yêu cầu, khả năng của HS, thu hút, khơi gợi được sự thích thú của HS. Các loại hoạt động được tổ chức trong một bài học phải đa dạng, linh hoạt, bao gồm: Hoạt động trao đổi giữa GV và HS, hoạt động trao đổi giữa HS và HS và hoạt động cá nhân.

(2) Kĩ năng thực hiện bài học lịch sử

Đặc điểm nổi bật nhất của kiến thức LS là tính quá khứ, tính không lặp lại, tính gián tiếp. Vì thế, trong QTDH GV phải tái hiện lại bức tranh quá khứ LS một cách chân thực, sinh động, khách quan thông qua việc sử dụng các phương pháp: trình bày miệng; sử dụng SGK và tài liệu tham khảo, sử dụng đồ dùng trực quan. Từ đó, giúp HS tìm ra mối liên hệ bản chất của các sự kiện, hiện tượng LS bằng phương pháp giải thích, so sánh, vận dụng, liên hệ với thực tiễn cuộc sống. Vì vậy, thông tin và tái hiện hình ảnh LS là KN không thể thiếu của người GV trong DHLS. Biểu hiện cụ thể là:

**** Kĩ năng sử dụng ngôn ngữ nói và viết:*** Trong DHLS, có hai loại hình ngôn ngữ được sử dụng, đó là ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

+ KN sử dụng lời nói trong diễn đạt, trình bày các vấn đề lịch sử được thể hiện dưới nhiều hình thức: thông báo, tường thuật, miêu tả, giải thích, minh họa bằng tư liệu lịch sử, tư liệu văn học. Kĩ năng diễn đạt nói của GV quyết định trực tiếp đến thành công của bài giảng lịch sử. Với ngôn ngữ rõ ràng, trong sáng, gợi cảm xúc, giàu hình ảnh, lời nói của GV sẽ dẫn dắt HS "*trở về*" với quá khứ của lịch sử, tạo được biểu tượng rõ ràng, cụ thể về một nhân vật, một biến cố, hiện tượng lịch sử, giúp các em biết hình dung, tưởng tượng, suy nghĩ, tìm tòi, hình thành khái niệm, hiểu được bản chất của sự vật, quy luật của quá trình phát triển lịch sử; từ đó tác động đến tư tưởng tình cảm, hình thành thái độ đúng đắn trong học tập và trong cuộc sống.

Rèn luyện KN diễn đạt nói giúp SV khắc phục được những nhược điểm, khuyết tật thường gặp như nói ngọng, nói lắp, nói nhanh, nói ngắt quãng, nói nhát gừng, nói nhịu... góp phần vào nâng cao hiệu quả bài học LS ở trường phổ thông.

+ Nếu ngôn ngữ nói là phương tiện chủ yếu trong giao tiếp giữa GV và HS thì bảng là công cụ không thể thiếu trong dạy học. Kết hợp chặt chẽ giữa lời giảng và ghi bảng của GV, sử dụng bảng hợp lý không chỉ giúp HS theo dõi và nắm được nội dung kiến thức một cách hệ thống mà còn tiết kiệm thời gian cho tiết học, phát triển ở HS tư duy tổng hợp nhanh, tái hiện vững chắc kiến thức, rèn luyện óc quan sát, ghi nhớ và hiểu sâu sắc kiến thức mới. Cách trình bày bảng của GV còn hình thành cho HS tính khoa học, tính chính xác trong nghệ thuật trình bày.

Ngoài chức năng là một phương tiện trình bày kiến thức, bảng đen còn được sử dụng để trình bày các loại đồ dùng trực quan như bản đồ, sơ đồ, niên biểu, hình minh họa…. Các đồ dùng trực quan làm tăng thêm sự sinh động, hấp dẫn của kiến thức LS đối với HS. Vì vậy, nếu SV nỗ lực, chăm chỉ tập luyện, có KN sử dụng bảng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả bài học trên cả ba phương diện: giáo dưỡng, giáo dục và phát triển. Rèn luyện KN trình bày bảng giúp SV nhận thức rõ mục đích, ý nghĩa của việc sử dụng bảng đen, hình thành tư thế, tác phong đứng lớp chuẩn mực; cách viết bảng đẹp, khoa học, vẽ nhanh các hình ảnh trực quan trên bảng khi dạy học.

**** Kĩ năng xây dựng và sử dụng các loại đồ dùng trực quan trong DHLS:***

Lịch sử là những gì đã xảy ra trong quá khứ, không thể tái tạo lại trong phòng thí nghiệm. Trong học tập lịch sử, HS không được trực tiếp quan sát sự kiện, nên khó hình dung, tưởng tượng chân thực và đúng đắn về những gì đã xảy ra trong

quá khứ. Vì vậy, sử dụng đồ dùng trực quan là một trong những "nguyên tắc vàng" trong dạy học, có vai trò đặc biệt quan trọng góp phần tạo biểu tượng lịch sử cụ thể, giáo dục tư tưởng, tình cảm và phát triển năng lực cho HS. Tuy nhiên, không thể sử dụng tùy tiện mà phải căn cứ vào mục đích, nội dung kiến thức cụ thể của từng bài học trên cơ sở GV đã nắm vững lí luận và PPDH bộ môn.

Hình thành KN xây dựng và sử dụng các loại đồ dùng trực quan trong dạy học là một yêu cầu bắt buộc trong CTĐT GV môn Lịch sử tại Trường ĐHSPHN, giúp SV nhận thức được tầm quan trọng của các loại đồ dùng trực quan trong DHLS, nắm được các yêu cầu, biện pháp xây dựng và sử dụng có hiệu quả một số đồ dùng trực quan phổ biến như sơ đồ, niên biểu, đồ thị, biểu đồ, lược đồ LS....

**** Kĩ năng sử dụng các loại phương tiện dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong DHLS:***

Thế kỉ XXI là thế kỉ bùng nổ của khoa học – công nghệ, nó có tác động tới tất cả các mặt của đời sống kinh tế - xã hội, trong đó có giáo dục, đòi hỏi GV không chỉ giỏi về chuyên môn mà còn phải có KN sử dụng các loại thiết bị, phương tiện kĩ thuật, ứng dụng CNTT vào dạy học. Đây là KN không thể thiếu của GV tất cả các môn học. Thiết bị, phương tiện dạy học vừa là điều kiện phục vụ cho việc giảng dạy, học tập, vừa là yếu tố kích thích tư duy sáng tạo, khả năng tìm tòi, nghiên cứu của GV và HS. Ngày nay các thiết bị, phương tiện dạy học rất phong phú, đa dạng hiện đại, đòi hỏi GV phải có KN sử dụng, khai thác chúng một cách hiệu quả. Điều này sẽ tránh được 2 hiện tượng phổ biến thường xảy ra, một là lạm dụng hoặc quá lệ thuộc vào phương tiện, thiết bị, hai là không muốn hoặc ngại sử dụng.

Ở trường PT, môn LS có nhiều loại thiết bị có thể sử dụng và có ưu điểm để ứng dụng CNTT trong dạy học, nên việc rèn luyện cho SV kĩ năng này là rất cần thiết. Nội dung rèn luyện giúp SV hiểu rõ vai trò, ý nghĩa của các phương tiện kĩ thuật được sử dụng trong dạy học, các hình thức, biện pháp sử dụng một số công cụ, thiết bị hiện đại để nâng cao chất lượng bộ môn (Bảng thông minh, máy chiếu, hệ thống âm thanh kĩ thuật số,..).

**** Kĩ năng sử dụng SGK và các loại tài liệu tham khảo trong DHLS:***

SGK là tài liệu cơ bản quan trọng đối với GV và HS trong DHLS. Kiến thức trong SGK là kiến thức cốt lõi nhất, phản ánh toàn diện, hệ thống về tiến trình phát triển hợp quy luật của LS nhân loại và LS dân tộc. Đối với GV, SGK là tài liệu

đáng tin cậy không thể thiếu trong giảng dạy, là điểm tựa để GV xác định kiến thức cơ bản cần cung cấp và hướng dẫn HS khai thác trong giờ học, là gợi ý để GV lựa chọn PPDH phù hợp với nội dung, đặc điểm và khả năng nhận thức của các em. Đối với HS, SGK là tài liệu học tập cơ bản, bắt buộc để các em tự học có hướng dẫn, là nguồn tài liệu chủ yếu giúp HS lĩnh hội kiến thức của bộ môn.

Vì vậy, trong hệ thống KNDH cần hình thành cho SV sư phạm LS, rèn luyện kĩ năng sử dụng SGK kết hợp với các nguồn tài liệu tham khảo là rất cần thiết. SV sẽ hiểu được vị trí, ý nghĩa của SGK; biết khai thác kiến thức cơ bản trong SGK để cung cấp, truyền thụ cho HS; biết hướng dẫn HS tự học qua SGK; biết sưu tầm, xây dựng và sử dụng hồ sơ tư liệu trong dạy học. Những tri thức trong SGK gắn bó với HS trong suốt quá trình học tập. Vì vậy, nếu GV có kĩ năng sử dụng SGK một cách nhuần nhuyễn sẽ góp phần phát triển năng lực tự học, tư duy lịch sử của HS.

**** Kĩ năng tổ chức, điều khiển, hướng dẫn hoạt động nhận thức cho HS trong DHLS:***

- Kĩ năng sử dụng các PPDH và kĩ thật dạy học hiện đại để phát triển năng lực nhận thức lịch sử cho HS:

Nhiệm vụ quan trọng nhất của GV trong dạy học là người tổ chức, hướng dẫn, điều khiển, trọng tài, chuyên gia, bạn đồng hành của HS trong quá trình học tập. Để thực hiện tốt nhiemẹ vụ đó, GV phải có KN sử dụng đa dạng, linh hoạt các PPDH theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS như dạy học nêu vấn đề, dạy học dự án, dạy học theo chủ đề, dạy học liên môn, dạy học phân hóa, dạy học tích hợp, tổ chức hoạt động nhóm, trao đổi, thảo luận, tranh luận, đóng vai, hướng dẫn HS tự học trên lớp và ở nhà; biết vận dụng hợp lí một số kĩ thuật dạy học tích cực vào dạy học như kĩ thuật khăn trải bàn; kĩ thuật 3 -2 -1; kĩ thuật dạy học theo góc, dạy học theo trạm, dạy học kiến tạo… Đồng thời, cần kết hợp đa dạng các hình thức tổ chức dạy học trong giờ nội khóa (trên lớp, tại thực địa, nhà bảo tàng, di tích LS) và hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo [46; 195].

Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là một yêu cầu quan trọng của Chương trình GDPT mới, được ưu tiên dành nhiều thời lượng hơn. Các hoạt động giáo dục, dạy học được tổ chức theo phương thức trải nghiệm và sáng tạo để hình thành, phát triển năng lực và củng cố niềm tin vào các giá trị cho HS. Do đó, trong ĐTGV, khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN cần phải trang bị cho SV nguyên tắc, KN thiết kế,

tổ chức các hoạt động GD, DHLS theo phương thức trải nghiệm và sáng tạo. SV cần có KN hướng dẫn cho HS phổ thông các hoạt động trải nghiệm sáng tạo giống như KN làm GV chủ nhiệm. Nội dung và cách thức tổ chức sẽ tập trung vào một số hình thức cơ bản như: Hướng dẫn cho HS tập nghiên cứu khoa học LS, tổ chức các câu lạc bộ LS, các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, tham gia các hoạt động công ích xã hội, tổ chức các hoạt động tìm hiểu ngành nghề truyền thống ở địa phương...

- *Kĩ năng hướng dẫn HS tự học*:

Trong QTDH, hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS là hai khâu của một quá trình thống nhất. Tự học là khâu rất quan trọng, một nhiệm vụ bắt buộc đối với HS để hoàn thành những nhiệm vụ được giao dưới sự giúp đỡ, tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra của GV; có thể diễn ra ở trên lớp hoặc ở nhà.

Trong tự học LS bên cạnh sự nỗ lực học tập độc lập, thông minh sáng tạo của HS thì các vấn đề phương hướng, nội dung, phương pháp, tiến trình, kết quả...một phần chủ yếu do GV quyết định và chịu trách nhiệm thực hiện theo chương trình, SGK. Có thể khẳng định vai trò của GV vô cùng quan trọng, do đó, SV sư phạm Lịch sử phải có KN hướng dẫn HS tự học, tránh việc HS bị động trong tiếp nhận kiến thức, có tâm lý chán nản, coi thường môn Lịch sử khi phải tự học một cách ép buộc. Nhận thức được tầm quan trọng của việc làm này, GV sẽ lựa chọn được những hình thức tự học phong phú, phù hợp với trình độ nhận thức và phát huy sự chủ động, sáng tạo của từng HS; trên cơ sở đó góp phần vào việc thực hiện mục tiêu của môn học, mục tiêu giáo dục và yêu cầu đổi mới PPDH Lịch sử ở nước ta hiện nay.

(3) Kĩ năng kiểm tra, đánh giá hoạt động nhận thức LS của HS

KN kiểm tra, đánh giá hoạt động nhận thức của HS là nhiệm vụ quan trọng không thể thiếu trong quá trình DH của người GV Lịch sử, bao gồm: có nhận thức đúng về đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá; có KN đánh giá cơ bản trên cơ sở xác định tiêu chí đánh giá chuẩn và bộ công cụ đánh giá phù hợp với đối tượng nhận thức; sáng tạo các hình thức đánh giá đa dạng, kết hợp đánh giá quá trình với đánh giá kết quả trên quan điểm vì sự tiến bộ và phát triển của HS. Việc đánh giá đúng, trung thực của GV đối với HS không chỉ tác động mạnh mẽ đến thái độ, kết quả học tập mà còn tạo động lực cho các em phấn đấu, thông qua đó GV cũng đánh giá được khả năng giảng dạy của mình.

Quan điểm định hướng trong phát triển chương trình GDPT mới là đổi mới căn bản hình thức, phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục, bảo

đảm trung thực, khách quan góp phần hướng dẫn, điều chỉnh cách học và cách dạy; Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kì, cuối năm học, đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học [46; 42]. Vì vậy, khoa Lịch sử (Trường ĐHSPHN) đã đổi mới cách kiểm tra, đánh giá tạo cơ hội cho SV trải nghiệm phương thức đánh giá tích cực, đồng thời quan tâm đào tạo cho SV kĩ năng kiểm tra, đánh giá theo định hướng nói trên.

Trước đây với triết lý dạy học là truyền thụ kiến thức, kĩ năng, phẩm chất cho người học nên KT - ĐG lấy nội dung kiến thức – kỹ năng người học được đào tạo làm chính. Ngày nay triết lý dạy học đã thay đổi theo hướng hình thành năng lực cho người học, do đó, nội dung KT-ĐG phải lấy năng lực người học được đào tạo làm chính. Cần xây dựng hệ thống các tiêu chí cụ thể, các tiêu chí này là nội dung cơ bản để đo mức độ hình thành kĩ năng đánh kết quả học tập lịch sử của HS. Cụ thể, một GV dạy lịch sử cần: hiểu rõ vai trò quan trọng của kiểm tra - đánh giá; biết phân biệt các công cụ, loại hình KT-ĐG; biết lựa chọn, sử dụng thành thạo các hình thức và phương pháp KT-ĐG đa dạng, phù hợp với điều kiện, năng lực của HS, từ đó sử dụng kết quả KT-ĐG để điều chỉnh hoạt động dạy học.

3.2. Những tiêu chí để đánh giá hệ thống kĩ năng dạy học của SV ngành sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSPHN

3.2.1. Các yêu cầu khi xây dựng bộ tiêu chí đánh giá KNDH của SV sư phạm Lịch sử

Trên quan điểm tiếp cận hiện đại về QTDH và quá trình ĐTGV, chúng tôi đưa ra các nguyên tắc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá KNDH của SV ngành sư phạm LS - Trường ĐHSPHN:

**** Tính thực tiễn***: Các tiêu chí đánh giá KNDH phải có giá trị thực tiễn, được xây dựng trên có sở thực tiễn rèn luyện KN nghề nghiệp của SV sư phạm Lịch sử hiện nay; phải trở thành công cụ cho các nhà quản lí đánh giá KNDH của SV được đào tạo tại trường ĐHSPHN.

**** Tính hiện đại:*** Các tiêu chí phải đảm bảo tính hiện đại, đánh giá được những KNDH của người GV Lịch sử đáp ứng được yêu cầu đổi mới toàn diện nền giáo dục phổ thông VN sau năm 2015.

**** Tính toàn diện:*** Các tiêu chí phải đánh giá đầy đủ được các kĩ năng dạy học cơ bản của người GV môn Lịch sử, có thang đo cho từng mức độ hình thành kĩ năng từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp.

**** Tính thống nhất:*** Thể hiện ở sự thống nhất bên trong giữa các chỉ số trong cùng một tiêu chí và sự thống nhất giữa các tiêu chí với nhau (khi đánh giá một KNDH cụ thể).

**** Tính khả thi, phù hợp với năng lực và trình độ của SV:*** KNDH được thể hiện ở nhiều mức độ: chưa có KN, đang hình thành KN, bước đầu có KN, kĩ năng hoàn thiện, sử dụng thành thạo kĩ năng. Cùng một KN nhưng mỗi cá nhân, mỗi trình độ nhận thức, tâm trạng tâm lý có mức độ hình thành khác nhau. Do đó, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá KNDH phải đảm bảo phù hợp với mọi đối tượng SV của khoa Lịch sử (đến từ các vùng miền khác nhau, dân tộc khác nhau). SV có năng lực giỏi, vốn tri thức lịch sử phong phú không chỉ có KN ở mức độ thành thạo mà có thể sáng tạo KN, sử dụng nhuần nhuyễn. Nhưng một số SV có năng lực trung bình, kiến thức LS còn hạn chế thì có thể đạt mức độ bước đầu có kĩ năng, dần dần hướng tới hoàn thiện kĩ năng. Vì vậy, xác định hệ thống tiêu chí đo KNDH cần căn cứ vào nhiều yếu tố, trong một số trường hợp giảng viên có thể dựa vào ngay những tín hiệu phản ứng tâm lí của SV khi trực tiếp hướng dẫn các em thực hành. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào năng lực sư phạm, sự nhạy cảm, tinh tế cũng như kinh nghiệm thực tiễn của mỗi GV

3.2.2. Hệ thống tiêu chí đánh giá kĩ năng dạy học của sinh viên sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSPHN

Chúng tôi đã xây dựng bảng tiêu chí đánh giá KNDH của SV ngành sư phạm Lịch sử trên ba mức độ: (1) SV chưa có KN hoặc đang hình thành KN. (2) SV bước đầu có KN hoàn chỉnh. (3) SV thành thạo KN. Mỗi mức độ là một tiêu chí cụ thể để GV và SV có thể tự đánh giá kết quả quá trình rèn luyện KN. Đây cũng là cơ sở để chúng tôi xây dựng bảng kiểm với các chỉ báo, tiến hành kiểm tra đầu vào – đầu ra trên nhóm SV thực nghiệm nhằm chứng minh tính khả thi của đề tài.

3.2.2.1. Nhóm kĩ năng chuẩn bị bài học Lịch sử

Nội dung kĩ năng	Tiêu chí đánh giá kĩ năng dạy học của sinh viên khoa Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội		
	Mức độ 1 (SV chưa có hoặc đang hình thành KN) Điểm: 0 - 4	**Mức độ 2** (SV bước đầu có KN hoàn chỉnh) Điểm: 5 - 7	**Mức độ 3** (SV thành thạo KN) Điểm: 8 - 10
**** Kĩ năng tìm hiểu đối tượng HS và phát triển chương trình giáo dục trong nhà trường***	- SV chưa có KN: + Chưa có kiến thức, hiểu biết về đặc điểm tâm sinh lý, trình độ nhận thức của HS. + Chưa nghiên cứu hồ sơ học tập và tìm hiểu kết quả học tập môn Lịch sử của HS những năm học trước . - SV đang hình thành KN: + Biết tổ chức kiểm tra đầu năm học để tìm hiểu khả năng học tập, kết quả học tập môn Lịch sử những năm trước của HS. + Chưa phân tích được mối quan hệ giữa chương trình và SGK.	+ Có kiến thức, hiểu biết về biết về đặc điểm tâm sinh lý, trình độ nhận thức của HS. + Biết nghiên cứu hồ sơ kết quả học tập môn Lịch sử của HS những năm trước + Biết tổ chức kiểm tra đầu năm học để tìm hiểu khả năng, nhu cầu, động cơ học tập của HS . + Biết sử dụng kết quả đã tìm hiểu được để xây dựng kế hoạch dạy học của môn học. + Biết phân tích và nhận xét về chương trình môn LS ở phổ thông.	+ Chủ động đề xuất các biện pháp để thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình học tập, nhu cầu, động cơ, thái độ của HS đối với môn học . + Biết phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ HS, các tổ chức Đoàn, Đội để thường xuyên thu thập thông tin về HS phục vụ cho việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch dạy học. + Thiết kế được chương trình môn học của một lớp sẽ được phụ trách ở trường PT.

**** Kĩ năng tìm hiểu môi trường giáo dục***	- SV chưa có KN: + Chưa tìm hiểu thông tin về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của nhà trường phục vụ cho môn học. + Không có hiểu biết về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa LS địa phương nơi mình giảng dạy. - SV đang hình thành KN: + Đã tìm hiểu điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của nhà trường phục vụ cho môn Lịch sử. + Có phương pháp điều tra, thu thập thông tin để tìm hiểu về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa lịch sử của địa phương nơi mình giảng dạy.	+ Biết tìm hiểu chính sách, yêu cầu của BGH nhà trường đối với môn LS để xây dựng kế hoạch dạy học. + Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất của nhà trường để phục vụ môn học. + Biết thâm nhập thực tế tìm hiểu tình hình địa phương qua tiếp xúc với cán bộ chính quyền, đoàn thể và cha mẹ HS. + Biết vận dụng các phương pháp điều tra để đánh giá mức độ ảnh hưởng của nhà trường, gia đình, cộng đồng và phương tiện truyền thông đến việc học tập của HS.	+ Sử dụng hiệu quả và sáng tạo trang thiết bị, cơ sở vật chất của nhà trường trong giảng dạy môn Lịch sử. + Chủ động thu thập và xử lí thông tin để thường xuyên cập nhật những thay đổi của môi trường giáo dục, địa phương nơi mình công tác. + Sử dụng trực tiếp, có hiệu quả những thông tin đó vào quá trình dạy học lịch sử.

**** Kĩ năng lập kế hoạch dạy học***	- SV chưa có KN: + Chưa hiểu khái niệm "*kế hoạch dạy học", "Kế hoạch bài học*". + Chưa nêu được các loại kế hoạch dạy học, ý nghĩa và cấu trúc của mỗi loại kế hoạch. + Chưa biết xây dựng kế hoạch dạy học của môn LS theo năm học, theo từng học kì, bài học. - SV đang hình thành KN: + Phân tích được các bước lập kế hoạch dạy học. + Trình bày được các điều kiện, yếu tố chi phối việc lập, thực hiện kế hoạch dạy học, kế hoạch bài học. + Bước đầu thiết kế được kế hoạch năm học, kế hoạch học kì, bài học đảm bảo mối quan hệ biện chứng giữa các nhân tố: mục tiêu, nội dung, biện pháp, song còn lúng túng.	- Thiết kế được kế hoạch dạy học theo năm học, theo từng học kì, đảm bảo những yêu cầu sau: + Kế hoạch năm học kết hợp chặt chẽ giữa dạy học và giáo dục, kết hợp các hoạt động chính khóa và ngoại khóa, thể hiện sự hợp tác với đồng nghiệp cùng tổ chuyên môn. + Có dự tính phương án phân loại các đối tượng HS. + Thực hiện được nội dung dạy học theo chuẩn kiến thức, kĩ năng và thái độ được quy định trong chương trình môn học.	+ Lập được kế hoạch dạy học cụ thể cho cả năm học, học kì và từng bài học + Xác định được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học chính phù hợp với từng chủ đề nội dung, từng bài học. + Dạy đúng chuẩn kiến thức, kĩ năng, thực hiện kế hoạch dạy học đã thiết kế, thực hiện tốt yêu cầu phân hóa HS + Thực hiện linh hoạt, sáng tạo kế hoạch dạy học đã thiết kế. + Xác định được nội dung, hình thức tổ chức KT, ĐG kết quả học tập của HS sau mỗi bài, chương, mỗi phần của chương trình.

**** Kĩ năng xác định mục tiêu bài học***	- SV chưa có KN: + Chưa có kiến thức về mục tiêu của bài học LS. + Chưa biết xác định mục tiêu bài học trên ba mặt: kiến thức, kĩ năng, tư tưởng, tình cảm, thái độ và phần đóng góp của bài học vào hình thành năng lực, phẩm chất HS. - SV đang hình thành KN: + Nắm được các bước xác định mục tiêu của bài học. + Biết mô tả cụ thể các mục tiêu dạy học về kiến thức, kĩ năng, tư tưởng thái độ và chia theo các thang bậc nhận thức: biết, hiểu, vận dụng. - Xác định được mục tiêu dạy học cho từng bài học lịch sử cụ thể. + Chưa làm nổi bật phần đóng góp của bài học vào hình thành năng lực, phẩm chất HS.	- Biết xác định mục tiêu bài học phù hợp với trình độ nhận thức của nhiều đối tượng HS trên ba mặt: kiến thức, kĩ năng, tư tưởng, tình cảm, thái độ. - Mục tiêu bài học thực hiện được nội dung dạy học theo chuẩn kiến thức, kĩ năng và thái độ của môn Lịch sử được quy định trong chương trình của Bộ GD & ĐT ban hành. - Chỉ ra được đóng góp của bài học trong việc phát triển năng lực và phẩm chất của HS, nhưng chưa rõ.	- Xác định được mục tiêu dạy học (cho cả môn học, từng chương, bài) theo định hướng hình thành năng lực HS (phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học). - Mục tiêu bài học thể hiện sự thống nhất, tính tích hợp (dạy học và giáo dục) và phân hóa theo các bậc nhận thức, phù hợp với đối tượng nhận thức của HS và điều kiện cơ sở vật chất – thiết bị dạy học của nhà trường, đặc điểm tình hình địa phương. - Trên cơ sở ba mặt kiến thức, kĩ năng, thái độ, xác định được các năng lực chung, riêng và phẩm chất đạo đức cần phát triển cho HS qua bài học.

**** Kĩ năng thiết kế bài giảng lịch sử***	- SV chưa có KN: + Chưa biết được những vấn đề lí luận cơ bản về giáo án, hoạt động dạy của GV, hoạt động học của HS. + Chưa biết quy trình thiết kế một bài giảng LS. Chưa biết lựa chọn kiến thức cơ bản để cung cấp cho HS. - SV đang hình thành KN: + Biết được giáo án là gì, các bước thiết kế bài giảng LS ở trường PT. + Xác định được hình thức tổ chức, phương pháp, phương tiện học tập của HS ứng với chương trình (bài học, tiết học, các mục học tập trong tiết). + Biết lập dàn ý, nêu được các bước tổ chức hoạt động dạy và học một bài học LS song còn lúng túng khi lựa chọn kiến thức cơ bản.	+ Biết thiết kế bài giảng LS thể hiện các phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp với mục tiêu và nội dung môn học. + Bài giảng thể hiện đầy đủ những hoạt động chính của GV và HS, kết hợp chặt chẽ giữa dạy và học. Dự kiến thời gian cụ thể cho từng hoạt động. - Xác định được nội dung kiến thức cơ bản của bài học. - Xác định được phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học, hình thức kiểm tra – đánh giá đảm bảo tính logic, hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu bài học.	+ Chủ động, sáng tạo, áp dụng lí luận và PPDH hiện đại để thiết kế bài giảng. + Thiết kế được các hoạt động giảng dạy và học tập phù hợp với mục tiêu bài học, với từng đối tượng nhận thức. Nội dung và PPDH theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS. + Kế hoạch bài giảng thể hiện đúng chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ theo yêu cầu của chương trình môn LS; thực hiện tốt yêu cầu phân hóa HS. + Bài giảng được bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, thể hiện sự thống nhất giữa dạy và học, giữa dạy học và giáo dục.

3.2.2.2. Nhóm kĩ năng thực hiện bài học Lịch sử:

Nội dung kĩ năng	Tiêu chí đánh giá kĩ năng dạy học của sinh viên khoa Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội		
	Mức độ 1 *(SV chưa có KN hoặc đang hình thành KN)* Điểm: 0-4	**Mức độ 2** *(SV bước đầu có KN hoàn chỉnh)* Điểm: 5-7	**Mức độ 3** *(SV thành thạo KN)* Điểm: 8-10
**** Kĩ năng sử dụng ngôn ngữ nói và viết trong dạy học lịch sử***	- SV chưa có KN: + Ngôn ngữ nói: còn mắc một số lỗi: nói nhịu, nói ngọng, nói lắp, nói ngọng, nói giọng địa phương... + Ngôn ngữ viết: chưa biết cách trình bày bảng, chữ xấu, đứng không đúng tư thế - SV đang hình thành KN: + Ngôn ngữ nói: biết phát âm chuẩn Tiếng Việt. Diễn đạt còn lúng túng, rườm rà, lộn xộn. Cách dùng từ khó hiểu, không rõ ràng, trong sáng. + Ngôn ngữ viết: biết cách trình bày bảng, nhưng viết còn chậm, thiếu khoa học, lôgic. Tư thế viết bảng chưa chuẩn mực.	+ Biết sử dụng ngôn ngữ nói theo chuẩn Tiếng Việt phổ thông. + Ngôn ngữ diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu, có sức truyền cảm, thu hút sự chú ý của HS vào bài giảng. Lập luận lô gic, chặt chẽ. Âm lượng và tốc độ vừa phải. + Tư thế viết bảng chuẩn mực. Chữ viết trên bảng đẹp, rõ ràng, trình bày khoa học nhưng viết còn chậm.	+ SV có vốn từ phong phú, ngôn ngữ diễn đạt dễ hiểu, giàu hình ảnh, sinh động, văn phong trong sáng. + Lời nói khi giảng bài truyền cảm, có âm sắc và ngữ điệu phù hợp với nội dung kiến thức của bài học, phát triển tư duy LS cho HS. + Viết và vẽ kí hiệu, hình ảnh minh họa trên bảng đẹp, nhanh, rõ ràng. + Kết hợp nhuần nguyễn giữa giảng và ghi bảng, giữa lời nói và biểu cảm khuôn mặt, thao tác sư phạm của GV.

**** Kĩ năng xây dựng môi trường học tập (Kĩ năng giao tiếp sư phạm)***	- SV chưa có KN: + Chưa biết cách tạo bầu không khí học tập thân thiện, cởi mở, hợp tác trong lớp học. + Chưa biết xử lí các huống sư phạm nảy sinh trong giờ học. + Chưa tự tin, còn lúng túng, e ngại, rụt rè khi lên lớp. + Chưa có tác phong sư phạm của một người GV. - SV đang hình thành KN: + Tạo được bầu không khí học tập thân thiện, cởi mở trong giờ học. + Biết tạo tình huống dẫn dắt và thu hút HS vào bài học. + Biết khuyến khích HS mạnh dạn tham gia các hoạt động học tập, trả lời các câu hỏi của GV.	+ Biết tạo không khí học tập thân thiện, cởi mở, sôi nổi, hào hứng với không khí mang đậm chất lịch sử. + Biết lôi cuốn mọi HS tham gia vào các hoạt động học tập có sự hợp tác với nhau. + Biết khuyến khích HS mạnh dạn, tự tin khi trả lời câu hỏi của GV. + Biết lắng nghe, chờ đợi câu hỏi của HS, tạo cơ hội cho HS trình bày ý kiến, nêu thắc mắc của mình. + Có phong cách sư phạm thân thiện, nhưng chưa thật tự tin, còn rụt rè trước HS .	+ Tạo được bầu không khí học tập thân thiện, cởi mở, hăng say, hào hứng, tin tưởng giữa GV và HS trong tiết học. + Luôn giữ thái độ bình tĩnh, tôn trọng ý kiến của HS trong quá trình giao tiếp + Tổ chức các hoạt động để HS chủ động phối hợp giữa làm việc cá nhân và làm việc nhóm, tạo không khí thi đua lành mạnh trong lớp học. + Dự kiến được các tình huống có thể này sinh và cách xử lí trong khi thực hiện bài học. + Có phong cách tự tin, chững chạc khi đứng trước HS. + Ứng xử nhanh nhạy và giải quyết khéo léo các tình huống sư phạm nảy sinh trong giờ học.

**** Kĩ năng xây dựng và sử dụng các loại đồ dùng trực quan trong dạy học.***	- SV chưa có KN: + Chưa hiểu về vai trò, tác dụng của ĐDTQ trong DHLS. + Chưa phân biệt được một số ĐDTQ phổ biến như: bản đồ, sơ đồ, niên biểu, đồ thị, lược đồ, tranh ảnh lịch sử... + Chưa nắm được nguyên tắc và cách sử dụng của các loại đồ đùng trực quan nói trên trong DHLS. - Chưa biết hướng dẫn HS xây dựng một số loại ĐDTQ đơn giản trong DHLS. - SV đang hình thành KN: + SV có kiến thức về vị trí, vai trò của các loại ĐDTQ trong dạy học: bản đồ, sơ đồ, niên biểu, đồ thị, lược đồ, tranh ảnh... + Biết sử dụng, xây dựng một số loại ĐDTQ đơn giản trong DHLS: bản đồ, sơ đồ, niên biểu, đồ thị... + Chưa biết hướng dẫn, động viên HS xây dựng một số loại ĐDTQ trong học tập LS.	+ Biết được ý nghĩa, tác dụng của ĐDTQ trong DHLS. + Phân biệt rõ ràng các loại ĐDTQ và tác dụng của từng loại phổ biến như: bản đồ, sơ đồ, niên biểu, đồ thị, lược đồ, tranh ảnh lịch sử... + Biết kết hợp khai thác ĐDTQ với nội dung kiến thức SGK và tài liệu tham khảo để cung cấp kiến thức mới + Biết sử dụng ĐDTQ kết hợp với phương pháp trao đổi, đàm thoại để phát triển tư duy cho HS + Biết lập niên biểu, vẽ bản đồ, lược đồ, sơ đồ, đồ thị...đảm bảo tính trực quan thẩm mĩ và chính xác cao + Biết động viên, hướng dẫn HS xây dựng ĐDTQ trong học tập LS.	+ Biết lựa chọn, sử dụng các loại ĐDTQ phù hợp với mục tiêu, thời lượng và nội dung bài học. + Phát huy tối đa tác dụng của đồ dùng trực quan làm cho bài giảng thêm sinh động, hấp dẫn. + Đã hướng dẫn HS khai thác kiến thức lịch sử qua quan sát, tự học với ĐDTQ. + Sử dụng ĐDTQ theo định hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. + Luôn động viên, hướng dẫn HS chủ động, sáng tạo trong xây dựng một số loại ĐDTQ đơn giản.

**** Kĩ năng sử dụng các loại phương tiện dạy học và ứng dụng CNTT vào DH***	- SV chưa có KN: + Chưa biết sử dụng các phương tiện dạy học. Khi dạy học không có sự hỗ trợ của phương tiện. + Không có kiến thức về CNTT. Không hiểu được ý nghĩa của việc ứng dụng CNTT trong DHLS. + Không biết cách sử dụng các phần mềm tin học có thể ứng dụng trong DHLS. - SV đang hình thành KN: + Biết sử dụng các phương tiện dạy học theo đúng quy định trong chương trình môn Lịch sử. + Nêu được các thành tựu lớn của CNTT và truyền thông, phương pháp và quy trình ứng dụng chúng vào DHLS. + Biết được ý nghĩa của CNTT. Biết sử dụng CNTT để nâng cao hiệu quả của QTDH.	+ SV biết lựa chọn và sử dụng các phương tiện dạy học phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học, hình thức tổ chức hoạt động nhận thức của HS. + SV sử dụng thành thạo các phương tiện dạy học truyền thống. + Biết sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại làm tăng hiệu quả DHLS. + Biết một số phần mềm công cụ để dạy học LS: Micosoft Power Point, Violet, Photo Story, Mind Manager, Movie Maker, Producer 2003...và có thể chủ động khai thác, sử dụng hiệu quả.	+ Biết vận hành các loại phương tiện dạy học đúng kĩ thuật, quy trình sử dụng, hiệu quả, an toàn + Đã ứng dụng thường xuyên, có hiệu quả CNTT vào dạy học để phát triển tư duy, rèn luyện kĩ năng tự học có hiệu quả cho HS. + Hướng dẫn HS khai thác, sử dụng một số phần mềm tin học đơn giản vào việc học tập LS. + Chủ động, sáng tạo trong sử dụng các phương tiện dạy học truyền thống kết hợp các phương tiện dạy học hiện đại + Đã cải tiến và chế tạo một số phương tiện dạy học phổ biến, đơn giản.

**** Kĩ năng sử dụng SGK các loại tài liệu tham khảo trong DHLS***	- SV chưa có KN: + Chưa nhận thức được vị trí, ý nghĩa của SGK đối với GV và HS. + Chưa biết cách khai thác bài viết trong SGK để chuẩn bị bài giảng. + Chưa biết hướng dẫn HS sử dụng SGK khi học tập trên lớp và ở nhà. + Chưa hiểu ý nghĩa của tài liệu tham khảo, chưa biết sưu tầm TLTK để dạy học. - SV đang hình thành KN: + Nhận thức được vị trí, ý nghĩa quan trọng của SGK đối với người GV. + Biết khai thác kiến thức cơ bản trong SGK để cung cấp cho HS. + Biết dựa vào SGK để thiết kế bài giảng + Biết khai thác kênh hình, câu hỏi, bài tập trong SGK. + Biết được ý nghĩa của việc sử dụng tài liệu tham khảo trong dạy học nhưng chưa biết sử dụng.	+ Biết sử dụng SGK để thiết kế bài giảng LS. + Biết khai thác triệt để kiến thức trong SGK để đạt được mục tiêu bài học. + Biết sử dụng câu hỏi trong SGK để phát huy tính tích cực, độc lập nhận thức của HS. + Biết hướng dẫn HS sử dụng SGK khi học tập trên lớp và ở nhà. + Biết sưu tầm tài liệu tham khảo có liên quan đến môn Lịch sử. + Biết tìm ý, ghi chép nội dung, tóm tắt ý chính, sắp xếp tài liệu và sử dụng TLTK trong DHLS nhưng chưa thực sự hiệu quả.	+ Khai thác nội dung kiến thức trong SGK theo nguyên tắc bộ môn, kết hợp với hệ thống câu hỏi để phát triển tư duy lịch sử cho HS. + Biết cấu tạo lại một số đề mục trong SGK phù hợp với ý tưởng, kế hoạch dạy học. + Xác định được hệ thống tài liệu tham khảo cần thiết cho môn học. + Nêu được suy nghĩ riêng đúng, tích cực về những TLTK đã tiếp cận; thường xuyên sưu tầm, bổ sung tài liệu mới trong quá trình dạy học Lịch sử. + Sử dụng hiệu quả TLTK trong dạy học + Hhướng dẫn HS đọc tài liệu tham khảo để bổ sung tri thức LS.

**** Kĩ năng xây dựng và sử dụng hồ sơ tư liệu DHLS***	- SV chưa có KN: + Chưa nhận thức được ý nghĩa quan trọng của việc xây dựng và sử dụng hồ sơ tư liệu trong DHLS. + Không phân biệt được các loại hồ sơ tư liệu chủ yếu trong DHLS. + SV không có và không sử dụng hồ sơ tư liệu trong DHLS. - SV đang hình thành KN: + Nhận thức được ý nghĩa quan trọng của việc xây dựng và sử dụng hồ sơ tư liệu trong DHLS. + Phân biệt được các loại hồ sơ tư liệu DHLS chủ yếu: tư liệu thành văn, tài liệu hình ảnh. + Bước đầu biết sưu tầm, tích lũy, thiết lập hồ sơ tư liệu phục vụ cho việc DHLS nhưng chưa sử dụng trong dạy học.	+ Biết xây dựng, khai thác và sử dụng các thông tin trong hồ sơ tư liệu vào quá trình DHLS. + Xác định các nguồn thu thập tư liệu khác nhau. Biết xử lí, phân tích các nguồn thông tin thu thập được. + Biết bảo quản hồ sơ đúng theo quy định để phục vụ hiệu quả cho việc dạy học. + Sắp xếp khoa học, lô gic các tài liệu trong hồ sơ để việc sử dụng được thuận tiện, dễ dàng. + Đã sử dụng hồ sơ tư liệu trong thiết kế bài giảng và dạy học nhưng còn lúng túng.	+ Hiểu cách sử dụng một số phần mềm tin học thông dụng trong xây dựng hồ sơ tư liệu. + Có khả năng sử dụng CNTT trong xây dựng, lưu giữ và thu thập, bổ sung tư liệu thường xuyên vào HS dạy học; phục vụ tốt cho dạy học môn LS. + Hồ sơ tư liệu được bảo quản tốt, thường xuyên cập nhật, bổ sung nguồn tư liệu mới. + Sử dụng hiệu quả hồ sơ tư liệu trong thiết kế bài giảng và dạy học.

**** Kĩ năng sử dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học hiện đại để phát triển năng lực nhận thức LS cho HS***	- SV chưa có KN: + Chưa có kiến thức về lí luận và PPDH. + Không phân biệt được các PPDH Lịch sử + Không hiểu các nguyên tắc lựa chọn PPDH trong dạy học. + Không hiểu về các kĩ thuật dạy học hiện đại. + Chưa phân biệt được phương pháp, thao tác, kĩ thuật dạy học. - SV đang hình thành KN: + Có kiến thức về lí luận và PPDH + Phân biệt được các phương pháp, phương tiện và kĩ thuật dạy học đang sử dụng trong DHLS hiện nay. + Biết được quy trình sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học hiện đại trong dạy học Lịch sử.	- Xác định được các PPDH phù hợp với mục tiêu, nội dung của bài học LS: + Nhóm phương pháp thông tin tái hiện hình ảnh lịch sử. + Nhóm phương pháp phát triển năng lực nhận thức lịch sử cho HS. + Biết chọn và sử dụng các kĩ thuật dạy học hiện đại vào từng tình huống dạy học cụ thể. + Giải thích được lí do tại sao lại lựa chọn và sử dụng phương pháp, kĩ thuật đó trong DHLS. + Nhận xét được những ưu điểm và hạn chế của từng PPDH, hình thức, kĩ thuật DH trong thực tiễn dạy học LS.	+ Dự kiến được thời lượng hợp lí cho từng PPDH được sử dụng trong bài giảng. + Xác định được PPDH chủ đạo của tiết học. + Kết hợp các PPDH trong từng hoạt động, toàn bộ bài học đảm bảo các mục tiêu dạy học, phù hợp với sự phân bố thời gian của từng hoạt động, của toàn bài. + Quan sát phản ứng của HS, dự kiến những tình huống có thể xảy ra trong QTDH để có biện pháp thay đổi, điều chỉnh PPDH tương ứng. + Đã cải tiến và sáng tạo phương pháp, kĩ thuật dạy học nhằm nâng cao hiệu quả bài học LS.

**** Kĩ năng tổ chức hoạt động dạy học lịch sử***	- SV chưa có KN: + Chưa có hiểu biết về các hình thức tổ chức DHLS cho HS: khái niệm, phân loại, cách thức thực hiện. + Chưa xác định được hình thức tổ chức các hoạt động dạy và học phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học Lịch sử. - SV đang hình thành KN: + Biết dự kiến tiến trình hoạt động dạy và học phù hợp với nội dung, mục tiêu của bài học. + Biết lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với từng nội dung kiến thức, trình độ nhận thức của từng nhóm HS trong lớp. + Biết sử dụng các biện pháp, phương pháp bao quát lớp học trong giờ lên lớp.	+ Hoàn toàn chủ động trong lựa chọn các phương pháp để phát triển tư duy lịch sử cho HS, giúp các em tìm ra bản chất của các sự kiện, hiện tượng LS. + Biết tạo tình huống có vấn đề thông qua bài tập nhận thức để tạo động cơ học tập và kích thích tư duy của HS. + Biết sử dụng hệ thống câu hỏi phù hợp với mục tiêu bài học, kích thích tính tích cực trong nhận thức, hành động của HS. + Biết tổ chức hoạt động nhóm cho HS: Sử dụng các kĩ thuật tổ chức thảo luận nhóm nhưng chưa hiệu quả.	+ Vận dụng một số PPDH đặc trưng của môn LS theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động học tập của HS. + Biết tích hợp các nội dung giáo dục như giáo dục phát triển bền vững, giáo dục KN sống... qua các hoạt động DHLS. Đa dạng các hình thức dạy học nội khóa, ngoại khóa + Đã kết hợp các dạng tổ chức hoạt động học tập trong giờ học như: hoạt động toàn lớp, hoạt động nhóm và hoạt động cá nhân. + Dự kiến được những tình huống có thể xảy ra trong hoạt động nhận thức của HS và có những biện pháp điều chỉnh tương ứng.

**** Kĩ năng hướng dẫn HS tự học***	- SV chưa có KN: + Chưa hiểu được ý nghĩa quan trọng của việc hướng dẫn HS tự học. + Chỉ tập trung vào hoạt động dạy ở trên lớp mà không hướng dẫn HS tự học + Chủ yếu sử dụng PPDH thuyết trình, cung cấp và truyền thụ kiến thức có sẵn cho HS. - SV đang hình thành KN: + Nhận thức được tầm quan trọng của việc phải hướng dẫn HS tự học trong DHLS + Biết hướng dẫn HS các ghi chép bài, cách đọc để tìm ý trong SGK, cách ghi nhớ nội dung kiến thức LS. + Chưa biết đưa ra yêu cầu cho HS tự học ở nhà.	+ Xây dựng được các chủ đề học tập có ý nghĩa thực tiễn cao. + Yêu cầu HS tìm kiếm kiến thức qua các nguồn tài liệu khác nhau. + Biết tổ chức, hướng dẫn HS củng cố kiến thức trên lớp và trong hoạt động tự học ở nhà. + Biết đưa ra yêu cầu cho HS tự học ở nhà. + Định hướng nhiệm vụ học tập rõ ràng, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng nhóm và cá nhân HS một cách hợp lí, tư vấn nguồn tài liệu cần đọc. + Có hình thức thưởng phạt phân minh để khuyến khích hoạt động tự học của từng đối tượng HS.	+ Xác định được hình thức tổ chức tự học của HS với mục tiêu phù hợp. + Có phương pháp giúp HS tự học và kiểm tra, đánh giá kết quả tự học của bản thân. + Xác định hệ thống KN tự học cần phát triển cho HS và có biện pháp cụ thể để rèn KN đó: KN làm việc với SGk, TLTK; kĩ năng ghi nhớ kiến thức LS; kĩ năng tư duy LS; KN tự ôn tập, củng cố kiến thức... + Phối hợp hiệu quả với phụ huynh HS, GV chủ nhiệm, GV các bộ môn khác để giúp đỡ HS tự học ở nhà. + Hướng dẫn HS sử dụng Internet để phục vụ hoạt động học tập.

3.2.2.3. Kĩ năng đánh giá kết quả học tập lịch sử của HS

Nội dung kĩ năng	Tiêu chí đánh giá kĩ năng dạy học của sinh viên khoa Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội		
	Mức độ 1 *(SV chưa có KN hoặc đang hình thành KN)* Điểm: 0-4	**Mức độ 2** *(SV bước đầu có KN hoàn chỉnh)* Điểm: 5-7	**Mức độ 3** *(SV thành thạo KN)* Điểm: 8-10
Kĩ năng kiểm tra, đánh giá hoạt động nhận thức lịch sử của HS	- SV chưa có KN: + Chưa hiểu rõ về vai trò quan trọng của kiểm tra, đánh giá. + Chưa phân biệt được các công cụ, loại hình kiểm tra, đánh giá. + Chưa đưa ra một lịch trình kiểm tra, đánh giá cụ thể trong kế hoạch dạy học. - SV đang hình thành KN: + Biết lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp theo phân phối chương trình. + Xác định được nội dung, hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS sau mỗi bài, chương, mỗi phần của chương trình.	+ Vận dụng được chuẩn kiến thức, KN của môn học để xác định mục đích, nội dung, phương pháp. + Lựa chọn hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, phù hợp với điều kiện, năng lực HS. + Đánh giá kết quả học tập của HS chính xác, toàn diện, công bằng, khách quan, công khai, tạo điều kiện cho quá trình tự đánh giá của HS. + Thiết kế đề kiểm tra đảm bảo các yêu cầu về thời gian, xây dựng tiêu chí và thang điểm đánh giá hợp lí.	+ Sử dụng thành thạo các phương pháp truyền thống và hiện đại để KT, đánh giá kết quả học tập của HS. + Thiết kế được các công cụ để kiểm tra, đánh giá kết quả nhận thức lịch sử của HS. + Có KN kiểm tra đánh giá phù hợp với phong cách học tập của từng nhóm HS. - Đã lưu giữ, sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy học. + Phát triển năng lực tự đánh giá của HS.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Xuất phát từ mục tiêu, nội dung chương trình môn LS, những yêu cầu về đổi mới PPDH ở bậc THPT sau năm 2015 và chuẩn đầu ra đối với SV tốt nghiệp ngành sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSPHN, chúng tôi đã phân loại, xác định những KNDH cơ bản, cốt lõi, cần thiết nhất của GV môn Lịch sử. Đây là những KN rất quan trọng giúp SV sau khi ra trường có đủ năng lực để thực hiện các công việc có liên quan đến nghề dạy học.

Quá trình hình thành KNDH cho SV sư phạm Lịch sử cần phải được tiến hành theo một quy trình khoa học, từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, đảm bảo được các yêu cầu của quy trình rèn luyện. Vì vậy, chúng tôi đã xây dựng bảng tiêu chí đánh giá cụ thể các KNDH cần hình thành cho SV sư phạm LS theo ba mức độ: SV chưa có KN hoặc đang hình thành KN; SV bước đầu có KN hoàn chỉnh; SV thành thạo KN.

Trên cơ sở xác định hệ thống các KNDH của một GV môn Lịch sử được trình bày ở chương 3, chúng tôi đề xuất một số biện pháp để hình thành kĩ năng dạy học cho SV sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSPHN và tiến hành thực nghiệm sư phạm để khẳng định mức độ hiệu quả của các biện pháp đó. Nội dung này được tác giả trình bày cụ thể ở chương 4 của Luận án.

CHƯƠNG 4
MỘT SỐ BIỆN PHÁP HÌNH THÀNH KĨ NĂNG DẠY HỌC CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM LỊCH SỬ -TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM HÀ NỘI. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

4.1. Quy trình hình thành kĩ năng dạy học cho SV ngành sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội

4.1.1. Cơ sở tâm lí học để xác định quy trình hình thành kĩ năng dạy học

Trong lí luận dạy học, có nhiều cơ sở lý thuyết tâm lí học được áp dụng như thuyết hành vi, thuyết nhận thức, thuyết kiến tạo... đánh dấu bởi sự ra đời của nhiều PPDH như Dạy học chương trình hoá, Dạy học nêu vấn đề, Dạy học theo nhóm, Dạy học tình huống, Dạy học vi mô... Tổ chức rèn luyện kĩ năng dạy học cho SV sư phạm Lịch sử, chúng tôi vận dụng tất cả các phương pháp nói trên để đưa ra một quy trình thiết thực nhất, phù hợp với đặc trưng của bộ môn và đảm bảo theo chương trình ĐTGV của Trường ĐHSPHN.

Quy trình hình thành và rèn luyện KNDH cho SV sư phạm Lịch sử cũng dựa trên nền tảng tâm lí học cụ thể - đó là thuyết hành vi tạo tác của B.F. Skinner và Thuyết nhận thức xã hội của A. Bandura.

- ***Thuyết hành vi của Burrhus Frederic Skinner***

B.F. Skinner (1904-1990) là nhà tâm lí học thực nghiệm người Mỹ có ảnh hưởng lớn nhất thế kỉ XX. Theo Skinner cả động vật và con người đều có 3 dạng hành vi: Hành vi không điều kiện, hành vi có điều kiện và hành vi tạo tác [80; 127]. Hành vi tạo tác được hình thành từ một hành vi trước đó của chủ thể, do tác động vào môi trường và được củng cố đóng vai trò là nhân tố kích thích [81; 40].

Đặc trưng của dạy học theo thuyết hành vi tạo tác của Skinner gồm [91; 28]: Một là *hành vi tạo tác,* là việc cá thể tự tạo ra hành vi cho mình, hay nói cách khác là người học tự tạo ra hành động học nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân. *Hai là phương pháp thử - sai:* dạy học dựa vào sự lặp lại những phản ứng có kết quả đúng, phản xạ nào không dẫn đến kết quả đúng dường như bị xóa khỏi trí nhớ qua một số lần lặp lại. Những phản xạ có kết quả thành công sẽ được tăng cường sau những lần cố gắng. *Ba là sự củng cố và trách phạt trong dạy học*. Trong mô hình dạy học tạo tác, yếu tố củng cố và trách phạt quyết định sự thành công. Theo Skinner, không có củng cố trực tiếp thì không có hành vi tạo tác. Vì vậy, ông cho rằng kiểm soát được

củng cố thì kiểm soát được hành vi. Từ đó, sẽ có công thức Kích thích -> Củng cố -> Hành vi lặp lại theo cơ chế thử- sai.

Từ những luận điểm cơ bản của thuyết hành vi tạo tác, có thể phân tích cơ sở tâm lí học của quy trình hình thành KNDH cho SV như sau:

KNDH của GV là những hành vi tạo tác. Việc rèn luyện KNDH phải được tiến hành trên cơ sở lặp lại nhiều lần nhằm hình thành mô hình đúng, chuẩn mực. Trên cơ sở đó, các hành vi không đúng sẽ bị loại trừ, các hành vi chính xác thuộc kĩ năng được tăng cường thêm. Đây là việc áp dụng cơ chế thử- sai trong thuyết hành vi của Skinner, thông qua các lần thử- sai, SV sẽ dần hoàn thiện về một KN nào đó.

Khi bài giảng kết thúc, SV trực tiếp tham gia rèn luyện KN sẽ thu được những nhận xét dựa trên việc quan sát trực tiếp hoặc quan sát đoạn băng ghi hình của GV trong quá trình luyện tập. Thực chất là những củng cố trực tiếp giúp SV nhận thức đầy đủ, khách quan, tích cực và có hệ thống về quá trình luyện tập của mình trong giờ thực hành. Trên cơ sở đó, các em sẽ có những điều chỉnh phù hợp cho những lần luyện tập tiếp theo.

- Thuyết nhận thức xã hội của Albert Bandura

Cơ sở của thuyết nhận thức xã hội của A.Bandura có nền tảng là thuyết hành vi. Theo ông, việc học tập diễn ra trên cơ sở quan sát hành vi của người khác và hậu quả của những hành vi đó. Có hai hình thức học tập qua quan sát: Học tập qua quan sát để tạo ra củng cố thay thế, nghĩa là khi người học thấy một hành vi của ai đó được thưởng hay bị phạt thì họ có xu hướng điều chỉnh hành vi của mình theo sự thưởng, phạt đó. Hình thức thứ hai là bắt chước hành vi của đối tượng được quan sát.

Bandura đã đưa ra 4 quá trình tham dự vào học tập quan sát [80; 158-160]: (1) *Chú ý.* Mô hình quan sát phải đảm bảo tính hấp dẫn để gây sự chú ý cho người quan sát, dần dần họ có xu hướng bắt chước hình mẫu mình quan sát được. (2) *Ghi nhớ.* Quá trình ghi nhớ phải được diễn ra thì mới đảm bảo người quan sát có thể duy trì mô hình quan sát được. Việc mã hóa bằng biểu tượng giúp sự ghi nhớ được lâu dài. (3) *Các quá trình tái tạo vận động.* Sau khi được hình thành trong não, mô hình hành vi cần được tái tạo trong hoạt động thực tiễn, củng cố, củng cố nhiều lần để càng thêm hoàn thiện. (4) *Các quá trình động cơ.* Mặc dù người quan sát đã thu được và duy trì khả năng thực hiện hành vi mô hình hóa, nhưng mô hình này sẽ không được thể hiện ra bên ngoài trừ khi có điều kiện thích hợp và thuận lợi.

Các nhà nghiên cứu cho rằng, có thể xây dựng hình mẫu bằng hai cách [2; 10] *Cách 1:* Xây dựng hình mẫu tượng trưng bằng cách mô tả bằng lời hoặc bằng văn bản hình mẫu. *Cách 2*: Xây dựng hình mẫu tri giác bằng cách cho người quan sát thấy hình mẫu thông qua một phương tiện tái hiện bằng hình ảnh hoặc âm thanh. Các hình mẫu được đưa ra phải rõ ràng, đa dạng, phong phú về chủng loại, có cấu trúc và khả năng sao chép sau khi được quan sát để SV có nhiều lựa chọn phù hợp với phong cách sư phạm của bản thân. Từ phân tích trên, chúng tôi cho rằng việc áp dụng mô hình dạy học dựa trên việc quan sát hình mẫu là nền tảng cơ bản của các PPDH nhằm mục đích hình thành kĩ năng dạy học cho SV. Cụ thể: Vào giai đoạn đầu tiên của quá trình rèn luyện, giảng viên sẽ cung cấp hình mẫu về KN, trực tiếp biểu diễn mẫu KN hoặc cho SV xem đoạn băng thể hiện KN, mô tả bằng lời KN. Mô hình này có khả năng sao chép do mang tính cấu trúc và rất rõ ràng. Ngoài ra, trong quá trình rèn luyện, SV sẽ quan sát các hình mẫu là những SV tập giảng, từ đó lựa chọn những hình mẫu thích hợp với đặc điểm cá nhân của mình.

Ngoài ra, những phương pháp rèn luyện KN đề xuất trong luận án cũng áp dụng lý thuyết củng cố gián tiếp của Bandura trong việc hình thành hành vi của con người. Bên cạnh củng cố trực tiếp, mỗi SV cũng nhận được củng cố gián tiếp thông qua quá trình quan sát hành vi giảng tập của SV khác, những nhận xét đóng góp cho hành vi giảng tập đó. Những củng cố này có tác dụng rất lớn trong việc hình thành KNDH cho SV, cho phép rút ngắn quá trình rèn luyện KN so với việc chỉ sử dụng những củng cố trực tiếp.

4.1.2. Những nguyên tắc cần đảm bảo khi hình thành KNDH cho SV ngành sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSPHN

- Đảm bảo tính hệ thống, toàn diện: Quá trình ĐTGV ở trường ĐHSP Hà Nội bao gồm nhiều mặt, nhiều bộ phận gắn kết với nhau tạo thành một thể thống nhất. Mỗi thành tố trong hệ thống có mối quan hệ chặt chẽ với những thành tố khác. Quá trình ĐTGV phải thực hiện nhiều nhiệm vụ cùng một lúc nhằm đào tạo những GV có đầy đủ phẩm chất, năng lực và KN. Việc rèn luyện KNDH chỉ là một mắt xích trong hệ thống năng lực, KN của một GV. Bên cạnh KNDH, cần hình thành cho SV rất nhiều KN khác: KN giáo dục, KN phát triển chương trình và SGK, KN định hướng sự phát triển của HS...Vì vậy, khi rèn luyện, phải xem xét tổng thể những nhân tố có liên quan đến quá trình hình thành KNDH cho SV khoa Lịch sử để đảm bảo tính hệ thống và lôgic. Trong quá trình hình thành KN nghề nghiệp tại

khoa Lịch sử, SV không chỉ được hình thành một, hai KN mà là một hệ thống các KNDH có mối quan hệ biện chứng chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau, hỗ trợ nhau để hoàn thiện năng lực nghề. Do đó GV phải có biện pháp phối hợp rèn luyện, chú ý đến tính hệ thống, lô gic của các KN, làm nổi bật được những KNDH cơ bản, cốt lõi nhất, nhưng cũng không quá chú trọng vào KN này mà bỏ quên hoặc xem nhẹ các KN khác..

- Đảm bảo phù hợp với thực tiễn dạy học: Xuất phát từ thực tiễn, chúng tôi cho rằng việc rèn luyện KNDH cho SV sư phạm LS là một yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng ĐTGV môn LS hiện nay. Trong quá trình đề xuất các biện pháp hình thành KNDH cho sinh viên, tác giả luôn đối chiếu những vấn đề lí luận với thực tiễn ĐTGV ở VN nói chung, ở khoa LS - Trường ĐHSP Hà Nội nói riêng. Việc khảo sát thực tiễn, gắn liền với thực tiễn không chỉ làm vững chắc cơ sở lí luận khoa học của đề tài mà còn định hướng đề xuất những biện pháp cụ thể để tổ chức rèn luyện KNDH cho SV và triển khai thực nghiệm sư phạm.

- Đảm bảo nguyên tắc lấy người người học làm trung tâm: Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi xác định đối tượng SV đang học tại khoa LS - Trường ĐHSP HN là trung tâm, hạt nhân chính của việc hình thành kĩ năng. Do đó, SV phải được tham gia vào quá trình rèn luyện và được tạo điều kiện để tự rèn luyện càng nhiều càng tốt. Muốn thành thạo KN phải trải qua quá trình rèn luyện lâu dài, từ quan sát giảng viên làm mẫu, đến "làm thử" -> "sai" -> nghe nhận xét, góp ý -> "làm thật" -> lặp lại nhiều lần. SV phải tự mình thực hiện, rèn luyện trong một khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào khả năng của từng người. Quy trình rèn luyện được tổ chức theo cách thức từ đơn giản đến phức tạp, từ dễ đến khó, phù hợp với đặc điểm nhân cách và trình độ nhận thức của từng cá nhân. Mục đích là giúp SV có KNDH thuần thục nhằm đáp ứng nhu cầu của bản thân người học, thích nghi được với môi trường giáo dục thực tế ở PT.

Dựa trên nguyên tắc lấy HS làm trung tâm, việc hình thành KNDH cho SV được thiết kế là một quá trình liên tục của việc tự học, tự đánh giá, tự rèn luyện, tự cải tiến để giúp các em không ngừng hoàn thiện mình. KN nghề nghiệp không thể một sớm một chiều mà có ngay được, nó phải được hình thành thông qua QTĐT lâu dài. Điều này đã được Bộ trưởng giáo dục các nước Châu Âu khẳng định: "*Không một khóa học ĐTGV ban đầu nào, kể cả xuất sắc có thể trang bị cho GV tất cả các năng lực mà họ đòi hỏi trong suốt quá trình hoạt động nghề nghiệp*" [46; 53].

- Đảm bảo tính khả thi: Hình thành KNDH cho SV là một công việc lâu dài, khó khăn, đòi hỏi sự nỗ lực cố gắng của cả Giảng viên và SV. Vì vậy, khi thiết kế quy trình hình thành KN, chúng tôi chú ý đến nguyên tắc khả thi, đảm bảo các KNDH đều phù hợp với mặt bằng chung trình độ nhận thức của tất cả SV, từ đối tượng SV lớp đại trà hệ chính quy đến SV hệ chất lượng cao, đào tạo chính quy theo địa chỉ. Trên cơ sở điều kiện vật chất kĩ thuật hiện có phục vụ cho việc rèn luyện NVSP, các bước hình thành KNDH cho SV đi từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ kĩ năng đơn lẻ đến kĩ năng tổng hợp. Đồng thời, chúng tôi cũng lên kế hoạch rèn luyện lâu dài, từng bước, từ mức độ thấp đến mức độ cao, từ bước đầu "có" KN đến "thành thạo" KN, có khả năng sáng tạo linh hoạt trong từng điều kiện, hoàn cảnh. SV càng thành thạo KN, hiệu quả dạy học càng cao.

4.1.3. Quy trình hình thành kĩ năng dạy học cho SV ngành sư phạm Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội

Quy trình rèn luyện KNDH cho SV sư phạm LS được tiến hành theo quy trình rèn luyện KN nói chung trong tâm lí học và theo những đặc trưng của PPDH Lịch sử, bao gồm 3 giai đoạn: Giai đoạn cung cấp định hướng chung, giai đoạn hình thành KN đơn lẻ và giai đoạn rèn luyện kết hợp nhiều KN. Việc phân chia giai đoạn rèn luyện KNDH thành hai giai đoạn nhỏ là do dựa trên quan điểm rèn luyện KN phải tiến hành từ ít đến nhiều, từ đơn giản đến phức tạp, từ dễ đến khó.

(1) Giai đoạn 1 – Cung cấp định hướng chung: là giai đoạn rất quan trọng, được thực hiện vào thời gian đầu tiên của quá trình rèn luyện, bao gồm: giảng viên nêu mục đích rèn luyện KN, các KN cần rèn luyện, cung cơ sở lý thuyết của KN, các bước tiến hành rèn luyện KN, cách thức rèn luyện. GV sẽ biểu diễn (làm thị phạm) KN mẫu hoặc cho SV xem một đoạn băng ghi hình một hành động mẫu. Các nhóm SV quan sát, phân tích, thảo luận và đưa ra nhận xét về KN vừa quan sát.

(2) Giai đoạn 2 – Hình thành KN đơn lẻ: sử dụng PPDH vi mô, cụ thể giai đoạn này gồm các bước: SV lập kế hoạch cho một bài giảng 45 phút, GV chỉ định ngẫu nhiên 1 SV trong nhóm lên thực hành tập giảng lần thứ nhất một phần, một mục của bài giảng đã chuẩn bị trong thời gian 10-20 phút. Những SV khác có nhiệm vụ quan sát để đưa ra nhận xét. Kết thúc bài giảng, SV cả lớp xem lại đoạn băng ghi hình của SV tập giảng, thảo luận và đưa ra phản hồi để SV vừa giảng tập sửa lại kế hoạch bài giảng của mình. Vẫn SV đó sẽ giảng tập lần thứ hai trong một buổi rèn luyện khác, theo hình thức tự rèn luyện, không có GV hướng dẫn thực

hành và cũng không cần thiết phải ghi hình. SV luyện tập nhiều lần đến khi đạt yêu cầu, tự xác lập KN được rèn luyện vào hệ thống KN đã có của bản thân.

(3) Giai đoạn 3 – Rèn luyện kết hợp nhiều KN: Được thực hiện bằng các bài tập soạn bài, giảng thử, thực tập, thực hành sư phạm. Các bước tiến hành giống giai đoạn 2, chú trọng rèn luyện kết hợp một số KNDH đã được hình thành ở giai đoạn 2. Các phiếu đánh giá cũng được thay đổi cho phù hợp với mục đích đánh giá tổng hợp nhiều kĩ năng. Chu trình "Lập kế hoạch -> dạy -> phản hồi -> lập lại kế hoạch -> dạy lại ->phản hồi lại" cho cả giai đoạn rèn luyện KN đơn lẻ và kết hợp, sẽ lặp lại cho đến khi SV đạt được kết quả nhất định. SV có thể tự rèn luyện trong nhóm để rút ngắn thời gian của quá trình luyện tập mà vẫn đảm bảo các yêu cầu rèn luyện KN. Trong quá trình luyện tập KNDH cho SV, giai đoạn thứ hai và thứ ba được tiến hành đan xen với nhau, sau một chu trình rèn luyện KN đơn lẻ là một chu trình rèn luyện kết hợp nhiều KN. KN đơn lẻ được rèn luyện sẽ lặp lại với một tần suất nhất định, hòa quyện với nhau trong một bài giảng, từ đó KNDH được hình thành sẽ có chất lượng tốt và gần hơn với thực tế dạy học ở trường PT [91; 66]

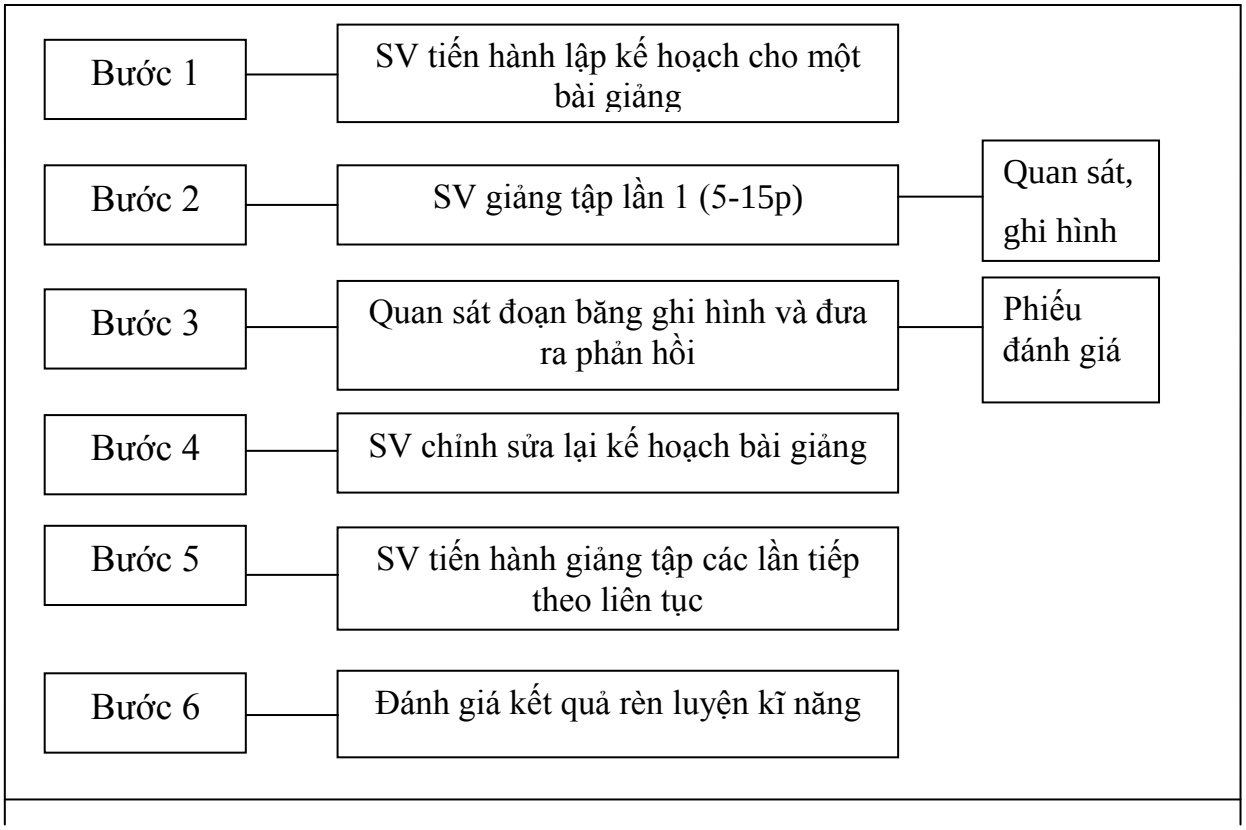

Sơ đồ 2. Quy trình rèn luyện kĩ năng trong giai đoạn 2 và 3

Ví dụ: Trong hệ thống các KNDH Lịch sử, KN xác định mục tiêu bài học, KN trình bày miệng (thuyết trình, miêu tả, tường thuật, giải thích, kể chuyện...), kKNtrình bày bảng, kĩ năng sử dụng đồ dùng trực quan (sơ đồ, bản đồ, tranh ảnh, biểu đồ...) có thể đưa vào giai đoạn 2 (rèn từng KN đơn lẻ). KN tổ chức hoạt động dạy học, kĩ năng kiểm tra đánh giá, kĩ năng lập kế hoạch dạy học...là những kĩ năng tổng hợp, đưa vào giai đoạn 3 trong của quy trình. Tuy nhiên, việc rèn luyện KN nào, vào thời điểm nào còn phụ thuộc vào nội dung các môn học được sắp xếp trong CTĐT của khoa Lịch sử, trường ĐHSPHN. Chúng tôi sẽ đề xuất kế hoạch tổ chức rèn luyện các KNDH cụ thể cho SV khoa Lịch sử ở chương 4 của Luận án

4.2. Một số biện pháp hình thành kĩ năng dạy học cho SV sư phạm Lịch sử

4.2.1. Sử dụng phương pháp dạy học vi mô để hình thành kĩ năng dạy học cho sinh viên sư phạm Lịch sử

4.2.1.1. Phương pháp dạy học vi mô là gì

Phương pháp dạy học vi mô ra đời vào năm 1963, được khởi xướng bởi một số giáo sư của Trường Đại học Stanford (Hoa Kì) sử dụng trong khóa đào tạo giáo sinh vào dịp hè, sau đó Trường ĐH Giáo dục (thuộc ĐH Stanford) đã phát triển nó thành một chương trình ĐTGV. Bản chất của PPDH vi mô là mỗi SV tập trung vận dụng một hoặc vài KNDH để thực hiện bài giảng trong khoảng thời gian ngắn (khoảng 10-15 phút) cho một nhóm nhỏ HS. Khi kết thúc, những SV trực tiếp tham gia vào quá trình rèn luyện KN sẽ nhận được ý kiến phản hồi dựa trên việc quan sát trực tiếp hoặc quan sát đoạn băng ghi hình bài giảng. Thông qua biện pháp này, SV sẽ nhận thức đầy đủ và chính xác nhất về quá trình luyện tập của mình trong giờ thực hành. Trên cơ sở đó các em sẽ có những điều chỉnh phù hợp cho bài giảng tiếp theo.

Đặc điểm của PPDH vi mô: là phương pháp chỉ được áp dụng tại các cơ sở ĐTGV, chưa được áp dụng tại trường phổ thông. Khi sử dụng phương pháp này, GV dạy học dựa trên các tình huống mô phỏng lớp học bình thường, tạo điều kiện cho bài giảng diễn ra giống như lớp học thực sự ở trường phổ thông. Sau khi bài giảng kết thúc, GV hướng dẫn thực hành hoặc SV trong nhóm rèn luyện đưa ra nhận xét. Phương pháp này khuyến khích sử dụng camera để ghi hình và phát lại bài giảng của SV như một phương tiện quan sát có mục đích. Môi trường rèn luyện bao gồm các yếu tố: bài giảng, HS, KN được rèn luyện, các SV tham gia vào quá trình rèn luyện. Quá trình rèn luyện được tiến hành độc lập đối với từng cá nhân. PPDH

vi mô hướng tới việc hình thành KN cho từng SV, vì vậy mỗi SV đều phải tham gia một các tính cực, độc lập và tự giác.

Phương pháp dạy học vi mô bao gồm các thành phần chủ yếu sau đây: Một SV đóng vai trò là GV để thực hiện bài giảng với giáo án đã chuẩn bị sẵn. Một nhóm từ 5 đến 10 SV đóng vai HS, 10-15 SV là người quan sát. Giảng viên sẽ định hướng nội dung của một hay nhóm KN cần rèn luyện, chuẩn bị phiếu quan sát bài giảng và máy ghi hình. *Bài học vi mô* là bài giảng một đơn vị kiến thức nhỏ, diễn ra trong thời gian ngắn (khoảng 10 – 15 phút) chỉ tập trung vào một KNDH, thể hiện sự giới hạn về kiến thức, thời gian và kĩ năng được sử dụng, do đó những SV chưa có kinh nghiệm sẽ cảm thấy dễ dàng hơn trong khâu rèn luyện KN.

4.2.1.2. Vì sao lựa chọn phương pháp dạy học vi mô để hình thành kĩ năng dạy học cho sinh viên

PPDH vi mô có nhiều ưu thế trong hình thành KNDH cho SV:

Thứ nhất: PPDH vi mô phân tích hoạt động dạy học thành những KN riêng biệt, các mục tiêu rèn luyện được xác định rõ ràng nên giảng viên dễ dàng kiểm tra các mục tiêu đạt được. Kết quả thu được hoàn toàn khách quan cho phép SV nhìn lại những điều đã lĩnh hội được, còn giảng viên dựa vào đó để điều chỉnh lại phương pháp đào tạo của mình. Sự kết hợp giữa khoa học chuyên ngành và khoa học sư phạm trong một bài giảng làm cho kiến thức lý thuyết gắn với những tình huống cụ thể trong lớp học, giúp SV thực hành những KN đã được trang bị về mặt lý luận. Quá trình hình thành KN không chỉ dừng lại ở việc luyện tập và tiếp nhận những phản hồi trực tiếp, mà còn thông qua quan sát và những phản hồi gián tiếp.

Thứ hai: Muốn hình thành KNDH SV phải cần tham gia trực tiếp vào quá trình rèn luyện. Sử dụng PPDH vi mô tạo điều kiện cho SV tham gia vào quá trình rèn luyện một cách tích cực, chủ động. Việc hình thành KNDH được tiến hành trên cơ sở lặp lại nhiều lần nhằm hình thành mô hình đúng, chuẩn mực về KN mà SV cần rèn luyện. Trên cơ sở đó, hành vi không đúng sẽ bị loại trừ, hành vi chính xác thuộc KN được tăng cường thêm. Đây là áp dụng cơ chế thử - sai trong thuyết hành vi của Skinner, thông qua các lần thử - sai, SV sẽ dần hoàn thiện một KN nào đó. PPDH vi mô tạo điều kiện cho một nhóm nhỏ SV tự rèn luyện trong những hoàn cảnh phù hợp một cách chủ động mà không cần sự giám sát của giảng viên. Các đoạn băng ghi hình ý kiến phản hồi sẽ cung cấp những phản hồi sẽ cung cấp những "mẫu" về công việc giảng dạy giúp SV lựa chọn được "mẫu" phù hợp với phong

cách của bản thân mình. Do đó, PPDH vi mô không làm cho quá trình giảng dạy trở thành rập khuân, cứng nhắc.

Trong môi trường của PPDH vi mô, SV được luyện tập với những tình huống đa dạng của lớp học, từ đó họ được cách áp dụng linh hoạt, mềm dẻo các KNDH vào thực tiễn. Khi nhận phản hồi về bài giảng của mình hay đưa ra phản hồi về bài giảng của SV khác, mỗi SV sẽ phát triển khả năng nhận xét, góp ý mang tính xây dựng, đánh giá khả năng dạy học của bản thân cũng như của những thành viên khác. Trong quá trình thảo luận dưới sự hướng dẫn của giảng viên, SV học được cách phân tích tình huống sư phạm dựa trên cơ sở lý thuyết được trang bị. Việc luyện tập, quan sát và phân tích hành động, thao tác sư phạm tạo điều kiện cho SV thích nghi với mọi tình huống ở lớp học bình thường trong tương lai. Như vậy, các em có thể thay đổi nhanh hơn về thái độ, cách ứng xử sư phạm so với phương pháp đào tạo truyền thống.

Thứ ba: Sử dụng PPDH vi mô giúp phát triển năng lực của mỗi SV trong quá trình rèn luyện KN. Tổ chức lấy phản hồi sau khi bài giảng kết thúc khiến SV trở nên bao dung hơn, cởi mở hơn khi nhìn nhận ưu và nhược điểm của bản thân cũng như của bạn học. Từ đó các em sẽ cố gắng phát huy tiềm năng vốn có và khắc phục những tồn tại của mình, tự tin hơn trong rèn luyện. PPDH vi mô khuyến khích sử dụng cho cả GV mới vào nghề cũng như GV đã có kinh nghiệm giảng dạy. Vì thế, phương pháp này không chỉ sử dụng trong QTĐT ban đầu, mà còn rất hiệu quả trong đào tạo lại và bồi dưỡng GV.

Tuy nhiên, PPDH vi mô cũng có những hạn chế nhất định. Đây là phương pháp rèn luyện mất nhiều thời gian, việc tập trung vào một hoặc một vài KNDH với môi trường giảng dạy được đơn giản hóa (mô phỏng) làm cho quá trình luyện tập xa rời với môi trường lớp học trong thực tiễn. Vì vậy, cần sử dụng kết hợp nhiều phương pháp khác nhau, tùy theo hoàn cảnh học tập của SV, điều kiện của cơ sở đào tạo để hình thành KNDH cho SV. Tuy nhiên, để có bước tiến mới trong chất lượng ĐTGV, thì việc đưa vào thực tiễn các phương pháp đào tạo mới là hết sức cần thiết, trong đó có PPDH vi mô.

Thứ tư: PPDH vi mô phát huy tác dụng trong kiểm tra – đánh giá, cung cấp những công cụ đánh giá hiệu quả và có hệ thống, cho phép giảng viên và SV tham dự trong lớp học đưa ra những nhận xét dựa trên cơ sở xác thực là đoạn băng ghi hình. Đây là công cụ đánh giá hiệu quả hơn bất kì những nhận xét và phân tích nào

khác. Việc quan sát đoạn băng ghi hình bài giảng giống như một cuộc giải phẫu, giảng viên sẽ thấy được bài dạy diễn ra như thế nào, cần phải làm gì, điều chỉnh những gì để SV sử dụng được hết những kĩ thuật, thao tác đã được rèn luyện. Phản hồi từ giảng viên và các SV khác rất hữu ích cho SV được quan sát để các em sửa chữa, hoàn thiện trong lần tập giảng kế tiếp. Những phản hồi này đôi khi được lặp lại với tần suất nhất định giúp SV sửa chữa các lỗi hay mắc phải của mình. Việc ghi hình lại bài giảng của SV cho phép đánh giá từng hành động nhỏ của các em, nhờ thế mà sau nhiều lần luyện tập lặp đi lặp lại một KN nào đó, các ưu điểm sẽ được phát huy, những hạn chế, nhược điểm sẽ được loại bỏ dần, KNDH từ đó mà hình thành từng bước như mong muốn.

4.2.1.3. Tổ chức hình thành kĩ năng dạy học cho SV sư phạm Lịch sử bằng phương pháp dạy học vi mô

Sử dụng PPDH vi mô để hình thành KNDH cho SV sư phạm Lịch sử, chúng tôi thực hiện theo quy trình sau:

- Bước 1 - chuẩn bị của giảng viên: Trước tiên, giảng viên cung cấp định hướng chung cho SV: Khái niệm KNDH, các KNDH cần hình thành cho SV, những cơ sở lí thuyết của KN cần rèn luyện. Sau đó, giảng viên làm mẫu bằng một ví dụ cụ thể hoặc cho SV xem đoạn băng ghi hình một hành động mẫu về KN các em đang rèn luyện. Cả nhóm sẽ cùng phân tích, thảo luận về KN vừa được quan sát.

- Bước 2 – chuẩn bị của sinh viên: Giảng viên giao cho SV lập kế hoạch cho một bài học vi mô để giảng tập trong 10 – 15 phút, chọn một đơn vị kiến thức bất kì trong chương trình SGK Lịch sử ở bậc THPT, sau đó tiến hành soạn giáo án cho bài giảng giống như tiết học bình thường. Giảng viên sẽ gợi ý, định hướng cho SV cách soạn giáo án, lựa chọn sử dụng những PPDH nào để tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành KNDH. Ví dụ: hình thành KN sử dụng ngôn ngữ nói thì sử dụng phương pháp trình bày miệng như tường thuật, miêu tả, giải thích, kể chuyện lịch sử...Giáo án của bài giảng phải được giảng viên hướng dẫn thực hành thông qua trước khi SV thực hiện. SV được giao nhiệm vụ thực hiện bài học vi mô sẽ tự tiến hành giảng tập ở nhà nhiều lần.

Do điều kiện về thời gian và không gian tiến hành bài giảng, việc huy động HS phổ thông vào quá trình rèn luyện KNDH cho SV là không thể thực hiện được. Vì vậy, chúng tôi sử dụng SV đóng vai HS, nhóm SV này nghiên cứu trước nội dung bài học trong SGK, đóng vai là HS để lắng nghe, đưa ra những câu hỏi, thắc

mắc phù hợp cho GV (là SV đang tiến hành giảng tập). Đương nhiên là SV rất khác với HS về tâm sinh lý và nhận thức nên sẽ không thể tạo được những tình huống giống hoàn toàn với thực tế lớp học ở phổ thông. Nhưng việc có HS tạo ra những tình huống mô phỏng trong lớp học phần nào giúp SV đang dạy có cơ sở để sử dụng các kĩ thuật, thao tác liên quan đến KN đang được rèn luyện.

Trước khi SV được giao nhiệm vụ thực hiện bài giảng, giảng viên chọn 10 – 15 SV đóng vai quan sát. Giảng viên phát cho những SV này *Phiếu quan sát kĩ năng* giúp định hướng những yếu tố cần quan sát trong bài giảng: SV biết mình sẽ phải quan sát yếu tố nào để hoàn thiện các thông tin vào phiếu. Các câu hỏi trong phiếu quan sát cần ngắn gọn để SV có thể hoàn thành trong khoảng thời gian ngắn, vì SV chỉ được quan sát tối đa 2 lần: 1 lần quan sát trực tiếp và 1 lần quan sát gián tiếp qua theo dõi đoạn băng ghi hình. Nội dung phiếu quan sát cung cấp những khả năng đánh giá mang tính định lượng để giảng viên kiểm soát được mức độ tiến bộ của SV trong quá trình rèn luyện KN. SV thực hiện giảng tập cũng được phát phiếu này để biết được những yêu cầu các em cần đạt được ở KN đang rèn luyện, qua đó có những định hướng tốt hơn trong các lần giảng tập tiếp theo.

- Bước 3 - Thực hiện bài giảng:

+ Trước khi thực hiện bài giảng, giảng viên phát cho SV giảng tập và nhóm SV đóng vai trò quan sát các Phiếu quan sát kĩ năng, dành cho các em khoảng thời gian đọc hiểu là 10 phút. Sau khi SV đọc kĩ nội dung của phiếu quan sát, GV sẽ giải thích một số thắc mắc của SV (nếu có) về những thông tin cần hoàn thiện trong phiếu.

+ Giảng viên giới thiệu nhóm SV đóng vai trò là HS, nêu một số quy tắc khi thực hiện bài giảng (thời gian, tiêu chí đánh giá, nhiệm vụ của SV và HS). Sau cùng, giảng viên giới thiệu SV – đối tượng được rèn luyện kĩ năng – đóng vai trò là giáo viên lên thực hiện bài giảng.

+ Trong khoảng thời gian là 10 – 15 phút, SV thực hiện một bài giảng ngắn tuỳ chọn trong chương trình lịch sử ở bậc THPT theo giáo án đã được chuẩn bị trước đó. Khi SV tiến hành giảng tập, giảng viên dùng máy quay kĩ thuật số ghi lại toàn bộ tiến trình. Đây là việc làm rất quan trọng và cần thiết, là phương tiện phản hồi giàu thông tin nhất, chính xác nhất và trung thực nhất. Việc lắng nghe nhận xét của giảng viên hay những SV quan sát, kết hợp theo dõi lại đoạn băng ghi hình giúp SV thực hiện giảng tập có cái nhìn đầy đủ và khách quan nhất về bài giảng của mình. Những SV còn lại có thể học hỏi từ những thành công, ưu điểm hay hạn chế của bạn để tự

điều chỉnh sao cho phù hợp với yêu cầu của giảng viên, năng lực của bản thân. Mặc dù hạn chế về phương tiện và thời gian rèn luyện bằng PPDH vi mô, chúng tôi đã cố gắng sử dụng kĩ thuật ghi hình ít nhất 1 lần đối với SV trong nhóm thực nghiệm (thường sử dụng khi các em tiến hành bài học vi mô lần đầu tiên). Chúng tôi cũng khuyến khích các SV khác dùng điện thoại để ghi lại hình ảnh các bạn giảng tập.

+ Sau khi bài giảng kết thúc, SV xem lại đoạn băng ghi hình, sau đó tiến hành thảo luận và đưa ra phản hồi trong khoảng thời gian là 10-15 phút. SV giảng tập được giao nhiệm vụ sửa lại kế hoạch bài giảng của mình trên cơ sở những phản hồi vừa nhận được, và tiến hành giảng tập lần 2 nhưng trong một buổi rèn luyện khác, theo hình thức tự rèn luyện, không có GV hướng dẫn thực hành và cũng không cần thiết phải ghi hình nếu không có phương tiện. Tuy nhiên chúng tôi khuyến khích SV sử dụng điện thoại di động để ghi lại hình ảnh buổi giảng tập lần 2 đó khi các bạn trong nhóm tự rèn luyện với nhau. Sau nhiều lần luyện tập lặp đi lặp lại đến khi đạt yêu cầu của giảng viên, SV đó sẽ tự xác lập KN được rèn luyện vào hệ thống KNDH đã có của bản thân. Lần cuối cùng tập giảng, giảng viên thực hiện kiểm tra, đánh giá lại các KNDH mà SV đã được rèn luyện bảng bảng kiểm với các tiêu chí, chỉ báo cụ thể về hành vi dạy học.

Để chứng minh tính hiệu quả, khả thi của phương pháp này, chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm từng phần, đó là triển khai việc hình thành KNDH cho SV khoa Lịch sử bằng PPDH vi mô trong các học phần: *Những vấn đề chung về lí luận và PPDH Lịch sử ở trường phổ thông* (3 tín chỉ, thời lượng 30 tiết, học kì 5), *Hệ thống các PPDH Lịch sử ở trường phổ thông* (40 tiết, 3 tín chỉ, học kì 5), *Thực hành sư phạm ở trường phổ thông* (2 tín chỉ, 30 tiết, học kì 4), *Rèn luyện NVSP thường xuyên* (1 tín chỉ, 15 tiết, học kì 7). Việc tích hợp vào các học phần có liên quan đến rèn luyện KN nghề tạo điều kiện kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, tận dụng những tiết thực hành trong mỗi học phần. Tuy nhiên, số lượng SV mỗi lớp khá đông (30 - 40SV), số tiết thực hành ít nên không có đủ thời gian rèn luyện cho từng SV. Hơn nữa, thời gian học các môn cách xa nhau nên quá trình rèn luyện sẽ bị gián đoạn, không đảm bảo được yêu cầu liên tục và hệ thống. Vì vậy, chúng tôi đã tổ chức các buổi sinh hoạt của CLB sinh viên rèn luyện NVSP để hình thành KNDH cho SV. Mỗi buổi sinh hoạt từ 120 phút đến 150 phút, kéo dài trong khoảng thời gian từ năm 9/2014 đến tháng 9/2016. Tác giả luận án tham gia trực tiếp vào quá trình hướng dẫn SV soạn bài, sửa giáo án, tổ chức cho SV tiến hành bài giảng.

Chúng tôi đã lựa chọn tổng số 41 SV để thực hiện phương pháp vi mô nhằm hình thành KNDH cho các em. Thời gian luyện tập được kết hợp với học phần *Hệ thống các Phương pháp dạy học* (đối với SV K63) và *Thực hành nghiệp vụ sư phạm ở trường phổ thông* (đối với SV K64), thực hiện đồng thời cả ở trên lớp và các buổi sinh hoạt của câu lạc bộ SV rèn luyện NVSP. Nội dung là hình thành KN sử dụng ngôn ngữ nói, sử dụng đồ dùng trực quan trong DHLS. Mỗi SV được giao nhiệm vụ soạn giáo án, chuẩn bị một bài giảng trong 10-30 phút về một nội dung tự chọn ở chương trình LS lớp 10, 11, 12, trong đó có sử dụng các phương pháp trình bày miệng kết hợp với đồ dùng trực quan. Đây là những KN cơ bản, quan trọng, có mức độ sử dụng thường xuyên, ảnh hưởng đến việc thực hiện những KNDH khác, là nền tảng cho quá trình hình thành những KNDH phức tạp hơn giai đoạn sau, vì vậy phải được hình thành ngay cho SV năm thứ nhất, năm thứ hai. Việc rèn luyện những KN này tuy chưa gắn với các tình huống sư phạm cụ thể ở lớp học trường PT nhưng cũng giúp quá trình rèn luyện KNDH bằng PPDH vi mô vào giai đoạn sau gặp nhiều thuận lợi hơn. Kết quả rèn luyện hai KN này chúng tôi đã sử dụng phương pháp toán học thống kê để xử lý số liệu và thể hiện ở phần Thực nghiệm sư phạm của luận án. Một số hình ảnh GV và SV tiến hành rèn luyện KNDH bằng PPDH vi mô được cụ thể ở phần Phụ lục.

4.2.2. Hình thành khuynh hướng nghề nghiệp, phong cách sư phạm cho sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên

Thời gian đào tạo trong nhà trường rất quan trọng, trang bị kiến thức cơ bản để SV ra trường tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo xu hướng học suốt đời. Vì vậy, giảng viên phải chú trọng phát huy tính chủ động, tinh thần tự giác trong lĩnh hội tri thức, sáng tạo trong thực hành nghề của người học. SV cần ý thức hơn ai hết việc phải tích lũy tri thức lịch sử, kiến thức NVSP, tu dưỡng đạo đức, có tinh thần cầu thị, ham học hỏi, kiên trì và nghiêm khắc trong học tập. Thực tế đã khẳng định, có nắm vững kiến thức thì mới chủ động trong giảng dạy, mới có thể dạy hay, dạy giỏi, từng bước nâng lên trình độ sáng tạo và nghệ thuật. Khổ luyện mới thành tài. Quá trình rèn luyện của SV rất cần sự động viên, khích lệ của các giảng viên. Nhận thức được vai trò của mình, mỗi giảng viên cần cố gắng trở thành một hình mẫu đẹp, một tấm gương về sự sáng tạo, đổi mới PPDH, để SV có thể học tập NVSP ngay trên giảng đường, trong từng tiết học của các thầy cô. Vì vậy, trong tất cả các học phần (cả khoa học cơ bản và khoa học giáo

dục), nội dung rèn luyện NVSP phải được lồng ghép ở một mức độ nhất định. Nghĩa là đội ngũ giảng viên của khoa phải giỏi cả kiến thức chuyên môn cũng như kiến thức NVSP. Chính nhân cách của người thầy, phương pháp truyền đạt kiến thức sinh động, dễ hiểu, khả năng nắm bắt tâm lý người học, xử lý linh hoạt các tình huống sư phạm...sẽ động viên, khuyến khích SV tích cực rèn luyện tay nghề. PPDH, lòng yêu nghề, tận tâm với SV của của giảng viên có tác dụng hình thành KN nghề nghiệp cho các em bằng con đường nhanh nhất, hiệu quả nhất.

Trường sư phạm là trường dạy nghề nên toàn bộ chương trình và hình thức hoạt động đều nhằm mục đích đào tạo các thầy, cô giáo tương lai. Do đó, phải kết hợp hình thành khuynh hướng nghề nghiệp trong QTDH các học phần khoa học cơ bản – Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới. Điều này có thể thực hiện qua việc gắn nội dung các học phần Lịch sử đang học với chương trình, SGK lịch sử ở phổ thông giúp SV nhận thấy mình cần phải nghiên cứu, đào sâu kiến thức nào để phục vụ cho việc giảng dạy ở các trường PT sau này. Mặt khác, chính PPDH của giảng viên cũng có tác dụng quan trọng hình thành năng lực sư phạm cho SV.

Để chứng minh tính hiệu quả của biện pháp này, chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm cho SV khi học một số học phần LS Việt Nam và LS thế giới. Nhiều giảng viên các bộ môn khoa học cơ bản đã tích cực đổi mới PPDH trên giảng đường, gắn việc dạy học với rèn luyện KN nghề nghiệp trong từng bài giảng của mình. Cô Nguyễn Thu Thuỷ (bộ môn Lịch sử Việt Nam) khi dạy học phần *Lịch sử Việt Nam cổ trung đại* (SV K62) đã yêu cầu SV nghiên cứu chương trình SGK lịch sử lớp 10 và sưu tầm tư liệu để xây dựng hồ sơ tư liệu trong dạy học LS Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII. Cô Nguyễn Thu Hiền (bộ môn LS Việt Nam) khi giảng dạy học phần *Lịch sử quan hệ ngoại giao Việt Nam* (SV K63), cô Tống Quỳnh Hương (bộ môn LS Thế giới) khi giảng dạy học phần *Lịch sử văn minh thế giới* (SV K65) đã yêu cầu SV thiết kế các hoạt động ngoại khoá (trò chơi LS, đóng vai, kể chuyện, hùng biện) cho HS khi giảng dạy các nội dung kiến thức có liên quan đến LS thế giới và LS Việt Nam giai đoạn cổ trung đại ở SGK lớp 10 - THPT...

Để thực hiện được yêu cầu đó, SV phải tìm hiểu chương trình, SGK Lịch sử ở trường PT, sưu tầm và đọc các tư liệu có liên quan, bước đầu SV được làm quen và có sự gắn kết giữa tích luỹ kiến thức chuyên ngành với nghiên cứu, tìm hiểu, tổ chức hoạt động giảng dạy môn LS ở trong thực tiễn. Một số giảng viên các môn khoa học cơ bản đã tham gia nhiệt tình vào các hoạt động rèn luyện NVSP cho SV,

thể hiện trách nhiệm chung của mình trong hình thành KN nghề nghiệp cho SV, cùng giảng viên bộ môn PPDH hướng dẫn SV đi kiến tập, TTSP (Cô Hoàng Hải Hà, Cô Nguyễn Thu Thuỷ, Thầy Phan Ngọc Huyền...), tham gia dự giờ đánh giá SV thực tập tại các trường phổ thông (Cô Phạm Thanh Huyền, Thầy Trần Ngọc Dũng, thầy Nguyễn Duy Chinh...).

Hoạt động giảng dạy của giảng viên là nhân tố quan trọng góp phần hình thành KNDH dạy học cho SV. Ngoài trang bị tri thức LS thầy cô còn giúp SV tự hoàn thiện những KN sư phạm của mình. Hình ảnh, tư thế, tác phong, KN sư phạm của giảng viên chính là bài học đầu tiên, là nhân tố ngấm dần, tích luỹ dần KN sư phạm cho SV, để các em đi từ sự "bắt chước" đến "sáng tạo". Theo GS Nguyễn Lân Dũng, không phần thưởng nào có thể khơi gợi tinh thần ham học thực sự, không chế tài nào có thể bắt ép người ta ham học, mà chính người thầy - bằng tấm gương sáng về lòng ham học, tinh thần tự học, đam mê nghiên cứu khoa học...là nguồn cảm hứng tuyệt vời, sâu sắc nhất, bền bỉ nhất trong học trò. Người thầy giỏi biết cách chọn lọc kiến thức cơ bản, phù hợp với trình độ, năng lực tiếp thu của học trò, truyền cho các em lòng đam mê nghiên cứu khoa học và tinh thần học tập suốt đời.

Một bài giảng thành công của giảng viên dạy môn khoa học cơ bản là việc quản lý lớp học, thu hút SV vào các hoạt động học tập có hiệu quả, là cách thầy nêu và giải quyết vấn đề, tổ chức hoạt động thảo luận, sử dụng các phương tiện dạy học, xử lý các tình huống sư phạm... Bài giảng thành công của giảng viên môn PPDH là sự tích hợp các KN sư phạm được thực hiện trong suốt tiến trình môn học, đặc biệt tập trung vào các bước: uốn nắn, chỉnh sửa, phát hiện điểm mạnh, điểm yếu của từng SV khi thực hành các KN nghề nghiệp, là khả năng làm mẫu những nội dung lý thuyết về phương pháp, giải thích ý nghĩa của từng thao tác và hướng dẫn SV làm theo; Mỗi giờ học phải giúp cho SV thấy được sự đổi mới về phương pháp, về cách dạy, sự mẫu mực về tính sư phạm trong chính giờ lên lớp của người thầy. Từ đó tạo nên định hướng quan trọng về hình mẫu người GV chuẩn mực, về phong cách giảng dạy, nhân cách nhà giáo… cho đội ngũ GV tương lai.

**** Giảng viên định hướng, bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp cho SV:***

Khi đăng kí vào trường sư phạm, SV phải ý thức được việc học tập và rèn luyện để trở thành người GV trong tương lai. Vì vậy, các em phải nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác đào tạo NVSP trong quá trình học tập, phải

chủ động, tự giác tham gia các hoạt động về rèn luyện NVSP. Do đó, việc định hướng cho SV hiểu về nghề dạy học, hiểu rõ nội dung, chương trình rèn luyện để trở thành người GV có năng lực sau này là rất quan trọng và thiết thực. Có nhiều cách để định hướng nghề nghiệp cho SV: Thứ nhất, qua các tiết học trên lớp. Thứ hai, tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận, nói chuyện về nghề dạy học. Thứ ba, tổ chức cho SV xuống trường PT để giao lưu, tìm hiểu, tham gia các hoạt động với các nhóm, lớp HS, giúp SV từ chỗ hiểu về đặc trưng của nghề giáo dẫn đến yêu quý và gắn bó với nghề và là động lực để SV cố gắng phấn đấu trở thành GV giỏi.

Khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN đã lồng ghép những nội dung về định hướng nghề nghiệp, giáo dục tư tưởng, phẩm chất đạo đức và lối sống cho SV ngay từ năm thứ nhất. Thông qua các hoạt động tập thể do Liên chi đoàn tổ chức như "Chào Tân sinh viên", "Tọa đàm về phương pháp học tập ở Đại học", hay những khóa học về KN mềm: "Ấn tượng đầu tiên", "KN giao tiếp", "Giáo dục KN sống", "Sứ mệnh người thầy" giúp SV hiểu thêm về chức năng, nhiệm vụ của nhà giáo, bồi dưỡng tình cảm yêu nghề, ý thức phấn đấu để trở thành GV dạy giỏi trong tương lai.

4.2.3. Tích cực hướng dẫn sinh viên thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên

Trong các giờ học về lí luận và PPDH, giảng viên bộ môn PPDH khoa Lịch sử trực tiếp thực hành mẫu các KNDH trong, hướng dẫn hoạt động rèn luyện của SV trong tuần lễ NVSP của trường vào tháng 11 hàng năm, đưa SV xuống trường phổ thông thực hành Nguyễn Tất Thành, hướng dẫn SV soạn giáo án, chấm giáo án, bài thu hoạch dự giờ chuyên môn và giáo dục của SV, khuyến khích SV thực hiện các ý tưởng mới trong dạy học. Từ những phản hồi của SV, giảng viên nhanh chóng điều chỉnh nội dung và PPDH cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

**** Thực hành tại phòng rèn luyện NVSP bộ môn:***

Vài năm trở lại đây khoa Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội đã có phòng rèn luyện NVSP bộ môn khang trang, hiện đại với đầy đủ trang thiết bị cần thiết nhằm thực hiện chức năng rèn luyện KN nghề nghiệp cho SV như: bảng, bàn ghế, tủ tài liệu tham khảo, máy tính kết nối Internet, máy in, máy scan, tivi, máy quay, máy chiếu, bảng thông minh, gương lớn đối diện với bục giảng của giáo viên, giá treo bản đồ... Do thời gian dành cho các học phần về lí luận và PPDH trên giảng đường còn hạn chế, giảng viên khoa Lịch sử đã phát huy tối đa chức năng của phòng rèn luyện NVSP bộ môn để hình thành cho SV những KNDH cơ bản của người GV LS.

Để phù hợp với không gian của phòng học, chúng tôi chia SV mỗi lớp thành nhiều nhóm nhỏ (10 SV/nhóm), thay phiên nhau thực hành nghiệp vụ. GV hướng dẫn thực hành là giảng viên bộ môn lí luận và PPDH, GV dạy môn LS ở trường phổ thổng. Tiến trình các buổi thực hành diễn ra như sau:

(1) SV lựa chọn một bài hoặc một đơn vị kiến thức trong SGK lịch sử ở phổ thông, sau đó tham khảo tư liệu để soạn bài.

(2) Trong giờ thực hành, SV lần lượt đóng vai GV để giảng bài.

(3) Những SV khác đóng vai HS, đưa ra câu hỏi, câu trả lời khi GV yêu cầu.

(4) Sau mỗi bài giảng của SV, giảng viên cùng các bạn trong nhóm thảo luận, đưa ra nhận xét, góp ý, chỉ dẫn cho các em về các hoạt động cụ thể như soạn giáo án, các bước lên lớp, cách đặt câu hỏi cho HS, cách lựa chọn kiến thức cơ bản và PPDH cho hiệu quả, cách xử lý tình huống sư phạm trong lớp học, dự phòng những tình huống có thể xảy ra, phương pháp sử dụng ĐDTQ phục vụ cho bài học.

Mỗi lần tập giảng như vậy là cơ hội để SV được trải nghiệm cảm xúc và tư duy trong hoạt động nghề dạy học (suy ngẫm về hành động, phương pháp hành động của người khác, của bản thân và tác động của chúng). Tập giảng thường xuyên, nghiêm túc sẽ tạo cho SV tâm lý tự tin khi bước vào các kì kiến tập, TTSP. Bằng kinh nghiệm của mình, giảng viên phân tích các bước thực hiện bài học, hướng dẫn hành động, thao tác để SV hình thành những KNDH cơ bản. Những tình huống và kinh nghiệm diễn ra trong quá thực hành NVSP tại phòng rèn luyện nghiệp vụ có ý nghĩa thiết thực cho việc học nghề của SV.

Không chỉ có vậy, giảng viên còn thực hiện các bài giảng mẫu để minh họa cho SV về một KNDH cụ thể. Qua quan sát, dự giờ các tiết dạy của giảng viên có kinh nghiệm, SV sẽ học được cách xử lý các tình huống sư phạm đa dạng trong dạy học. Trước khi bắt đầu giờ dạy mẫu, GV hướng dẫn SV cách quan sát và phân tích: Các em cần quan sát cái gì? Quan sát như thế nào? Bằng cách nào để ghi lại được những điều quan sát? Lí giải những điều quan sát được thế nào? Bài học rút ra từ những điều quan sát được… Khi dự giờ dạy mẫu, SV dần hình thành KN quan sát, nắm bắt tâm lý và hiểu đối tượng dạy học, tự mình điều chỉnh hành vi, thao tác của bản thân sao cho đúng mực để việc rèn luyện KN nghề có hiệu quả nhất. Để làm tốt việc này, khoa Lịch sử cần xây dựng một đội ngũ giảng viên có chuyên môn sâu về phương pháp giảng dạy, có trình độ, kĩ năng NVSP tinh thông, vững vàng để có thể đảm nhận việc rèn luyện KN nghề cho SV.

Không chỉ hướng dẫn SV thực hành thường xuyên tại phòng NVSP, giảng viên bộ môn PPDH còn trực tiếp đưa SV xuống trường THPT Nguyễn Tất Thành để tìm hiểu thực tiễn phổ thông, tham gia các hoạt động giáo dục, dạy học (dự giờ chào cờ, giờ sinh hoạt, giờ chuyên môn...). Là một giảng viên đã đưa SV khoa LS xuống thực hành NVSP thường xuyên tại trường THPT Nguyễn Tất Thành trong nhiều năm liền, tác giả luận án đã hiểu thêm về thực tế giảng dạy ở trường PT, tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tế quý báu để đưa vào bài giảng cho SV. Những điều này có giá trị thực tiễn cho việc giảng dạy của giảng viên ở trường đại học. Sau mỗi đợt thực hành, giảng viên là người đánh giá bài thu hoạch, tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm cho SV, hệ thống lại những tri thức đã học được từ thực tế PT.

**** Kết hợp "học với hành", "lí luận gắn liền với thực tiễn" trong giảng dạy các học phần về lí luận và PPDH.***

Nhận thức được vai trò của mình đối với việc hình thành KNDH cho SV, giảng viên bộ môn PPDH đã tích cực đổi mới PPDH nhằm phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo của SV, tạo ra cơ hội rèn luyện KNDH cho SV. Một số giảng viên trở thành những chuyên gia hàng đầu về PPDH của cả nước, luôn đi đầu trong việc đổi mới PPDH, vận dụng những kĩ thuật dạy học hiện đại nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV, góp phần hình thành các KNDH cơ bản nhất như KN sử dụng ngôn ngữ nói và viết; KN quản lí, tổ chức lớp học; KN xử lí các tình huống sư phạm qua từng bài giảng; KN tổ chức các hoạt động thực hành bộ môn phù hợp với mục tiêu của môn học và chuẩn đầu ra. Để nâng cao năng lực sư phạm cho giảng viên, bộ môn PPDH - khoa Lịch sử thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn về những vấn đề lí luận và PPDH hiện đại như: dạy học tích hợp, các năng lực cần hình thành cho HS trong DHLS, các kĩ thuật dạy học hiện đại, đổi mới phương pháp KT – ĐG theo hướng phát triển năng lực nghề cho SV.

Trong các giờ học lí thuyết trên lớp, giảng viên đã giảm tối đa phương pháp thuyết trình, truyền thụ kiến thức một chiều, chủ yếu là hướng dẫn SV cách học, cách tiếp cận tri thức một cách tích cực, chủ động và sáng tạo. Theo đó, giảng viên thường xuyên tổ chức cho SV thảo luận, trình bày, bác cáo các vấn đề học tập; tích cực vận dụng các PPDH mới như dạy học tích hợp, dạy học phân hóa, dạy học theo chủ đề...; sử dụng đa dạng, hợp lí các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, tăng cường ra bài tập thực hành và hướng dẫn thực hành, sử dụng các bài tập tình huống trong dạy học, gắn kiến thức lí luận với những dẫn chứng trong

chương trình, sách giáo khoa Lịch sử ở trường phổ thông. Đồng thời, GV làm mới các PPDH truyền thống như thuyết trình, đàm thoại, khai thác, sử dụng tư liệu theo hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo trong nhận thức của SV. Qua đó, bồi dưỡng cho SV kiến thức về PPDH mới, giúp các em luyện tập để có KN vận dụng phương pháp đó hiệu quả trong dạy học, góp phần quan trọng vào hình thành KN nghề nghiệp.

Ví dụ: Học phần "*Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông*" có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc trang bị cho SV những vấn đề cơ bản về QTDH bộ môn; những nguyên tắc trong DHLS; đặc biệt là hệ thống PPDH để thực hiện việc giảng dạy lịch sử ở trường PT. Không nắm vững được lí luận của học phần này thì SV khó có thể hành nghề trong thực tiễn. Sau khi cung cấp nội dung lý thuyết của học phần này, giảng viên có thể ra các bài tập tình huống cho SV thực hành, kết hợp "học với hành", "lí luận gắn liền với thực tiễn".

(1) Bài tập tình huống về quá trình DHLS ở trường PT: "Khi đề cập tới khái niệm QTDH lịch sử, có người xuất phát từ bản chất của giáo dục là thế hệ trước truyền lại cho thế hệ sau những kinh nghiệm sản xuất, những quan điểm về triết học, đạo đức, tôn giáo, pháp luật… cho rằng, QTDH lịch sử là quá trình người GV truyền thụ tri thức lịch sử cho HS.

- Em có đồng ý với quan niệm trên hay không? Tại sao?

- Dựa vào những kiến thức đã học, hãy phân tích khái niệm QTDH lịch sử ở trường PT »

Bài tập này giúp SV hiểu được DHLS là quá trình thống nhất giữa hoạt động dạy của thầy và hoạt động học của trò nhằm giúp HS nắm vững hệ thống tri thức, hình thành KN, kĩ xảo và bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, tư tưởng tình cảm cho các em. Từ việc phân tích nhiều quan niệm khác nhau về vấn đề này, SV đi đến kết luận: bản chất của QTDH lịch sử là quá trình nhận thức, quá trình tiếp cận của tư duy đối với hiện thực khách quan, đi từ biết đến hiểu, từ cụ thể đến bản chất, từ sự kiện đến khái quát lí luận.

(2) Bài tập tình huống về các nguyên tắc dạy học lịch sử: Trên một bài báo, nhà sử học Dương Trung Quốc - Tổng thư kí Hội sử học Việt Nam đã phát biểu : *« Lịch sử chỉ trở nên hấp dẫn nếu nó đạt được hai thuộc tính: Trung thực và công bằng. Thiếu hai điều đó, lịch sử trở nên giáo điều và để thuộc nó là cả một sự khổ sai »*.

(Báo Giáo dục và thời đại số 19 (1520) ngày 6/3/1998)

- Em hiểu câu nói đó như thế nào ?

- Vì sao trong dạy học lịch sử phải đảm bảo tính khoa học ?

- Hãy lấy ví dụ trong thực tiễn DHLS ở trường PT để minh hoạ ý kiến trên.

Bài tập củng cố cho SV về nguyên tắc đảm bảo tính khoa học trong QTDH lịch sử. Nhận định của nhà sử học Dương Trung Quốc là hoàn toàn đúng đắn, bởi trung thực và công bằng là hai thuộc tính vốn có của lịch sử. Bài tập giúp SV thấy được tầm quan trọng hàng đầu của nguyên tắc này trong giảng dạy lịch sử.

(3) Bài tập tình huống về tìm hiểu khái niệm PPDH Lịch sử, phân loại PPDH Lịch sử ở trường phổ thông: "Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói: "*Dạy học là một nghề sáng tạo nhất trong những nghề sáng tạo*".

Các nhà giáo dục lịch sử cũng khẳng định: "*Phương pháp dạy học lịch sử rất đa dạng, sinh động, phong phú, không thể thực hiện một cách công thức, khô cứng, làm mất hứng thú học tập, tính tích cực và khả năng nhận thức của học sinh*"

(Trích giáo trình Phương pháp dạy học lịch sử, tập II, tr.16)

- Em có đồng ý với các quan điểm trên không?

- Theo em, sự sáng tạo trong PPDH lịch sử được thể hiện như thế nào?.

Tình huống trên đưa ra một quan niệm về PPDH nói chung, PPDH lịch sử nói riêng. Trên cơ sở tìm hiểu những ý kiến khác nhau về phương pháp, phương pháp dạy học, phương pháp dạy học lịch sử, từ nhiệm vụ của GV lịch sử, đặc trưng bộ môn,…SV nắm được nội hàm khái niệm PPDH lịch sử - khái niệm chi phối mối quan hệ chặt chẽ giữa hoạt động nhận thức, giáo dục của thầy và trò. Đồng thời, SV cũng hiểu được không có PPDH nào là vạn năng, cần kết hợp, vận dụng các phương pháp một cách linh hoạt, sáng tạo trong DHLS ở trường PT.

Để chứng minh tính hiệu quả của hoạt động rèn luyện KNDH cho SV thông qua việc kết hợp "lí luận" với "thực tiễn", "học" với "hành", chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm khi giảng dạy học phần *Các hình thức tổ chức dạy học lịch sử ở trường phổ thông*. Nội dung của môn học trang bị cho SV nguyên tắc, năng lực thiết kế, tổ chức các hoạt động DHLS ở trường PT. Đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDPT sau 2105 theo định hướng ưu tiên dành nhiều thời lượng hơn cho hoạt động giáo dục, giảm bớt các môn học bắt buộc, chúng tôi đã cho SV thực hành kĩ năng tổ chức hoạt động dạy học theo phương thức trải nghiệm sáng tạo. Đối tượng thực nghiệm là SV các khoa K61, K62, K63 (vào năm học thứ 3, 4 của khoá trình đào tạo, khi các em được học các chuyên đề về PPDH).

Chúng tôi lựa chọn 30 SV mỗi khoá, chia thành 3 nhóm nhỏ (10 SV/nhóm). Sau các tiết học lí thuyết trên giảng đường, SV được giao nhiệm vụ *Thiết kế một bài giảng về lịch sử tại thực địa* (bảo tàng, di tích LS, cách mạng) có liên quan đến nội dung chương trình LS được giảng dạy ở trường PT. Địa điểm tổ chức dạy học tại Bảo tàng Dân tộc học, quần thể di tích làng cổ Đường Lâm, khu di tích K9, Di tích lịch sử Cổ Loa…Sau khi được thông báo kế hoạch học tổ chức học tập, SV phải chủ động liên hệ và làm việc với nhân viên bảo tàng, nhân viên phụ trách di tích lịch sử để xây dựng kịch bản, đóng vai hướng dẫn viên giới thiệu với du khách, HS.

Dưới đây là *Kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo tại khu di tích làng cổ Đường Lâm – Hà Nội* của nhóm SV K62 (Lô Thị Hương Giang, Đinh Thị Việt Chinh, Nguyễn Thị Duyên, Hoàng Thị Hiền, Đặng Thị Lan Huệ, Nguyễn Thị Huệ, Hoàng Thị Lượng).

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TẠI KHU DI TÍCH LÀNG CỔ ĐƯỜNG LÂM

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Giúp HS củng cố, hoàn thiện hệ thống kiến thức cơ bản đã được học trong giờ học nội khóa về LS địa phương: khu di tích làng cổ Đường Lâm; về các nhân vật LS: Ngô Quyền, Phùng Hưng. Dự kiến phương pháp bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử.

2. Kĩ năng: Rèn luyện KN làm việc nhóm, thuyết trình, khả năng phản xạ nhanh, biết lắng nghe, thu thập và xử lí thông tin. Phát triển tư duy lịch sử, tranh luận và tham gia các hoạt động tập thể.

3. Thái độ: Giáo dục tình yêu quê hương, lòng biết ơn đối với những người có công với đất nước: Ngô Quyền, Phùng Hưng. Bồi dưỡng cho HS lí tưởng sống, có ý thức trách nhiệm đối với việc bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử. Tạo niềm yêu thích, say mê học tập môn Lịch sử.

4. Định hướng phát triển năng lực: Phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực hợp tác, năng lực tư duy cho HS.

II. Kế hoạch

Để chuẩn bị cho buổi trải nghiệm tại khu di tích làng cổ Đường Lâm dành cho HS khối lớp 10 trường Chuyên Sơn Tây, chúng tôi cần: Liên hệ với Ban giám hiệu, tổ chuyên môn của trường để xin cho lớp HS tham gia hoạt động trải nghiệm; lên kế hoạch, nội dung, tiến trình hoạt động cho buổi trải nghiệm.

Buổi trải nghiệm gồm các hoạt động: Tham quan chùa Mía, đền thờ Phùng Hưng, đền thờ Ngô Quyền, cổng làng cổ và các ngôi nhà cổ. Cuối cùng là tổ chức trò chơi: Vòng tròn thời gian cho HS.

III. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của GV: Chọn địa điểm, xác định mục tiêu, lên nội dung và kế hoạch hoạt động. Đi tiền trạm tại khu di tích làng cổ Đường Lâm vào ngày 21/8/2015. Chuẩn bị tài liệu, các phương tiện cần thiết (mic di động) để tổ chức hoạt động trải nghiệm. Liên hệ thuê xe, liên hệ điểm trường, khu di tích. Chuẩn bị trò chơi (1 Bóng nhựa, quà), lễ vào chùa (hương, hoa quả).

2. Chuẩn bị của HS: Tìm hiểu tư liệu về khu di tích làng cổ Đường Lâm.

IV.Tiến trình hoạt động:

1.Hoạt động 1: Tìm hiểu khu di tích chùa Mía:

- 7h30 - 7h45, Thầy cô và SV dâng hương tại chùa

- 7h45 – 8h30: SV Lô Thị Hương Giang thuyết minh cho HS nghe lịch sử, kiến trúc của khu di tích chùa Mía (lịch sử + kiến trúc). HS biết về lịch sử, kiến trúc của khu di tích chùa Mía, hiểu được giá trị của ngôi chùa và dự kiến các biện pháp bảo tồn phát huy những giá trị đó

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu các ngôi nhà cổ, cổng làng cổ

- 8h45 - 9h45: SV phụ trách là Đinh Thị Việt Chinh, Nguyễn Thị Duyên hướng dẫn HS đi tìm hiểu các ngôi nhà cổ của (nhà ông Huyến, Cô Lan), cổng làng cổ, các đặc sản truyền thống của làng cổ là chè lam, tương, bánh tẻ. Kết quả hoạt động: HS biết được cấu trúc các ngôi nhà cổ Việt Nam, thực trạng các ngôi nhà cổ hiện nay, tự tay trải nghiệm một trong những nghề truyền thống của làng và dự kiến phương pháp bảo tồn.

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu đền thờ Phùng Hưng

- 10h - 10h30: SV phụ trách là Đặng Thị Lan Huệ, Hoàng Thị Hiền tổ chức đưa HS vào thắp hương và thuyết minh về vua Phùng Hưng, đền thờ Phùng Hưng. Từ đó bồi dưỡng cho HS lòng biết hơn đối người có công với đất nước, có cái nhìn gần gũi và sâu sắc hơn đối với nhân vật lịch sử Phùng Hưng, dự kiến phương pháp bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử của ngôi đền.

4. Hoạt động 4: Tìm hiểu đền thờ Ngô Quyền.

- 10h30 - 11h: SV Nguyễn Thị Huệ, Hoàng Thị Lượng đưa HS đi tìm hiểu đền thờ và nhà ở Ngô Quyền, lăng Ngô Quyền, tham quan rặng duối lâu năm. Từ đó

bồi dưỡng cho HS lòng biết ơn với người có công với đất nước, có cái nhìn gần gũi và sâu sắc hơn đối với nhân vật Ngô Quyền, dự kiến phương pháp bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

- 11h - 11h30: Nhóm SV thực hiện hoạt động tổng kết bằng một trò chơi thể mang tên "vòng tròn thời gian". Luật chơi như sau: nhóm HS tập hợp thành vòng tròn. 1 SV phụ trách trò chơi là quản trò. Quản trò đưa ra chủ đề "*Dự kiến các phương pháp bảo tồn khu di tích làng cổ Đường Lâm*", sau đó bắt nhịp cho nhóm HS hát một bài hát tập thể đồng thời truyền tay nhau quả bóng nhựa. Khi bài hát kết thúc, quả bóng trên tay HS nào thì HS ấy phải trình bày một biện pháp bảo tồn khu di tích làng cổ Đường Lâm. Nhóm vòng tròn lắng nghe ý kiến trình bày. Khi HS trình bày, quản trò hỏi lớp có đồng ý với ý kiến của bạn đưa ra hay không, nếu có tiếp tục truyền bóng. Nhóm chơi trong khoảng thời gian 30 phút, bạn nào đưa ra ý kiến được chấp thuận sẽ nhận được quà chuẩn bị từ trước.

Dự kiến kết quả hoạt động: HS thích thú tham gia trò chơi, thể hiện được trách nhiệm của mình đối với việc bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử.

*** Ghi chú:**

Địa điểm tập hợp SV tại trường Đại học sư phạm Hà Nội. Địa điểm tập hợp HS tại trường chuyên Sơn Tây. Hai đoàn gặp nhau lúc: 7h15 tại chùa Mía. Từ 8h30 đến 8h45 di chuyển từ chùa Mía đến các ngôi nhà cổ. Từ 9h45 đến 10h di chuyển từ cổng làng cổ đến đền thờ Phùng Hưng

V. Tổng kết: Đánh giá và rút kinh nghiệm những ưu, nhược điểm về ý thức chuẩn bị, nội dung, hình thức và kết quả của hoạt động.

Sau khi tổ chức thực nghiệm cho SV về KN này, chúng tôi nhận thấy các em rất hào hứng, chủ động, sáng tạo trong việc lên kế hoạch thực hiện, phân công công việc và nội dung hướng dẫn HS học tập, viết bài thu hoạch về những điều đã học được qua mỗi chuyến đi. Điểm bài thu hoạch được tính vào điểm thi điều kiện học phần của SV. Qua hoạt động này chúng tôi đã gắn liền lý luận dạy học và thực tiễn, hình thành cho SV KN tổ chức hoạt động học tập trải nghiệm sáng tạo, KN giải quyết vấn đề, KN giao tiếp, KN thuyết trình trong DHLS.

Để SV nắm vững kiến thức lí luận về PPDH bộ môn, biết vận dụng những kiến thức lí luận vào thực tiễn, hình thành KN kiểm tra- đánh giá kết quả học tập LS của HS, chúng tôi đã tổ chức kiểm tra, đánh giá SV theo hướng phát triển năng lực

nghề **.** Hầu hết các học phần về lí luận và PPDH Lịch sử, giảng viên đều thiết kế câu hỏi và bài tập dựa thực hành dựa trên tình huống có thực ở trường PT, sau đó yêu cầu SV vận dụng kiến thức đã học để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể.

VD: Để kiểm tra, đánh giá kĩ năng vận dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức DHLS, SV phải hoàn thành bài tập với các yêu cầu: Mô tả cấu trúc quá trình dạy học. Phân tích cấu trúc hoạt động dạy, hoạt động học và nêu được mối quan hệ giữa hai hoạt động đó bằng một ví dụ cụ thể. Phát biểu định nghĩa khái niệm PPDH? Tìm hiểu các PTDH của một trường phổ thông để nhận biết, gọi tên, công dụng, các yêu cầu kĩ thuật. Lựa chọn các PPDH cụ thể để soạn một bài học có sử dụng phương pháp đó. Sử dụng một số phần mềm đặc thù để tổ chức dạy học. Nêu các thức tổ chức dạy học cơ bản phù hợp với đặc thù môn học, cho ví dụ minh họa mối quan hệ giữa các thành tố của QTDH.

Trong quá trình giảng dạy các học phần *Những vấn đề chung về PPDH Lịch sử, Hệ thống các PPDH Lịch sử ở trường phổ thông, Thực hành dạy học lịch sử ở trường phổ thông* SV được cung cấp ngân hàng câu hỏi thi vấn đáp. Để rèn luyện cho SV sự tự tin, khả năng phản ứng linh hoạt, KN trình bày một vấn đề, chúng tôi sử dụng chủ yếu hình thức thi vấn đáp, hoặc SV thực hiện một bài giảng ngắn trong khoảng thời gian 10-15 phút một nội dung kiến thức LS ở phổ thông, trong đó thể hiện đầy đủ những KNDH mà SV đã được rèn luyện. Một số chuyên đề *Nâng cao hiệu quả bài học LS ở trường phổ thông, Vận dụng các PPDH và kĩ thuật hiện đại trong DHLS*...SV làm viết bài thu hoạch dưới hình thức tiểu luận, hoặc thi trên máy để hình thành KN ứng dụng CNTT trong dạy học

Trong đánh giá SV tốt nghiệp, với những SV không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp, thi tốt nghiệp chuyên ngành PPDH được đánh giá bằng hình thức thi giảng trực tiếp kết hợp với phỏng vấn và bài tập chuyên đề. SV được yêu cầu thực hiện một bài giảng trong chương trình Lịch sử lớp ở trường THPT. Hình thức này đã được tiến hành trong hai năm học 2014-2015 và 2015 – 2016, SV đã chuẩn bị cẩn thận, chu đáo với một tinh thần hào hứng, nỗ lực hết mình để hoàn thành bài giảng (trong khoảng thời gian tối đa 30 phút). Mỗi bài giảng thể hiện tổng hợp các KNDH mà các em đã được rèn luyện tại khoa Lịch sử trong suốt 4 năm đào tạo, phản ánh kết quả học tập và rèn luyện nghề nghiệp của SV. Bởi vì, để có một giờ dạy tốt, đòi hỏi SV phải tự rèn luyện nghiêm túc, thường xuyên các KNDH như KN chuẩn bị kế hoạch dạy học , KN tổ chức hoạt động DH, KN kiểm tra, đánh giá.

Thông qua giảng dạy trực tiếp, SV biết vận dụng linh hoạt lí thuyết vào những bài học cụ thể, qua đó phát triển KNDH cho SV.

Qua khảo sát ý kiến phản hồi và kết quả thực tế giảng dạy của SV, chúng tôi khẳng định, đổi mới hình thức thi tốt nghiệp qua giảng bài và thi vấn đáp là hướng đi đúng đắn, đáp ứng được mục tiêu DH, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của SV, là cơ hội tốt nhất để SV bộc lộ năng lực thực sự của mình. Đây là nền tảng để chúng tôi tiếp tục cải tiến hình thức kiểm tra đánh giá hướng đến thi tay nghề của SV trước khi tốt nghiệp ở các năm học tới. Qua đó, đánh giá được chính xác KNDH của SV.

4.2.4. Xây dựng đội ngũ giáo viên chuyên thực hành mẫu các kĩ năng NVSP ở trường phổ thông

Giữa lý thuyết và thực hành là khoảng cách khá lớn. Quá trình hình thành KNDH cho SV không chỉ dừng ở việc cung cấp lý thuyết về phương pháp, khoa học nghiệp vụ mà phải thể hiện lý thuyết đó trong bài giảng, phong cách và thao tác cụ thể của giảng viên trên bục giảng. Đó mới là đổi mới trực diện và sống động. Trường sư phạm là trường dạy nghề, nhưng lại thiếu lực lượng GV dạy nghề. Trên thực tế, một số giảng viên bộ môn PPDH mặc dù rất giỏi về lý thuyết phương pháp – nhưng khả năng làm mẫu cho SV còn hạn chế. Điều này cũng không có gì lạ, vì việc thực hành thao tác nghề có những đòi hỏi riêng về tố chất mà không phải ai cũng có ưu thế về mặt đó. Vì vậy, phải hình thành được đội ngũ những GV làm mẫu chuyên nghiệp từ lực lượng GV dạy giỏi ở các trường phổ thông. Họ vừa giảng dạy môn LS ở trường PT, vừa có thể tham gia vào QTĐT ở trường sư phạm: từ hướng dẫn SV thực hành dạy học và giáo dục, minh họa những lí thuyết về PPDH, phân tích kế hoạch một bài học trên lớp, thực hành mẫu cho SV về các KNDH cần thiết của người GV Lịch sử. Bài giảng mẫu của GV phổ thông sẽ là chiếc cầu nối rút ngắn khoảng cách giữa lý luận và thực hành, biến sự đổi mới từ lý thuyết, ý tưởng thành những sản phẩm hiện hữu, đích thực với hệ thống các thao tác sư phạm cụ thể.

Sử dụng mẫu vào quá trình hình thành KNDH cho SV trải qua các bước: (1) Giảng viên cho SV xem đoạn băng ghi hình bài giảng của GV phổ thông có thể hiện hình mẫu về KN sẽ được rèn luyện; (2) Giảng viên mô tả bằng lời KN, định hướng cho SV các thao tác cụ thể để hình thành KN. (3) SV tiếp thu lý thuyết về KN qua quan sát bài giảng mẫu, phân tích mẫu; (4) Giảng viên phân tích các bước thực hiện KN của GV làm "mẫu"; (5) SV thảo luận, nhận xét đưa ra ý kiến phản hồi; (6) SV thực hành thuần thục hệ thống thao tác sư phạm theo mẫu dưới sự hướng dẫn của

giảng viên. Đây là cơ sở, nền tảng quan trọng để các em tiếp tục bước vào giai đoạn hoàn thiện, sáng tạo và đổi mới những KNDH đã có.

Để quá trình rèn luyện KN đạt hiệu quả cao, hình mẫu đưa ra cần đa dạng, phong phú để SV có điều kiện lựa chọn những hình mẫu thích hợp với phong cách, đặc điểm cá nhân của mình. Hằng năm, Bộ GD& ĐT tổ chức các cuộc thi chọn GV dạy giỏi môn LS cấp quốc gia. Đây là cơ sở để hình thành nên đội ngũ GV làm mẫu chuyên nghiệp. Khoa Lịch sử cần có hình thức liên kết với các trường PT có GV dạy giỏi để xây dựng băng hình các bài giảng mẫu cho hoạt động ĐTGV và đổi mới PPDH Lịch sử, tạo thành hệ thống tài liệu tham khảo quan trọng cho SV, giảng viên trong quá trình học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ và năng lực NVSP.

4.2.5. Tăng cường hướng dẫn SV tự rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm trong quá trình đào tạo

**** Vì sao phải tăng cường rèn luyện và tự rèn luyện NVSP của SV***

Rèn luyện NVSP là hoạt động cơ bản trong chương trình ĐTGV, có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của SV sư phạm. Qua các hoạt động rèn luyện NVSP, sinh viên được tập dượt những thao tác, KN cơ bản của các hoạt động dạy học và giáo dục, là bước đệm rất quan trọng cho quá trình kiến tập sư phạm và TTSP sau này ở trường PT. Mọi công việc thực hành, rèn luyện trong giai đoạn này đều là bước đi ban đầu đặt cơ sở cho việc thực hành, luyện tập những KN tổng hợp cho giai đoạn sau.

Qua khảo sát các đợt thực tập sư phạm của SV khoa LS hàng năm chúng tôi nhận thấy: SV có kiến thức tương đối vững chắc về các môn khoa học cơ bản và phương pháp giảng dạy bộ môn, song KN sư phạm còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn giáo dục. Một trong những nguyên nhân của tình trạng trên là do các em ít có điều kiện thực hành. Hơn nữa, có những KN không thể đào tạo trong nhà trường (như KN tìm hiểu đối tượng học sinh, môi trường giáo dục, KN giao tiếp ứng xử học đường – giữa GV với HS, phụ huynh, đồng nghiệp), nhiều tình huống sư phạm nếu SV không được tiếp cận với môi trường PT thì sẽ không bao giờ gặp phải. TTSP không chỉ để làm quen với phổ thông, mà phải là cơ hội học cách vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, là học KN nghề nghiệp sau này. Tổ chức các hoạt động rèn luyện NVSP thường xuyên sẽ bồi dưỡng cho SV những phẩm chất, năng lực cơ bản của người GV, đặc biệt là những KN, kĩ thuật dạy học để có thể chủ động và độc lập đảm nhiệm được việc tổ chức dạy học và tổ chức các

hoạt động giáo dục ở trường PT. Do đó, Khoa LS cần thường xuyên tổ chức các hoạt động thực hành nghiệp vụ cho SV trong QTĐT, với các hình thức rèn luyện phong phú để thu hút SV nhiệt tình tham gia, chủ động tự rèn luyện và nâng cao năng lực nghề nghiệp của bản thân.

**** Các hình thức tự rèn luyện NVSP của SV trong quá trình đào tạo.***

Nhằm hình thành những KNDH cụ thể cho SV, bộ môn Lí luận và PPDH của khoa Lịch sử đã xác định rõ hoạt động rèn luyện NVSP cụ thể cho các học kỳ, các năm học phù hợp với trình độ nhận thức, nội dung học tập, đảm bảo logic của quá trình rèn luyện của SV từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ rất đa dạng như: Tổ chức Hội thi NVSP giữa SV các khóa (với nội dung: thi Hiểu biết và Ứng xử sư phạm, thi chế tạo đồ dùng dạy học, thi vẽ bản đồ, thi giảng, kể chuyện LS, thi đố vui LS, thi văn nghệ...) vào dịp 20-11 hàng năm, Tổ chức cho SV dự giờ ở trường thực hành (THPT Nguyễn Tất Thành) để học hỏi kinh nghiệm đứng lớp, tập soạn giáo án. Cụ thể, trong QTĐT, chúng tôi đã và đang thực hiện các hình thức rèn luyện NVSP sau:

- *Thành lập Câu lạc bộ SV rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.*

Ngay khi bắt đầu thực hiện nghiên cứu đề tài, tác giả đã đề xuất việc thành lập Câu lạc bộ SV rèn luyện NVSP để giúp SV khoa LS nhận thức được vai trò quan trọng của việc rèn luyện KNDH, tích cực, chủ động tự rèn luyện nâng cao KN nghề nghiệp cho bản thân. Đây là tổ chức của SV thuộc Liên chi đoàn khoa Lịch sử, hoạt động dưới sự hướng dẫn của giảng viên bộ môn Lí luận và PPDH Lịch sử. Sau hơn ba năm thành lập, Câu lạc bộ đã thu hút sự tham gia tự nguyện của SV, tạo môi trường để các em học hỏi kinh nghiệm, trao đổi những băn khoăn, thắc mắc trong quá trình rèn luyện KN nghề nghiệp với thầy cô, bạn bè. Giảng viên tuyển chọn ban chủ nhiệm Câu lạc bộ từ ban cán sự các lớp (bí thư, lớp trưởng hoặc lớp phó) hoặc những SV có hoạt động rèn luyện NVSP tích cực. 100% SV của khoa đều tham gia hoạt động trong Câu lạc bộ, từ lên kế hoạch hoạt động, tổ chức các buổi sinh hoạt, mời thầy cô hướng dẫn, góp ý...đều do SV chủ động thực hiện.

Trước khi lên kế hoạch rèn luyện, Ban chủ nhiệm câu lạc bộ lấy ý kiến của SV qua các phiếu điều tra, khảo sát về các KNDH mà SV còn thiếu, yếu, muốn được rèn luyện nhiều hơn nữa. Sau đó tập hợp danh sách SV đăng kí rèn luyện từng KN để đưa ra thời gian sinh hoạt cụ thể. Nội dung các buổi sinh hoạt tập trung rèn luyện các KN cơ bản như: KN viết bảng; thuyết trình; soạn giáo án, giảng bài, tổ

chức hoạt động ngoại khóa; sử dụng đồ dùng trực quan; sử dụng CNTT; công tác chủ nhiệm lớp; Đoàn Thanh niên... Câu lạc bộ tổ chức sinh hoạt 3 đến 5 buổi/ một tuần, mỗi SV tham gia ít nhất là 2 buổi sinh hoạt trong một học kì. Ngoài ra, định kì mỗi tháng một lần, CLB mời những GV dạy giỏi ở trường phổ thông, cùng xây dựng, thiết kế giáo án, thực hiện những giờ lên lớp để làm mẫu cho SV học tập. Đây là cơ hội để SV được trải nghiệm cảm xúc và tư duy trong hoạt động nghề dạy học.

Câu lạc bộ NVSP còn tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa rất hấp dẫn để thu hút sự tham gia của SV như: thi thiết kế video clip về nghề dạy học, làm *Radio góc SV, Thực tập phiêu lưu kí*...để các bạn chia sẻ những tâm sự, cảm xúc, suy nghĩ của mình trong quá trình học tập, rèn luyện tại khoa LS hay trong thời gian đi TTSP, biên tập và phát hành *Cẩm nang thực tập sư phạm*...Đây thực sự là những hoạt động rất sáng tạo để khuyến khích phong trào rèn luyện NVSP trong SV.

- *Tham gia Hội thi Nghiệp vụ sư phạm các cấp:* Bên cạnh hoạt động rèn luyện NVSP thường xuyên, hàng năm sinh viên trường ĐH Sư phạm có một tuần lễ để tổ chức các hoạt động thực hành KN nghề nghiệp của mình, nhằm tạo điều kiện cho SV có thể biến hệ thống tri thức đã học thành những KN sư phạm, kết hợp thường xuyên, kịp thời lý luận với thực tế, học đi đôi với hành trong QTĐT. Trong chương trình ĐTGV của trường ĐHSPHN, tháng 11 hàng năm là tháng cao điểm diễn ra các hoạt động rèn luyện NVSP. Vào thời gian này, khoa LS tổ chức Hội thi NVSP cấp lớp, cấp khoa giữa SV các khóa với nhiều nội dung phong phú: thi hiểu biết và ứng xử sư phạm; chế tạo đồ dùng dạy học; kể chuyện LS; thiết kế hoạt động ngoại khóa trong DHLS; vẽ bản đồ; giảng bài; đố vui LS; sân khấu hóa lịch sử...

Ví dụ: Để rèn luyện cho SV kĩ năng tổ chức hoạt động ngoại khóa trong DHLS, có thể tổ chức những nội dung thi có liên quan như *kể chuyện lịch sử, hùng biện, sân khấu hóa lịch sử, văn nghệ*...Một GV Lịch sử cần phải có KN sử dụng ngôn ngữ tốt (bao gồm cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết). Vì vậy, phải tập dượt cho SV ngay từ khi bắt đầu vào năm đầu tiên của QTĐT. Hình thức thi Kể chuyện lịch sử và thi hùng biện (hay còn gọi là thuyết trình) một vấn đề LS giúp rèn luyện cho SV khả năng diễn đạt, trình bày, sự tự tin khi đứng trước tập thể. Hội thi NVSP các cấp là cơ hội để SV thể hiện năng khiếu, sở trường, tinh thần đoàn kết, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm với bạn bè, thầy cô. Kết quả của mỗi phần thi được tính vào điểm rèn luyện và môn thực hành NVSP của SV vào cuối năm học. SV giỏi về nghiệp vụ, có thành tích xuất sắc trong hội thi cấp Khoa sẽ được tham gia Hội thi NVSP cấp Trường

**** Rèn luyện kĩ năng dạy học tại trung tâm nghiên cứu và phát triển NVSP – Trường ĐHSPHN:***

Năm 2013, Trung tâm nghiên cứu và phát triển NVSP của Trường ĐHSPHN được thành lập, với mục đích hình thành và phát triển những KN nghề nghiệp thiết yếu cho SV, tạo nên bước đột phá về đào tạo NVSP nhằm đáp ứng yêu cầu giáo dục trong giai đoạn mới. Từ năm học thứ nhất, SV toàn trường được rèn luyện 5 kĩ năng cơ bản, đó là: KN khai thác, lưu trữ và xử lý thông tin giáo dục; KN sử dụng các phần mềm tin học trong dạy học; KN sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học; KN viết và trình bày bảng; KN ngôn ngữ nói và thuyết trình. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên bộ môn PPDH các khoa trong Trường ĐHSPHN và GV trường THCS& THPT Nguyễn Tất Thành, SV khoa Lịch sử có 90 tiết rèn KN (3 tín chỉ) rất thiết thực tại những phòng học khang trang, hiện đại của Trung tâm nghiên cứu và phát triển NVSP. Đây là nền tảng quan trọng bước đầu để các em tiếp tục quá trình rèn luyện KNDH bộ môn tại Khoa trong những năm học tiếp theo. Hình thức đánh giá một số KN (thuyết trình và viết bảng) là SV tự quay một video clip trong vòng 5-10 phút thể hiện bài thi của mình đã tạo nên không khí tự rèn luyện rất sôi nổi, tự giác của SV, các em phải tập đi tập lại nhiều lần để hoàn thiện KN, đưa ra được một video hoàn chỉnh nhất nộp về Trung tâm. Với tư cách là GV đã giảng dạy KN thuyết trình cho SV tại Trung tâm nghiên cứu và phát triển NVSP trong hai năm học (2014 – 2015, 2015 – 2016), tác giả luận án cho rằng đây là hình thức kiểm tra - đánh giá rất hiệu quả buộc tất cả SV, trong đó có SV khoa LS phải nỗ lực tự rèn luyện với tinh thần chủ động, tích cực ở mức độ cao nhất.

Các hoạt động thực hành NVSP của khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN đã và đang thực hiện từng bước hình thành và phát triển các KNDH cho SV nhằm đáp ứng những yêu cầu của chương trình GDPT đổi mới sau năm 2015. Ngoài thời gian rèn luyện nghiệp vụ trên lớp khi học các học phần về PPDH bộ môn, SV có thể đến phòng NVSP bộ môn để tự rèn luyện các KNDH với sự hỗ trợ của các phương tiện kĩ thuật hiện đại. Tham gia sinh hoạt CLB rèn luyện NVSP, hội thi NVSP cấp lớp, cấp Khoa, cấp Trường cũng là cơ hội để SV mạnh dạn, tự tin hơn, trau dồi khả năng diễn đạt, sử dụng ngôn ngữ nói, rèn luyện tư thế, tác phong chuẩn mực của người GV khi lên lớp. Những giờ tập giảng, dự tiết dạy mẫu của thầy cô tại trường THCS & THPT Nguyễn Tất Thành hay kiến tập, TTSP ở nhiều ngôi trường PT khác giúp SV "thực hành " những "lí thuyết" về PPDH được học trên lớp, tìm ra những ưu nhược điểm của bản

thân, từ đó nỗ lực rèn luyện để hoàn thiện mình, phấn đấu trờ thành người GV dạy giỏi – truyền niềm cảm hứng, đam mê tìm hiểu LS đến HS.

Chúng tôi tin rằng, nếu những hoạt động trên được tiếp tục duy trì thường xuyên và liên tục sẽ vô cùng hữu ích đối với SV khoa LS nói riêng và SV các trường ĐHSP nói chung. Những tình huống và kinh nghiệm diễn ra trong quá trình học nghiệp vụ tại khoa, tại trường có giá trị thiết thực cho việc học nghề của các em. Qua đó, SV cũng được tập dượt những thao tác, KN cơ bản của các hoạt động dạy học và giáo dục ở trường PT, tạo nên tâm lý tự tin hơn khi bước vào quá trình hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường.

**** Thực hành NVSP thường xuyên tại Trường THCS & THPT Nguyễn Tất Thành, thực tập sư phạm tại trường phổ thông***

- *Xây dựng kế hoạch thực hành sư phạm ở trường phổ thông cho SV:*

Thực hành, thực tập sư phạm là khâu quan trọng trong QTĐT của Trường ĐHSPHN. Năm 1998, Trường THPT Nguyễn Tất Thành được thành lập với chức năng là thực hành sư phạm và ứng dụng các nghiên cứu mới của khoa học giáo dục. Trải qua gần 20 năm xây dựng và trưởng thành, công tác thực hành sư phạm luôn được chú trọng, hàng chục ngàn lượt SV đã dự các giờ dạy mẫu, giờ sinh hoạt lớp, giờ chào cờ đầu tuần, nghe báo cáo về công tác Đoàn, về công tác GV chủ nhiệm, cơ cấu tổ chức của nhà trường.

Khoa LS là một trong hai khoa của Trường ĐHSPHN (cùng với khoa Sinh học) thực hiện nghiêm túc và đầy đủ nhất công tác thực hành NVSP thường xuyên cho SV. Trên cơ sở nhận thức ý nghĩa quan trọng của hoạt động này với việc hình thành KNDH cho SV, chúng tôi đề xuất kế hoạch đưa SV xuống trường THPT Nguyễn Tất Thành thực hành qua 4 giai đoạn sau:

+ *Giai đoạn kết nối:* thực hiện ở năm thứ nhất (học kì 2), mục đích để SV làm quen với môi trường phổ thông trên tư cách là những GV tương lai, kết hợp bồi dưỡng tình cảm yêu nghề, nâng cao nhận thức về nghề nghiệp với hình thành KNDH cho các em. Sau khi học các môn đại cương như Tâm lí học, Giáo dục học, SV được trải nghiệm thực tế giáo dục và dạy học ở trường phổ thông, quan sát GV phổ thông thực hành mẫu, SV biết sử dụng những thông tin quan sát, thu nhận được từ thực tế để hiểu sâu sắc các vấn đề lí luận đã học.

+ *Giai đoạn Trải nghiệm:* thực hiện ở năm học thứ hai, cho SV trải nghiệm thực tế giáo dục ở phổ thông qua dự giờ chuyên môn, tham gia các hoạt động giáo

dục và dạy học của nhà trường phổ thông, bắt đầu xây dựng kế hoạch giáo dục và dạy học. Thời gian xuống phổ thông có thể không nhiều, không tổ chức quy môn như các đợt kiến tập và TTSP, nhưng đảm bảo tính liên tục và thường xuyên. Ban chủ nhiệm khoa làm việc với Ban Giám hiệu Trường THPT Nguyễn Tất Thành để đưa SV xuống trường tham gia làm công tác chủ nhiệm, dự giờ, sinh hoạt với nhóm, tổ chuyên môn; chưa cho SV tham gia dạy thử trên đối tượng HS; không đặt nặng vấn đề có GV hướng dẫn. Các hoạt động này không cần nhận xét, đánh giá, cho điểm, chỉ cần SV báo cáo diễn biến và kết quả công việc hoặc đưa ra các tình huống giáo dục mà mình gặp phải để nhóm, tổ SV cùng tham gia xử lí, rút kinh nghiệm. Tất cả các hoạt động này do nhóm SV chủ động sắp xếp thời gian sao cho không ảnh hưởng đến việc học tập các môn khác. Có thể xuống trường 1 buổi mỗi tuần và kéo dài trong suốt học kì. Ngoài ra, có thể tổ chức các hoạt động cho SV tại trường phổ thông trong suốt cả năm học như: SV làm tình nguyện viên tham gia các hoạt động giảng dạy và giáo dục HS ở trường Nguyễn Tất Thành, khuyến khích SV hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học.

+ *Giai đoạn ứng dụng*: thực hiện ở năm học thứ ba. Sau một thời gian dự giờ, quan sát mẫu, làm thử theo mẫu, nắm được cách thức tiến hành giờ học LS, SV bước vào giai đoạn "làm thật" - thực hành KNDH và giáo dục tại lớp học với những đối tượng HS cụ thể, tương ứng với những nội dung lý thuyết đã học trong các học phần về lí luận và PPDH, triển khai các công việc của giáo sinh tập sự. Hoạt động này giúp SV củng cố những kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ đã được trang bị, góp phần rèn luyện một số phẩm chất, năng lực cần thiết của người GV như: sự tự tin trước HS, ý thức về vai trò, trách nhiệm của mình trong nhà trường...

+ *Giai đoạn phát triển nghề nghiệp*: thực hiện ở năm học thứ tư, SV tiếp tục thực hành nghề, phát triển nghề nghiệp chuyên môn gắn với thực tế GDPT, tham gia các hoạt động nghiên cứu (chuyên môn, sư phạm, giáo dục), phát triển KNDH cùng đội ngũ GV ở trường PT. Đây là bước hoàn thiện, củng cố tất cả những KNDH mà SV đã được hình thành trong các năm học trước đó. Với việc chuẩn bị và rèn luyện thường xuyên ngay từ năm thứ nhất, chắc chắn đến các đợt kiến tập, TTSP SV sẽ không còn cảm giác lo sợ, lúng túng, bỡ ngỡ; thậm chí còn phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công tác giảng dạy, công tác chủ nhiệm và các hoạt động giáo dục khác tại trường PT.

Tác giả luận án đã có 7 năm liên tục (2008 – 2014) trực tiếp đưa SV khoa LS đi dự giờ, thực hành sư phạm tại trường THPT Nguyễn Tất Thành, từ K57 đến K63, với hai nội dung chính là: thực hành các hoạt động sư phạm của trường phổ thông (nghe báo cáo về công tác Đoàn, công tác GV chủ nhiệm lớp, dự giờ sinh hoạt lớp, chào cờ) và thực hành chuyên môn - thực hành các học phần về PPDH lịch sử.

- *Nội dung thực hành sư phạm thường xuyên cho SV:*

Chúng tôi cho rằng "thực hành sư phạm" là "thực hành " những "lí thuyết" về PPDH mà SV được học trên giảng đường. Thực hành sư phạm là một quá trình, trong đó dự giờ chuyên môn là một khâu của quá trình đó. Trong kế hoạch đưa SV xuống trường PT, chúng tôi đề xuất những nội dung thực hành trong các học phần PPDH: *Những vấn đến chung về lí luận và PPDH Lịch sử, Hệ thống các PPDH Lịch sử, Ứng dụng CNTT trong dạy học Lịch sử.* Nội dung cụ thể gồm tìm hiểu về môi trường giáo dục, đối tượng HS, lí thuyết về PPDH được áp dụng như thế nào trong thực tiễn giảng dạy, soạn giáo án, dự giờ…Vì thế cần có sự phối hợp đồng bộ giữa giảng viên khoa Lịch sử và GV thực hành tại Trường Nguyễn Tất Thành. Chúng tôi đã tổ chức nhiều buổi họp để giảng viên bộ môn Lí luận và PPDH Lịch sử trao đổi với GV Trường THPT Nguyễn Tất Thành về nội dung thực hành sư phạm để có sự thống nhất giữa học lí thuyết, thực hành, hình thức kiểm tra, đánh giá và có những điều chỉnh phù hợp. Giảng viên là người nắm vững kiến thức về lí luận dạy học, GV phổ thông là người giỏi về thực hành KNDH với nhiều kinh nghiệm trong các tình huống dạy học thực tế. Nếu hình thành được mối liên kết này sẽ tạo cơ hội để phát triển nghề nghiệp cho SV, đồng thời tạo nên sự gắn kết chặt chẽ giữa trường sư phạm với trường PT trong đào tạo và bồi dưỡng GV.

- *Quy trình thực hành sư phạm*: Khi dạy các học phần về PPDH, giảng viên khoa Lịch sử lên kế hoạch, giao bài tập thực hành, chia nhóm SV (15 đến 20 sinh viên/nhóm), gửi kế hoạch và nhóm SV xuống tổ chuyên môn của Trường Nguyễn Tất Thành. Tổ trưởng chuyên môn NTT phân công giáo viên bộ môn phụ trách nhóm, hướng dẫn sinh viên hoàn thành bài tập. Trong đó, đặc biệt chú trọng tổ chức cho SV thực hành phương pháp giảng dạy. SV được hướng dẫn cách thiết kế giáo án theo quy trình: *Bước 1: nghe lý thuyết về PPDH* (tại giảng đường sư phạm) -> *Bước 2: nhìn, quan sát mẫu* (Tại trường Nguyễn Tất Thành hoặc xem băng tư liệu tại giảng đường sư phạm) -> *Bước 3: làm thử* (tại giảng đường sư phạm) -> *Bước 4: Dạy thật* (tại trường Nguyễn Tất Thành).

- *Nhiệm vụ của giáo viên trường Nguyễn Tất Thành khi hướng dẫn SV thực hành:* GV trường Nguyễn Tất Thành lên kế hoạch cho nhóm SV dự giờ, hướng dẫn làm bài tập thực hành phương pháp, soạn giáo án, nhận xét giáo án, thực hiện tiết dạy mẫu (có thể cho SV thực hành dạy thử), yêu cầu SV viết thu hoạch. Sau mỗi đợt thực hành, GV đưa ra bản nhận xét chung về SV, cung cấp cho giảng viên những thông tin phản hồi quan trọng về thực tế PT góp phần đổi mới nội dung CTĐT, rèn luyện KN nghề nghiệp cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn

- *Sản phẩm thực hành sư phạm của SV*: gồm 2 giáo án thực hành, mỗi SV dự giờ tối thiểu 2 tiết, hoàn thiện bài thu hoạch. GV ở trường phổ thông sẽ đánh giá quá trình thực hành sư phạm của SV thông qua phiếu đánh giá. Phiếu đánh giá này được gửi cho giảng viên dạy môn PPDH sau khi thời gian thực hành kết thúc, điểm đánh giá chiếm 50% điểm bài điều kiện học phần của SV.

Cụ thể: Để chứng minh tính khả thi của biện pháp trên, chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm từng phần vào năm học 2014 – 2015, tổ chức cho SV K62 khoa Lịch sử xuống trường THPT Nguyễn Tất Thành để thực hành giáo trình Lí luận và PPDH. Tổng số 107 SV được chia thành 6 nhóm, mỗi nhóm từ 16-19 SV được một GV thuộc tổ chuyên môn Lịch sử của trường hướng dẫn. Đó là các thầy cô: TS Nguyễn Văn Ninh, TS Nguyễn Mạnh Hưởng, Ths Lê Thị Thu, Ths Trần Thị Thúy, Ths Lê Mai Khuyên, Ths Phạm Thị Thủy. Thời gian thực hành từ 20/12/2014 đến 30/12/2014, trùng với thời gian các em học môn *Những vấn đề chung về Lí luận và PPDH Lịch sử, Hệ thống các PPDH Lịch sử ở trường phổ thông*. Nội dung thực hành chuyên môn tập trung vào hệ thống các PPDH lịch sử ở trường PT, đặc biệt là các phương pháp và kĩ thuật dạy học mới đang được sử dụng hiện nay. Trong thời gian thực hành ở trường phổ thông, SV được thầy cô hướng dẫn soạn giáo án, sửa giáo án, dự giờ (tối thiểu mỗi SV dự 2 tiết), giảng thử một nội dung của bài ngay tại lớp. Thầy cô sau đó chia nhỏ các nhóm SV (4-5 em) để tiện hướng dẫn và theo dõi.

Hình thức đánh giá SV dựa trên các tiêu chí sau: SV đi dự giờ đầy đủ, đúng giờ, soạn giáo án, hoàn thành tất cả các nhiệm vụ mà GV hướng dẫn đặt ra, ý thức, thái độ, tác phong, ứng xử. Sau khi kết thúc đợt thực hành, GV yêu cầu SV làm bài thu hoạch về những gì mình thu nhận được, chấm điểm và gửi về bộ môn phương pháp - khoa Lịch sử. Trên cơ sở thống nhất ý kiến của giảng viên bộ môn PPDH – khoa LS với GV tổ chuyên môn của trường THPT Nguyễn Tất Thành,

chúng tôi đưa ra 6 vấn đề để SV viết bài thu hoạch, mỗi nhóm SV nghiên cứu một vấn đề:

Vấn đề 1: Kiến thức lịch sử cần hình thành cho HS trong DHLS ở trường phổ thông. Hãy chứng minh quá trình hình thành tri thức lịch sử qua một bài hoặc một khóa trình lịch sử (tự chọn)

Vấn đề 2: Bộ môn lịch sử với việc giáo dục HS ở trường phổ thông? Hãy chứng minh qua một bài lịch sử (tự chọn) trong chương trình lịch sử ở trường phổ thông.

Vấn đề 3: Quá trình dạy học lịch sử ở trường phổ thông bao gồm những phương pháp nào? Hãy trình bày các phương pháp đó qua một bài lịch sử tự chọn ở trường phổ thông.

Vấn đề 4: Các loại đồ dùng trực quan trong DHLS ở trường phổ thông? Hãy trình bày cách khai thác và sử dụng đồ dùng trực quan qua một bài lịch sử (tự chọn) ở trường phổ thông.

Vấn đề 5: Các phương pháp trình bày miệng trong DHLS ở trường phổ thông. Hãy vận dụng các phương pháp trình bày miệng qua một bài lịch sử (tự chọn) ở trường phổ thông.

Vấn đề 6: Vai trò, ý nghĩa và các loại tài liệu tham khảo trong DHLS ở trường phổ thông. Hãy khai thác và sử dụng tài liệu tham khảo qua một bài lịch sử (tự chọn) ở trường phổ thông, phân tích tác dụng của việc làm này.

Kết quả thu được: Trải qua gần 2 tháng thực hành chuyên môn tại trường THPT Nguyễn Tất Thành, SV có điều kiện áp dụng những lí thuyết về PPDH vào thực tiễn, kiến thức của các em được củng cố, dần hình thành KNDH cơ bản của người GV như KN soạn giáo án, KN tìm hiểu đối tượng HS, môi trường giáo dục, KN xử lí các tình huống sư phạm, KN lựa chọn và sử dụng các PPDH, phương tiện dạy học. SV trở nên bạo dạn, tự tin hơn, không còn cảm giác bỡ ngỡ, lúng túng, lo sợ trước khi bước vào kì TTSP. Bài thi kết thúc học phần của SV đạt kết quả tốt (hơn 70% SV đạt điểm giỏi từ 8 điểm trở lên). Những phản hồi từ GV phổ thông giúp giảng viên có cách nhìn nhận, đánh giá về thực tiễn PT để điều chỉnh PPDH sao cho phù hợp.

4.3. Thực nghiệm sư phạm

4.3.1. Mục đích và nhiệm vụ thực nghiệm

4.3.1.1. Mục đích: Quá trình thực nghiệm nhằm mục đích: Chứng minh tính hiệu quả của các biện pháp hình thành KNDH cho SV sư phạm Lịch sử. Minh

chứng này được thực hiện trên mẫu nghiên cứu tại Khoa Lịch sử – Trường ĐHSP Hà Nội. Khẳng định tính khả thi của đề tài nghiên cứu, góp phần nâng cao chất lượng ĐTGV tại Khoa Lịch sử– Trường ĐHSP Hà Nội.

4.3.1.2. Nhiệm vụ: Để đạt được mục đích trên, quá trình thực nghiệm phải thực hiện những nhiệm vụ sau: Xác định đối tượng thực nghiệm; Lựa chọn nội dung thực nghiệm; Xây dựng kế hoạch thực nghiệm; Tổ chức hình thành KNDH cho đối tượng thực nghiệm; Tập hợp các tài liệu thực nghiệm và tiến hành phân tích kết quả thu được; Đưa ra kết luận và kiến nghị về nội dung nghiên cứu.

4.3.2. Yêu cầu thực nghiệm

Quá trình thực nghiệm sư phạm phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Đảm bảo tính khách quan, khoa học khi lựa chọn đối tượng thực nghiệm. Đó là SV được chọn ngẫu nhiên ở các lớp chính quy (không chọn SV chính quy theo địa chỉ và SV lớp chất lượng cao).

- Nội dung thực nghiệm phải đảm bảo tính khoa học, dựa vào hệ thống các KNDH của người GV Lịch sử đã được xác định ở chương 3 của luận án.

- Phương pháp thực nghiệm phải đảm bảo tính khoa học sư phạm, phù hợp với quy trình hình thành KHDH cho SV sư phạm Lịch sử.

- Phương pháp toán học thống kê được sử dụng để xử lý, phân tích kết quả thực nghiệm phải phù hợp với phương pháp thực nghiệm, đảm bảo tính khoa học và độ tin cậy.

4.3.3. Đối tượng thực nghiệm

Đối tượng được lựa chọn để thực nghiệm toàn phần là 41 SV K63 hệ chính quy tập trung, đảm bảo được những yêu cầu đã nêu trong mục 4.3.2. Không chọn SV hệ chính quy theo địa chỉ và SV lớp chất lượng cao vì đây là những SV đặc biệt, không đảm bảo được tính đại trà, phổ biến cho đối tượng thực nghiệm. Chúng tôi tiến hành chọn ngẫu nhiên 41 SV của K64 vào nhóm thực nghiệm KN sử dụng đồ dùng trực quan và 41 SV của K63 vào nhóm thực nghiệm KN sử dụng ngôn ngữ nói trong DHLS, 41 SV thực nghiệm KN tổng hợp. Phương pháp lựa chọn này đảm bảo tính khách quan của đối tượng thực nghiệm. Với cỡ mẫu là 41, kết quả phân tích có ý nghĩa thống kê và đảm bảo độ tin cậy.

4.3.4. Phương pháp đánh giá kết quả thực nghiệm

Chúng tôi sử dụng loại đánh giá so sánh kết quả bài giảng lần 1 và bài giảng lần 2 trên cùng một đối tượng là 41 SV tiến hành thực nghiệm. Việc so sánh kết quả hai bài

giảng của cùng một SV ở hai thời điểm khác nhau nhằm kiểm chứng lý thuyết của PPDH vi mô theo chu trình "Dạy -> phản hồi -> dạy lại" có tác động như thế nào đến quá trình hình thành KNDH của SV.

Công cụ đánh giá đối với nhóm thực nghiệm ở bài giảng lần 1 và bài giảng lần 2 bằng 2 mẫu phiếu quan sát: 1 mẫu phiếu quan sát cho giai đoạn rèn luyện KNDH sử dụng ngôn ngữ, 1 mẫu phiếu quan sát kĩ năng sử dụng đồ dùng trực quan trong DHLS (xem ở phụ lục). Bài giảng của mỗi SV sẽ được đánh giá ngay sau khi kết thúc. Điểm số của bài giảng này được lấy là trung bình cộng điểm số ở mục B – đánh giá chi tiết ở các phiếu đánh giá. Sau khi thống kê điểm số bài giảng lần 1 và bài giảng lần 2 của nhóm thực nghiệm, các giá trị thống kê sẽ được kiểm chứng. Trong kiểm chứng này, các công cụ thống kê được sử dụng bao gồm:

(1). Cách đo đạc thống kê mô tả (giá trị lớn nhất (Maximum), nhỏ nhất (Mininmum), trung bình (Mean) và độ lệch chuẩn (SD) để mô tả kết quả điểm số của hai bài học vi mô. Công thức để tính các giá trị này như sau:

- Giá trị trung bình: $\bar{x} = \frac{1}{n}\sum_{i=1}^{n} x_i$ (x_i là giá trị điểm số của SV thứ i, n là tổng số SV trong mẫu).

- Độ lệch chuẩn: $s = \sqrt{\frac{\sum (x_i - \bar{x})^2}{n-1}}$ (x_i là giá trị điểm số của SV thứ i, $\bar{x}$ là giá trị trung bình, n là số lượng SV trong mẫu).

(2). Để kiểm chứng sự khác biệt của giá trị trung bình trên nhóm thực nghiệm ở hai bài học vi mô lần 1 và bài học vi mô lần 2 có ý nghĩa hay không, luận án sử dụng phép kiểm chứng T-test phụ thuộc. Trong cùng nhóm thực nghiệm với số lượng SV trong mẫu là 43, kiểm chứng giả thuyết H_0: *"Sự khác nhau về điểm trung bình giữa* bài học vi mô *lần 1 và* bài học vi mô *lần 2 là không có ý nghĩa"* và đối thiết H_1: "*Sự khác nhau về điểm trung bình giữa* bài học vi mô *lần 1 và* bài học vi mô *lần 2 là có ý nghĩa"*. Với độ tin cậy 95%, kiểm định giá trị t theo công thức:

$$t = \frac{\bar{d}}{S_d / \sqrt{n}}$$

Trong đó $\bar{d}$ là giá trị trung bình của hiệu số điểm giữa hai bài học vi mô, S_d là độ lệch chuẩn của hiệu số điểm đánh giá giữa hai bài học vi mô, n là cỡ mẫu.

Quy tắc bác bỏ giả thuyết H_0 ở mức ý nghĩa $\alpha = 0,05$ là: $t>t_{n-1;\alpha}$ hoặc $t<t_{n-1;\alpha}$ (Ở đây t_{n-1} có phân phối Student với n - 1 bậc tự do).

(3). Hệ số tương quan r (Pearson Corelation Coeficient) được sử dụng để xem xét mối liên hệ giữa kết quả của bài học vi mô lần 1 với bài học vi mô lần 2, r được tính theo công thức sau:

$$r = \frac{\sum_{i=1}^{n} (X - \overline{X})(Y - \overline{Y})}{(n-1) S_x S_y} \qquad (\text{với } -1 \le s \le 1)$$

Trong đó, n là cỡ mẫu, S_x và S_y là độ lệch chuẩn của biến S và Y. Khi giá trị tuyệt đối của r càng tiến gần đến 1 thì hai biến có mối liên hệ tuyến tính càng chặt chẽ và ngược lại. Khi r = 0 thì hai biến không có mối quan hệ tuyến tính với nhau (chúng ta phải hiểu cụm từ "*không có mối quan hệ tuyến tính"* ở hai khía cạnh, một là không hề có mối liên hệ giữa hai biến hoặc giữa hai biến có mối liên hệ phi tuyến tính). Kiểm định giả thuyết H_0: *"Hệ số tương quan tổng thể bằng 0, có nghĩa là không có mối liên hệ nào giữa hai biến".*

Trong nhóm 41 SV thực nghiệm, kết quả bài giảng 2 lần dựa vào bảng kiểm chi tiết các chỉ số hành vi, thao tác sư phạm của SV (được xây dựng trên cơ sở các tiêu chí hình thành KNDH ở chương 3 của luận án). Để kiểm định sự khác biệt về điểm trung bình giữa hai lần tiến hành bài giảng có ý nghĩa hay không, chúng tôi sử dụng phép kiểm chứng T-test độc lập với giả thuyết H_0 là "*Phương sai của hai trung bình tổng thể bằng nhau".* Nếu mức ý nghĩa nhỏ hơn 0,05 thì giả thuyết H_0 bị bác bỏ, khi đó sẽ chọn kiểm định t phương sai riêng biệt (*Equal variances not assumed - ngang bằng phương sai không được giả sử)* để kiểm định sự khác biệt về giá trị trung bình giữa hai lần thực nghiệm. Nếu mức ý nghĩa lớn hơn 0,05 thì chấp nhận giả thuyết H_0, khi đó sẽ chọn kiểm định t phương sai gộp (*Equal variances asumed - ngang bằng phương sai được giả sử)* để kiểm định sự khác biệt về giá trị trung bình giữa hai lần thực nghiệm. Dưới đây là công thức cho hai thống kê này:

$$t = \frac{x_1 - x_2}{\sqrt{\frac{S_1^2}{n_1} + \frac{S_2^2}{n_2}}} \qquad t = \frac{x_1 - x_2}{\sqrt{S_p^2\left(\frac{1}{n_1} - \frac{1}{n_2}\right)}}$$

Trong đó x_i là trung bình của nhóm i, n_i là số các quan sát trong nhóm i, s_i là phương sai mẫu, s_p là phương sai gộp.

4.3.5. Nội dung thực nghiệm

Trong hệ thống 15 KNDH lịch sử cần hình thành cho SV đã được xác định ở chương 3 của luận án, chúng tôi lựa chọn 2 kĩ năng để tiến hành thực nghiệm sư phạm, đó là kĩ năng sử dụng ngôn ngữ nói và kĩ năng sử dụng đồ dùng trực quan trong DHLS. Bởi vì: KN sử dụng ngôn ngữ nói là KN nền tảng cho mọi GV, đây cũng là KN cần được hình thành vào giai đoạn đầu của quá trình đào tạo KNDH cho SV sư phạm Lịch sử. KN diễn đạt nói cùng với kĩ năng sử dụng đồ dùng trực quan được sử dụng với tần suất rất lớn trong một tiết học, hầu hết các bài học GV đều sử dụng đến kĩ năng này. Nếu SV thuần thục hai kĩ năng này sẽ tạo điều kiện thuận lợi để rèn luyện các kĩ năng mang tính chất tổng hợp ở giai đoạn sau

4.3.6. Tổ chức thực nghiệm

- Sau khi lựa chọn đối tượng thực nghiệm, quá trình thực nghiệm được tổ chức theo cách thức như sau: giai đoạn 1 – cung cấp định hướng chung. Giai đoạn 2: rèn luyện kĩ năng đơn lẻ theo thứ tự: KN sử dụng ngôn ngữ trước, sau đó đến KN sử dụng đồ dùng trực quan. Giai đoạn 3 – rèn luyện kết hợp các KN đã được hình thành ở giai đoạn 2. Mỗi SV sẽ tiến hành bài giảng hai lần, lần 1 trước khi được hình thành KN, lần 2 là sau khi đã được rèn luyện theo các biện pháp hình thành KNDH mà tác giả luận án đề xuất ở chương 4.

- Tác giả luận án là người trực tiếp lên kế hoạch thực nghiệm, tổ chức quá trình thực nghiệm. Quá trình thực nghiệm bắt đầu sau khi SV đã hoàn thành 2 học phần: Những vấn đề chung về Lí luận và PPDH Lịch sử ở trường phổ thông; Hệ thống các PPDH Lịch sử ở trường phổ thông.

- Thời gian tiến hành thực nghiệm: bắt đầu từ tháng 11/2015 đến hết tháng 2/2016, mỗi tuần 2 buổi, mỗi buổi kéo dài 150 phút. Mỗi buổi có trung bình 5 SV thực hiện 5 bài học vi mô, mỗi SV mất khoảng 30 phút cho phần giảng tập, xem lại băng ghi hình, thảo luận, nhận xét, phản hồi và đánh giá của nhóm SV. Trong một tuần hai nhóm SV sẽ tiến hành rèn luyện xen kẽ. Ngoài các buổi có giảng viên hướng dẫn, SV có thể tự rèn luyện kĩ năng, tập giảng theo nhóm nhiều lần và không nhất thiết phải ghi hình nếu không có phương tiện.

4.3.7. Kết quả thực nghiệm

4.3.7.1. Kết quả thực nghiệm kĩ năng sử dụng ngôn ngữ nói

Sau khi cho SV thực hiện bài giảng lần 1 và lần 2, chúng tôi sử dụng bảng kiểm để chấm điểm và thu được kết quả trong nhóm thực nghiệm *kĩ năng sử dụng ngôn ngữ nói* như sau:

Bảng 3: Kết quả thực nghiệm kĩ năng sử dụng ngôn ngữ nói

Điểm bài giảng lần 1	**Số lượng sinh viên (41)**	**Điểm bài giảng lần 2**	**Số lượng sinh viên (41)**
Điểm 4	**7**	Điểm 4	**0**
Điểm 5	**12**	Điểm 5	**0**
Điểm 6	**15**	Điểm 6	**7**
Điểm 7	**5**	Điểm 7	**15**
Điểm 8	**2**	Điểm 8	**13**
Điểm 9	**0**	Điểm 9	**6**
Điểm 10	**0**	Điểm 10	**0**

Sử dụng toán học thống kê để xử lý số liệu, chúng tôi đã thu được các số liệu thống kê:

Bảng 4. Một số giá trị thống kê mô tả của Bài giảng lần 1 và Bài giảng lần 2 của đợt rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói

Bài giảng	**Trung bình**	**Số SV (cỡ mẫu)**	**Độ lệch chuẩn**
Bài giảng lần 1	5,5854	41	1,07181
Bài giảng lần 2	7,4390	41	0,94997

Quan sát bảng trên ta thấy rõ điểm trung bình giữa hai lần tăng lên rõ rệt, rõ ràng là SV có sự tiến bộ giữa hai lần thực hiện bài giảng. Sử dụng phép kiểm chứng T-test phụ thuộc để kiểm chứng sự khác biệt của giá trị trung bình trên nhóm SV ở hai bài giảng có ý nghĩa hay không, chúng tôi thu được kết quả sau:

Bảng 5 . Các giá trị kiểm chứng sự khác biệt của điểm trung bình giữa bài giảng lần 1 và lần 2 của đợt rèn luyện kĩ năng sử dụng ngôn ngữ nói

Các giá trị			**Cặp 1 Bài giảng lần 1- Bài giảng lần 2**
Sự khác nhau theo cặp giữa bài giảng lần 1 - bài giảng lần 2	Giá trị trung bình		-1,85366
	Độ lệch chuẩn		0,35784
	Sai số chuẩn		0,05589
	Kiểm định sự khác nhau với độ tin cậy 95%	Cận dưới	-1,96661
		Cận trên	-1,74071
T			-33,169
Df			40
Mức ý nghĩa (quan sát hai phía)			<0,0005

Từ bảng trên cho thấy, với mức ý nghĩa quan sát hai phía nhỏ hơn 0.0005 (< = 0,05), giả thuyết Ho bị bác bỏ, chấp nhận đối thiết H1– nghĩa là sự khác biệt về giá trị trung bình giữa bài giảng lần 1 và bài giảng lần 2 là có ý nghĩa. Để xem xét những thay đổi cụ thể giữa bài giảng lần 1 và bài giảng lần 2. Sử dụng tương quan Pearson để xem xét mối liên hệ giữa kết quả của 2 bài giảng, bảng giá trị thu được hệ số tương quan tuyến tính như sau:

*Bảng 6. Các giá trị kiểm chứng hệ số tương quan **r** của bài giảng lần 1 và lần 2*

Các giá trị		**Điểm bài giảng lần 1**	**Điểm bài giảng lần 2**
Điểm bài giảng lần 1	Hệ số tương quan Pearson	1	0,944**
	Mức ý nghĩa		< 0,0005
	Kích thước mẫu	41	41
Điểm bài giảng lần 2	Hệ số tương quan Pearson	0,944**	1
	Mức ý nghĩa	< 0,0005	
	Kích thước mẫu	41	41

*(Ghi chú : Kí hiệu ** trong bảng dữ liệu thể hiện mức ý nghĩa 0,01)*

Từ bảng trên có thể thấy khả năng để có hệ số tương quan mẫu là **0,944** khá gần 1 trong khi mức ý nghĩa nhỏ hơn 0,0005(< 0,01 là xác suất chấp nhận giả thiết H_0). Như vậy, giả thuyết hệ số tương quan của tổng thể bằng 0 bị bác bỏ, chấp nhận đối thiết H_1 có nghĩa là mối liên hệ giữa hai biến bài giảng lần 1 và bài giảng lần 2 là rất lớn

Bảng thống kê trên cho thấy những SV có điểm ở BHVM lần 1 càng thấp thì có xu hướng thay đổi nhiều hơn trong BHVM lần 2 và ngược lại. Ngoài những giá trị thống kê thu được, những gì chúng tôi quan sát được cho thấy vào giai đoạn rèn luyện KN diễn đạt ngôn ngữ nói, đa số SV có kết quả không tốt ở BHVM lần 1. Những sai lầm mà SV thường mắc phải là nói quá nhỏ, giọng nói không có ngữ điệu, nói chậm (nhanh), nói sai chính tả, tiếng địa phương, phát âm chưa chuẩn. Có một số SV phải dạy lại đến lần thứ 3 mới đạt được điểm số ở mức khá. Trong khi đó, một số SV có nền tảng ngôn ngữ tốt (thường là những SV đang hoặc đã từng tham gia vào các hoạt động đoàn thể) thì có điểm số

BHVM lần 1 ở mức khá và có xu hướng tiến bộ nhiều hơn trong lần dạy thứ 2. KN diễn đạt ngôn ngữ nói được SV tiếp tục hoàn thiện trong lần tập giảng thứ 2. Thông qua quan sát quá trình tự rèn luyện, chúng tôi nhận thấy SV có những tiến bộ rất đáng khích lệ.

4.3.7.2. Kết quả thực nghiệm kĩ năng sử dụng đồ dùng trực quan trong DHLS.

Tương tự như rèn luyện KN sử dụng ngôn ngữ nói, chúng tôi cho SV tiến hành bài giảng 2 lần ở 2 thời điểm khác nhau: trước và sau khi được rèn luyện KN. Dưới đây là điểm số của hai bài giảng lần 1 và lần 2:

Bảng 7. Kết quả thực nghiệm kĩ năng sử dụng đồ dùng trực quan trong DHLS

Điểm bài giảng lần 1	**Số lượng sinh viên (41)**	**Điểm bài giảng lần 2**	**Số lượng sinh viên (41)**
Điểm 4	**0**	Điểm 4	**5**
Điểm 5	**0**	Điểm 5	**14**
Điểm 6	**7**	Điểm 6	**13**
Điểm 7	**15**	Điểm 7	**8**
Điểm 8	**13**	Điểm 8	**1**
Điểm 9	**6**	Điểm 9	**0**
Điểm 10	**0**	Điểm 10	**0**

Sử dụng toán học thống kê để xử lý số liệu, chúng tôi thu được các số liệu:

Bảng 8. Một số giá trị thống kê mô tả của Bài giảng lần 1 và Bài giảng lần 2 của đợt rèn luyện kỹ năng sử dụng đồ dùng trực quan trong DHLS

Bài giảng	**Trung bình**	**Số SV (cỡ mẫu)**	**Độ lệch chuẩn**
Bài giảng lần 1	5,6585	41	1,01513
Bài giảng lần 2	7,6585	41	0,96462

Quan sát bảng trên ta thấy điểm trung bình giữa hai lần tăng lên rõ rệt, SV có sự tiến bộ giữa hai lần thực hiện bài giảng. Sử dụng phép kiểm chứng T-test phụ thuộc để kiểm chứng sự khác biệt của giá trị trung bình trên nhóm SV ở hai bài giảng có ý nghĩa hay không, chúng tôi thu được kết quả sau:

Bảng 9. Các giá trị kiểm chứng sự khác biệt của điểm trung bình giữa bài giảng lần 1 và lần 2 của đợt rèn luyện kĩ năng sử dụng đồ dùng trực quan

Các giá trị			**Cặp 1 Bài giảng lần 1- Bài giảng lần 2**
Sự khác nhau theo cặp giữa bài giảng lần 1 - bài giảng lần 2	Giá trị trung bình		-2,00000
	Độ lệch chuẩn		0,38730
	Sai số chuẩn		0,06049
	Kiểm định sự khác nhau với độ tin cậy 95%	Cận dưới	-2,12225
		Cận trên	-1,87775
T			-33,066
df			40
Mức ý nghĩa (quan sát hai phía)			<0,0005

Từ bảng trên cho thấy, với mức ý nghĩa quan sát hai phía nhỏ hơn 0.0005 (< = 0,05), giả thuyết Ho bị bác bỏ, chấp nhận đối thiết H1– nghĩa là sự khác biệt về giá trị trung bình giữa bài giảng lần 1 và bài giảng lần 2 là có ý nghĩa. Để xem xét những thay đổi cụ thể giữa bài giảng lần 1 và bài giảng lần 2. Sử dụng tương quan Pearson để xem xét mối liên hệ giữa kết quả của 2 bài giảng, bảng giá trị thu được hệ số tương quan tuyến tính như sau:

*Bảng 10. Các giá trị kiểm chứng hệ số tương quan **r** của bài giảng lần 1 và lần 2*

Các giá trị		**Điểm bài giảng lần 1**	**Điểm bài giảng lần 2**
Điểm bài giảng lần 1	Hệ số tương quan Pearson	1	**0,925****
	Mức ý nghĩa		<0.0005
	Kích thước mẫu	41	41
Điểm bài giảng lần 2	Hệ số tương quan Pearson	**0,925****	1
	Mức ý nghiã	< 0,0005	
	Kích thước mẫu	41	41

*(Ghi chú : Kí hiệu ** trong bảng dữ liệu thể hiện mức ý nghĩa 0,01)*

Như vậy, kết quả rèn luyện KN sử dụng đồ dùng trực quan cũng giống với KN sử dụng ngôn ngữ nói. Từ bảng trên có thể thấy khả năng để có hệ số tương quan mẫu là **0,925** khá gần 1 trong khi mức ý nghĩa nhỏ hơn 0,0005. Kết luận, giả thuyết hệ số tương quan của tổng thể bằng 0 bị bác bỏ, chấp nhận đối thiết H_1 có nghĩa là mối liên hệ giữa hai biến bài giảng lần 1 và bài giảng lần 2 là rất lớn

4.3.7.3. Kết quả thực nghiệm kĩ năng dạy học (tổng hợp của các KN đơn lẻ)

Sau khi SV rèn luyện một số KN đơn lẻ, chúng tôi yêu cầu các em thực hiện một bài giảng trong 45 phút (tự chọn một bài học trong chương trình LS ở phổ thông) trong đó thể hiện tất cả các KN đã được rèn luyện. Kết quả thể hiện trong bảng điểm sau:

Bảng 11. Kết quả thực nghiệm rèn luyện kĩ năng tổng hợp của sinh viên

Điểm bài giảng lần 1	**Số lượng SV (41)**	**Điểm Bài giảng lần 2**	**Số lượng SV (41)**
Điểm 4	**6**	Điểm 4	**0**
Điểm 5	**17**	Điểm 5	**0**
Điểm 6	**13**	Điểm 6	**8**
Điểm 7	**5**	Điểm 7	**15**
Điểm 8	**0**	Điểm 8	**13**
Điểm 9	**0**	Điểm 9	**5**
Điểm 10	**0**	Điểm 10	**0**

Sử dụng toán học thống kê để xử lí số liệu, chúng tôi có kết quả sau:

Bảng 12. Một số giá trị thống kê mô tả của bài giảng lần 1 và lần 2 của thực nghiệm rèn luyện kỹ năng dạy học (tổng hợp các KN đơn lẻ)

Bài giảng	**Trung bình**	**Sô HS (Cỡ mẫu)**	**Độ lệch chuẩn**
Bài giảng lần 1	5,4146	41	0,89375
Bài giảng lần 2	7,3659	41	0,94223

Sử dụng phép kiểm chứng T-test phụ thuộc để kiểm chứng sự khác biệt của giá trị trung bình trên nhóm SV ở hai bài giảng có ý nghĩa hay không, chúng tôi thu được kết quả sau:

Bảng 13. Các giá trị kiểm chứng sự khác biệt của điểm trung bình giữa bài giảng lần 1 và lần 2 của đợt rèn luyện kĩ năng dạy học tổng hợp

Các giá trị			**Cặp 1 Bài giảng lần 1- Bài giảng lần 2**
Sự khác nhau theo cặp giữa bài giảng lần 1 - bài giảng lần 2	Giá trị trung bình		-1,95122
	Độ lệch chuẩn		0,21808
	Sai số chuẩn		0,03406
	Kiểm định sự khác nhau với độ tin cậy 95%	Cận dưới	-1,88238
		Cận trên	-2,02006
t			-57,289
df			40
Mức ý nghĩa (quan sát hai phía)			<0,0005

Như vậy, với mức ý nghĩa quan sát hai phía nhỏ hơn 0.0005 (< = 0,05), sự khác biệt về giá trị trung bình giữa bài giảng lần 1 và bài giảng lần 2 là có ý nghĩa. Chúng tôi tiếp tục sử dụng tương quan Pearson để xem xét mối liên hệ giữa kết quả của 2 bài giảng, bảng giá trị thu được hệ số tương quan tuyến tính như sau:

*Bảng 14 - Các giá trị kiểm chứng hệ số tương quan **r** của bài giảng lần 1 và lần 2*

Các giá trị		**Điểm bài giảng lần 1**	**Điểm bài giảng lần 2**
Điểm bài giảng lần1	Tương quan Pearson	1	**0,973****
	Mức ý nghĩa		<0,0005
	Kích thước mẫu	41	41
Điểm bài giảng lần2	Tương quan Pearson	**0,973****	1
	Mức ý nghĩa	<0,0005	
	Kích thước mẫu	41	41

*(Ghi chú : Kí hiệu ** trong bảng dữ liệu thể hiện mức ý nghĩa 0,01)*

Từ bảng trên có thể thấy khả năng để có hệ số tương quan mẫu là **0,973** khá gần 1 trong khi mức ý nghĩa nhỏ hơn 0,0005. Kết luận, chấp nhận đối thiết H_1 có nghĩa là mối liên hệ giữa hai biến bài giảng lần 1 và bài giảng lần 2 là rất lớn. Biểu đồ dưới đây sẽ thể hiện sự khác biệt về giá trị trung bình của bài giảng lần 1 và lần 2 của các đợt rèn luyện KN đơn lẻ và KN tổng hợp.

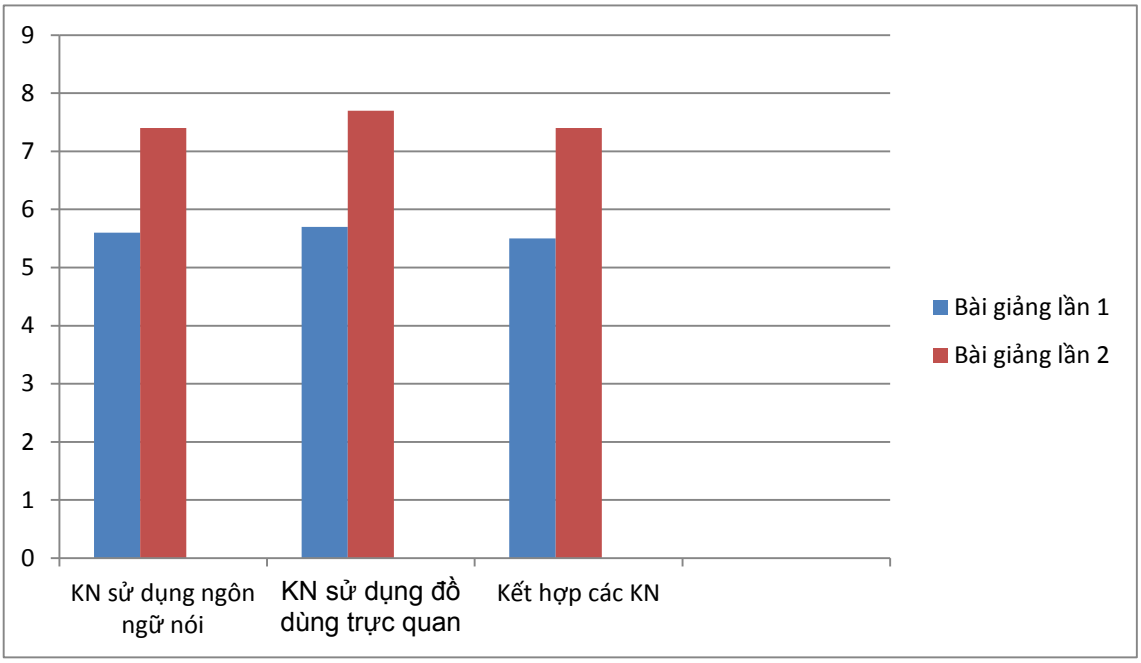

Biểu đồ thể hiện sự khác biệt về giá trị trung bình của bài giảng lần 1 và bài giảng lần 2 ở các giai đoạn rèn luyện KN

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

Hình thành KNDH Lịch sử cho SV có vai trò rất quan trọng trong chương trình ĐTGV của khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội. Để nâng cao chất lượng của quá trình ấy, góp phần đào tạo ra những GV dạy Sử có đủ năng lực đáp ứng những thay đổi của chương trình GDPT sau 2015, chúng tôi đã đề xuất một số biện pháp sư phạm và triển khai thực nghiệm để kiểm chứng được tính khả thi, thực tiễn của giả thuyết nghiên cứu. Thực nghiệm được tiến hành trên mẫu là 41 SV K63 hệ chính quy đang học tập tại Khoa Lịch sử – Trường ĐHSPHN. Quá trình thực nghiệm đã thực hiện với 2 KN là KN sử dụng ngôn ngữ nói và KN sử dụng đồ dùng trực quan trong DHLS. Những giá trị thống kê thu được từ quá trình thực nghiệm và quan sát trực tiếp xác nhận các tiến bộ cụ thể, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình SV rèn luyện KN. Điều này đã chứng minh được tính hiệu quả của các biện pháp hình thành KNDH cho SV sư phạm Lịch sử mà chúng tôi đề xuất.

KẾT LUẬN

Năng lực nghề nghiệp là tổ hợp của nhiều yếu tố, trong đó KN nghề có vị trí đặc biệt quan trọng, là nhân tố trực tiếp, quyết định nhất tới chất lượng và hiệu quả của hoạt động nghề. Vì vậy, khi đào tạo nghề, bên cạnh đào tạo lí thuyết, phải đặc biệt quan tâm đến đào tạo KN nghề. Người ta nói "thầy giáo già, con hát trẻ"- có nghĩa là GV phải kiên trì, nỗ lực rèn luyện lâu dài qua nhiều năm tháng ngồi trên ghế nhà trường và những năm tháng tận tụy với nghề dạy học. Vì vậy, các hoạt động hình thành KNDH cho SV ngành sư phạm LS phải được định hướng ngay từ khi các em mới bước chân vào trường ĐHSPHN. Nghề GV, cũng như nhiều ngành nghề khác, quá trình tự đào tạo - đào tạo suốt đời đóng vai trò rất quan trọng, quyết định chất lượng của GDPT. R. Roysingth – chuyên gia giáo dục của UNESCO từng khẳng định: *Chất lượng của một nền giáo dục không vượt quá tầm chất lượng những giáo viên làm việc cho nó*. Bởi vậy, việc hình thành KNDH cho SV – những GV tương lai là khâu đột phá để thực hiện chương trình giáo dục PT mới.

Yêu cầu đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay là hướng vào phát triển năng lực người học. Yêu cầu ấy chỉ có thể được thực hiện bởi một đội ngũ GV có năng lực và trình độ chuyên môn cao, NVSP vững vàng. Vì vậy, việc ĐTGV nói chung và của khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN nói riêng cần có những thay đổi mang tính đột phá để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDPT sau năm 2015. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và đánh giá đúng thực tiễn đào tạo giáo viên ở khoa Lịch sử - Trường ĐHSPHN, thực trạng dạy và học lịch sử ở trường PT hiện nay, luận án xác định hệ thống KNDH cơ bản, cốt lõi cần hình thành cho GV môn Lịch sử, đưa ra bộ tiêu chí đánh giá mức độ hình thành từng KN, đề xuất các biện pháp sư phạm cụ thể nhằm hình thành những kĩ năng đó cho SV sư phạm lịch sử trong QTĐT.

Những biện pháp giúp hình thành KNDH cho SV sư phạm lịch sử mà luận án đề xuất là: Sử dụng PPDH vi mô; hình thành khuynh hướng nghề nghiệp, phong cách sư phạm cho SV dưới sự hướng dẫn của giảng viên; tích cực hướng dẫn SV thực hành NVSP thường xuyên; xây dựng đội ngũ GV chuyên thực hành mẫu các KNDH ở các trường phổ thông; tăng cường hướng dẫn SV tự rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm trong quá trình đào tạo. Tác giả luận án đã chứng minh được tính hiệu quả của các biện pháp nói trên thông qua thực nghiệm sư phạm. Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ được ứng dụng trực tiếp vào quá trình đào tạo

SV ngành sư phạm Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, trở thành tài liệu tham khảo, bồi dưỡng NVSP cho SV và giảng viên ở các trường Đại học sư phạm nói chung, qua đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn lịch sử hiện nay ở trường phổ thông.

Để quá trình rèn luyện KNDH cho SV sư phạm Lịch sử đạt hiệu quả cao, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị sau:

- Chương trình ĐTGV của Trường ĐHSPHN cần chú ý cả tầm nhìn trước mắt và lâu dài, đảm bảo tính cân đối, tỉ lệ hợp lí giữa kiến thức chuyên môn và kiến thức NVSP, giữa lí thuyết và thực hành. Nội dung các học phần về NVSP cần trải đều trong QTĐT để đảm bảo tính hệ thống, phát triển trong quá trình rèn luyện. Cần tích hợp, lồng ghép nội dung hình thành KNDH vào các môn khoa học chuyên ngành giúp SV vừa có KN sư phạm vững vàng, vừa có kiến thức cơ bản chắc chắn.

- Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên - nhân tố quyết định đến chất lượng giáo dục. Để duy trì và nâng cao năng lực giảng dạy, mỗi giảng viên phải tích cực cập nhật các PPDH tiên tiến, là tấm gương mẫu mực giúp SV có ý thức tự giác, tích cực, chủ động tham gia các hoạt động rèn luyện NVSP do Trường, Khoa tổ chức. Trường ĐHSPHN cần có cơ chế, chính sách động viên giảng viên nhiệt tình tham gia công tác rèn luyện KN nghề nghiệp cho SV, giúp các em có được tình cảm yêu nghề, gắn bó với nghề nghiệp.

- Sớm đầu tư và hoàn chỉnh hệ thống cơ sở vật chất chuyên dụng cho đào tạo KNDH. Trường ĐHSPHN phải có phòng thực hành NVSP với trang thiết bị, phương tiện hiện đại để SV có không gian và phương tiện tự rèn luyện trong môi trường thực hành nghề mang tính hệ thống, chuẩn mực nhất định.

- Xây dựng đội ngũ GV thực hành giỏi ở các trường PT: lựa chọn GV có kinh nghiệm giảng dạy, nhiệt tình, tâm huyết với nghề dạy học, đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức tốt để hướng dẫn SV thực hành, thực hiện bài giảng mẫu cho SV ở giảng đường Đại học... góp phần tạo nên sự gắn kết chặt chẽ giữa Trường ĐHSP với trường PT.

- Đổi mới công tác tuyển sinh và đánh giá tốt nghiệp theo đặc thù của nghề dạy học. Cần có thêm vòng phỏng vấn (hoặc kiểm tra trắc nghiệm) một số KN cơ bản cần thiết của nghề dạy học (như: nói, viết, giao tiếp, hiểu biết về nghề GV, kiến thức về khoa học xã hội – nhân văn…). Tất cả sinh viên khi tốt nghiệp cần thực hiện bài thi thể hiện tổng hợp các KNDH đã được rèn luyện trong QTĐT.

Có thể nói: lòng yêu nghề là phẩm chất tạo động lực quyết định đến sự cố gắng, phấn đấu của SV trong quá trình rèn luyện KN nghề nghiệp. Bộ Giáo dục phải xây dựng chiến lược cải cách ngành sư phạm, trong đó đào tạo và sử dụng GV phải có một vị trí quan trọng. Có biện pháp để quy tụ và thu hút những SV giỏi đến với khoa Lịch sử, tạo điều kiện cho SV khi ra trường tìm được công việc phù hợp với trình độ chuyên môn. Điều đó góp phần quan trọng quyết định đến việc nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên tương lai cho nước nhà.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. **Nguyễn Thị Phương Thanh (2012*):*** *Sử dụng hiệu quả phòng rèn luyện nghiệp vụ bộ môn để hình thành năng lực tổ chức hoạt động dạy học cho sinh viên khoa Lịch sử - Trường ĐH Sư phạm Hà Nội*, Tạp chí giáo dục số đặc biệt 4/2012, Tr 135136, 110
2. **Nguyễn Thị Phương Thanh (2012):** *Một số biện pháp nâng cao năng lực dạy học cho SV ngành sư phạm Lịch sử - Trường ĐH Sư phạm Hà Nội*, Kỉ yếu hội thảo khoa học quốc gia về dạy học lịch sử ở trường phổ thông Việt Nam, Tr 812 - 819
3. **Nguyễn Văn Ninh, Nguyễn Thị Phương Thanh (2014):** *Vai trò của giảng viên đối với việc hình thành và phát triển năng lực dạy học cho sinh viên khoa Lịch sử - Trường ĐH Sư phạm Hà Nội,* Tạp chí giáo dục, số đặc biệt tháng 11/2014, Tr 140 – 142, 123
4. **Nguyễn Thị Phương Thanh (1/2014):** Tài liệu hội thảo đào tạo nghiệp vụ sư phạm ở Trường ĐHSPHN, *Một số biện pháp nâng cao chất lượng rèn luyện NVSP cho sinh viên khoa Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội, 121 - 126*
5. **Nguyễn Thị Phương Thanh (12/2015):** *Rèn luyện năng lực dạy học của sinh viên khoa Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội qua các hoạt động thực hành nghiệp vụ sư phạm,* Tạp chí giáo dục số đặc biệt tháng 12/2015, Tr 107-109, 112
6. **Nguyễn Thị Phương Thanh (4/2016):** *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV khoa Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội trong dạy học lịch sử Việt Nam giai đoạn 1954 – 1975*. Tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 4/2016, Tr 86 - 89
7. **Nguyễn Thị Thế Bình, Nguyễn Thị Phương Thanh (2016):** *Phát triển năng lực dạy học cho SV ngành sư phạm lịch sử trước yêu cầu đổi mới* , Tạp chí giáo dục số 386 (kì 2, 7/2016), Tr 36 – 39, 26
8. **Nguyễn Thị Phương Thanh (2016):** *Về kĩ năng dạy học của người giáo viên Lịch sử hiện nay ở trường phổ thông*, Tr 192-207, Kỉ yếu Hội thảo khoa học "Nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử trong bối cảnh hiện nay", Mã ISBN: 978-604-901-663-9

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT:

1. Hoàng Anh (cb), (2007), *Hoạt động – Giao tiếp – Nhân cách,* NXB ĐHSP.
2. M. Altet, J.D.Britten (1999), *Phương pháp dạy học vi mô và đào tạo GV*, Dự án Việt – Bỉ hỗ trợ học từ xa, Bộ GD và ĐT.
3. Bộ GD & ĐT, (2004), *Đổi mới nội dung và phương pháp dạy học ở các trường Đại học Sư phạm*, Kỷ yếu hội thảo (1/2003, Ba Vì).
4. Bộ GD & ĐT, Trường ĐHSP Hà Nội (2014): Tài liệu Hội thảo *Đào tạo nghiệp vụ sư phạm ở trường Đại học Sư phạm Hà Nội.*
5. Bộ GD & ĐT, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (10/2012) *Kỷ yếu Hội thảo "Hướng tới đổi mới nền giáo dục Việt Nam".*
6. Bộ GD & ĐT (6/2012) Trường ĐHSP Hà Nội, Dự án Giáo dục Đại học 2: Tài liệu Hội thảo *Đào tạo tín chỉ theo phương pháp dạy học hiện đại.*
7. Bộ GD & ĐT, Dự án phát triển giáo viên THPT và TCCN (4/2012)**:** *Phát triển chương trình giáo dục trình độ đại học***,** TP Vinh.
8. Bộ GD & ĐT, ngân hành phát triển châu Á**:** *Chuẩn đầu ra Trình độ đại học khối ngành sư phạm đào tạo giáo viên THPT* - Dự án phát triển GV THPT và TCCN – Vụ giáo dục Đại học.
9. Bộ GD & ĐT, Trường ĐHSP Hà Nội (2010) *Nâng cao chất lượng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên các trường đại học sư phạm*, kỉ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội 1/2010.
10. Bộ GD & ĐT: (2012), *Những giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng dạy học Lịch sử Việt Nam ở trường phổ thông hiện nay*, kỉ yếu Hội thảo khoa học tại Đà Nẵng.
11. Bộ GD & ĐT (2015), *Bồi dưỡng năng lực cho giảng viên các trường sư phạm,* Kỉ yếu hội thảo KH cấp quốc gia tổ chức tại Đà Nẵng.
12. Bộ GD và ĐT (2005), *Đề án đổi mới giáo dục ĐH.*
13. ĐHSP TP Hồ Chí Minh (2007), kỷ yếu hội thảo *Trường thực hành với vấn đề đào tạo nghiệp vụ của các trường sư phạm*.
14. Bộ GD-ĐT(2008), kỷ yếu hội thảo *Mô hình trường thực hành trong trường sư phạm đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo giáo viên.*

15. Bộ GD&ĐT, Trường ĐHSP Hà Nội (2008): *Những giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng dạy học Lịch sử Việt Nam ở trường phổ thông hiện nay,* Kỉ yếu Hội thảo khoa học, Đề tài B2007-17-109TĐ.
16. Bộ GD&ĐT, Trường ĐHSP Hà Nội (1/2010), *Nâng cao chất lượng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên các trường đại học sư phạm***,** Kỉ yếu Hội thảo khoa học.
17. Trường ĐHSP Hà Nội, Khoa Tâm lý - Giáo dục (11/2010) *Nghiên cứu, giảng dạy và ứng dụng Tâm lý học - Giáo dục học trong thời kì hội nhập quốc tế***,** Kỉ yếu Hội thảo khoa học, NXB ĐHSP Hà Nội.
18. Bộ GD&ĐT, Trường ĐHSP Hà Nội (10/2011) *Nghiên cứu, giảng dạy lịch sử trong bối cảnh hội nhập quốc tế & phát triển kĩ năng tự học cho học sinh*, Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia.
19. Bộ GD&ĐT, Kỷ yếu Hội thảo *Nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ giảng viên các cơ sở đào tạo giáo viên***,** tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 11/2014.
20. Đinh Quang Báo (2014)***:*** Đề tài khoa học cấp Bộ KH – CN *Giải pháp đổi mới chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại học theo học chế tín chỉ.*
21. Đinh Quang Báo (cb) (2016), *Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông,* NXB ĐH Sư phạm Hà Nội.
22. Đinh Quang Báo (2010)*, Mối quan hệ giữa chuẩn nghề nghiệp GV, chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của đại học sư phạm*, TCGD, số đặc biệt tháng 6/2010.
23. Trần Ngọc Bích (2009): *Rèn luyện nghiệp vụ cho sinh viên đại học sư phạm gắn với những ứng dụng của công nghệ thông tin*, TCGD số 218 (Kì 2, 7/2009).
24. Nguyễn Thị Thế Bình (2014) *Phát triển kĩ năng tự học lịch sử cho học sinh***,** NXB ĐHSPHN.
25. Nguyễn Thị Thế Bình (2010)*, Một số biện pháp rèn luyện kĩ năng dạy học cho sinh viên khoa lịch sử trường ĐHSP Hà Nội,* Tạp chí Giáo dục, Số 236, Kì 2 (4/2010), tr 29-31, 9.
26. Nguyễn Thị Thế Bình (2011)*, Học chế tín chỉ với việc phát triển kĩ năng tự học cho sinh viên khoa Lịch sử Trường ĐHSP***,** Kỉ yếu Hội thảo Khoa học

Quốc gia, Đổi mới phương pháp dạy học đại học theo học chế tín chỉ, Trường ĐHSP Huế, Tr 47-55.

27. Nguyễn Thị Bình - Chủ tịch Quỹ Hoà Bình và Phát triển Việt Nam trong Đề tài cấp nhà nước (Mã số 01/2010*) Nghiên cứu đề xuất các giải pháp cải cách công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông.*
28. Nguyễn Thị Côi (2006): *Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông*, NXB ĐHSP.
29. Nguyễn Thị Côi (CB), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Mạnh Hưởng, Đoàn Văn Hưng, Nguyễn Thị Thế Bình (2009): *Rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm môn lịch sử***,** NXB ĐH Sư phạm.
30. Nguyễn Văn Cường và Bernd Meier *Lí luận dạy học kĩ thuật phương pháp và quá trình dạy học*.
31. Nguyễn Hữu Châu (2006*), Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học,* NXB Giáo dục.
32. Vũ Quốc Chung – Nguyễn Văn Cường (2009), *Cải cách đào tạo và bồi dưỡng giáo viên theo định hướng chuẩn và năng lực nghề nghiệp,*TCGD số 219 (Kì 1, 8/2009).
33. Cục nhà giáo (2014), *Nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ giảng viên các cơ sở đào tạo giáo viên,* Kỉ yếu Hội thảo khoa học.
34. Nguyễn Thị Kim Dung (CB) (2015), *Đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề cho sinh viên trong các trường ĐHSP***,** NXB ĐH Sư phạm.
35. Nguyễn Thị Kim Dung (2011), *Thực trạng đào tạo GV - nhìn từ khả năng đáp ứng yêu cầu thực tiễn giáo dục phổ thông của sinh viên năm cuối và giáo viên trẻ*, TCGD&XH, Số 8 (68), tháng 1-/2011.
36. Nguyễn Thị Kim Dung (2013), *Đổi mới đào tạo NVSP trong các trường sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề nghiệp*, TCGD, số 308, kì 2 tháng 4/2013.
37. Nguyễn Thị Kim Dung (2014), *Giải pháp đổi mới đào tạo NVSP cho SV ĐHSP đáp ứng yêu cầu giáo dục phổ thông thời kì mới.* Báo cáo tổng kết đề tài KH và CN cấp Bộ, mã số B2011-17-CT04.

38. Nguyễn Dược, Nguyễn Trọng Phúc, Đặng Văn Đức (1991), *Lí luận dạy học Địa lí, NXB ĐHSP*.
39. Dự án đào tạo Việt Nam – Ôxtrâylia (5/2002). *Chương trình đào tạo giảng viên 2002* – Học phần 4, Hà Nội.
40. Dự án Việt - Bỉ (2010) *Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kĩ thuật dạy học*, NXB Đại học Sư phạm.
41. Đỗ Ngọc Đạt (2000)**.** *Bài giảng lý luận dạy học hiện đại***,** NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
42. Hồ Ngọc Đại (1997), *Tiếp cận hiện đại hoạt động dạy học***,** NXB ĐHQGHN.
43. N.G. Đairi (1980) - (Người dịch Đặng Bích Hà - Nguyễn Cao Luỹ) *Chuẩn bị giờ học lịch sử như thế nào?* NXB Giáo dục.
44. Đào Ngọc Đệ (2010): *Đổi mới cách tuyển sinh và đào tạo ở các trường sư phạm*, Tạp chí Dạy và học ngày nay, số tháng 1/2010.
45. M.A.Đanilôp & M.N. Xcatkin (1980) *Lý luận dạy học ở trường phổ thông.* NXB Giáo dục.
46. Đại học sư phạm Hà Nội (2016) *Trường sư phạm trong phát triển năng lực nghề nghiệp cho GV phổ thông đáp ứng chương trình giáo dục mới,* Kỉ yếu hội thảo khoa học.
47. Đại học Sư phạm TP HCM, Viện nghiên cứu giáo dục (11/2013): *Nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu cho giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*, Kỉ yếu hội thảo khoa học.
48. Đại học Sư phạm TP HCM (2016), *Đổi mới phương pháp giảng dạy trong các trường sư phạm theo hướng phát triển năng lực người học, Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia.*
49. Kiều Thế Hưng (1999), *Hệ thống thao tác sư phạm trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông trung học***,** NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.
50. Kiều Thế Hưng (2010), *Thực tập sư phạm trong vấn đề chất lượng đào tạo GV hiện nay,* TCGD, số đặc biệt tháng 6/2010.
51. Trần Bá Hoành (2003): *Lí luận cơ bản về dạy học tích cực*. Dự án đào tạo giáo viên THCS.
52. Trần Bá Hoành (2006): *Vấn đề giáo viên – những nghiên cứu lí luận và thực tiễn***.** NXB ĐHSP.

53. Nguyễn Thành Hưng (2002) *Dạy học hiện đại - lí luận, biện pháp, kĩ thuật*, NXB ĐHQGHN.
54. Phạm Minh Hùng: *Rèn luyện NVSP cho sinh viên sư phạm – thực trạng và giải pháp*, TCGD số 211 (Kì 1, 4/2009).
55. Nguyễn Mạnh Hưởng: *Nâng cao chất lượng rèn luyện kĩ năng NVSP cho sinh viên khoa Lịch sử Trường ĐHSP Hà Nội,* TCGD số 251 (Kì 1, 12/2010).
56. Nguyễn Mạnh Hưởng: *Đặc trưng của việc rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông,* TCGD số 304 (Kì 2, 2/2013).
57. Nguyễn Thuý Hồng: *Đổi mới chất lượng đội ngũ nhà giáo – khâu then chốt của chất lượng giáo dục phổ thông*, TCGD số 303 (Kì 1, 2/2013).
58. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức (2004): *Lí luận dạy học đại học*. NXB ĐHSP.
59. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1987), *Giáo dục học,* NXB Giáo dục.
60. Nguyễn Minh Hoạt (2014): *Một số vấn đề chương trình đào tạo nghiệp vụ sư phạm và công tác thực tập sư phạm của sinh viên*, Tạp chí Dạy và học ngày nay số tháng 3/2014.
61. Hoàng Thị Kim Huyền, *Mối quan hệ giữa năng lực NVSP của giảng viên và năng lực NVSP của SV trong đào tạo GV,* TCGD, Số đặc biệt tháng 11/2014.
62. Nguyễn Thị Thanh Huyền: *Hình thành kĩ năng sư phạm cho sinh viên thông qua hoạt động thực hành ở trường phổ thông*, TCGD số 334 (Kì 2, 5/2014).
63. Mai Quang Huy, *Những thay đổi trong ĐTGV ở Nhật Bản, Tạp chí KH – ĐHQG Hà Nội, KHGD Vol.30. No1*.
64. Vũ Xuân Hùng (2010), *Đánh giá kết quả rèn luyện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm của sinh viên đại học sư phạm kĩ thuật theo tiếp cận năng lực thực hiện***,** TCGD, Số 249, (Kì 1 - 11/2010).
65. I.F.Kharlamốp (1978): *Phát huy tính tích cực của học sinh như thế nào*. NXB Giáo dục.
66. Nguyễn Văn Khôi (2009), *Phát triển chương trình đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo năng lực thực hiện***,** TCGD, Số 228, (kì 2 - 12/2009).
67. Nguyễn Văn Khôi (2011), *Giải pháp nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho giáo sinh,* TCGD, Số 253 (kì 1 - 1/2011).
68. Khoa Lịch sử - ĐHSPHN (2013): Kỷ yếu Hội thảo *Vấn đề rèn luyện nghiệp*

vụ sư phạm cho sinh viên khoa Lịch sử.

69. Phan Ngọc Liên (chủ biên), Trịnh Đình Tùng, Đặng Văn Hồ, Trần Quốc Tuấn (2006), *Nhập môn sử học*, NXB ĐHSP Hà Nội.
70. Phan Ngọc Liên (CB) (2010): *Phương pháp dạy học lịch sử***,** tập 1,2, NXB ĐHSP.
71. Phan Ngọc Liên (2002) *Đổi mới phương pháp dạy học Lịch sử ở trường phổ thông,* NXB ĐHSP.
72. Lê Thị Xuân Liên (2006), *Một số vấn đề về năng lực sư phạm và đào tạo năng lực sư phạm cho sinh viên*, TCGD, Số 131 (kì 1 - 2/2006).
73. Đoàn Nguyệt Linh (Luận văn thạc sĩ 2010) *Hình thành năng lực dạy học cơ bản cho SV chuyên ngành sư phạm Lịch sử ở trường Đại học*.
74. Hội Giáo dục Lịch sử (1996) *Đổi mới việc dạy học lịch sử lấy "học sinh là trung tâm*. ĐHQGHN – Trường ĐHSP.
75. Iakovlev (1983) *Phương pháp và kĩ thuật lên lớp trong trường phổ thông***.** NXB Giáo dục.
76. I.Ia. Lecne (1977) Người dịch Phan Tất Đắc *Dạy học nêu vấn đề.* NXB Giáo dục.
77. Nguyễn Văn Mã (2007): *Đổi mới phương pháp dạy và học ở trường đại học sư phạm*, Tạp chí Giáo dục,(175), tr. 19-20.
78. Lưu Xuân Mới (2000) *Lý luận dạy học Đại học*, NXB Giáo dục.
79. Trần Đức Minh (2005), *Một số vấn đề về phát triển năng lực nhận thức và tư duy cho học sinh trong dạy học Lịch sử***,** TCGD, Số 125 (11/2005).
80. Phan Trọng Ngọ, Nguyễn Đức Hưởng (2003), *Các lí thuyết phát triển tâm lí người, NXB ĐHSP.*
81. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường,* NXB ĐHSP.
82. M.N.Sacđacop (1970) Người dịch Phan Ngọc Liên. Phạm Hồng Việt. Dương Đức Niệm *Tư duy của học sinh***.** NXB Giáo dục.
83. Chu Thị Phương: *Một góc nhìn mới trong đào tạo sinh viên ở các trường sư phạm,* TCGD số 334 (Kì 2, 5/2014).
84. *Hướng dẫn cải tiến một bước việc soạn bài trong các trường phổ thông cấp II, III (1969)* NXB Giáo dục, Hà Nội.

85. Trịnh Đình Tùng (cb): *Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử ở trường THCS*, NXB ĐHSP.
86. Nguyễn Cảnh Toàn (2002): *Học và dạy cách học*. NXB ĐHSP.
87. Nguyễn Cảnh Toàn (2001): *Quá trình dạy học – tự học*. NXB Giáo dục.
88. Trần Quốc Thành (10/2006) *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên để nâng cao tay nghề cho sinh viên các trường sư phạm.* Kỷ yếu Hội thảo khoa học 60 năm ngành sư phạm, trường ĐHSP Hà Nội.
89. Thái Duy Tuyên, H. 2008, *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới,* NXB Giáo dục.
90. Thái Duy Tuyên (1998) *Những vấn đề cơ bản của giáo dục học hiện đại*, NXB Giáo dục.
91. Trần Thị Thanh Thủy (Luận án tiến sĩ 2012) *Rèn luyện kĩ năng dạy học cho SV sư phạm Địa lí bằng phương pháp dạy học vi mô.*
92. Lương Việt Thái và nhóm nghiên cứu đề tài *Phát triển chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực người học,* Báo cáo tóm tắt đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, HN, 2011.
93. Giselle O. Martin-Kniep (2011): *Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi* (Người dịch Lê Văn Canh), NXB Giáo dục Việt Nam.
94. Rôbert J.Marzano - Jana S.Marzano - Debrra J.Pickering (2011) *Quản lí lớp học hiệu quả*, Người dịch Phạm Trần Long, NXB Giáo dục Việt Nam.
95. James H.Stronge (2011) *Những phẩm chất của người giáo viên hiệu quả*, (Người dịch Lê Văn Canh) NXB Giáo dục Việt Nam.
96. Rôbert J.Marzano (2011) *Nghệ thuật và khoa học dạy học* (Người dịch GS.TS Nguyễn Hữu Châu) NXB Giáo dục Việt Nam.
97. Thomas Armstrong (2011) *Đa trí tuệ trong lớp học* (Người dịch Lê Quang Long), NXB Giáo dục Việt Nam.
98. Robert J. Marzano, Debra J. Pickering, Jane E. Pollock (2011) *Các phương pháp dạy học hiệu quả* (Người dịch Nguyễn Hồng Vân), NXB Giáo dục Việt Nam.
99. Alan C.Ornstein and Thomas J. Lasley (2004) *Các chiến lược để dạy học có hiệu quả* (Bản in Tiếng Việt, lưu hành nội bộ của VUN).
100. T. A. Ilina (1973), Giáo dục học, NXB Giáo dục.

101. Nguyễn Thị Yến Thoa (2009), *Kĩ năng giải quyết tình huống sư phạm,* TCGD số 220 (Kì 2, 8/2009).
102. Ngô Tứ Thành (2008), *Cơ sở lí luận xây dựng tiêu chí giảng viên giỏi trong xu thế hội nhập*, TCGD, Số 181 (kì 1 - 1/2008).
103. Vũ Minh Tâm (2008), *Giáo dục năng lực tự đào tạo của người học*, TCGD, Số 183 (Kì 1 - 2/2008).
104. Phạm Đức Thuận (2012): *Công tác đào tạo giáo viên ngành sư phạm Lịch sử trường Đại học Cần Thơ theo học chế tín chỉ,* TCGD số 297 (Kì 1, 11/2012).
105. Phạm Viết Vượng (2001) *Hình thành kĩ năng giảng dạy và giáo dục cho sinh viên ĐHSP thông qua thâm nhập thực tế các trường phổ thông, NXB ĐHSP*.

II. TÀI LIỆU NƯỚC NGOÀI:

- **Tài liệu tiếng Anh:**

106. David A. Jacobsen, Paul Eggen, Donal Kauchak: *Methods for Teaching* – Prentice Half - Gale 2002
107. Avramidis, E. (2006) 'Promoting inclusive education: from "expertism" to sustainable inclusive practices'. In Webb, R. (ed.) *Changing Teaching and Learning in the Primary School* (pp. 103–114). Maidenhead: Open University Press.
108. Berliner, D. (1995) 'Teacher expertise'. In Anderson, L. W. (ed.) *International Encyclopaedia of Teaching and Teacher Education*, 2nd edn (pp. 46–51). Oxford: Pergamon.
109. Borich, G. D. (2007) *Effective Teaching Methods: Research Based Practice*,6th edn. Englewood Cliffs: Prentice Hall.
110. Chris Kyriacou (2007): *Essential teaching skills*, Incorporates the new QTS standards for 2007
111. Day, C. (2004) *A Passion for Teaching*.London: RoutledgeFalmer.
112. Matt Greenwell (2007), *Ideas and BestPractices for Evaluating Faculty Teaching*
113. Navarro, Juan Carlos (2000): *Teacher Training in latin America: Innovations and Trends, 2000*

114. Sheila Nataraj Kirby (2004) : *Reforming teacher education,* RAND Education 2004
115. M.J. Lakshmi (2009), *Microteaching and Prospective Teachers,* Discovery Publishing House Pvt.Ltd, India.

- **Tài liệu tiếng Pháp:**

116. Haute École pédagogieque du canton de Vaud, Formation des enseignants: référentiel de compétences professionnelles, HEP Vaud, 2013
117. Louise Bélair, Dany Laveault et Christine Lebel, Les compétences professionnelles en enseignement et leur évaluation, Les Presses de l'université d'Ottawa, Québec, 2007.
118. Ministère de la Communauté française, Compétences terminales et savoirs requis en histoire. Humanités générales et technologiques, Bruxelles – Belgique 1999.
119. Jean-Louis JADOULLE, Mathieu BOUHON, Catherine DAMBROISE, Évaluation des compétences en classe d'histoire : élaborer une problematique et communiquer, Le point sur la recherche en éducation, N°23 avril 2002, version en PDF.
120. Le *ministère de l'éducation nationale, Décret, arrêtés, circulaires – Textes génétaux, Arrêté du 1è juillet 2013 relatif au référentiel des compétences professionnelles des métiers du professorat et de l'éducation, NOR: MENE1315298A, Journal officiel de la république Française, 18 Juillet 2013*
121. Encart-Formation des enseignants, Définition des compétences à acquérir par les professeurs, documents et conseillers principaux d'éducation pour l'exercice de leur métier, arrêté du 12/05/2010-J.O du 18/07/2010, Le *ministère de l'éducation nationale,* Bulletin officiel n°29 du 22 juillet 2010
122. Ministère de l'éducation, Gouvernement du Québec (2001), *La formation à l'enseignement professionnel. Les prientations. Les compétences professionnelles*, Education Québec, 2001
123. Ministère de la Communauté française, "Décret définissant la formation initiale des instituteurs et des régents", 19/01/2001, article 3 et "Décret définissant la formation initiale des agrégés de l'enseignement secondaire supérieur" du 22/02/2001

124. Louise Bélair, Dany Laveault, Christine Lebel (2007), *Các kỹ năng chuyên nghiệp trong dạy học và giá trị của nó* (bản tiếng Pháp, Les Presses de l'université d'Ottawa, Québec, 2007)
125. Gilles Bonnichon, Daniel Martina (2008), *Nghề giáo: mười năng lực chuyên nghiệp (tiếng Pháp),* Vuibert.
126. Henri Moniot (1993), *Phương pháp dạy học lịch sử (tiếng Pháp),* Nathan
127. Alain Dalongeville (2006), *Dạy học lịch sử trong nhà trường (tiếng Pháp***),** Hachette.
128. Patrick Garci, Jean Leduc (2003)***:*** *Dạy học lịch sử ở Pháp từ nguồn gốc đến ngày nay (tiếng Pháp),* Armand Colin.
129. Andreas Schleicher (2012), *Preparing Teacher and Developing School Leaders for the 21st Century*, OECD 2012.
130. Philippe Perrenoud (1999) *Mười năng lực mới trong dạy học* (bản tiếng Pháp, Paris, ESF.
131. Trường sư phạm bang Vaud – Thụy Sỹ (2004), *Đào tạo giáo viên : quy chiếu những năng lực sư phạm chuyên nghiệp***,** bản tiếng Pháp**.**

PHẦN PHỤ LỤC

PHIẾU ĐIỀU TRA DÀNH CHO HỌC SINH

Họ tên…….....

Lớp……Trường.....

Để góp phần nâng cao chất lượng dạy và học lịch sử ở trường THPT hiện nay, các em vui lòng cho biết ý kiến của mình về một số vấn đề sau

1. **Em có thích tìm hiểu lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới không?**

   A. Thích B. Rất thích

   C. Bình thường D. Không thích

2. **Em có thích học môn Lịch sử không?**

   A. Thích B. Rất thích

   C. Bình thường D. Không thích

3. **Lí do em không thích học môn Lịch sử?**

   A. Do phương pháp dạy của giáo viên không hấp dẫn

   B. Do nội dung học quá nặng, nhiều sự kiện phải ghi nhớ

   C. Do cách kiểm tra – đánh giá còn nặng về ghi nhớ, học thuộc kiến thức

   D. Do sách giáo khoa không hấp dẫn, viết khô khan và dàn trải nên khó học, khó nhớ

   E. Do học môn Sử không có ích lợi gì cho nghề nghiệp tương lai của em

   F. Lí do khác.....

   .....

4. **Lí do em yêu thích học môn Lịch sử?**

   A. Vì thầy, cô giáo của em dạy rất hay, hấp dẫn và sinh động

   B. Vì học môn Lịch sử cho em những hiểu biết về quá khứ của đất nước, của nhân loại

   C. Vì kiến thức lịch sử rất có ích trong cuộc sống hiện tại

   D. Vì học lịch sử giúp em trở thành người công dân tốt hơn

   G. Ý kiến khác.....

   .....

   .....

5. **Em thường tìm hiểu lịch sử qua các hình thức nào?**

   A. Qua bài giảng của thầy cô giáo dạy môn Lịch sử

   B. Qua nội dung sách giáo khoa

   C. Qua đọc các sách tham khảo, tư liệu lịch sử

D. Trên các phương tiên thông tin: vô tuyến, đài, mạng Internet
E. Qua các bộ phim lịch sử, phim điện ảnh, phim truyền hình
F. Ý kiến khác.....
.....
.....

6. Trong giờ học lịch sử, em thích thầy cô sử dụng phương pháp nào?

A. Kể chuyện lịch sử
B. Sử dụng Bản đồ lịch sử kết hợp tranh ảnh để tường thuật các sự kiện quan trọng
C. Cho xem nhiều phim tư liệu lịch sử
D. Ngoại khóa: tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, bảo tàng lịch sử
E. Đóng kịch lịch sử, gặp gỡ nhân chứng lịch sử
F. Chơi trò chơi tìm hiểu về Lịch sử
G. Tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận nhóm
H. Đưa ra những ý kiến, quan điểm trái ngược về một vấn đề lịch sử. Sau đó, GV và HS cũng tranh luận để tìm ra ý kiến đúng đắn nhất
I. Phương pháp khác:.....
…….....

7. Theo em, một giáo viên để dạy môn Lịch sử hay, hấp dẫn cần có những tố chất nào?

A. Giọng nói truyền cảm, có khẩu khí lịch sử
B. Trình bày bảng đẹp, dể hiểu, khoa học
C. Biết sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học
D. Linh hoạt và sáng tạo trong các hình thức kiểm tra đánh giá
E. Truyền tải kiến thức đúng, đầy đủ như trong SGK quy định
F. Kiến thức lịch sử sâu rộng
G. Hiểu biết tất cả các lĩnh vực khoa học xã hội có liên quan đến lịch sử
H. Hiểu học sinh, biết động viên, thúc đẩy quá trình học tập của HS
I. Ý kiến khác:…….
.....
.....
.....

Chân thành cảm ơn em!!!

PHIẾU ĐIỀU TRA
DÀNH CHO GIÁO VIÊN MÔN LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG THPT

Họ tên…….....

Trường.....

Để nâng cao chất lượng đào tạo kĩ năng nghiệp vụ cho sinh viên khoa Lịch sử tại các trường Đại học Sư phạm hiện nay, xin Thầy (cô) vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề dưới đây

1. Theo Thầy/Cô, một giáo viên giỏi về nghiệp vụ cần thành thạo những kĩ năng dạy học nào?

A. Kĩ năng xác định mục tiêu, lập kế hoạch dạy học

B. Kĩ năng thiết kế bài giảng

C. Kĩ năng trình bày bảng khoa học

D. Kĩ diễn đạt nói và viết

E. Kĩ năng tạo môi trường học tập tích cực

F. Kĩ năng kết hợp các dạng tổ chức hoạt động học tập trong giờ học

G. Kĩ năng giao tiếp sư phạm

H. Kĩ năng xây dựng và quản lý hồ sơ dạy học

I. Kĩ năng tổ chức và quản lí lớp học

K. Kĩ năng tích hợp kiểm tra đánh giá trong dạy học

L. Ý kiến khác:.....

.....

2. Theo Thầy/Cô, giáo viên dạy môn Lịch sử cần có những kĩ năng dạy học nào?

A. Kĩ năng lựa chọn sự kiện cơ bản, khoa học, vừa sức để cung cấp cho học sinh

B. Kĩ năng tái hiện lại bức tranh lịch sử quá khứ một cách chân thực, giàu hình ảnh thông qua trình bày miệng

C. Kĩ năng sử dụng các loại đồ dùng trực quan trong dạy học lịch sử: tranh ảnh, bản đồ, sơ đồ, niên biểu, phim tư liệu...lịch sử

D. Kĩ năng phân tích, lí giải và đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử đúng với quan điểm của sử học Mác-xít

E. Kĩ năng phát triển tư duy lịch sử cho học sinh

F. Kĩ năng dạy học tích hợp lịch sử với các môn khoa học khác

G. Kĩ năng tiếp cận và sử dụng các nguồn tư liệu, tài liệu tham khảo trong dạy học lịch sử

H. Kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng CNTT trong dạy học lịch sử

I. Kĩ năng tổ chức các hoạt động ngoại khóa trong dạy học lịch sử:

K. Kĩ năng thiết kế, thực hiện các hoạt động kiểm tra – đánh giá phù hợp với đặc trưng kiến thức môn Lịch sử

L. Ý kiến khác:

3. Theo Thầy/Cô, người giáo viên dạy Lịch sử ở trường phổ thông hiện nay đang chịu những sức ép nào đến chất lượng dạy học?

A. Vị trí của bộ môn đang bị xem nhẹ

B. Bộ môn Lịch sử không được học trò coi trọng

C. Xã hội và các cấp quản lý không quan tâm đến môn Lịch sử

D. Nội dung sách giáo khoa nặng nề, còn nhiều bất cập

E. Quy trình kiểm tra, đánh giá khô cứng, máy móc, không hấp dẫn được học sinh

F. Phương tiện dạy học nghèo nàn

G. Cuộc sống vật chất còn nhiều khó khăn do thu nhập thấp

I. Ý kiến khác:.....

.....

4. Theo Thầy/Cô sinh viên khoa Lịch sử hiện nay sau khi ra trường còn thiếu những kĩ năng dạy học nào?

.....

.....

.....

.....

5.Thầy/Cô cho biết đánh giá của mình đối với những kĩ năng của sinh viên khoa Lịch sử khi xuống trường phổ thông thực tập?

STT	Các kĩ năng	Mức độ		
		Chưa biết	Biết	Thành thạo
1.	Kĩ năng xác định mục tiêu, lập kế hoạch dạy học			
2.	Kĩ năng thiết kế bài giảng			
3.	Kĩ năng trình bày bảng khoa học			
4.	Kĩ diễn đạt nói và viết			
5.	Kĩ năng tạo môi trường học tập tích cực			
6.	Kĩ năng kết hợp các dạng tổ chức hoạt động học tập trong giờ học			
7.	Kĩ năng giao tiếp sư phạm			
8.	Kĩ năng xây dựng và quản lý hồ sơ dạy học			
9.	Kĩ năng tổ chức và quản lí lớp học			
10.	Kĩ năng tích hợp kiểm tra đánh giá trong dạy học			
11.	Kĩ năng lựa chọn sự kiện cơ bản, khoa học, vừa sức để cung cấp cho học sinh			
12	Kĩ năng tái hiện lại bức tranh lịch sử quá khứ một cách chân thực, giàu hình ảnh thông qua trình bày miệng			
13	Kĩ năng sử dụng các loại đồ dùng trực quan trong dạy học lịch sử: tranh ảnh, bản đồ, sơ đồ, niên biểu, phim tư liệu...lịch sử			
14	Kĩ năng phân tích, lí giải và đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử đúng với quan điểm của sử học Mác-xít			
15	Kĩ năng phát triển tư duy lịch sử cho học sinh			
16	Kĩ năng dạy học tích hợp lịch sử với các môn khoa học khác			

17	Kĩ năng tiếp cận và sử dụng các nguồn tư liệu, tài liệu tham khảo trong dạy học lịch sử			
18	Kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng CNTT trong dạy học lịch sử			
19	Kĩ năng tổ chức các hoạt động ngoại khóa trong dạy học lịch sử:			
20	Kĩ năng thiết kế, thực hiện các hoạt động kiểm tra – đánh giá phù hợp với đặc trưng kiến thức môn Lịch sử			

6. Theo Thầy/Cô, sinh viên khoa Lịch sử khi xuống trường phổ thông thường gặp phải những khó khăn gì?

A. Kiến thức chuyên môn chưa đủ rộng và sâu

B. Chưa thành thạo kĩ năng soạn giáo án, lập kế hoạch dạy học

C. Còn lạ lẫm với học sinh và môi trường dạy – học ở phổ thông

D. Kĩ năng giao tiếp với thầy/cô, đồng nghiệp, phụ huynh học sinh chưa tốt

E. Chưa nhanh nhạy, linh hoạt trong việc xử lý các tình huống sư phạm phát sinh trong tiết học

F. Không biết sử dụng thành thạo các phương tiện kĩ thuật hiện đại trong dạy học

G. Chưa biết phân bố thời gian một tiết học cho hợp lý với nội dung kiến thức

H. Ý kiến khác.....

.....

7. Thầy/Cô có đề xuất gì với các trường ĐH Sư phạm để nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên môn Lịch sử hiện nay?

.....

.....

.....

.....

.....

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của thầy cô!

PHIẾU ĐIỀU TRA

DÀNH CHO GIẢNG VIÊN BỘ MÔN PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Họ tên…….....

Khoa……Trường.....

Để nâng cao chất lượng đào tạo kĩ năng nghiệp vụ cho sinh viên khoa Lịch sử tại các trường Đại học Sư phạm hiện nay, xin Thầy (cô) vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề dưới đây

1. Theo Thầy/Cô, một giáo viên giỏi về nghiệp vụ cần thành thạo những kĩ năng dạy học nào?

A. Kĩ năng xác định mục tiêu, lập kế hoạch dạy học

B. Kĩ năng thiết kế bài giảng

C. Kĩ năng trình bày bảng khoa học

D. Kĩ diễn đạt nói và viết

E. Kĩ năng tạo môi trường học tập tích cực

F. Kĩ năng kết hợp các dạng tổ chức hoạt động học tập trong giờ học

G. Kĩ năng giao tiếp sư phạm

H. Kĩ năng xây dựng và quản lý hồ sơ dạy học

I. Kĩ năng tổ chức và quản lí lớp học

K. Kĩ năng tích hợp kiểm tra đánh giá trong dạy học

L. Ý kiến khác:.....

.....

2. Theo Thầy/Cô, giáo viên dạy môn Lịch sử cần có những kĩ năng dạy học nào?

A. Kĩ năng lựa chọn sự kiện cơ bản, khoa học, vừa sức để cung cấp cho học sinh

B. Kĩ năng tái hiện lại bức tranh lịch sử quá khứ một cách chân thực, giàu hình ảnh thông qua trình bày miệng

C. Kĩ năng sử dụng các loại đồ dùng trực quan trong dạy học lịch sử: tranh ảnh, bản đồ, sơ đồ, niên biểu, phim tư liệu...lịch sử

D. Kĩ năng phân tích, lí giải và đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử đúng với quan điểm của sử học Mác-xít

E. Kĩ năng phát triển tư duy lịch sử cho học sinh

F. Kĩ năng dạy học tích hợp lịch sử với các môn khoa học khác

G. Kĩ năng tiếp cận và sử dụng các nguồn tư liệu, tài liệu tham khảo trong dạy học lịch sử

H. Kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng CNTT trong dạy học lịch sử

I. Kĩ năng tổ chức các hoạt động ngoại khóa trong dạy học lịch sử:

K. Kĩ năng thiết kế, thực hiện các hoạt động kiểm tra – đánh giá phù hợp với đặc trưng kiến thức môn Lịch sử

L. Ý kiến khác:

3. Theo Thầy/Cô, sinh viên khoa Lịch sử hiện nay sau khi ra trường còn thiếu những kĩ năng dạy học nào?

.....

.....

.....

4. Theo Thầy/Cô, những biện pháp nào giúp hình thành kĩ năng dạy học cho sinh viên khoa Lịch sử?

A. Xây dựng chương trình đào tạo theo định hướng Chuẩn đầu ra của giáo viên lịch sử ở trường phổ thông

B. Cấu trúc lại chương trình đào tạo, bảo đảm sự hợp lí và cân đối giữa việc đào tạo kiến thức chuyên ngành và đào tạo nghiệp vụ cho sinh viên

C. Tăng cường thời gian thực hành, thực tập sư phạm ở trường phổ thông

D. Xây dựng mạng lưới trường PT thực hành để sinh viên có thể xuống học vào bất kì thời gian nào trong năm

E. Gắn kết chặt chẽ quá trình đào tạo lý thuyết ở trường ĐH với đào tạo thực tiễn ở các trường phổ thông thực hành

F. Tăng cường vai trò của giảng viên đại học đối với việc đào tạo kĩ năng nghề nghiệp cho sinh viên

I. Mời giáo viên phổ thông về dạy mẫu cho sinh viên

K. Biên soạn chương trình dạy ở đại học gắn liền với thực tiễn dạy học ở trường phổ thông

L. Ý kiến khác:.....

5. Thầy/Cô thường sử dụng phương pháp nào để hình thành kĩ năng nghề nghiệp cho SV trong quá trình đào tạo"?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Thầy/cô có biết về PPDH vi mô? Thầy/cô có thường xuyên sử dụng PPDH vi mô để hình thành KNDH cho SV?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

7. Trước khi đưa sinh viên khoa Lịch sử xuống thực tập sư phạm ở trường phổ thông, Thầy/Cô đã có những việc làm gì?

A. Tổ chức cho sinh viên tìm hiểu sâu sắc về nghề sư phạm, đặc điểm của lao động nhà giáo

B. Tổ chức cho sinh viên tập giảng

C. Tổ chức rèn luyện xử lý các tình huống sư phạm trong dạy học, giao tiếp

D. Hướng dẫn cách thức, quy trình soạn giáo án môn học

E. Tổ chức cho SV tìm hiểu môi trường giáo dục phổ thông

E. Hướng dẫn SV tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa phổ thông

F. Cung cấp cho sinh viên các tiêu chí đánh giá kết quả thực tập sư phạm

G. Đánh giá kĩ năng nghiệp vụ sư phạm của sinh viên trước khi xuống trường phổ thông

H. Hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch bài học theo hướng phát triển năng lực của HS

I. Hướng dẫn SV kĩ năng quản lí lớp học

K. Hướng dẫn SV tổ chức và thực hiện các hoạt động ngoại khóa trong dạy học lịch sử

L. Trực tiếp dạy mẫu cho sinh viên dự giờ ở trường Sư phạm

M. Tổ chức cho Sv tìm hiểu về cách thức, quy trình đánh giá học sinh về học tập, đạo đức

N. Những việc làm khác:

.....

.....

.....

8. Thầy/Cô hãy cho biết ý kiến của mình về mức độ khả thi của các biện pháp được đề xuất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo kĩ năng dạy học cho sinh viên khoa Lịch sử hiện nay?

STT	Các biện pháp	Mức độ		
		Không khả thi	Khả thi	Hoàn toàn khả thi
1.	Giảng viên bộ môn phương pháp phải tham gia dạy phổ thông và tham gia liên tục, song song với dạy đại học			
2.	Tham gia dạy mẫu cho sinh viên, có giáo viên phổ thông dự và góp ý			
3.	Dự giờ, trao đổi, góp ý tiết dạy của GV phổ thông			
4.	Mời GV phổ thông về nói chuyện, trao đổi kinh nghiệm dạy học cho SV			
5.	Mời Gv phổ thông lên lớp và dạy mẫu cho SV			
6.	Tổ chức trao đổi chuyên môn, tạo sự thống nhất về quan điểm dạy học giữa trường ĐHSP và trường PT			
7.	Tập huấn các PPDH mới cho GV phổ thông			

8.	Tìm hiểu, đánh giá thực trạng năng lực hướng dẫn, tổ chức cho sinh viên thực tập, thực hành sư phạm của GV ở trường phổ thông			
9.	Mời GV phổ thông cùng tham gia xây dựng chương trình đào tạo GV của khoa			
10.	Nên đưa sinh viên về trường PT thực hành, thực tập sư phạm trong cả 4 năm học, mỗi năm từ 1 – 2 lần			
11.	Đưa sinh viên về thực hành, thực tập sư phạm ở bất cứ thời điểm nào			

9. Theo Thầy/Cô, cần làm gì để nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên môn Lịch sử ở các trường ĐH Sư phạm hiện nay?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của thầy cô!

PHIẾU ĐIỀU TRA
DÀNH CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT KHOA LỊCH SỬ

Họ tên…….....

Khoa……Trường.....

Để nâng cao chất lượng đào tạo kĩ năng nghiệp vụ cho sinh viên khoa Lịch sử tại các trường Đại học Sư phạm hiện nay, các em vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề dưới đây

1.Lý do nào khiến em muốn trở thành giáo viên dạy môn Lịch sử?

.....

.....

.....

2.Tại sao em chọn Khoa Lịch sử - trường Đại học Sư phạm Hà Nội là nơi theo học nghề giáo viên của mình?

.....

.....

.....

.....

3.Theo em, kĩ năng dạy học của một giáo viên Lịch sử gồm những yếu tố nào?

1. Giọng nói truyền cảm, có khẩu khí lịch sử
1. Trình bày bảng đẹp, dễ hiểu, khoa học
2. Biết sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học
3. Linh hoạt và sáng tạo trong các hình thức kiểm tra đánh giá
4. Truyền tải kiến thức đúng, đầy đủ như trong SGK quy định
5. Kiến thức lịch sử sâu rộng
6. Hiểu biết tất cả các lĩnh vực khoa học xã hội có liên quan đến lịch sử
7. Hiểu học sinh, biết động viên, thúc đẩy quá trình học tập của HS

Ý kiến khác:.....

4.Em muốn trờ thành người giáo viên dạy môn Lịch Sử như thế nào?

A. Có kiến thức sâu rộng về lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới

B. Có phương pháp dạy học hấp dẫn, tạo hứng thú học tập lịch sử cho học sinh

C. Truyền cho HS niềm đam mê tìm hiểu về lịch sử của dân tộc và nhân loại

D. Sử dụng thành thạo tất cả những phương tiện và kĩ thuật dạy học hiện đại

E. Qua những bài giảng lịch sử của mình sẽ tác động sâu sắc đến việc bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức và hình thành nhân cách tốt đẹp cho HS

F. Ý kiến khác:.....

.....

5. Bản thân em cảm thấy mình có tố chất gì để trờ thành một giáo viên dạy giỏi môn Lịch sử?

.....

.....

.....

.....

Chân thành cảm ơn em!

PHIẾU ĐIỀU TRA DÀNH CHO
SINH VIÊN NĂM THỨ BA VÀ THỨ TƯ KHOA LỊCH SỬ

Họ tên…….....

Khoa……Trường.....

Để nâng cao chất lượng đào tạo kĩ năng nghiệp vụ cho sinh viên khoa Lịch sử tại các trường Đại học Sư phạm hiện nay, các em vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề dưới đây

1. Trong quá trình học tập tại khoa Lịch sử - trường ĐH Sư phạm Hà Nội, em đã làm gì để tự rèn luyện kĩ năng dạy học cho bản thân:

A. Tích cực trau dồi kiến thức chuyên môn về lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới

B. Tích cực tham gia các hoạt động của Câu lạc bộ sinh viên rèn luyện NVSP khoa Lịch sử

C. Tham gia đầy đủ, thường xuyên, tích cực tất cả các hoạt động ngoại khóa, hoạt động tập thể của lớp và khoa tổ chức

D. Tự rèn luyện các kĩ năng: diễn đạt nói và viết, trình bày bảng đen, vẽ và sử dụng bản đồ, tập giảng...

E. Tập dượt những công việc của người giáo viên trong tương lai: làm gia sư, đăng kí đi dự giờ của giáo viên phổ thông...

F. Tích cực rèn luyện dưới sự hướng dẫn của các thầy cô trong tổ bộ môn Lí luận và PPDH Lịch sử

G. Ý kiến khác:.....

.....

2. Trước khi đi thực tập sư phạm ở trường phổ thông, em đã được chuẩn bị như thế nào ở giảng đường đại học?

A. Tìm hiểu sâu sắc về nghề sư phạm, đặc điểm của lao động nhà giáo

B. Tập giảng những bài học liên quan đến chương trình thực tập giảng dạy ở trường phổ thông

C. Rèn luyện xử lý các tình huống sư phạm trong dạy học, giao tiếp

D. Được thầy cô hướng dẫn cách thức, quy trình soạn giáo án môn học

E. Tìm hiểu môi trường giáo dục phổ thông

E. Tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa phổ thông

F. Được thầy cô cung cấp các tiêu chí đánh giá kết quả thực tập sư phạm

G. Được tập thuyết trình trước tập thể

H. Được hướng dẫn lập kế hoạch bài học theo hướng phát triển năng lực của HS

I. Được hướng dẫn kĩ năng quản lí lớp học

K. Được hướng dẫn tổ chức và thực hiện các hoạt động ngoại khóa trong dạy học lịch sử

L. Được dự giờ dạy mẫu của giảng viên bộ môn PPDH Lịch sử

M. Tìm hiểu về cách thức, quy trình đánh giá học sinh về học tập, đạo đức

N.Làm quen với hồ sơ của học sinh và công tác giáo viên chủ nhiệm lớp

O. Được dự giờ dạy mẫu của giáo viên giỏi ở trường phổ thông

P. Những việc làm khác:.....

.....

3. Trong quá trình thực hành, thực tập sư phạm ở trường phổ thông, em đã được trải nghiệm những hoạt động gì để rèn luyện kĩ năng dạy học của bản thân?

A. Dự giờ dạy mẫu của GV hướng dẫn

B. Thắng thắn trao đổi với GV hướng dẫn về giờ dạy

C. Được thử nghiệm những ý tưởng và phương pháp dạy học mới đã được học ở trường đại học

D. Dự giờ của những giáo viên hướng dẫn khác trong trường thực tập sư phạm

E. Cùng sinh hoạt với tổ chuyên môn

F. Dự giờ của các bạn khác trong cũng nhóm thực tập chuyên môn

G. Tổ chức một hoặc nhiều hơn những hoạt động ngoại khóa lịch sử cho học sinh

H. Ý kiến khác:.....

4. Trong quá trình thực tập sư phạm, em gặp phải những khó khăn gì từ phía giáo viên hướng dẫn?

A. GV coi nhẹ việc thực tập nên không đặt ra yêu cầu cao, hướng dẫn qua loa, hời hợt

B. GV thiếu sự quan tâm, hướng dẫn, rút kinh nghiệm cho sinh viên

C. GV quá nặng nề trong việc đánh giá kết quả thực tập nên đưa ra yêu cầu rất khắt khe khiến SV bị ức chế tâm lý, không phát huy hết khả năng của mình

D. GV hướng dẫn tạo khoảng cách với giáo sinh thực tập

E. Quan điểm giáo dục và cách thức tiến hành dạy học của sinh viên thực tập và giáo viên hướng dẫn mâu thuẫn với nhau

F. Ý kiến khác:.....

.....

5. Em hãy xếp thứ tự những kĩ năng mà em cảm thấy mình yếu nhất trong quá trình đi TTSP ở trường phổ thông?

Xếp thứ tự KN	Kĩ năng
	KN tìm hiểu đối tượng HS và môi trường giáo dục
	Vận dụng các PPDH – giáo dục tích cực
	KN lập kế hoạch dạy học
	KN tổ chức và quản lí lớp học
	KN kiểm tra đánh giá
	KN sử dụng SGK và phương tiện dạy học
	KN hướng dẫn HS tự học
	KN trình bày bảng
	KN thiết kế bài giảng

6. Xếp thứ tự những việc làm thường xuyên của em nhằm rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm trong quá trình học tập ở khoa LS:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

7. Bài tập: Cho bức tranh vẽ tình cảnh người nông dân Pháp trước cách mạng (Bài 31: Cách mạng Tư sản Pháp – chương trình LS lớp 10), dựa vào bức tranh em hãy trả lời câu hỏi:

	1. Dựa vào SGK và tài liệu tham khảo, hãy viết 1 đoạn văn ngắn (30 dòng) để miêu tả nội dung của bức tranh? *2. Em sử dụng bức tranh này trong dạy học lịch sử bài 31 – CMTS Pháp như thế nào?* *3. Xây dựng hệ thống câu hỏi để hướng dẫn HS khai thác nội dung bức tranh nói trên?*

8. Bài tập*: Em hãy lập kế hoạch dạy học bài 29: Cách mạng tư sản Hà Lan và cách mạng tư sản Anh? (Chương trình lịch sử lớp 10).*

9. Em có yêu cầu hay đề xuất các biện pháp gì để nâng cao chất lượng rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp cho SV khoa LS hiện nay?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Chân thành cảm ơn em!

PHIẾU QUAN SÁT
(DÀNH CHO KĨ NĂNG SỬ DỤNG NGÔN NGỮ NÓI)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. SV dạy:.....Lớp:.....Lần dạy:.....
2. Tên bài dạy:.....
   Tiết..... Mục:.....
   Chương trình Lịch sử lớp.....
3. SV quan sát:.....Lớp.....

II. NỘI DUNG QUAN SÁT, ĐÁNH GIÁ:

STT	NỘI DUNG	MỨC ĐỘ				ĐIỂM (10đ)
		Yếu	Bình thường	Tốt	Rất tốt	
1	GV trình bày các vấn đề lịch sử ngắn gọn, súc tích, giàu hình ảnh					
2	GV có giọng nói truyền cảm, hấp dẫn					
3	GV phát âm chuẩn, đúng chính tả, rõ ràng					
4	GV sử dụng ngữ điệu và âm lượng vừa đủ					
5	GV giải thích các vấn đề lưu loát, dễ hiểu					
6	GV biết sử dụng ngôn ngữ cơ thể linh hoạt, phù hợp với nội dung bài giảng					
7	GV kết hợp sử dụng đồ dùng trực quan hiệu quả khi trình bày miệng					
8	GV biết sử dụng ngôn ngữ nói để thu hút sự tập trung chú ý của HS vào bài giảng					
9	GV đưa ra câu hỏi phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học; diễn đạt câu hỏi dễ hiểu					
10	Phong cách sư phạm của GV (tác phong, cử chỉ, điệu bộ, trang phục, dáng đi – đứng...)					
ĐIỂM TỔNG KẾT						

Nhận xét chung:.....
.....
.....
.....

PHIẾU QUAN SÁT
(DÀNH CHO KĨ NĂNG SỬ DỤNG ĐỒ DÙNG TRỰC QUAN)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. SV dạy:.....Lớp:.....Lần dạy:.....
2. Tên bài dạy:.....
   Tiết..... Mục:.....
   Chương trình Lịch sử lớp.....
3. SV quan sát:.....Lớp.....

II. NỘI DUNG QUAN SÁT, ĐÁNH GIÁ:

STT	NỘI DUNG	MỨC ĐỘ				ĐIỂM (10đ)
		Yếu	Bình thường	Tốt	Rất tốt	
1	GV sử dụng các loại đồ dùng trực quan phù hợp với mục tiêu và nội dung bài học					
2	GV biết đọc và phân tích bản đồ					
3	GV biết vẽ nhanh, đẹp các lược đồ, sơ đồ, hình minh họa khi giảng bài					
4	GV khai thác hiệu quả nội dung kiến thức LS qua các loại tranh ảnh, bản đồ, biểu đồ lịch sử					
5	GV biết hướng dẫn HS vẽ biểu đồ, sơ đồ, lập niên biểu, bảng so sánh trong quá trình học tập					
6	GV kết hợp trình bày miệng rõ ràng, dễ hiểu với sử dụng đồ dùng trực quan hiệu quả					
7	GV biết sử dụng đồ dùng trực quan để thu hút sự tập trung chú ý của HS vào bài giảng					
8	GV sử dụng các loại đồ dùng trực quan đa dạng, sinh động, hấp dẫn					
9	GV biết sử dụng các loại đồ dùng trực quan để tổ chức hoạt động nhận thức cho HS					
10	Phong cách sư phạm của GV (tác phong, cử chỉ, điệu bộ, trang phục, dáng đi – đứng...)					
ĐIỂM TỔNG KẾT						

Nhận xét chung:.....
.....

PHỤ LỤC ẢNH

1. **Một số hình ảnh sinh viên K63, K64 khoa Lịch sử đang rèn luyện kĩ năng dạy học trong các giờ học về Lí luận và PPDH Lịch sử**

CA - NA - ĐA
ĐẠI
TÂY
DƯƠNG
Lược đồ
13 bang
thuộc địa
Bắc Mĩ

BUÔN NÔ LỆ DA ĐEN

Bài 34: Các nước tư bản chủ nghĩa
1, Sự hình thành các tổ độc quyền
- Sự tác của cuộc CM KH-KT
- Sự tác của quy luật KT TBCN

2. Hình ảnh của các thầy cô tổ PPDH khoa Lịch sử trực tiếp hướng dẫn SV thực hành kĩ năng dạy học tại phòng rèn luyện NVSP bộ môn:

Thầy Kiều Thế Hưng và thầy Nguyễn Mạnh Hưởng - giảng viên bộ môn PPDH đang hướng dẫn SV thực hành tại phòng rèn luyện NVSP

Cô Nguyễn Thị Phương Thanh hướng dẫn SV tập giảng tại phòng NVSP

3. Hình thành kĩ năng dạy học cho SV bằng phương pháp dạy học vi mô

Hiện trạng trang phục sư phạm

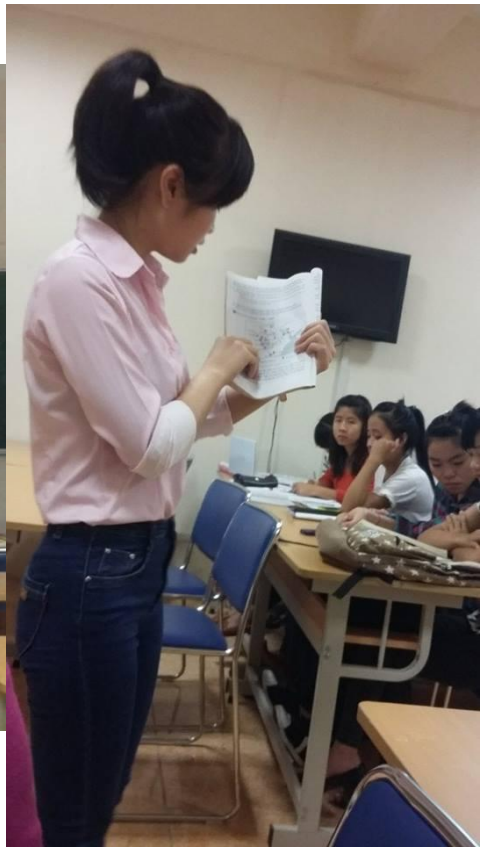

Anh Sơn
Diễn Châu
Vinh
Nghi Xuân
Hà Tĩnh
Hương Khê
Tuyên Hóa
Quảng Trạch
Bố Trạch
Đồng Hới
Tân Sở
Gio Linh
Quảng Trị
HUẾ
Đà Nẵng
AI LAO
(LÀO)
HÁI KHÁNG
(5-7-1885)

4. Một số hình ảnh về hoạt động của CLB SV rèn luyện NVSP và Hội thi NVSP của sinh viên

Bảng tin về những hoạt động của CLB sinh viên rèn luyện NVSP

Một buổi sinh hoạt của CLB NVSP Khoa Lịch sử

5. Một số hoạt động định hướng nghề nghiệp cho SV do Trường ĐHSP HN, Khoa Lịch Sử tổ chức:

Chào đón tân sinh viên - K65 khoa Lịch sử

Tọa đàm về phương pháp học tập cho SV năm thứ nhất

Khóa học *Sứ mệnh người thầy* của Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức.

Giảng viên*: Cô Trần Khánh Ngọc*

Cô Nguyễn Thị Thế Bình – Phó chủ nhiệm khoa, giảng viên tổ PPDH đang chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn SV thực hành kĩ năng giao tiếp sư phạm

6. Sinh viên K61, K62, K63 khoa Lịch sử thực hành kĩ năng dạy học trải nghiệm sáng tạo

SV K63B dạy học trải nghiệm sáng tạo cho HS THPT Chuyên Sơn Tây tại Làng cổ Đường Lâm (Hà Nội)

SV K61 khoa Lịch sử dạy học trải nghiệm sáng tạo tại Bảo tàng Dân tộc học cho HS trường THPT Nguyễn Tất Thành, dưới sự hướng dẫn của Cô Nguyễn Thị Thế Bình – GV tổ PPDH khoa Lịch Sử

SV K61 khoa Lịch sử dạy học trải nghiệm sáng tạo tại Bảo tàng Dân tộc học cho HS trường THPT Nguyễn Tất Thành, dưới sự hướng dẫn của Thầy Nguyễn Văn Ninh – GV tổ PPDH khoa Lịch Sử

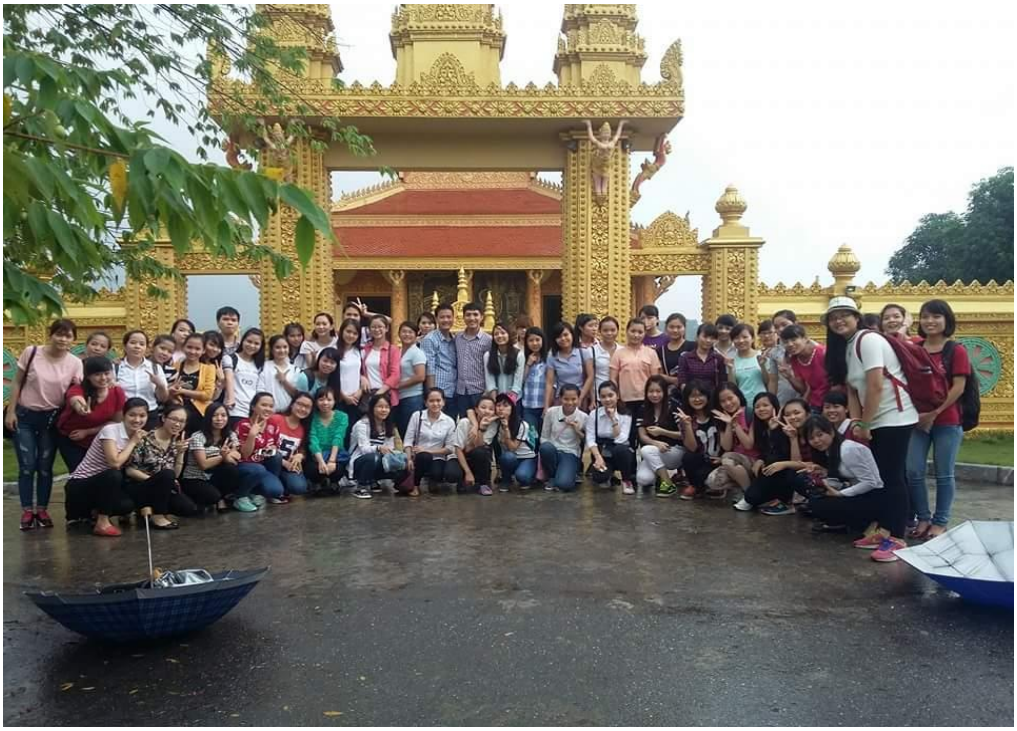

SV K62 thực hành hoạt động dạy học trải nghiệm sáng tạo cho HS THPT Sơn Tây tại làng cổ Đường Lâm, Làng Văn hóa các dân tộc Việt Nam dưới sự hướng dẫn của Thầy Nguyễn Văn Ninh và Cô Nguyễn Thị Phương Thanh

SV Hoàng Xuân Cường – K61A đang thực hành kĩ năng dạy học trải nghiệm sáng tạo cho HS trường THPT Nguyễn Tất Thành tại Bảo tàng Dân tộc học

7. SV khoa Lịch sử trong giờ học kĩ năng thuyết trình tại Trung tâm nghiên cứu và phát triển nghiệp vụ sư phạm – Trường ĐHSP Hà Nội

8. Hình ảnh các thầy cô tổ Phương pháp dạy học đi thực tế, dự giờ chuyên môn ở một số trường phổ thông:

Thầy cô tổ PPDH – khoa Lịch sử đi dự giờ của SV Đặng Thị Thùy Dung, K62CLC thực tập sư phạm tại Trường THPT Chuyên Hùng Vương, Phú Thọ

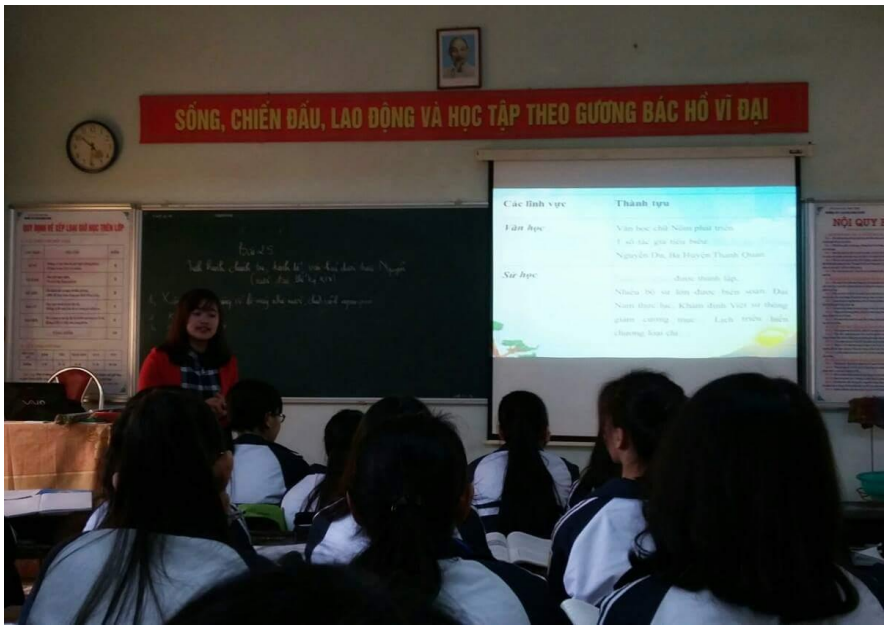

SV Đặng Thị Thùy Dung đang thực hiện bài giảng của mình tại Trường THPT Chuyên Hùng Vương

Giảng viên Tổ PPDH dự giờ chuyên môn tại Trường THPT Lương Đắc Bằng – Thanh Hóa

9. Hoạt động thực hành của SV K63 khoa Lịch sử tại trường THPT Nguyễn Tất Thành: dự giờ chuyên môn